

**TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ VINACOMIN  
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
NAM BỘ - MICCO**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng      năm 2023**

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN  
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
NAM BỘ - MICCO

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**CHỦ CƠ SỞ**

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA  
CHẤT MỎ NAM BỘ - MICCO



**LÊ CÔNG ĐIỆN**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU  
VÀ PHÁT TRIỂN-MICCO NAM BỘ



**Nguyễn Kông**

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng      năm 2023

## MỤC LỤC

Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ - Micco.....	1
2. Tên cơ sở: Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu tại Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.....	1
2.1. Địa điểm cơ sở: Ấp 6, xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	1
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở.....	2
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết ....	3
2.4. Quy mô của cơ sở.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
3.2.1 Quy trình nhập kho VLNCN.....	8
3.2.2 Quy trình xuất kho VLNCN.....	9
3.2.3 Hoạt động dây chuyền sản xuất tinh thuốc nổ ANFO bao gói:.....	12
3.2.4. Máy móc, thiết bị chính dùng trong sản xuất thuốc nổ ANFO.....	20
3.2.5. Công suất dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói trên các dây chuyền tinh:.....	25
3.3. Các loại sản phẩm được lưu trữ tại cơ sở.....	25
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	30
4.1. Nhu cầu nguyên liệu:.....	30
4.2. Nhu cầu nhiên liệu:.....	30
4.3. Nhu cầu vật liệu:.....	31
4.4. Nhu cầu sử dụng điện năng.....	32
4.5. Nhu cầu sử dụng nước.....	32
4.5.1. Nguồn cung cấp nước:.....	32
4.5.2. Nhu cầu nước sinh hoạt:.....	33
4.5.3. Nhu cầu nước phòng cháy chữa cháy:.....	34



5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	34
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	37
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):.....	37
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):.....	37
Chương III .....	39
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	39
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	39
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	39
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	39
1.2.1. Nước thải sản xuất:.....	39
1.2.2. Nước thải sinh hoạt.....	41
1.3. Xử lý nước thải.....	43
1.3.1. Xử lý nước mưa:.....	43
1.3.2. Nước thải sản xuất.....	45
1.3.3. Nước thải sinh hoạt.....	46
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	48
2.1 Giảm thiểu khí thải trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO: .....	48
2.2 Giảm thiểu khí thải trong hoạt động vận chuyển .....	49
2.2 Các biện pháp quản lý: .....	50
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	51
3.1. Chất thải rắn sản xuất .....	51
3.2. Chất thải sinh hoạt.....	51
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	52
4.1. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành ...	52
4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	53
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	55
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	56
6.1. Biện pháp về phòng ngừa.....	56

6.1.1. Các biện pháp về quản lý.....	56
6.1.2. Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ sự cố .....	60
6.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường .....	64
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	66
7.1. Hồ sơ công tác phòng cháy và chữa cháy .....	66
7.2 Phương tiện PCCC tại chỗ.....	67
8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có): .....	68
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định 08/2022/NĐ-CP): Không. ....	71
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện dự án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có): Không.....	71
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>72</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	72
1.1. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp .....	72
1.2. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt .....	72
1.3. Dòng nước thải công nghiệp .....	72
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	72
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	73
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có.....	74
3. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung.....	74
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung .....	74
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	74
3.3. Giới hạn của tiếng ồn, độ rung .....	74
Chương V .....	75
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>75</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	75
1.1. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ năm 2021.....	75
1.2. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ năm 2022.....	76

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải .....	80
2.1. Chương trình quan trắc bụi, khí thải định kỳ năm 2021 .....	80
2.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải định kỳ năm 2022 .....	81
CHƯƠNG VI.....	85
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	85
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: .....	85
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	85
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	85
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo Quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.....	86
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: Không. ....	86
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: .....	86
Chương VII.....	87
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA .....	87
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	87
7.1. Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường: .....	87
7.2. Kiểm tra phòng chống cháy nổ: .....	87
CHƯƠNG VIII.....	91
CAM KẾT CỦA CƠ SỞ .....	91
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường .....	91
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	91

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. 1 Bảng căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp GPMT cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu.....	6
Bảng 1. 2 Thông tin chính về các kho chứa VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu.....	7
Bảng 1. 3 Bảng so sánh dây chuyền sản xuất thuốc nổ Anfo T1 và dây chuyền tĩnh.....	13
Bảng 1. 4 Danh mục máy móc, thiết bị chính dùng sản xuất thuốc nổ ANFO ....	20
Bảng 1. 5 Thông số kỹ thuật các thiết bị chính của dây chuyền SXTN ANFO...	21
Bảng 1. 6 Cơ cấu sử dụng VLNCN của cơ sở.....	25
Bảng 1. 7 Đặc tính thuốc nổ ANFO .....	26
Bảng 1. 8 Đặc tính thuốc nổ AD1 .....	26
Bảng 1. 9 Tính chất hoá học, vật lý của thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dung cho lộ thiên.....	27
Bảng 1. 10 Đặc tính môi nổ MN 31 .....	28
Bảng 1. 11 Đặc tính dây nổ chịu nước .....	28
Bảng 1. 12 Đặc tính kíp nổ vi sai điện .....	29
Bảng 1. 13 Đặc tính Kíp nổ vi sai phi điện .....	29
Bảng 1. 14 Danh mục nguyên liệu Amoni Nitrate để sản xuất thuốc nổ ANFO .	30
Bảng 1. 15 Khối lượng Amoni Nitrate nhập kho để sản xuất thuốc nổ ANFO ...	30
Bảng 1. 16 Danh mục nhiên liệu Diesel dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO.....	30
Bảng 1. 17 Lượng dầu DO phục vụ sản xuất thuốc nổ ANFO .....	31
Bảng 1. 18 Danh mục vật liệu sử dụng tại xưởng sản xuất ANFO.....	31
Bảng 1. 19 Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở .....	32
Bảng 1. 20 Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.....	33
Bảng 1. 21 Tổng hợp nhu cầu dùng nước tại cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu .....	34
.....	
Bảng 3. 1 Kích thước mương rãnh thoát nước tại các nhà kho và dọc đường vận chuyển .....	44
Bảng 3. 2 Thông số kỹ thuật của bể tự hoại khu vực cổng kho .....	46
<i>Bảng 3. 3 Thông số kỹ thuật của bể tự hoại khu vực phân xưởng ANFO.....</i>	<i>47</i>
Bảng 3. 4 Bảng tổng hợp khối lượng và thành phần CTNH dự báo phát sinh tại cơ sở .....	53

Bảng 3. 5 Giới hạn độ rung cho phép.....	56
Bảng 3. 6 Giới hạn tiếng ồn cho phép.....	56
Bảng 3. 7 Các điều kiện bảo quản đối với VLNCN	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 3. 8 Biển báo khu vực kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu.....	57
Bảng 3. 9 Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố.....	60
Bảng 3. 10 Dự báo các tình huống xảy ra sự cố và phương án ứng phó.....	64
Bảng 3. 11 Bảng danh mục các phương tiện, dụng cụ PCCC trong khu vực kho	67
Bảng 3. 12 Bảng tổng hợp một số nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.....	69
Bảng 4. 1 Giới hạn tiếng ồn cho phép.....	74
Bảng 4. 2 Giới hạn độ rung cho phép.....	74
Bảng 5. 1 Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2021	75
Bảng 5. 2 Danh mục thông số quan trắc nước thải định kỳ năm 2021 .....	75
Bảng 5. 3 Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2022	76
Bảng 5. 4 Danh mục thông số quan trắc nước thải định kỳ năm 2022 .....	76
Bảng 5. 5 Kết quả quan trắc môi trường nước thải sản xuất và Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo năm 2021 .....	78
Bảng 5. 6 Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo năm 2022.....	79
Bảng 5. 7 Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường năm 2021 .....	80
Bảng 5. 8 Danh mục thông số quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022	80
Bảng 5. 9 Khối lượng quan trắc môi trường năm 2022 .....	81
Bảng 5. 10 Danh mục thông số quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022 .....	81
Bảng 5. 11 Kết quả quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2021 .....	83
Bảng 5. 12 Kết quả quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022 .....	84



## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1 Phạm vi kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu .....	5
Hình 1. 2 Sơ đồ quy trình nhập kho VLNCN.....	8
Hình 1. 3 Sơ đồ quy trình xuất kho VLNCN .....	10
Hình 1. 4 Sơ đồ khối công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO dây chuyền thiết bị tĩnh .....	14
Hình 1. 5 Thuốc nổ nhũ tương .....	27
Hình 1. 6 Môi nổ.....	28
Hình 1. 7 Cấu tạo kíp vi sai điện .....	29
Hình 1. 8 Diện tích cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu .....	35
Hình 3. 1 Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn .....	39
Hình 3. 2 Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất .....	40
Hình 3. 3 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt.....	41
Hình 3. 4 Hồ nước khu vực kho VLNCN .....	44
Hình 3. 5 Mương rãnh quanh các nhà kho .....	45
Hình 3. 6 Hệ thống rãnh thoát nước dọc tuyến đường vận chuyển nội bộ .....	45
Hình 3. 7 Hệ thống xử lý NTSX và đường ống PVC dẫn nước thải.....	46
Hình 3. 8 Nhà vệ sinh tại Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.....	47
Hình 3. 9 Quạt hút và đẩy tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO .....	49
Hình 3. 10 Cây xanh dọc đường vận chuyển trong khu vực kho.....	50
Hình 3. 11 Cây xanh dọc đường vận chuyển ngoài kho .....	50
Hình 3. 12 Thùng rác thải sinh hoạt trong kho.....	52
Hình 3. 13 Quy trình quản lý chất thải rắn tại đơn vị.....	52
Hình 3. 14 Kho chứa chất thải nguy hại .....	54
Hình 3. 15 Sơ đồ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở.....	55
Hình 3. 16 Công tác diễn tập PCCC tại đơn vị .....	66
Hình 4. 1 Đường ống PVC dẫn nước thải xưởng anfo.....	73
Hình 4. 2 Vị trí xả thải nước thải xưởng sản xuất anfo .....	73

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VLNCN	Vật liệu nổ công nghiệp
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
ANTT	An ninh trật tự
AT-VSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
ƯCKC	Ứng cứu khẩn cấp
ƯPTHKC	Ứng phó tình huống khẩn cấp
THKC	Tình huống khẩn cấp
HCM	Hóa chất mỏ
SCHC	Sự cố hóa chất
ƯPKC	Ứng phó khẩn cấp
UBND	Ủy ban nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
PCCC&CNCH	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
AN	Amoni Nitrate
DO	Dầu Diesel
TCTN	Tiền chất thuốc nổ

**Chương I****THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ - Micco**

- Địa chỉ văn phòng: Khu phố Bến Đình, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện: Ông **Lê Công Điện** Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: (0254)3.895.247 Fax: (0254)3.876.636

- Email: vanthu@micconambo.com

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3502007678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 04 năm 2023.

**2. Tên cơ sở: Cùm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu.**

**2.1. Địa điểm cơ sở: Ấp 6, xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.**

Quá trình hình thành và phát triển: Kho thuốc nổ Đồng Nai (nay là cùm kho VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu) được UBND tỉnh Đồng Nai duyệt cấp địa điểm xây dựng kho VLNCN tại Quyết định số 48.QĐ/UBT ngày 12/01/1984 và phê duyệt cấp đất xây dựng kho VLNCN tại Quyết định số 1359/QĐ-UBT ngày 16/10/1986; được Bộ Mỏ và Than phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật tại văn bản số 299/MT/XDCB ngày 03/6/1985. Kho VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo Quyết định số 39NL/XDCB ngày 26/6/1990 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương) và địa điểm kho vật liệu nổ công nghiệp tại xã Mỹ Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Cùm kho VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ – Micco quản lý, có trụ sở văn phòng tại khu phố Bến Đình, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Sự hình thành kho VLNCN trên địa bàn tỉnh BRVT nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của ngành sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng, khai thác dầu khí và giảm thiểu các kho nhỏ lẻ, giảm các nguy cơ, rủi ro mất mát, thất thoát góp phần đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khâu quản lý của các cơ quan chức năng tại địa phương, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh tại khu vực Nam Bộ.

## **2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở**

- Quyết định số: 299/MT/XDCB ngày 13/6/1985 của Bộ Mỏ và Than về việc Phê duyệt thiết kế kỹ thuật kho thuốc nổ Đồng Nai.

- Quyết định số: 1359/QĐ.UBT ngày 16/10/1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cấp đất xây dựng công trình kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn và các công trình phục vụ tại xã Mỹ Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai thuộc Xí nghiệp Hóa chất mỏ – Bộ Mỏ và Than.

- Quyết định số 3349/QĐ-BCT ngày 17/9/2018 của Bộ Công thương về việc Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ - Micco.

- Văn bản số: 7535/STNMT-BVMT ngày 27/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo hoàn thành về việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Quyết định số 2871/QĐ-BCT ngày 23/12/2022 của Bộ Công thương về việc Phê duyệt đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp.

- Quyết định số 2144/QĐ-BCT ngày 15/8/2023 của Bộ Công thương về việc Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp thành phẩm vật liệu nổ công nghiệp của đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện.

- Quyết định số 2857/QĐ-BCT ngày 01/11/2023 của Bộ Công thương về việc Công nhận kết quả đề án “Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ Anfo nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn” do Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện.

- Giấy chứng nhận số 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường – Bộ Công thương về việc chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

### 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết

- Quyết định số: 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

### 2.4. Quy mô của cơ sở

Theo Quyết định phê duyệt số 299/MT-XDCB ngày 03/06/1985 của bộ Mỏ và Than về việc phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật kho thuốc nổ Đồng Nai (hiện tại là cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu thì Tổng vốn đầu tư được duyệt: **41.485.500 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi một triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*). Trong đó:

- Kho chính: 40.660.000 đồng.

- Nhà kho tạm: 825.500 đồng.

➤ *Xác định quy mô của dự án theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công*: Căn cứ theo Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công ngày 06/4/2020 của Chính phủ; cụ thể tại Điểm b khoản 2 Mục I phân loại dự án nhóm A theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hạng mục: “Nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ”. Theo đó, Dự án Nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc nhóm A.

➤ *Văn bản số 1674/SKHĐT-ĐT* ngày 19/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc áp dụng Luật đầu tư và các luật có liên quan:

- Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư 2020 nêu trên, việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư 2005 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006 đến ngày 01/7/2015); khoản 2 Điều 74 Luật Đầu tư 2014 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/01/2021); điểm b khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư 2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021): “2. Nhà đầu tư **không** phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật này đối với dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây:... b) Dự án đầu tư **không** thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư,... theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành”.

*[Kèm theo văn bản số: 1674/SKHĐT-ĐT ngày 19/5/2023 của Sở KHĐT]*

➤ **Xác định loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:** Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: Dự án kho chứa vật liệu nổ công nghiệp **không thuộc 1 trong 17 loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.**

➤ **Xác định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Theo Khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Tiêu chí về môi trường và phân loại dự án đầu tư, để xác định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c, Khoản 1, Luật BVMT: Dự án kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

⇒ Căn cứ tiêu mục 2 mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phân loại danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật BVMT: “Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường”. Trong đó, “**Dự án nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp thuộc nhóm A theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công và thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường**”.

Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Căn cứ điểm a, Khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường, Dự án đầu tư nhóm II quy định tại điều 39 của Luật BVMT. Theo như trên, Kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc nhóm II nên thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đối tượng phải có giấy phép môi trường:** Dự án thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường và có phát sinh nước thải xả ra môi trường nên thuộc đối tượng phải có GPMT theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật BVMT.

- **Lý do đề nghị cấp giấy phép môi trường:** Theo điểm d, Khoản 2 Điều 42 và khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Vậy Theo **điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì chủ đầu tư lập hồ sơ để được cấp giấy phép môi trường.**

Thời hạn của Giấy phép môi trường dự án kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu: Theo Khoản 4, Điều 40 – Luật Bảo vệ môi trường: Thời hạn của Giấy phép môi

trường là **10 năm** (Dự án Không thuộc dự án đầu tư Nhóm I và có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I).

**- Phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường:**

Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu có tổng diện tích là 477.203,7 m<sup>2</sup> (theo hợp đồng số 47/HĐTD ngày 21/7/2008) diện tích được thuê. Mục đích làm kho Vật liệu nổ công nghiệp, thời hạn cho thuê đất là 50 năm kể từ ngày 07/4/2006 – ngày công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ thuộc công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ - TKV được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu (Theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 19/6/2008).

- Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Dự án kho chứa VLNCN Bà Rịa Vũng Tàu thuộc dự án đầu tư nhóm II; theo hướng dẫn tại Khoản 6 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; mẫu báo cáo đề xuất cấp GPMT quy định tại phụ lục X Nghị định 08/2022/NĐ-CP.



*Hình 1. 1 Phạm vi kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu*

Bảng 1.1 Bảng căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp GPMT cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu

Tiêu chí	Căn cứ Văn bản pháp luật	Quy định
Phân nhóm	Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	Nhóm A
Xác định loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc 17 danh mục
Yếu tố nhạy cảm về môi trường	Khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không có yếu tố nhạy cảm
Đối tượng	Phụ lục IV Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Dự án thuộc Stt 2, Mục I, Dự án đầu tư Nhóm 2.
Lý do đề nghị cấp giấy phép môi trường	Theo điểm d, Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường	Cơ sở vận hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng
Thẩm quyền	Dự án đầu tư nhóm II, theo điều 39 Luật BVMT	UBND Tỉnh cấp giấy phép
Thời hạn	Theo Khoản 4, Điều 40 – Luật Bảo vệ môi trường	10 năm
Phạm vi	Hợp đồng số 47/HĐTĐ ngày 21/7/2008, hạn 50 năm	Diện tích được thuê là 477.203,7, Mục đích trong HĐ là làm kho chứa VLNCN
Mẫu báo cáo đề xuất	Khoản 6 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Khoản 3 : Dự án nhóm 2 tương đương với mẫu báo cáo phụ lục X Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Tổng diện tích cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu 47,7 ha, trong đó:

+ Diện tích nhà kho, văn phòng xưởng, đường giao thông: 17,4 ha;



+ Diện tích trồng cây xanh, hồ chứa nước,.... và công trình phụ trợ khác: 30,3 ha.

- Cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu đã đi vào hoạt động từ năm 1990 và đang hoạt động ổn định với các thông số tại bảng như sau:

*Bảng 1. 2 Thông tin chính về các kho chứa VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu*

Tên kho	Công năng	Công suất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
Kho số 1	Xưởng lắp ráp đạn khoan	-	200	-
Kho số 2	Thuốc nổ (tấn)	100	324	-
Kho số 3	Nguyên liệu NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub> (tấn)	454	324	Văn bản số: 740/SCT-QLCN ngày 27/4/2020 của Sở Công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Kho số 4	Nguyên liệu NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub> (tấn)	454	324	-
Kho số 5	Dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO	15 tấn/giờ	324	- Theo Quyết định số: 2857/QĐ-BCT ngày 01/11/2023 về việc công nhận kết quả đề án. - Giấy chứng nhận số: 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 về việc chứng nhận đủ điều kiện sản xuất VLNCN, công suất 15 tấn/giờ.
	Bồn dầu (lít)	20.000	200	
Kho số 6	Kíp nổ (cái)	1.000.000	192	-
Kho số 7	Dây nổ (m)	200.000	104	-
Kho số 8	Thuốc nổ (tấn)	100	345	-
Kho số 10	Nguyên liệu NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub> (tấn)	495	384	-

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Vật liệu nổ công nghiệp là một loại hàng hóa đặc biệt, có yêu cầu nghiêm ngặt về quy định trong phòng chống cháy nổ ở mọi điều kiện nên quy trình, vận chuyển, lưu trữ và bảo quản, kiểm tra vật liệu nổ công nghiệp được tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy định.

Kho chứa VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu sản xuất, lưu trữ, bảo quản, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng trong khu vực.

- Nhập kho vật liệu nổ công nghiệp bao gồm:

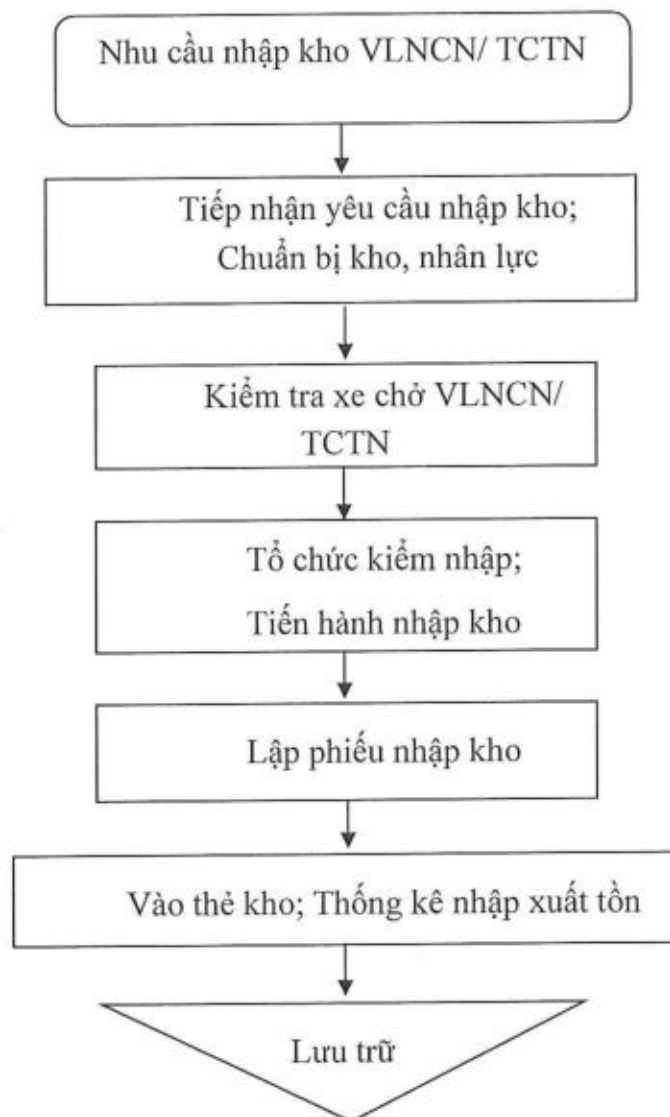
+ Nguồn nguyên liệu sản xuất ANFO: Nitrat Amon ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ), dầu DO.

+ Sản phẩm (thành phẩm/hợp chất): Thuốc nổ ANFO, AD1, Nhũ tương, kíp nổ các loại, dây nổ, mồi nổ,...

- Hoạt động sản xuất thuốc nổ ANFO từ nguồn nguyên liệu  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  và dầu DO.

### 3.2.1 Quy trình nhập kho VLNCN

Hoạt động nhập kho VLNCN tại kho Bà Rịa-Vũng Tàu hiện nay đang thực hiện theo quy trình nhập kho VLNCN và TCNT mã số QT-07 áp dụng từ ngày 02/11/2022 như sau:



Hình 1. 2 Sơ đồ quy trình nhập kho VLNCN

Diễn giải lưu đồ:

➤ Xác định nhu cầu nhập kho

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, Bộ phận bán hàng lập nhu cầu nhập kho VLNCN/ TCTN phục vụ kinh doanh.

Các hình thức nhận hàng VLNCN/TCTN bao gồm: nhận từ khâu sản xuất; nhận từ mua ngoài; nhận từ điều động nội bộ giữa các đơn vị trong Công ty; nhận điều chuyển từ kho này đến kho khác trong nội bộ đơn vị; nhận hàng sau nỗ lực trả về; nhận hàng gửi, giữ hộ.

> Tiếp nhận yêu cầu nhập kho. Chuẩn bị kho, nhân lực.

Quản lý kho và thủ kho có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu nhập kho, đồng thời điều động nhân lực và chuẩn bị kho để tiếp nhận hàng hóa nhập kho.

> Kiểm tra xe chở VLNCN/ TCTN

Bảo vệ kho VLNCN phải kiểm tra xe chở VLNCN/ TCTN vào kho theo các quy định của Công ty. Nếu đáp ứng đúng quy định thì cho xe qua cổng kho vào nhập hàng.

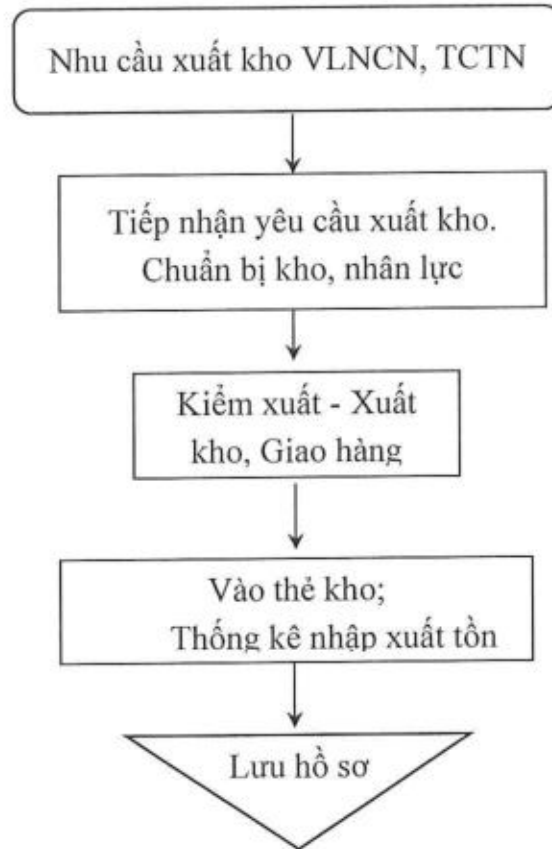
> Tổ chức kiểm nhập; Tiến hành nhập kho

- Khi VLNCN/ TCTN được vận chuyển đến kho, phải đưa ngay vào nhà kho bảo quản trên cơ sở có hóa đơn bán hàng hoặc phiếu nhập kho hoặc phiếu trả VLNCN sau khi nỗ lực đối với từng hình thức nhận hàng cụ thể (trường hợp VLNCN/ TCTN được vận chuyển đến kho ngoài giờ làm việc phải thực hiện thủ tục gửi hàng qua đêm).

- Thủ trưởng các đơn vị cử cán bộ liên quan tổ chức kiểm nhập phù hợp với đặc điểm của đơn vị, tính chất, số lượng VLNCN/ TCTN cần kiểm nhập.

### **3.2.2 Quy trình xuất kho VLNCN**

Hoạt động xuất kho VLNCN tại kho Bà Rịa-Vũng Tàu thực hiện theo quy trình QT-08 áp dụng từ 02/11/2022 như sau:



Hình 1. 3 Sơ đồ quy trình xuất kho VLNCN

Diễn giải lưu đồ:

### 3.2.2.1. Nhu cầu xuất kho

- Đối với xuất VLNCN cung ứng/xuất TCTN: Trước khi làm thủ tục xuất VLNCN/TCTN, bộ phận bán hàng của đơn vị có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng/ Lệnh điều độ... (khối lượng VLNCN/TCTN đã lấy và khối lượng còn lại theo hợp đồng/ Lệnh điều độ), mức công nợ, thời hạn giấy phép sử dụng VLNCN... Nếu đảm bảo các yêu cầu theo quy định thì làm các thủ tục xuất VLNCN/ TCTN cho khách hàng gồm: Phiếu xuất kho; Lệnh xuất VLNCN (BM-02-12)/ Lệnh xuất TCTN (BM-02-08) được lập thành 04 bản, lệnh này được đăng ký theo sổ theo dõi lệnh xuất VLNCN), hóa đơn bán hàng.

- Đối với xuất VLNCN để phục vụ nổ mìn: Căn cứ vào kế hoạch nổ mìn, Bộ phận bán hàng hoặc Bộ phận kỹ thuật lập Phiếu lệnh nổ mìn kèm phiếu lĩnh VLNCN (BM-03-12).

Đối với hàng gửi giữ hộ thì khách hàng mang hồ sơ gồm: Giấy giới thiệu, giấy từ tuyền thân, đăng ký tiếp nhận VLNCN/ TCTN, giấy M vận chuyển VLNCN đến đăng ký nhận VLNCN/ TCTN với bộ phận bán hàng đơn vị. Bộ phận bán hàng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu thấy đảm bảo yêu cầu tiến hành lập lệnh xuất VLNCN/ TCTN (hàng gửi) giao cho khách hàng vào kho nhận hàng.

### 3.2.2.2. Tiếp nhận nhu cầu xuất kho – Kiểm tra chất lượng trước khi xuất -

### **Chuẩn bị nhân lực**

Thủ kho và Quản lý kho có trách nhiệm tiếp nhận: Phiếu xuất kho; Lệnh xuất VLNCN (BM-02-12) hoặc Lệnh xuất TCTN (BM-02-08). Sau đó Tổ kiểm xuất tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi xuất kho, đồng thời bộ phận kho chuẩn bị kho, nhân lực để xuất hàng ra khỏi kho.

#### **3.2.2.3. Xuất kho giao hàng**

Các hình thức xuất kho giao hàng VLNCN/ TCTN bao gồm: Giao cho khách hàng tại kho đơn vị; giao tại kho khách hàng; giao tại chân công trình/bãi nỏ; giao hàng gửi, giữ hộ; giao hàng VLNCN xuất khẩu.

#### **3.2.2.4 Vào thẻ kho; thống kê nhập, xuất**

Khi có lệnh xuất kho đã được ký nhận đầy đủ, Thủ kho vào thẻ kho để ghi chép hàng hóa xuất hàng ngày.

Thủ kho có trách nhiệm ghi sổ thống kê nhập, xuất VLNCN để ghi chép hàng hóa xuất trong ngày. Thống kê kho có trách nhiệm cập nhật việc xuất VLNCN trên phần mềm quản lý kho thực tế theo đúng số lượng, chủng loại, số lô hàng và ngày tháng sản xuất.

Hoạt động nhập xuất VLNCN chủ yếu phát sinh ảnh hưởng đến môi trường không khí từ việc ra, vào của các phương tiện chở VLNCN. Các biện pháp giảm thiểu đưa ra để hạn chế ảnh hưởng từ quá trình xe ra vào xuất – nhập VLNCN là:

Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông ra vào khu vực kho chứa là nguồn không tập trung. Hơn nữa, khu vực kho chứa được quy hoạch thông thoáng, diện tích cây xanh được bố trí hợp lý xung quanh dự án sẽ góp phần làm sạch môi trường. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm và che chắn tiếng ồn, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.

- Có bảng hướng dẫn, quy định các loại phương tiện giao thông khi đi vào khu vực như: xuống xe, tắt máy, khi vào bên trong khu vực, để đúng nơi quy định đối với xe gắn máy hoặc giảm ga, giảm tốc độ đối với ô tô, xe tải.

- Kiểm định các phương tiện vận chuyển đúng theo luật định, đồng thời thường xuyên bảo dưỡng máy móc và phương tiện vận chuyển theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

#### ***Đối với bụi trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu, thành phẩm***

Quá trình bốc dỡ nguyên liệu Amoni Nitrate hay thành phẩm là thuốc nổ ANFO làm phát sinh một lượng bụi. Lượng bụi này mang tính gián đoạn, ảnh hưởng cục bộ, chủ yếu ảnh hưởng tới công nhân bốc xếp hàng hóa và có thể dễ dàng khống chế được. Bên cạnh đó, nguyên liệu, thành phẩm của dự án đều được đóng gói bằng các loại bao bì, túi nylon đó đó lượng bụi phát sinh là rất ít. Amôni Nitrate tinh thể được bao gói hai lớp, bên trong là lớp nilon chống ẩm, bên ngoài là bao dệt sợi phức hợp. Khối lượng mỗi bao do nhà sản xuất quy định, thường bao gói 25 kg/bao, 40 kg/bao hoặc 50

kg/bao. Chủ dự án sẽ có biện pháp nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh để không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân cũng như môi trường xung quanh, cụ thể:

- Quy định vị trí đỗ xe thích hợp và tắt máy trong quá trình bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Thường xuyên quét dọn, tưới rửa mặt đường.

- Sau khi xuất nhập kho xong, tiến hành vệ sinh đường xe đi và khu xuất nhập nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Trang bị đúng, đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp làm việc.

### **3.2.3 Hoạt động dây chuyền sản xuất tinh thuốc nổ ANFO bao gói:**

Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực khai thác khoáng sản,... Sản lượng tiêu thụ VLNCN của nước ta liên tục tăng trong những năm qua, năm 1996 mới chỉ có vài trăm tổ chức sử dụng và sản lượng tiêu thụ VLNCN khoảng 16.000 tấn; năm 2021 sản lượng tiêu thụ đạt 163.720 tấn; năm 2022 sản lượng tiêu thụ đạt 162.688 tấn.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ngày càng tăng, Bộ Công thương có Quyết định số: 2871/QĐ-BCT ngày 23/12/2022 về việc Phê duyệt Đề án nghiên cứu phát triển, thử nghiệm Vật liệu nổ công nghiệp và Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin đã tiến hành cải tiến dây chuyền dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO T<sub>1</sub> thành “Dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói” mục đích nhằm cải thiện điều kiện lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn.

Ngày 15/8/2023, Bộ Công thương có Quyết định số: 2144/QĐ-BCT về việc Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp sản phẩm VLNCN của Đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm VLNCN do Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ-Vinacomin chủ trì thực hiện.

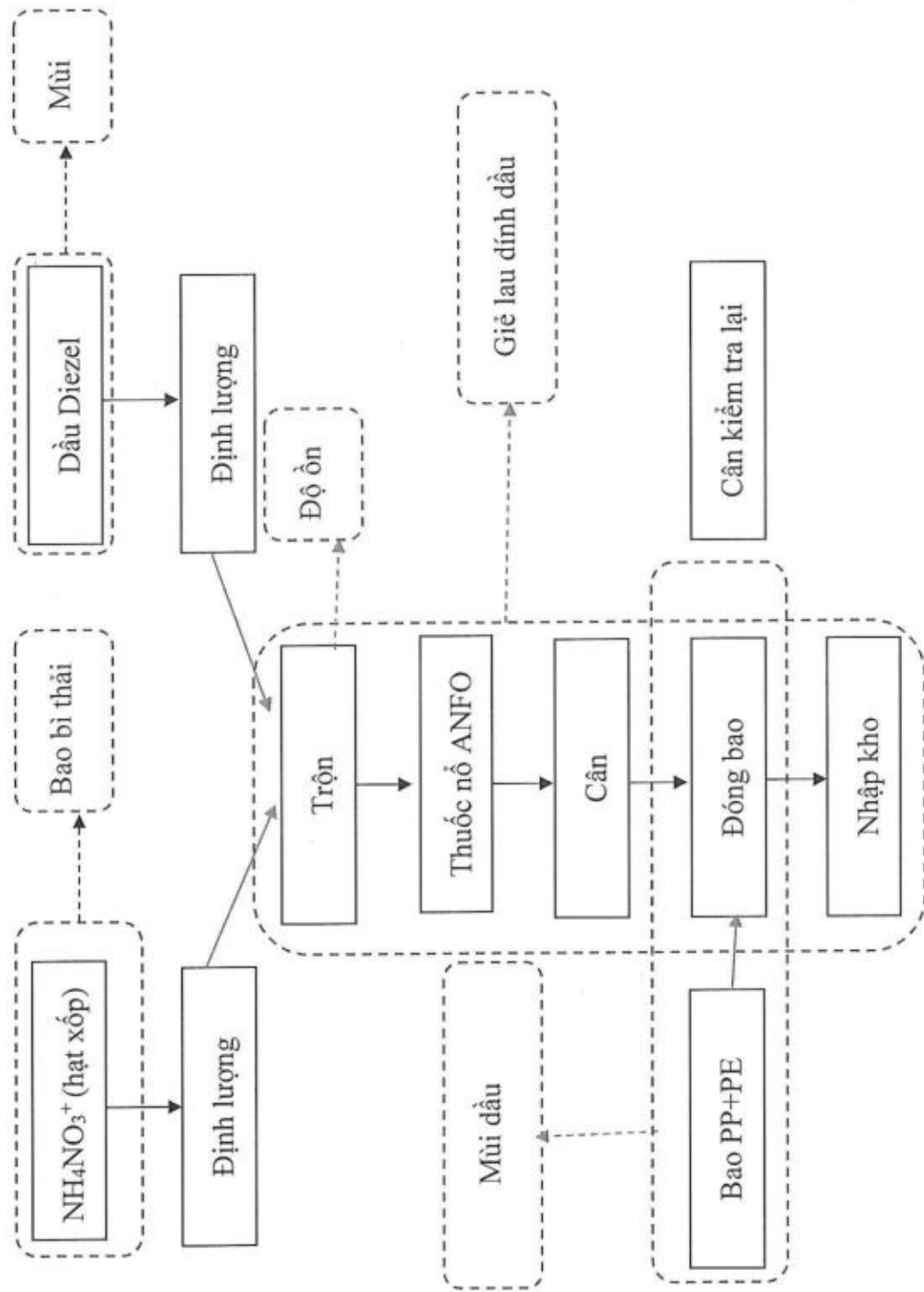
Ngày 01/11/2023, Bộ Công Thương công nhận kết quả Đề án “Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ Anfo nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn” do Tổng công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện thông Quyết định số 2857/QĐ-BCT.

Ngày 10/11/2023, Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường – Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận số 54/GCN-ATMT về việc “Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” với công suất dây chuyền là 15 tấn/giờ cho dây chuyền sản xuất VLNCN (Thuốc nổ Anfo) sau cải tạo, nâng cấp của Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin.

Bảng 1.3 Bảng so sánh dây chuyền sản xuất thuốc nổ Anfo T1 và dây chuyền tĩnh

STT	Nội dung	Dây chuyền sản xuất thuốc nổ Anfo T1	Dây chuyền tĩnh sản xuất thuốc nổ Anfo (cải tiến)	Ghi chú
1	Công nghệ sản xuất	Dây chuyền T1 sản xuất thuốc nổ Anfo.	Dây chuyền tĩnh sản xuất thuốc nổ Anfo.	Dây chuyền sản xuất thuốc nổ Anfo được cải tiến. Thông số kỹ thuật chi tiết tại Bảng 1.6.
2	Công suất	3.000 tấn/năm	15 tấn/giờ	GCN số: 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 về việc chứng nhận đủ điều kiện sản xuất VLNCN.
3	Nhân công lao động, người.	21	12	Giảm số lượng người lao động.
4	Điều kiện lao động.	Thủ công	Tự động	Cải thiện điều kiện lao động.
5	Diện tích, m <sup>2</sup>	324	324	Không đổi
6	Bồn dầu, lít	20.000	20.000	Không đổi
7	Thiết kế nhà xưởng	-	-	Không đổi
8	Phát sinh nước thải.	- Nước thải sinh hoạt. - Nước thải sản xuất từ việc rửa dụng cụ, rửa sàn.	- Nước thải sinh hoạt. - Nước thải sản xuất từ việc rửa sàn.	- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ việc rửa sàn giảm.
9	Chất thải nguy hại.	Phát sinh giẻ lau từ quá trình lau chùi máy móc, sàn.	- Phát sinh giẻ lau từ quá trình lau chùi máy móc, sàn.	- Lượng phát sinh CTNH giảm.

Quy trình sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền thiết bị tĩnh ban hành kèm theo quyết định số 2285/QĐ-MICCO ngày 17/7/2023 của Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Vinacomin với nội dung chi tiết như sau:



Hình 1. 4 Sơ đồ khối công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO dây chuyền thiết bị tĩnh



**\*Thuyết minh quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO bao gồm 04 công đoạn chính như sau:**

- **Công đoạn chuẩn bị nguyên liệu:** Vận chuyển Amoni Nitrate hạt xốp và cấp dầu nhiên liệu (DO), vật tư bao gói đến xưởng.

- **Công đoạn phối trộn:** Trộn Amoni Nitrate hạt xốp và dầu DO theo tỷ lệ xác định trên thiết bị.

- **Công đoạn bao gói sản phẩm:** Sử dụng cân tự động/bán tự động và băng tải để đóng gói sản phẩm theo khối lượng xác định.

- Sắp xếp lên ca bản và vận chuyển nhập kho.

Trước khi vận hành phải tiến hành kiểm tra máy và thiết bị sản xuất. Việc kiểm tra phải được ghi vào nhật ký vận hành, bao gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra toàn bộ hệ thống điện của nhà xưởng, các tủ điện, điện chiếu sáng.
2. Kiểm tra các ống dẫn dầu, các khớp nối của đường dầu.
3. Kiểm tra tất cả các nguyên liệu, vật liệu đủ để phục vụ cho cả ngày sản xuất.
4. Trước khi vào sản xuất, phải bơm mỡ vào các ổ bi, gối trục, kiểm tra các đầu bulông, Ốc vít nếu có hiện tượng rò rỉ phải đánh sạch, nếu lỏng phải xiết chặt lại.
5. Kiểm tra không tải của từng động cơ trước khi sản xuất: Động cơ máy bơm dầu, động cơ máy trộn (vít tải). Nếu thay tiếng kêu bất thường thì phải kiểm tra tìm nguyên nhân để sửa chữa đảm bảo hoạt động an toàn mới đưa vào sản xuất. Sau khi sửa chữa, chạy thử không tải nếu hệ thống thiết bị hoạt động bình thường thì mới tiến hành sản xuất.
6. Kiểm tra các thùng chứa nguyên liệu, chứa thuốc nổ đảm bảo yêu cầu trước khi nạp liệu.
7. Kiểm tra các thiết bị, dụng cụ PCCC được trang bị đảm bảo đầy đủ và hoạt động tốt.

**Chú ý:**

- Trước khi vào cả ngày sản xuất yêu cầu phát kiểm tra mở cửa xả ở đáy của máy trộn (vít tải) để tháo cạn nước đọng ở đáy thiết bị (nếu có).

- Sau một thời gian hoạt động, nếu thấy năng suất máy trộn giảm xuống phải tổ chức kiểm tra vít tải, gỡ hết vật lạ quấn bên trong (nếu có).

Chi tiết các công đoạn sản xuất thuốc nổ ANFO như sau:

### **3.2.3.1 Chuẩn bị sản xuất**

➤ **Chuẩn bị nguyên liệu:**

Amoni Nitrate hạt xộp phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật trước khi đưa vào sản xuất.

- Amoni Nitrate hạt xộp được vận chuyển từ kho bảo quản ra xưởng sản xuất. Số lượng Amoni Nitrate hạt xộp dùng cho ca/ngày sản xuất nào thì lấy đủ cho ca/ngày đó.

a) Nếu Amoni Nitrate được bảo quản trong các bao có khối lượng  $\leq 50$  kg:

- Các bao Amoni Nitrate được xếp trên các ca bản đường vận chuyển từ kho chứa tới xưởng sản xuất, sau đó được xe nâng đưa tới sân để nạp liệu. Khối lượng tiền sản thao tác không được vượt quá 1000kg.

- Tháo đầu cho bao Amoni Nitrate và trút hết lượng Amoni Nitrate ở các bao vào phễu chín nguyên liệu. Lượng AN trong phễu không quá 90% thể tích phễu chứa trong suốt quá trình sản xuất.

b) Nếu Amoni Nitrate được bảo quản trong các bao Jumbo 800 - 1000kg:

- Các bao Amoni Nitrate được vận chuyển từ kho tới xưởng sản xuất, sau đó được xe nâng đặt lên các con bản chuyên dụng cơ bản này đã được gia công cắt thủng một ô hình vuông 50x 50cm ở chính giữa ca bản để tiện cho việc tháo dây buộc dưới đáy bao và thuận tiện cho việc nạp Amoni Nitrate vào phễu chứa nguyên liệu.

Sử dụng xe nâng đặt các ca bản chuyên dụng chứa Amoni Nitrate lên trên phễu chứa nguyên liệu có lắp đặt thêm giá đỡ cao hơn miệng phễu 30cm. Sau đó tháo dây buộc dưới đáy bao và trút hết lượng Amoni Nitrate trong bao vào phễu chứa nguyên liệu. Lượng Amoni Nitrate trong phễu không quá 90% thể tích phễu chứa trong suốt quá trình sản xuất.

Chú ý:

+ Nghiêm cấm dùng xe nâng đẩy ca bản trên miệng phễu của thiết bị.

+ Trong quá trình tháo miệng đầy bao không được để lọt vật lạ vào phễu chứa Amoni Nitrate.

- Thu gom vỏ bao, xếp gọn, bó chặt và chuyển vỏ bao ra bên ngoài khu vực sản xuất.

- Nếu Amoni Nitrate bị vón cục phải tiến hành làm tơi và sàng phân loại trước khi nạp vào phễu chứa nguyên liệu. Sàng phân loại có kích thước mắt sàng 10x10mm.

#### ➤ **Dầu Diesel (DO)**

- Nguyên liệu dầu Diesel (DO) nhập vào kho phân xưởng phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật quy định và được bảo quản theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Dùng máy cấp dầu chuyên dụng để bơm cấp dầu vào phục vụ sản xuất.

- Vệ sinh sạch sẽ máy bơm dầu, hệ thống dẫn, thùng chứa dầu.

### 3.2.3.2 Căn chỉnh xác định lưu lượng các dòng nguyên liệu và trộn các thành phần

Những điều kiện cần xác định lại dòng nguyên liệu

- Khi lắp đặt mới và sau khi sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Khi có sự thay đổi về tinh chất nguyên liệu đầu vào.
- Trước mỗi ca/ ngày sản xuất.

#### ➤ Trình tự quá trình căn chỉnh

Quá trình căn chỉnh dòng nguyên liệu Amoni Nitrate và DO nhằm mục đích thiết lập tỷ lệ thành phần phối liệu ổn định trong quá trình thiết bị làm việc liên tục. Trên dây chuyền sản xuất tĩnh, dòng Amoni Nitrate luôn được lấp đầy ống trộn và được lấy làm cơ sở để căn chỉnh dòng dầu DO. Việc căn chỉnh dòng nguyên liệu Amoni Nitrate và DO được thực hiện đồng thời, các dòng nguyên liệu được tách riêng để tính tỷ lệ thành phần.

Trước khi căn chỉnh cần phải:

- Nạp liệu đủ nguyên liệu gồm dầu DO và Amoni Nitrate tại các vị trí;
- Các dụng cụ phục vụ cho căn chỉnh như Thùng chứa, cân đồng hồ, xô chậu bao bì phải sẵn sàng và đầy đủ.

Xác định lưu lượng dòng Amoni Nitrate.

- Xả Amoni Nitrate vào phễu chứa của thiết bị (khoảng 50% phễu chứa của thiết bị).
- Bấm nút khởi động cho máy trộn chạy đến khi Amoni Nitrate xuất hiện rơi đều xuống phễu chứa sản phẩm thì tắt máy trộn. Lúc này ống trộn đã được lấp đầy Amoni Nitrate. Tháo hết số Amoni Nitrate trên phễu chứa sản phẩm vào bao và chuyển trở lại phễu chứa nguyên liệu.

- Bấm nút cho máy chạy trong thời gian 1 phút để xác định lưu lượng nguyên liệu Amoni Nitrate chạy qua ống trộn. tháo số Amoni Nitrate này vào bao và đem cân để xác định khối lượng của Amoni Nitrate được đẩy ra trong 1 phút, sau đó chuyển lại phễu nạp liệu.

- Các động tác tiếp tục căn chỉnh như vậy từ 3÷5 lần để xác định lưu lượng Amoni Nitrate trung bình qua thiết bị trong 01 phút.

- Nếu lượng Amoni Nitrate qua máy đều thì dừng lại, trường hợp sai số lớn phải xem xét và tìm nguyên nhân khắc phục. Chú ý:

+ Trong khi xác định lưu lượng dòng Amoni Nitrate phải bổ sung lượng Amoni Nitrate đều trong phễu nạp.

+ Lấy số liệu lưu lượng dòng Amoni Nitrate để tính lưu lượng dầu cần đưa vào ống trộn.

#### ➤ **Xác định lưu lượng dòng dầu diesel**

- Trước khi căn chỉnh lưu lượng dầu, dùng cờ lê tháo đường dẫn dầu ra khỏi ống trộn, dùng xô nhựa để chứa lượng dầu cần căn chỉnh.

- Khi đã chuẩn bị xong, đóng điện cho máy chạy, đặt van dầu ở vị trí điều chỉnh. Thời gian cho máy chạy là 01 phút, sau đó đồng thời cân lại cả lượng Amoni Nitrate và lượng dầu DO. Lượng dầu DO quy định là 6% so với tổng lượng Amoni Nitrate và dầu cân được. Nếu chưa đạt 6% dầu thì tiếp tục cho máy chạy để điều chỉnh cho đến khi đạt 6% dầu (mỗi lần cho máy chạy là 01 phút).

- Khi đã chỉnh được lưu lượng dầu 6% thì làm tiếp từ 3-5 lần cho ổn định và ghi lại mức dầu được chỉ thị trên đồng hồ.

- Khi chỉnh được lưu lượng dầu đã ổn định thì cho lắp ống dầu vào thân ống trộn để chuẩn bị phối liệu.

#### **3.2.3.3 Sản xuất thuốc nổ ANFO**

- Kiểm tra lại lượng Amoni Nitrate trên phễu và dầu trong thùng chứa, nếu mức chứa đảm bảo thì cho tiến hành sản xuất.

- Khi phối trộn Amoni Nitrate và dầu DO phải quan sát dòng dầu trên đồng hồ đo nếu sai lệch phải điều chỉnh bằng cách nhẹ nhàng thay đổi van dầu để lượng dầu vào đúng tỉ lệ đã chọn, với động tác này cũng phải định lượng lại từ 4-5 lần mỗi lần 01 phút, cân lại sản phẩm trong các lần căn chỉnh để kiểm tra việc phối hiệu khi sản xuất có ổn định không. Nếu ổn định thì bắt đầu cho sản xuất, còn nếu chưa ổn định phải kiểm tra xem xét lại và cho căn chỉnh tiếp để đạt yêu cầu.

- Trước khi kết thúc việc sản xuất phải kiểm tra lượng Amoni Nitrate vào ống trộn trên lỗ quan sát ở thân ống trộn để ngắt van dầu vào ống trộn đúng lúc, tiếp tục cho máy chạy để đẩy hết lượng sản phẩm còn lưu trong thiết bị ra.

- Kết thúc việc sản xuất phải tiến hành thu gom toàn bộ số nguyên liệu thừa, sản phẩm bị rơi vãi và vệ sinh toàn bộ máy móc, thiết bị dụng cụ và nhà xưởng.

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện đưa về vị trí an toàn, phải tắt toàn bộ điện chiếu sáng trong nhà xưởng chỉ để điện bảo vệ về ban đêm bên ngoài nhà xưởng.

Các loại vật tư, nguyên liệu, sản phẩm được nhập kho khi hết ca/ngày và ghi sổ theo dõi đầy đủ theo quy định.

➤ Vận hành từ điều khiển vít tải, bơm dầu

➤ Vận hành tự động: cài đặt biến tần động cơ vít tải và bơm dầu

➤ Vận hành chế độ bằng tay.

- > Quy trình sử dụng cân bán tự động
- > Quy trình vận hành cân tự động
- > Hiệu chỉnh cân đóng bao

Đối với cân đóng bao, sau một thời gian sử dụng liên tục, các cơ cấu cơ khí cần kiểm tra lại độ chính xác của các thành phần cân so với tải chuẩn của nhà máy. Nếu số cân của thành phần cân nào đó trong dây chuyền xảy ra hiện tượng lệch cân, sai lệch so với cân của nhà máy thì phải hiệu chuẩn lại.

- > Quy trình vận hành băng tải

Băng tải sử dụng vào khâu vận chuyển đóng bao là công cụ hỗ trợ thay thế một phần công việc phải sử dụng nhân công trong sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền tĩnh tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO. Hệ thống băng tải gồm: Băng tải cao su, động cơ 1,5kW có hộp số giảm tốc và điều khiển bằng biến tần LS (Hàn Quốc), máy may bao cầm tay, tủ điều khiển trung tâm được điều khiển bằng PLC, tủ điều khiển gồm đèn báo pha, công tắc nguồn, công tắc chọn chế độ hoạt động bằng tay và tự động.

- > Quy trình sản xuất khi sử dụng băng tải kết hợp

- Chuẩn bị: Tiến hành các công việc theo quy trình sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền tĩnh. Tiến hành chạy máy đến khi sản phẩm thuốc nổ ANFO rơi vào phễu hứng đến khi gần đầy thì tiến hành các bước tiếp theo. Kiểm tra độ chính xác của cân bán tự động bằng cân đồng hồ đã được kiểm định, nếu không chính xác thì phải căn chỉnh lại.

- Vận hành băng tải theo quy trình sẵn sàng làm việc.

- Đưa bao PP, PE đã chuẩn bị kẹp vào miệng phễu xả, tiến hành xả cân để thuốc nổ ANFO rơi xuống bao đựng, khi đủ trọng lượng thì thao tác cho bao rơi xuống băng tải (việc kẹp vỏ bao phải thuận chiều may của máy khâu bao treo bên trên). Sau đó lặp lại đưa bao PP, PE khác vào thực hiện như trên đến khi hết thuốc nổ trong phễu chứa hoặc có tín hiệu dừng của người vận hành băng tải, vận hành thiết bị tĩnh.

- Buộc bao PE, người thao tác đứng ở hai bên dọc theo chiều tiến của băng tải, bố trí người sao cho hợp lý để thao tác và đảm bảo tiến độ, năng suất, hiệu quả.

- Khi bao thuốc nổ chạy đến vị trí treo máy khâu bao thì chập hai mép của miệng bao lại rồi dẫn hướng miệng vào máy khâu, rồi bấm nút công tác cho máy khâu chạy, khi khâu xong thì nhả nút công tác và cắt chỉ.

- Nếu trong quá trình khâu bị sự cố, đứt chỉ, hết chỉ, kẹt bao... thì dừng băng tải, ra hiệu cho bên vận hành thiết bị tĩnh xử lý. Tiến hành xử lý sự cố khi xong thì tiếp tục vận hành, sản xuất bình thường. Nếu sự cố không khắc phục được phải dừng sản xuất thì báo trực ca, lãnh đạo đơn vị biết để tìm biện pháp khắc phục.

- Cuối băng tải phải có người trực khi bao thuốc nổ đã khâu thì chạy ra đỡ, xếp chuyển lên ca bàn. Nghiêm cấm để bao thuốc nổ rơi tự do xuống đất, tránh va đập, quăng quật, ma sát.

- Khi kết thúc ca/ngày thì tiến hành vệ sinh công nghiệp, cắt điện thiết bị nhà xưởng, ghi chép sổ sách, làm thủ tục nhập kho và bàn giao đầy đủ.

Quy trình sản xuất thuốc nổ ANFO trên đây chuyển thiết bị tĩnh sản xuất thuốc nổ ANFO được thực hiện tự động nên tăng chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao năng suất lao động, đồng thời không gây tác động phát thải ra môi trường vì quy trình khép kín. Trong quá trình sản xuất và công tác phụ trợ không sử dụng nước làm nguyên liệu đầu vào, làm mát... nên tại đây không phát sinh nước thải sản xuất mà chỉ phát sinh nước thải từ quá trình rửa chân tay, dụng cụ của công nhân. Nước thải từ hoạt động rửa chân tay theo thực tế phát sinh khoảng 500÷1.000 lít/ngày, thành phần chủ yếu là nước nhiễm dầu mỡ.

### 3.2.4. Máy móc, thiết bị chính dùng trong sản xuất thuốc nổ ANFO

*Bảng 1. 4 Danh mục máy móc, thiết bị chính dùng sản xuất thuốc nổ ANFO*

TT	Thiết bị	Vai trò
1.	Phễu chứa Amoni Nitrate	Dự trữ Amoni Nitrate trong quá trình sản xuất, có cửa điều chỉnh lưu lượng tự chảy.
2.	Thùng chứa nhiên liệu dầu DO	Dự trữ DO trong quá trình sản xuất
3.	Bơm định lượng dầu DO	Bơm định lượng DO cấp vào máy trộn; sử dụng loại bơm bánh răng có động cơ phòng nổ
4.	Máy trộn	Có tác dụng tải định lượng Amoni Nitrate, trộn đều Amoni Nitrate với DO tạo ANFO và vận chuyển ANFO đến máy đóng bao tự động; dạng trục vít, có tạo góc nghiêng, sử dụng động cơ phòng nổ có hộp giảm tốc.
5.	Phễu chứa ANFO số 1	Dự trữ ANFO cho máy đóng bao tự động cỡ lớn
6.	Phễu chứa ANFO số 2	Dự trữ ANFO cho máy đóng bao tự động cỡ nhỏ
7.	Máy đóng bao cỡ lớn	Dạng máy đóng tự động vận hành bằng khí nén động lực, điều khiển thông qua phần mềm cài đặt sẵn, Đóng loại bao túi cỡ lớn 25-40 kg/bao.
8.	Máy đóng bao cỡ nhỏ	Dạng máy đóng tự động vận hành bằng khí nén động lực, điều khiển thông qua phần mềm cài đặt sẵn, Đóng loại

TT	Thiết bị	Vai trò
		bao túi cỡ lớn 1-20kg/bao.
9.	Băng tải ra bao cỡ lớn	Sử dụng để vận chuyển bao ANFO sau cân và sau khâu bao từ máy đóng bao cỡ lớn đến vị trí sắp xếp lên ca bản, phương tiện vận chuyển. Loại băng tải cao su, sử dụng động cơ phòng nổ có hộp giảm tốc.
10.	Băng tải ra bao cỡ nhỏ	Sử dụng để vận chuyển bao ANFO sau cân và buộc đầu bao từ máy đóng bao cỡ nhỏ đến vị trí sắp xếp lên ca bản, phương tiện vận chuyển. Loại băng tải cao su, sử dụng động cơ phòng nổ có hộp giảm tốc.
11.	Máy khâu bao	Khâu kín miệng bao PP của bao chứa ANFO cỡ lớn (25-40kg/bao); kiểu kim
12.	Máy kẹp đầu bao	Buộc đầu bao/túi ANFO cỡ nhỏ bằng dây nhôm, vận hành bằng khí nén
13.	Máy in date	In thông tin về ca sản xuất, ngày giờ sản xuất lên vỏ bao PP chứa ANFO một cách liên tục đồng tốc với băng tải ra bao.

Bảng 1. 5 Thông số kỹ thuật các thiết bị chính của dây chuyền SXTN ANFO

TT	Tên thiết bị	Mô tả kỹ thuật	Số lượng (cái)
1	Phễu cấp liệu Amoni Nitrate	- Chức năng: Nơi cấp Amoni Nitrate cho máy trộn. - Thể tích: 1,2 m <sup>3</sup> . Vật liệu SUS 304 - Thân thùng: Kích thước L1.200 x W1.200 x H840 x 2,5mm SUS 304	01
2	Thùng cấp liệu dầu DO	Chức năng: Dự trữ DO trước khi phối trộn - Thể tích 3,0m <sup>3</sup> - Vật liệu SUS 304, dày 5,0 mm. - Kích thước: D1.380xL2.126x5,0 mm	01
3	Bơm định lượng dầu DO	- Chức năng: Bơm định lượng DO cấp vào máy trộn. - Sử dụng loại bơm bánh răng có động cơ phòng nổ 1,5kW. - Năng suất bơm DO Max: 2,4 m <sup>3</sup> /giờ (2 tấn/giờ) - Lưu lượng làm việc: điều chỉnh năng suất chính xác ở phạm vi 300-1.500 kg/giờ, (5,0 – 25,0 kg/phút) - Chiều cao đẩy 23 m.	01

		- Vật liệu thân bơm: SUS 304	
4	Máy trộn (Auger, vít)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Vừa có chức năng đưa Amoni Nitrate vào một cách liên tục vừa trộn đều một cách liên tục 2 dòng nguyên liệu Amoni Nitrate và DO theo thành phần thiết kế để tạo thành bán thành phẩm ANFO, quá trình vận hành liên tục vừa trộn vừa đẩy thành phẩm ra ngoài đến vị trí các máy đóng bao.</li> <li>- Dạng trục vít nằm nghiêng một góc 30-40<sup>0</sup></li> <li>- Kích thước thân: D220x L6.800 mm</li> <li>- Vật liệu SUS 304</li> <li>- Động cơ 3 pha phòng nổ 3,7 kW có hộp giảm tốc độ có biến tần;</li> <li>- Công suất vận hành 15 tấn/giờ.</li> </ul>	01
5	Phễu chứa ANFO số 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: dự trữ ANFO trước khi đưa vào máy đóng bao cỡ lớn</li> <li>- Thể tích 1,0 m<sup>3</sup></li> <li>- Vật liệu SUS 304</li> <li>- Thân thùng: Kích thước L.1000 xW1.000 x950x 2,5 mm</li> <li>- Đáy thùng hình chóp dày 2,5 mm</li> </ul>	01
6	Máy đóng bao cỡ lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng cân đóng bao tự động thuốc nổ ANFO bao cỡ 25-40 kg/bao.</li> <li>- Kiểu: Xi lanh + Khí nén</li> <li>- Công suất đóng bao: 15 tấn/giờ</li> <li>- Kích thước L865xW1.000xH1.026x2,5mm</li> <li>- Vật liệu: Các chi tiết theo thiết kế, phần tiếp xúc trực tiếp ANFO: SUS 304</li> <li>- Cảm biến cân: 04 cái</li> <li>- Xi lanh khí nén: 06 cái</li> <li>- Thùng cân: 70 lít (L500xR950xH500x2,5mm)</li> <li>- Phễu kẹp: 100 lít (L600xR500xH350x2,5mm)</li> <li>- Tủ điều khiển: 01 bộ</li> </ul>	01
7	Băng tải ra bao cỡ lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: vận chuyển liên tục bao đã cân ANFO theo đơn vị bao, bao đã được đóng đến vị trí bố xếp.</li> <li>- Kiểu băng tải: Băng tải ngang</li> <li>- Công suất: 15 tấn/giờ;</li> <li>- Tốc độ vận hành: 3,6 m/ph (Và điều khiển được tốc độ khác)</li> <li>- Kích thước: L5000xW400 mm</li> </ul>	01



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: SUS304 + Cao su và các vật liệu khác</li> <li>- Động cơ 3 pha phòng nổ 1,5 kW</li> </ul>	
8	Phễu chứa số 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: dự trữ ANFO trước khi vào máy đóng bao cỡ nhỏ</li> <li>- Thể tích 0,5 m<sup>3</sup></li> <li>- Vật liệu SUS 304</li> <li>- Thân thùng: kích thước L1.000xR1.000xH500x2,5 mm</li> <li>- Xi lanh khí nén: 04 cái</li> </ul>	01
9	Máy đóng bao cỡ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng cân đóng bao tự động thuốc nổ ANFO bao cỡ 1-20kg/bao.</li> <li>- Kiểu: Xi lanh + Khí nén</li> <li>- Công suất đóng bao: 4 tấn/giờ</li> <li>- Kích thước L700xW900xH400x2,5 mm</li> <li>- Vật liệu: Các chi tiết theo thiết kế, phần tiếp xúc trực tiếp ANFO: SUS 304</li> <li>- Cảm biến cân: 04 cái</li> <li>- Xi lanh khí nén: 08 cái</li> <li>- Thùng cân: 30 lít</li> <li>- Phễu kẹp: 30 lít</li> <li>- Tủ điều khiển: 01 bộ</li> </ul>	01
10	Băng tải ra bao cỡ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: vận chuyển liên tục bao đã cân ANFO theo đơn vị bao, bao đã được đóng đến vị trí bố xếp,</li> <li>- Kiểu băng tải: Băng tải ngang</li> <li>- Công suất: 15 tấn/giờ;</li> <li>- Tốc độ vận hành: 3,6 m/ph (Và điều khiển được tốc độ khác)</li> <li>- Kích thước: L5000xW400 mm</li> <li>- Vật liệu: SUS304 + Cao su và các vật liệu khác</li> <li>- Động cơ 3 pha phòng nổ 1,5kW</li> </ul>	01
11	Máy khâu bao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: khâu kín miệng bao PP của các loại bao lớn (25-40 kg/bao) sau khi bao PE bên trong được buộc kín</li> <li>- Kiểu khâu: KIM</li> <li>- Công suất tính theo sản phẩm: 15 tấn/giờ</li> <li>- Động cơ: 0,37 kW</li> </ul>	01

12	Máy in date	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: In thông tin cần thiết lên mặt bản sao sản phẩm</li> <li>- Kiểu in: In Phun</li> <li>- Công suất tính theo tấn sản phẩm: 15 tấn/giờ</li> </ul>	01
13	Máy bao kẹp đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: kẹp dây nhôm làm kín đầu bao cỡ nhỏ</li> <li>- Kiểu: Khí nén</li> <li>- Công suất tính theo tấn sản phẩm: 15 tấn/giờ</li> <li>- Vật liệu SUS 304</li> </ul>	01
14	Máy nén khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: cung cấp khí động lực cho việc vận hành các máy đóng bao, máy kẹp ghim đầu bao;</li> <li>- Lưu lượng: 1.118 lít/phút</li> <li>- Áp suất tối đa: 10,0 Bar</li> <li>- Bình chứa khí 1.000 lít</li> <li>- Áp suất làm việc thực tế 5-7Bar</li> <li>- Động cơ máy nén: 5,5kW</li> </ul>	01
15	Cột bơm dầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: cung cấp dầu DO cho thùng cấp liệu DO phục vụ sản xuất ANFO.</li> <li>- Kiểu PISTON</li> <li>- Công suất 3.000 lít/giờ</li> <li>- Động cơ điện: 0,6kW</li> </ul>	01
16	Đường ống DO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Inox SUS 304 hoặc thép</li> </ul>	01
17	Hệ thống dây điện phòng nổ, hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống kẽm đi dây (Tiêu chuẩn phòng nổ)</li> <li>- Cáp, máng cáp, tủ điều khiển thiết bị, dây tiếp đất...</li> </ul>	01
18	Hệ thống điều khiển, hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm điều khiển trung tâm để điều khiển PLC tự động</li> <li>- Tủ điều khiển trung tâm</li> <li>- Tủ điều khiển từng thiết bị, cho phép vận hành thủ công</li> </ul>	01
19	Cảm biến lưu lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biến tần/cảm biến vòng quay</li> </ul>	01
20	Cảm biến lưu lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng kế điện tử</li> </ul>	01



### 3.2.5. Công suất dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói trên các dây chuyền tĩnh:

Thời gian làm việc một ca theo quy định về ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 06 giờ/ngày;

- Số ca làm việc trong một ngày: Từ 01 ca/ngày;
- Số ngày làm việc trong 01 tuần: 05 ngày;
- Số tuần làm việc trong 01 năm: 52 tuần;
- Công suất dây chuyền: 15 tấn/giờ.

[Nguồn: Giấy chứng nhận số 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường – Bộ Công thương về việc chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp].

### 3.3. Các loại sản phẩm được lưu trữ tại cơ sở

Bảng 1. 6 Cơ cấu sử dụng VLNCN của cơ sở

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng/năm		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
A	Thuốc nổ	Tấn	11.667	9.994	9.851
B	Phụ kiện nổ				
1	Kíp nổ	Cái	1.718.022	1.389.748	1.270.383
2	Dây nổ	Mét	677.950	259.250	178.200
3	Mồi nổ	Quả	499.438	452.771	449.065

[Nguồn: Phòng kế hoạch thị trường Công ty CN HCM Nam Bộ-Micco]

Các loại thuốc nổ, phụ kiện nổ được sản xuất và lưu trữ tại cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu gồm: Thuốc nổ ANFO (sản xuất tại kho BRVT); thuốc nổ ANFO do Z114 sản xuất, thuốc nổ nhũ tương kiểm soát nổ đường biên Newfinex (nhập khẩu); nhũ tương, AD1, Amoni Nitrate, dầu diesel, mồi nổ, dây nổ, dây điện, kíp các loại.

**Thuốc nổ ANFO:***Bảng 1. 7* Đặc tính thuốc nổ ANFO

ST T	Thông số kỹ thuật	
	Đặc tính kỹ thuật	Chỉ tiêu
1	Khối lượng riêng rời, g/cm <sup>3</sup>	0,8-0,95
2	Tốc độ nổ đo trong lỗ khoan m/s	3.000-4.500
3	Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	300-330
4	Độ nén trụ tri (đo trong ống thép)mm	≥15
5	Độ nhạy kích nổ	Mỗi nổ

*Hình 1. 5* Thuốc nổ ANFO

- **Thuốc nổ AD<sub>1</sub> (Amonit phá đá số 1)**

Thuốc nổ AD<sub>1</sub> có thành phần chủ yếu là Amoni Nitrate và TNT ở dạng bột. AD<sub>1</sub> chủ yếu được sử dụng để nổ mìn phá đá.

*Bảng 1. 8* Đặc tính thuốc nổ AD<sub>1</sub>

ST T	Thông số kỹ thuật	
	Đặc tính kỹ thuật	Chỉ tiêu
1	Khối lượng riêng, g/cm <sup>3</sup>	0,95-1,05
2	Độ ẩm, %	≤0,5
3	Tốc độ nổ, m/s	3600÷4200

ST T	Thông số kỹ thuật	
	Đặc tính kỹ thuật	Chỉ tiêu
4	Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT tiêu chuẩn), ml	120÷130
5	Độ nén trụ tri mm	14÷16
6	Khoảng cách truyền nổ, cm	≥104
7	Độ nhạy kích nổ	Kíp nổ số 8, dây nổ 10g/m

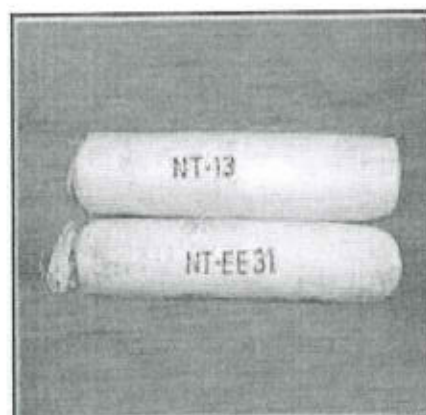
[Nguồn: Thông tư 31/2020/TT-BCT]

▪ **Thuốc nổ nhũ tương**

Thành phần của nhũ tương: Chủ yếu là Amoni Nitrate phân tán trong môi trường dầu khoáng hay sáp nhũ, natri nitrat, ngoài ra thì còn tồn tại thêm các phụ gia khác như Thiourea, bột nhôm,...

Bảng 1. 9 Tính chất hoá học, vật lý của thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dung cho lộ thiên

ST T	Thông số kỹ thuật	
	Đặc tính kỹ thuật	Chỉ tiêu
1	Khối lượng riêng, g/cm <sup>3</sup>	1,2÷1,35
2	Thời gian chịu nước	≥12 giờ
3	Tốc độ nổ, m/s	3600÷4200
4	Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT tiêu chuẩn), %	≥115
5	Độ nén trụ tri mm	≥16
6	Khoảng cách truyền nổ, cm	≥04
7	Độ nhạy kích nổ	Kíp nổ số 8, dây nổ 10g/m

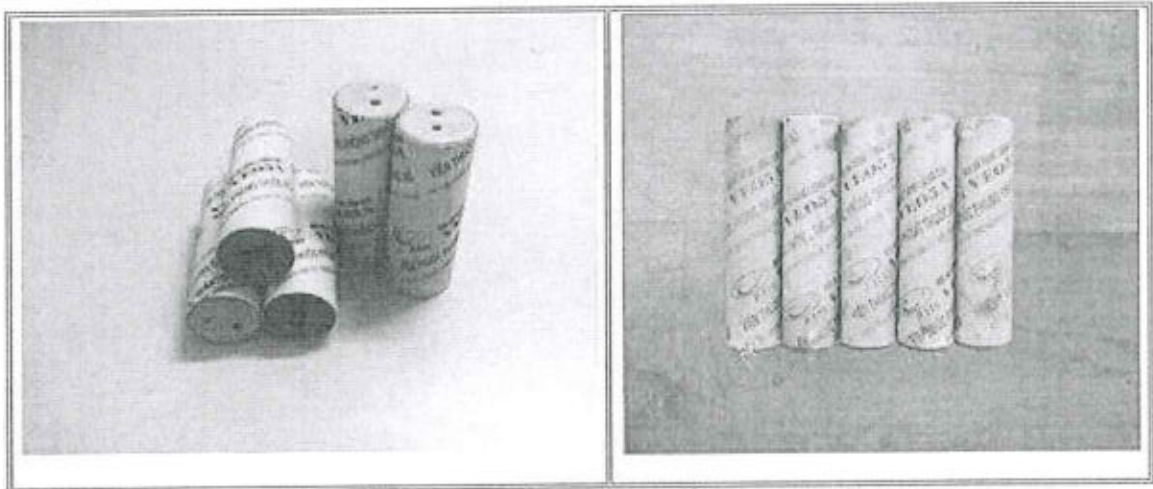


Hình 1. 5 Thuốc nổ nhũ tương

- Các loại mìn nổ

Bảng 1. 10 Đặc tính mìn nổ MN 31

STT	Đặc tính	Đơn vị	Kích cỡ
1	Tỷ trọng	(g/cm <sup>3</sup> )	1,61 - 1,7
2	Tốc độ nổ	(km/giây)	7,2 - 7,8
3	Sức nén trụ chì	(mm)	22
4	Thời hạn sử dụng	(tháng)	60
5	Đóng gói	(quả)	Loại: 175 g; 400 g và 850 g



Hình 1. 6 Mìn nổ

- Dây nổ:

Dây nổ là phương tiện truyền nổ, truyền sóng kích nổ, hoặc từ khối chất nổ này đến khối chất nổ khác ở một khoảng cách nhất định trên mặt đất hoặc từ mặt đất đến các lỗ khoan sâu ở các công trường nổ mìn lộ thiên.

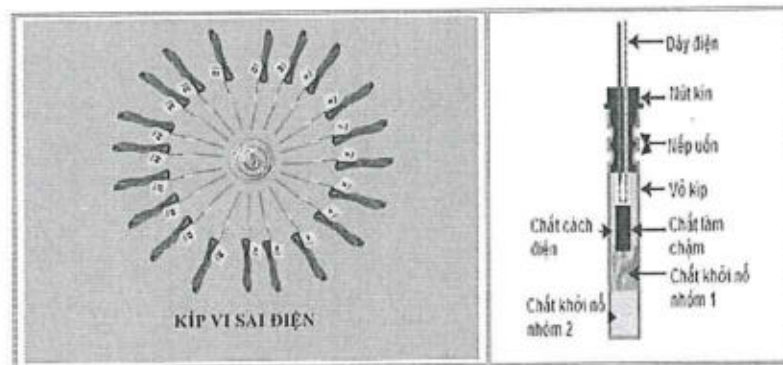
Bảng 1. 11 Đặc tính dây nổ chịu nước

STT	Đặc tính	ĐVT	Thông số	Hình ảnh
1	Đường kính ngoài của dây	mm	5,8 ÷ 6,2	
2	Tốc độ nổ	km/s	6,5 ÷ 7	
3	Khả năng chịu nước	Giờ	24	
4	Khả năng chịu lực kéo	Kg	50	

- Kíp nổ vi sai điện:

Bảng 1. 12 Đặc tính kíp nổ vi sai điện

STT	Đặc tính	Đơn vị	Kích cỡ
1	Bao gói trong hộp giấy	cái/hộp giấy	40; 60 và 125
2	Bao gói trong hòm gỗ hoặc hộp các tông sóng	cái/hòm	480; 720 và 1500
3	Vật liệu vỏ kíp	-	Nhôm
4	Đường kính ngoài (max)	mm	7,3
5	Chiều dài dây dẫn điện	m	2; 4; 4,5; 6; 12
6	Điện trở	Ôm	2 ÷ 3,2
7	Dòng điện an toàn	A	0,18
8	Dòng điện phát hoả	A	1,2
9	Cường độ nổ	-	Kíp số 8



Hình 1. 7 Cấu tạo kíp vi sai điện

- **Dây dẫn tín hiệu nổ:** Kíp nổ vi sai phi điện

Bảng 1. 13 Đặc tính Kíp nổ vi sai phi điện

STT	Đặc tính	ĐVT	Thông số	Hình ảnh
1	Khả năng chịu nước	Giờ	8 giờ liên tục dưới độ sâu 20m	
2	Độ bền mỗi ghép miệng	N	với lực kéo tĩnh 20 N (tương đương 2 kg) trong thời gian 1 phút	

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

##### 4.1. Nhu cầu nguyên liệu:

- Nguồn nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO là Amoni Nitrate hạt xốp ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ) có các thông số kỹ thuật như sau:

*Bảng 1. 14 Danh mục nguyên liệu Amoni Nitrate để sản xuất thuốc nổ ANFO*

TT	Tên hàng	Thông tin sản phẩm
1	Đạm Nitrate	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công thức hóa học: <math>\text{NH}_4\text{NO}_3</math></li> <li>- Số CAS: 6484-52-2</li> <li>- Đặc tính: Là chất rắn, màu trắng, không mùi, tan trong nước.</li> <li>- Độ tinh khiết <math>\geq 98,5\%</math></li> <li>- Độ ẩm <math>\leq 3,0\%</math></li> <li>- Khả năng hấp phụ dầu <math>\geq 7</math></li> <li>- Khối lượng riêng rời <math>0,73 \div 0,83 \text{ g/cm}^3</math>.</li> </ul> <p>Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm theo Quy định hiện hành. * Sự cố tràn đổ, rò rỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bịt chỗ rò rỉ.</li> <li>- Ngăn ngừa chúng chảy vào nguồn nước, đường thoát nước, gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Loại bỏ các nguồn gây cháy, kêu gọi sự hỗ trợ, giúp đỡ.</li> </ul>

- Khối lượng nguyên liệu nhập vào dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO tại bảng sau:

*Bảng 1. 15 Khối lượng Amoni Nitrate nhập kho để sản xuất thuốc nổ ANFO*

STT	Nguyên liệu	ĐVT	Số lượng		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Nguồn nguyên liệu $\text{NH}_4\text{NO}_3$ nhập kho.	Tấn	9.198	7.838	5.445

##### 4.2. Nhu cầu nhiên liệu:

- Nguồn nhiên liệu dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO là dầu Diezel (DO) có các thông số kỹ thuật như sau:

*Bảng 1. 16 Danh mục nhiên liệu Diezel dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO*

TT	Tên hàng	Thông tin sản phẩm
-	Dầu Diezel	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên thường gọi dầu DO.</li> <li>- Số CAS: #68476-34-6.</li> <li>- Hàm lượng lưu huỳnh: 02 mức <math>500 \div 2.500 \text{ mg/kg}</math>, max.</li> </ul>



TT	Tên hàng	Thông tin sản phẩm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính hóa lý: Dạng lỏng, màu vàng nhẹ, không tan trong nước, dễ cháy, có mùi đặc trưng.</li> <li>[Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp].</li> <li>*Sự cố tràn đổ, rò rỉ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm mọi cách để tắt điện, cắt điện, ngừng hoạt động sản xuất, bơm chuyển xăng dầu.</li> <li>- Cô lập khu vực dầu bị tràn, đổ. Chuẩn bị phương án PCCC.</li> <li>- Lên phương án ngăn chặn, bảo vệ khu vực sự cố và thực hiện các phương án thu hồi dầu tràn, đổ.</li> <li>- Thông báo cho cơ quan chức năng để hỗ trợ, ứng cứu.</li> </ul> </li> </ul>

- Lượng nhiên liệu nhập vào dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO tại bảng sau:

Bảng 1. 17 Lượng dầu DO phục vụ sản xuất thuốc nổ ANFO

STT	Nguyên liệu	ĐVT	Số lượng sử dụng		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
-	Lượng nhiên liệu dầu DO	Lít	700.037	596.485	632.354

**Bồn chứa dầu tại xưởng:**

Phía sau nhà xưởng cách tường khoảng 12 mét sát rào kẽm gai đặt 2 bồn dầu dung tích 12.000 lít được đặt chìm dưới đất, xung quanh bồn có bể cát và các bình PCCC.

Hệ thống dầu cấp cho máy trộn được khép kín và đi chìm bằng ống kẽm chôn sâu dưới đất 50cm.

**4.3. Nhu cầu vật liệu:**

Vật liệu phục vụ sản xuất thuốc nổ ANFO tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO như sau:

Bảng 1. 18 Danh mục vật liệu sử dụng tại xưởng sản xuất ANFO

TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng sử dụng	Ghi chú
1	Bao PP	Cái/năm	180.000 ÷ 200.000	-
2	Bao PE	Cái/năm	180.000 ÷ 200.000	-
3	Chỉ may bao	Cuộn/năm	2000 ÷ 2.100	-
4	Dây buộc	Kg/năm	600 ÷ 660	-

[Nguồn: Phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty]

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng điện năng

Điện sử dụng tại kho dùng chủ yếu để sản xuất thuốc nổ ANFO; chiếu sáng phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ vào ban đêm; vào ban ngày trong nhà kho sử dụng ánh sáng tự nhiên. Các thiết bị sinh hoạt và chiếu sáng sử dụng điện sinh hoạt một pha thông thường.

+ Hệ thống điện trong xưởng ANFO gồm 2 hệ thống riêng biệt:

- Hệ thống điện chiếu sáng: dây dẫn điện được đi trong ống bảo vệ phòng nổ, bóng đèn chiếu sáng và quạt gió là loại bóng phòng nổ.

- Điện động lực (sản xuất) được đặt trong ống nhựa bảo vệ đi chìm dưới nền và dẫn đến từng máy. Máy trộn được sử dụng khởi động từ lắp đặt bên ngoài nhà xưởng bằng hộp bảo vệ chuyên dùng (khi bật công tắc khởi động từ mới cung cấp điện cho máy).

Thông tin nhà cung cấp điện cho cơ sở như sau:

#### **CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÀ RIJA-VŨNG TÀU**

Địa chỉ: Số 60 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Mã số thuế: 0300942001-026

Điện thoại: 19001006

Mã số khách hàng: PB15040007977 – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mở Nam Bộ-Micco.

Điện năng tiêu thụ hàng tháng như sau:

- Hóa đơn được đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

Bảng 1. 19 Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng	Khối lượng	ĐVT
1	Lượng điện tiêu thụ tháng 4/2023	2.096	Kwh
2	Lượng điện tiêu thụ tháng 5/2023	1.563	Kwh

[Nguồn: Phòng kỹ thuật công nghệ Công ty]

#### 4.5. Nhu cầu sử dụng nước

##### 4.5.1. Nguồn cung cấp nước:

- Nguồn nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt chủ yếu là rửa tay chân, vệ sinh, vệ sinh dụng cụ,... là nước máy .

- Nguồn nước sử dụng cho công tác PCCC tại khu vực kho được bơm từ hồ nước nhân tạo trong khu vực kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu dẫn bằng đường ống  $\phi 168$ ; 114; 76mm đến các họng nước đặt tại cửa các nhà kho, phân xưởng.

Ngoài ra, lượng nước dự phòng cho công tác PCCC được lưu chứa tại 03 hồ nhân tạo xung quanh kho mỗi hồ nước có dung tích chứa 15.000m<sup>3</sup>.

#### 4.5.2. Nhu cầu nước sinh hoạt:

- Đối với kho chứa VLNCN: Số lao động tại cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu là 23 người (bao gồm bảo vệ, tuần tra và công nhân sản xuất thuốc nổ Anfo), lượng nước cần sử dụng thường xuyên trong kho để dùng vệ sinh cá nhân, rửa tay chân, dụng cụ sản xuất,... với nhu cầu khoảng: 23 người x 60 lít/người.ngày = 1,38 m<sup>3</sup>/ngày tương đương 35,88 ~ 36 m<sup>3</sup>/tháng.

*[Định mức được lấy Theo bảng 2.1 trong TCXDVN 33:2006 cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, đối tượng dùng nước ở vùng nông thôn 40÷60 lít/người.ngày].*

#### 4.5.3 Nhu cầu nước dùng cho hoạt động sản xuất

- Đối với xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo: Quá trình sản xuất thuốc nổ Anfo không sử dụng nước làm nguyên liệu mà chỉ sử dụng nước để vệ sinh sản công tác, dụng cụ và rửa chân tay. Lượng nước phát sinh mỗi ca khoảng 0,5÷1,0 m<sup>3</sup>/ngày tương đương với 12÷25 m<sup>3</sup>/tháng.

- Nguồn nước máy được cung cấp bởi:

#### TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Địa chỉ: Số 39 Hoàng Diệu, xã Tân Hưng, Tp.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Mã số thuế: 3500342374

Điện thoại: (0254) 3733.555

Mã số khách hàng: NCP.005134 – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco.

Hóa đơn thanh toán được đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

Bảng 1. 20 Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

ST T	Nhu cầu sử dụng	Khối lượng	ĐV T
1	Lượng nước tiêu thụ tháng 4/2023	83	m <sup>3</sup>
2	Lượng nước tiêu thụ tháng 5/2023	107	m <sup>3</sup>
3	Lượng nước tiêu thụ tháng 6/2023	137	m <sup>3</sup>
<b>4</b>	<b>Trung bình</b>	<b>110</b>	<b>m<sup>3</sup></b>

[Nguồn: Phân xưởng kho Bà Rịa-Vũng Tàu]

Vậy tổng nhu cầu nước sinh hoạt sử dụng thực tế trung bình là 110 m<sup>3</sup>/tháng,

trong đó khu vực văn phòng kho sử dụng khoảng 49 m<sup>3</sup>/tháng và cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu sử dụng khoảng 61 m<sup>3</sup>/tháng, trong đó nước dùng phục vụ hoạt động sản xuất cho xưởng sản xuất thuốc nổ anfo (được thu gom và xử lý riêng) khoảng 25 m<sup>3</sup>/tháng, nước phục vụ vệ sinh cá nhân khoảng 36 m<sup>3</sup>/tháng. Lượng nước này ngoài phục vụ vệ sinh cá nhân của các công nhân, bảo vệ còn dùng để tưới cây, đặc biệt lượng cây giống mới trồng đầu mùa mưa.

#### 4.5.3. Nhu cầu nước phòng cháy chữa cháy:

Tại kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu đã đầu tư hệ thống PCCC tự động, bơm nước trực tiếp từ hồ chứa lên các họng cứu hỏa tại các kho, xưởng. Nhu cầu cấp nước cho hoạt động chữa cháy phụ thuộc vào quy mô và diện tích của đám cháy. Đơn vị thường xuyên bổ sung nước thất thoát cho các bể nước chữa cháy, trung bình thất thoát nước trong 01 ngày là: 11 bể x 20 lít/bể = 220 lít/ngày.

Bảng 1. 21 Tổng hợp nhu cầu dùng nước tại cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu

T T	Nhu cầu dùng nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày)	Ghi chú
1	Nước sinh hoạt cho CBCNV trong phạm vi kho chứa	1,38	Từ nguồn nước máy
2	Lượng nước tưới cây	3,02	Lấy từ hồ chứa
3	Nước sử dụng cho PCCC	0,22	Nước châm thêm vào bể, diễn tập, lấy từ hồ chứa
4	Lượng nước phục vụ sản xuất	1,0	Rửa thiết bị, dụng cụ phân xưởng Anfo, từ nguồn nước máy
5	<b>Tổng cộng</b>	<b>5,62</b>	

[Nguồn: Phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty]

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án

Cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu có tổng diện tích là 47,7 ha. Vị trí cụm kho nằm tại chân của 2 dãy núi Tóc Tiên và núi Thị Vải, địa hình dốc thoải dần từ hướng Nam tới hướng Bắc với độ cao trung bình là cote +43 m so với mực nước biển.

- Ngày 19/6/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 2019/QĐ-UBND “về việc cho Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ – Micco thuê 498.953m<sup>2</sup> đất (gồm 2 khu: Khu văn phòng làm việc: 21.749,3 m<sup>2</sup> và khu kho vật liệu nổ công nghiệp: 477.203,7 m<sup>2</sup>) tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để sử dụng cho mục đích làm văn phòng làm việc và kho vật liệu nổ công nghiệp..

- Ngày 21/7/2008, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco thuê đất theo Hợp đồng số: 47/HĐTD trong thời hạn sử dụng đất 50 năm kể từ ngày 04/7/2006.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN: 849924 cấp ngày 11/11/2008.

Trên diện tích đất được cấp cơ sở đã xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường và hiện tại đang hoạt động ổn định.



Hình 1. 8 Diện tích cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu

Bảng 1.22. Thống kê diện tích sử dụng đất của cơ sở

ST T	Mục đích sử dụng đất	Diện tích đất trong Đề án (m <sup>2</sup> )	Diện tích thuê đất (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	Đất làm kho vật liệu nổ công nghiệp.	477.203,7	498.953	Quyết định số 2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 19/6/2008.
2	<b>Tổng cộng:</b>	<b>477.203,7</b>	<b>498.953</b>	

### 5.2. Bảo vệ môi trường tại cơ sở

- Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số: 125/QĐ-UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 18/01/2018 về việc “Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” (nay là Ấp 6, xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

- Ngày 17/9/2018, Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty CN Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco.

- Ngày 27/12/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ban hành văn bản số 7535/STNMT-BVMT xác nhận về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trong đề án BVMT chi tiết cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ của Công ty CN Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco.

Hiện tại, các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã và đang hoạt động ổn định. Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/1/2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco lập hồ sơ báo cáo đề xuất xin cấp Giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thẩm định.

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Kho thuốc nổ Đồng Nai (nay là cụm kho VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu) được UBND tỉnh Đồng Nai duyệt cấp địa điểm xây dựng kho VLNCN tại Quyết định số 48/QĐ/UBT ngày 12/01/1984 và phê duyệt cấp đất xây dựng kho VLNCN tại Quyết định số 1359/QĐ-UBT ngày 16/10/1986 và ngày 03/6/1985, được Bộ Mỏ và Than phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật tại văn bản số 299/MT/XDCB.

Ngày 26/6/1990, kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo Quyết định số 39NL/XDCB của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương) và địa điểm kho vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) tại xã Mỹ Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc địa phận ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc sự quản lý trực tiếp của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco. Do tính chất nguy hiểm của VLNCN, cần những yêu cầu nghiêm ngặt về sự an toàn tuyệt đối trong việc bảo quản, dự trữ VLNCN nên vị trí được chọn để xây dựng kho VLNCN có những đặc điểm cơ bản như: Khu vực có núi bao bọc xung quanh, xa khu dân cư, xung quanh không có di tích lịch sử cần bảo vệ, phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và các quy định liên quan.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

➤ Theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018:

**Đối với nước thải sản xuất:** Nước thải vệ sinh xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO chủ yếu từ việc vệ sinh các máy và thiết bị của xưởng. Do nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất thuốc nổ là  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  nên nước thải của nó chứa nhiều SS, N tổng cao, COD cao, pH thấp, dầu mỡ các loại... đơn vị đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh:

- Bể 01 xử lý dầu: Dùng giấy thấm dầu để xử lý;
- Bể 02 xử lý Nito: Dùng Enzym chế phẩm để xử lý;

- Bể 03: Bể lắng trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

Chất lượng nước thải sản xuất (đầu ra) sau khi qua hệ thống xử lý bằng phương pháp vi sinh đảm bảo chất lượng nước thải sản xuất theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

***Đối với không khí lao động:*** Trong quá trình vận hành, cơ sở luôn mở cửa thông gió tại xưởng sản xuất và các nhà kho, đồng thời trồng cây xanh xung quanh các nhà kho và dọc tuyến đường vận chuyển để điều hòa vi khí hậu.

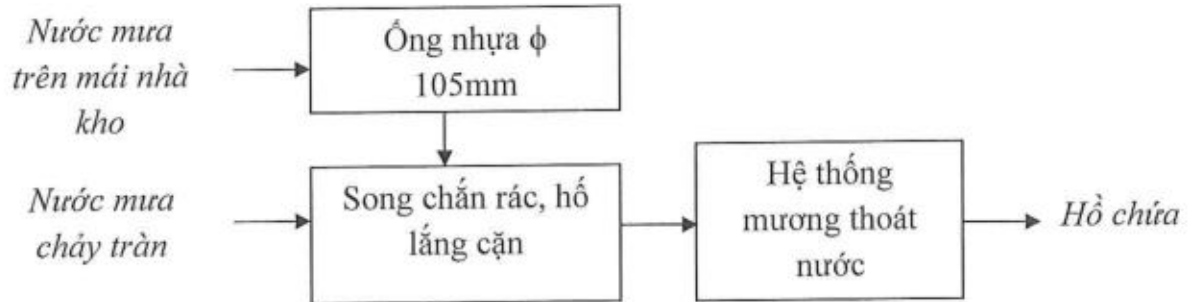


### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3. 1 Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn

#### Nước mưa chảy tràn trên khu vực kho bao gồm:

Lượng nước mưa trên mái nhà kho được đưa xuống rãnh thoát nước quanh nhà kho bằng ống dẫn có đường kính  $\phi 105\text{mm}$ .

Lượng nước mưa rơi trực tiếp vào khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước quanh các nhà kho với kích thước: dài 743,5m x rộng 0,3m x sâu 0,3m, sau đó qua hệ thống mương rãnh thoát nước dọc đường vận chuyển nội bộ với kích thước: dài 685m x rộng 0,7m x cao x 0,6m.

Điểm tiếp nhận nước sau khi qua hệ thống thoát nước dọc đường vận chuyển là những hồ nước nhân tạo phía Đông - Nam - Bắc khu vực kho có dung tích rất lớn phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy của đơn vị.

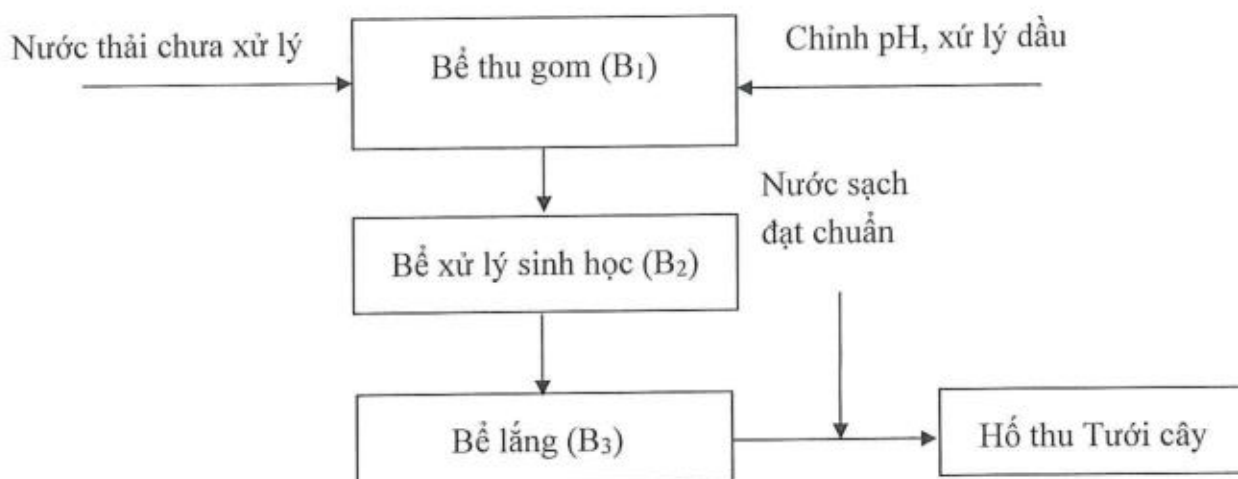
**Vai trò:** Hồ thu này đóng vai trò dự trữ nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy của kho và tưới tiêu trong khuôn viên kho. Hồ thu này có nhiều nước vào mùa mưa, vào mùa khô có ít nước.

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

##### 1.2.1. Nước thải sản xuất:

##### 1.2.1.1 Hệ thống xử lý nước thải tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO:

Hiện tại, phân xưởng đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 2 Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất

Nước thải của phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO chứa các chất tan, chất lơ lửng dạng rắn, lỏng, các chất hữu cơ phân hủy sinh học, các chất dạng keo, kim loại nặng, ...

Trước tiên, nước thải qua song chắn rác rồi tập trung lại tại hồ thu (B<sub>1</sub>). Từ đây nước thải được trung hòa pH, quá trình điều chỉnh pH xảy ra đồng thời kết hợp với quá trình xử lý hóa học. Ngoài ra, đơn vị trang bị giấy thấm dầu để loại bỏ lượng váng dầu trên bề mặt nước thải.

Sau khi điều chỉnh pH đến giá trị thích hợp và xử lý váng dầu nước thải tiếp tục chảy qua bể xử lý sinh học (B<sub>2</sub>).

Tại bể xử lý sinh học nước thải sẽ được xáo trộn liên tục (bằng cách bơm sục khí) với không khí sẽ diễn ra quá trình phân hủy các chất bẩn bằng vi sinh hiếu khí, có nghĩa là các vi sinh vật chuyên dụng sẽ tiêu thụ các chất bẩn có trong nước thải để sinh trưởng và phát triển. Oxy cung cấp cho vi sinh trong quá trình sinh trưởng và phát triển bằng máy thổi khí chuyên dụng kết hợp với đĩa thổi khí. Tại đây các quá trình sẽ diễn ra 3 pha đó là: pha thích nghi, pha sinh trưởng và pha chết... Nước thải khi vào xử lý sinh học sẽ qua giai đoạn vi sinh thích nghi với thức ăn cơ trong nước thải, sau khi thích nghi nó sẽ trải qua giai đoạn sinh trưởng phát triển. Tại giai đoạn này kích thước, số lượng vi sinh tăng lên theo cấp số nhân. Để xử lý hiếu khí BOD:N:P = 150:5:1. Sau khi sinh trưởng và phát triển xong nó sẽ chuyển qua giai đoạn chết. Tại bể xử lý sinh học hàm lượng COD, BOD xử lý gần 90%, tổng N, P xử lý gần 80%, cặn SS, ... Tất cả xử lý gần 80%.

Nước thải sau khi được xử lý sinh học sẽ tự lắng tại bể bằng trọng lực, lượng bùn lắng ở đáy thuê đơn vị có chức năng xử lý.

Nước thải sau đó được xả qua bể lắng 2 trước khi thoát ra môi trường.

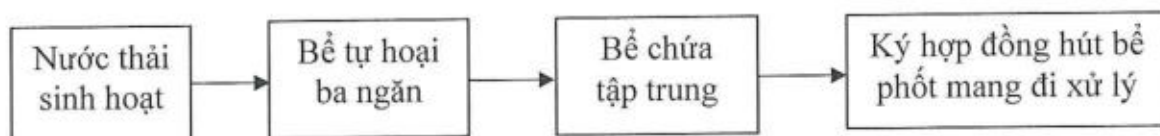
### 1.2.2. Nước thải sinh hoạt

#### Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- **Mạng lưới thu gom:** Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà vệ sinh từ các hoạt động vệ sinh, rửa chân tay của cán bộ công nhân viên làm việc tại khu kho chứa và xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO, tại đây nước thải được thu gom qua song chắn rác rồi dẫn xuống bể tự hoại ba ngăn bằng đường ống nhựa PVC  $\Phi 114$  mm.

- **Mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt:** Nước thải sinh hoạt sau khi được thu gom và xử lý tại bể tự hoại sẽ được đấu nối với hố chứa ba ngăn. Nước tại hố chứa ba ngăn sẽ được hợp đồng đơn vị chức năng hút và xử lý (kể cả bùn và nước thải) không xả thải ra môi trường bên ngoài.

Sức chứa tối đa của hệ thống bể tự hoại ba ngăn là 9,4 và 4,9 m<sup>3</sup>; để tăng hiệu quả xử lý của hệ thống nước thải sinh hoạt, chủ cơ sở xây dựng 02 bể chứa tập trung dung tích 14,8 m<sup>3</sup>/bể để thu gom nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại ba ngăn đáp ứng được yêu cầu xử lý nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên thường xuyên làm việc tại kho chứa.

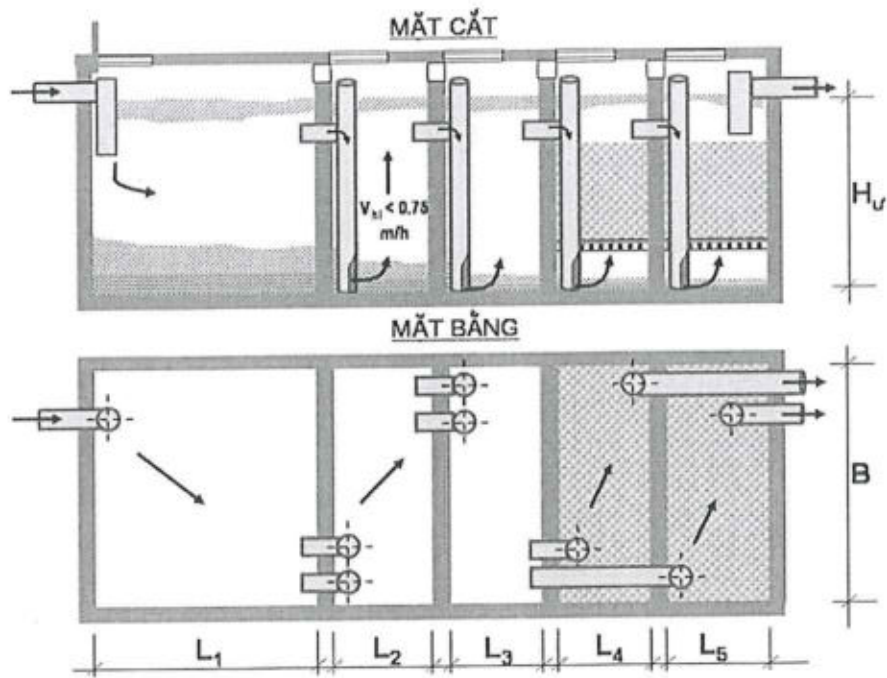


Hình 3. 3 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt

- *Hiện tại:* Hiện nay tại trong kho đã có 02 nhà vệ sinh tại vị trí cổng kho, xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO. Nước sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh đều được thu gom về bể tự hoại.

- *Bể tự hoại 3 ngăn:* Chức năng của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng nước thải từ nhà vệ sinh.

Sơ đồ nguyên lý bể tự hoại 3 ngăn:



Hình 3. 5 Sơ đồ nguyên lý bể tự hoại 3 ngăn

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm bể chứa nước - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí, gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước. Lớp vật liệu lọc bao gồm 3 lớp: Lớp sạn 1x3cm, lớp cát vàng, lớp đá 4x6cm. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn bằng bê tông để nước từ bể lắng được tràn đều trên bề mặt lớp lọc.

#### ❖ Cách thức thi công, xây dựng:

Bể tự hoại được xây gạch kiểu tường đôi (độ dày 220 mm), xếp gạch một hàng dọc lại một hàng ngang, xây bằng gạch đặc mác 75 và vữa xi măng cát vàng mác 75, mạch vữa, dày, miết kỹ.

Cả mặt trong, mặt ngoài của bể tự hoại 3 ngăn được trát vữa xi măng cát vàng mác 75, dày 20 mm, chia làm 2 lớp: Lớp đầu dày 10 mm có khía bay, lớp ngoài dày 10 mm, trát vữa miết kỹ, ngoài cùng đánh màu xi măng nguyên chất chống thấm.

Tại các góc bể tự hoại 03 ngăn (phần ở giữa thành với thành bể và giữa thành với đáy bể) được trát nguyết góc. Đặt các tấm lưới thép có kích thước 10 x 10 mm chống nứt và chống thấm vào mặt trong tường bể, một phần lưới nằm trên đáy bể ít nhất 200 mm.

Đáy bể được làm bằng bê tông cốt thép, đổ liền khối với dầm bao quanh chu vi bể ở chân tường cao 100 mm để chống thấm cho bồn cầu.

Để tăng hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở và đảm bảo không thải chất thải ra môi trường, Chủ cơ sở dự kiến sẽ cho xây dựng bể chứa nước thải sinh hoạt tập trung.

### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Xử lý nước mưa:

##### > Hồ thu nước:

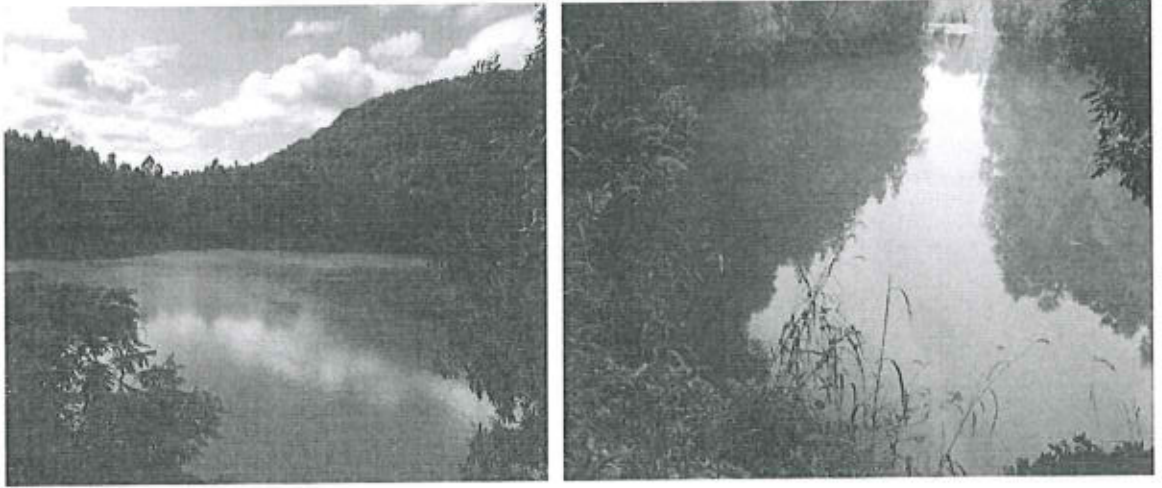
Hiện tại, trong khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu có 04 hồ chứa nước phục vụ lưu chứa nước mưa chảy tràn từ khu vực kho và phục vụ cho công tác PCCC của đơn vị.

- 02 hồ nước ở phía Bắc có dung tích chứa từ  $15.000 \text{ m}^3 \div 25.000 \text{ m}^3$  nước (mùa mưa chứa  $25.000 \text{ m}^3/\text{hồ}$  và mùa khô chứa  $15.000 \text{ m}^3/\text{hồ}$ ): Với kích thước tương ứng hồ gần cổng kho (chiều dài x rộng x sâu) lần lượt là  $220 \text{ m} \times 95 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \times 0,33 \approx 25.000 \text{ m}^3$  nước và hồ dọc đường vận chuyển lần lượt là  $160 \text{ m} \times 84 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \times 0,33 \approx 15.000 \text{ m}^3$  (0,33 tỷ lệ nước có trong hồ).

- 01 hồ nước ở phía Nam có dung tích chứa  $5.000 \text{ m}^3$  tương ứng chiều dài x rộng x sâu lần lượt là  $55 \text{ m} \times 26 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \approx 5.000 \text{ m}^3$  và 01 hồ nước ở phía Tây có dung tích chứa từ  $15.000 \text{ m}^3$  tương ứng với chiều dài x rộng x sâu lần lượt là  $124 \text{ m} \times 35 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \approx 15.000 \text{ m}^3$

*Kết cấu xây dựng chung:* Hồ nước được đào đắp, xây dựng từ quá trình hình thành kho, xung quanh được trồng cây đảm bảo tránh sạt lở.

*Vai trò:* Thu toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn khu vực kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu và dự trữ nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy của đơn vị.



Hình 3. 4 Hồ nước khu vực kho VLNCN

> **Hệ thống mương, rãnh thoát nước:**

**Hệ thống mương rãnh xung quanh các nhà kho và dọc đường vận chuyển nội bộ:**

- Mương, rãnh thoát nước xung quanh kho: Tổng chiều dài rãnh thoát nước xung quanh các nhà kho có tổng chiều dài 743,5 m x rộng 0,3 m x sâu 0,3 m;

- Mương rãnh thoát nước dọc đường vận chuyển nội bộ có tổng chiều dài 770m x rộng 0,7m x sâu 0,6m.

Thông số hệ thống mương, rãnh của từng nhà kho được thể hiện với kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều sâu cụ thể như bảng sau:

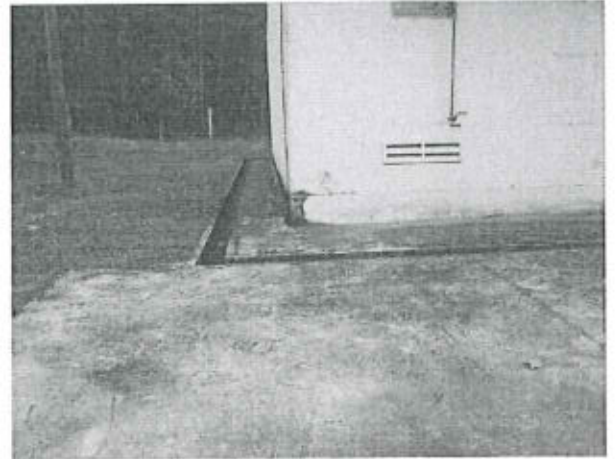
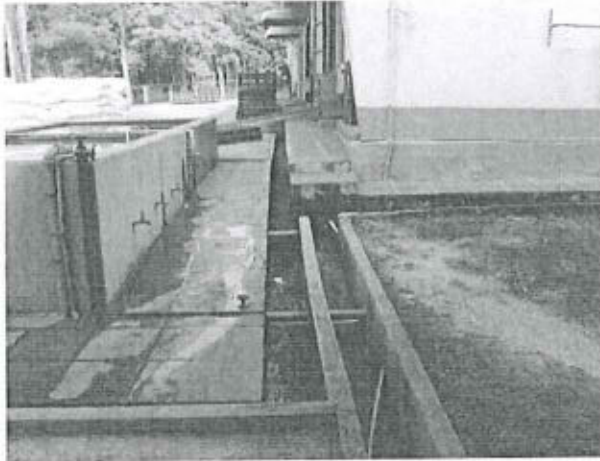
Bảng 3. 1 Kích thước mương rãnh thoát nước các nhà kho và dọc đường vận chuyển

STT	Nội dung	Đơn vị	Kích thước		
			Dài	Rộng	Sâu
1	Kho số 1	m	87	0,3	0,3
2	Kho số 2	m	91,5	0,3	0,3
3	Kho số 3	m	93	0,3	0,3
4	Kho số 4	m	90	0,3	0,3
5	Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO	m	112	0,3	0,3
6	Kho số 6	m	56	0,3	0,3
7	Kho số 7	m	46	0,3	0,3
8	Kho số 8	m	83	0,3	0,3
9	Dọc tuyến đường vận chuyển nội bộ.	m	770	0,7	0,6
10	<b>Tổng cộng</b>	<b>m</b>	<b>1.518,5</b>		

Kết cấu kỹ thuật và cách thức thi công hệ thống mương, rãnh: Hệ thống mương, rãnh được thi công bằng thủ công, thuê thợ bên ngoài thi công.

Sử dụng kè bằng đá, vật liệu kết dính bằng vữa, trát xi măng bên ngoài.

Hàng năm, đơn vị lên kế hoạch kiểm tra, sửa chữa và bảo dưỡng theo định kỳ đảm bảo công trình vận hành đạt hiệu quả cao nhất.



Hình 3. 5 Mương rãnh quanh các nhà kho

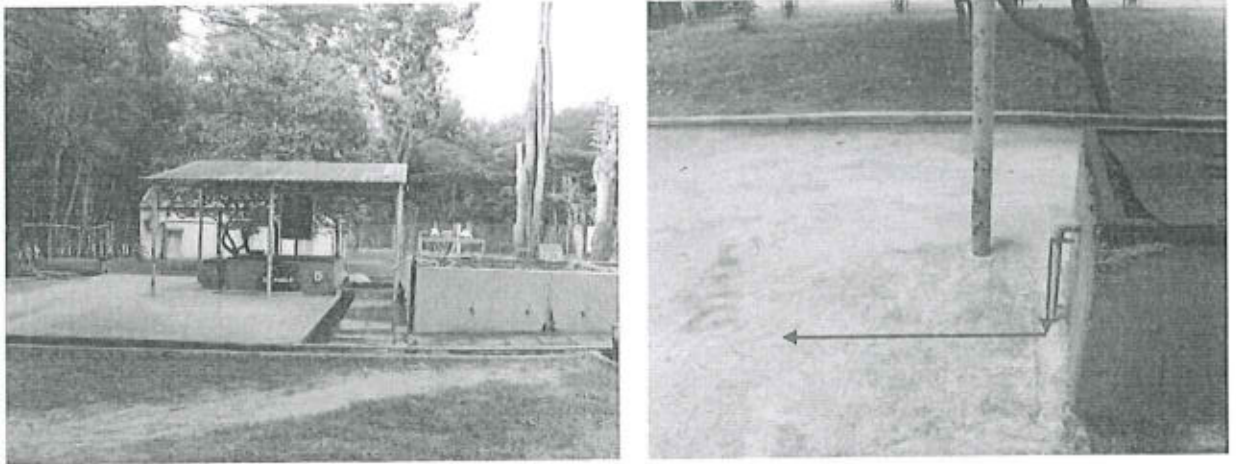


Hình 3. 6 Hệ thống rãnh thoát nước dọc tuyến đường vận chuyển nội bộ

### 1.3.2. Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất chỉ phát sinh trong khu vực phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO chủ yếu từ việc rửa dụng cụ sản xuất: ca, xô,... Đơn vị đã tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại đây. Tổng dung tích chứa  $6,4\text{m}^3$ , hệ thống xử lý và cấu tạo 03 bể:

- Bể 1: Dung tích  $1,5\text{m}^3$  với kích thước (dài x rộng x sâu):  $1,5\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$ ;
- Bể 2: Dung:  $3,37\text{m}^3$  với kích thước (dài x rộng x sâu):  $2,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$ ;
- Bể 3: Dung tích:  $1,5\text{m}^3$  với kích thước (dài x rộng x sâu):  $1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,5\text{m}$ ;



Hình 3. 7 Hệ thống xử lý NTSX và đường ống PVC dẫn nước thải

Nước thải sau khi xử lý được dẫn ra hồ phía Tây xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO có tọa  $X = 1178064$ ;  $Y = 0445857$ . Nguồn tiếp nhận là hồ dự trữ nước cứu hỏa nên nước sau xử lý yêu cầu đạt Quy chuẩn so sánh QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B,  $K_q = 1,0$ ; hệ số  $K_f = 1,0$ .

### 1.3.3. Nước thải sinh hoạt

Khu vực kho Bà Rịa-Vũng Tàu được trang bị 02 nhà vệ sinh khép kín được đặt tại:

- + Công chính cụm kho có thể tích chứa  $4,9 \text{ m}^3$ .
- + Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO có thể tích chứa  $9,4 \text{ m}^3$ .
- ❖ Thông số kỹ thuật bể tự hoại 03 ngăn khu vực công kho: Dung tích  $4,9 \text{ m}^3$

Bảng 3. 2 Thông số kỹ thuật của bể tự hoại khu vực công kho

Loại bể	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Dung tích chứa nước ( $V, \text{m}^3$ )
Bể chứa	1,3	1,3	1,2	2,03
Bể lắng	1,3	1,3	1,2	2,03
Bể lọc	0,85	0,85	1,2	0,87

Khu vực nhà vệ sinh tại công kho có sức chứa tối đa  $4,9 \text{ m}^3$ , hiện tại đáp ứng được yêu cầu vệ sinh cá nhân của đội ngũ tuần tra, bảo vệ trong quá trình hoạt động của cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ❖ Bể tự hoại khu phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO: Dung tích  $9,4 \text{ m}^3$ .



*Bảng 3. 3 Thông số kỹ thuật của bể tự hoại khu vực phân xưởng ANFO*

Loại bể	Chiều dài bể (m)	Chiều rộng bể (m)	Chiều cao bể (m)	Dung tích chứa nước (V, m <sup>3</sup> )
Bể chứa	1,6	1,6	1,9	4,8
Bể lắng	1,3	0,93	1,9	2,3
Bể lọc	1,3	0,93	1,9	2,3

Khu vực nhà vệ sinh tại Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO có sức chứa tối đa 9,4 m<sup>3</sup>, hiện tại đáp ứng được yêu cầu vệ sinh cá nhân của đội ngũ cán bộ công nhân viên đang làm việc tại phân xưởng.

- Cấu trúc kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn:

Bể tự hoại được thiết kế gồm 3 ngăn: Bể chứa, bể lắng, bể lọc.

- **Ngăn chứa:** Đây là nơi mà chất thải (phân, nước tiểu, giấy vệ sinh,...) sau khi xả nước sẽ trực tiếp trôi xuống và các chất thải này sẽ ở đây một thời gian để chờ các vi khuẩn phân hủy thành bùn bề phốt. Đây là ngăn chứa có thể tích lớn nhất trong tổng diện tích của bể tự hoại 3 ngăn.

- **Ngăn lọc:** Nơi đây có chức năng lọc các chất thải lơ lửng sau khi đã được xử lý ở ngăn chứa. Ngăn lọc có thể tích bằng ¼ tổng diện tích của bể tự hoại 3 ngăn.

- **Ngăn lắng:** Ngăn lắng là nơi chứa các chất thải không thể phân hủy được như: tóc, nhựa, kim loại,... tầng trên của ngăn lắng là nước trong và sẽ được thải ra ngoài. Ngăn lắng có thể tích bằng ¼ thể tích toàn bể tự hoại 3 ngăn.



*Hình 3. 8 Nhà vệ sinh tại Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO*

Để tăng hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt, chủ cơ sở sẽ xây dựng thêm 01 bể chứa tập trung dung tích 14,8 m<sup>3</sup> để tiếp nhận nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn. Nước tại bể chứa tập trung này lưu chứa chờ đơn vị có chức năng hút mang đi xử lý.

Định kỳ hàng năm, công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút bể phốt, nước thải và chất thải được mang đi xử lý, đảm bảo tuyệt đối không thải ra môi trường.

> **Đánh giá hiệu quả sử dụng:** Bể tự hoại 3 ngăn dễ xây dựng, dễ vận hành và có hiệu quả xử lý cao đáp ứng yêu cầu thực tế tại đơn vị.

Để giảm thiểu mùi hôi và các bệnh truyền nhiễm từ nhà vệ sinh, công ty đã sử dụng các biện pháp:

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà vệ sinh.
- Sử dụng nước xịt phòng để khử bớt mùi hôi.
- Trang bị xà phòng rửa tay cho người lao động.
- Định kỳ kiểm tra, sửa chữa các thiết bị được lắp đặt trong nhà vệ sinh..

➤ *Đề xuất biện pháp tăng cường xử lý nước thải sau bể tự hoại: Sử dụng bể chứa nước thải tập trung.*

Vị trí: Bể chứa nước thải tập trung dự kiến được đặt phía sau nhà vệ sinh công kho và tại xưởng sản xuất anfo nhằm thuận tiện cho công tác đấu nối đường ống và xe chuyên dụng tiếp cận dễ dàng.

#### ✦ **Thông số kỹ thuật của bể chứa nước tập trung dự kiến:**

- Bể chứa nước tập trung được xây dựng bằng bê tông cốt thép: dùng loại bê tông C25 trong đương M300; Cốt thép thì dùng lưới thép hàn từ cốt thép các bon kéo nguội cường độ cao có fy = 500. Các mặt xung quanh được trát xi măng, đặc biệt là phủ đáy chống thấm. Bên trên bề mặt bố trí nắp đậy kín. Dung tích bể khoảng 14,8 m<sup>3</sup>. Kích thước Dài x rộng x sâu = 3,4 x 2,5 x 2,42 m.

> **Đánh giá hiệu quả sử dụng:** Bể xây dựng, dễ vận hành và có hiệu quả xử lý cao đáp ứng yêu cầu thực tế tại đơn vị. Đảm bảo không thải chất thải, nước thải ra môi trường mà được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định. Một số đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã đưa vào sử dụng và đạt hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí.

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

### **2. 1 Giảm thiểu khí thải trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO:**

#### **Các biện pháp kỹ thuật:**

Nhằm hạn chế lượng khí thải (hơi dầu DO) phát tán ra môi trường trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO, đơn vị đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật như sau:

- + Lắp đặt hệ thống quạt thông gió: 05 cái.
- + Lắp đặt quạt hút dưới mái nhà kho khu vực sản xuất thuốc nổ ANFO: 03 cái.
- + Thiết kế 02 cửa ra vào rộng 1,8m x cao 2,4m và 03 cửa phụ kích thước rộng

1,8m x cao 2,2m, được mở thông thoáng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, cửa được làm bằng sắt, gồm 02 lớp cửa trong và cửa ngoài.

+ Thiết kế 10 cửa sổ thông gió có kích thước rộng 1,2m x cao 1,8m, được mở thông thoáng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất.

+ Phía trước là sân bê tông rộng 10m x dài 40m.

+ Đã triển khai và đưa vào hoạt động hệ thống, thiết bị sản xuất ANFO tự động khép kín từ công đoạn trộn đến công đoạn đóng gói nhằm giảm thiểu mùi dầu DO phát tán ra môi trường trong hoạt động sản xuất.



Hình 3. 9 Quạt hút và đẩy tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO

#### ➤ **Đánh giá hiệu quả:**

- Các biện pháp thực hiện giảm thiểu mùi dầu, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO hiện đang áp dụng hiệu quả. Mùi dầu DO trong quá trình hoạt động sản xuất thuốc nổ ANFO đã giảm xuống.

#### **2.2 Giảm thiểu khí thải trong hoạt động vận chuyển**

- Đơn vị đã trồng cây xanh dọc khu vực đường vận chuyển, xung quanh kho và tiến hành dặm vá, cải tạo thường xuyên.

- *Đường vận chuyển trong kho:* Đã xây dựng đường vận chuyển trong kho trải đá dăm, láng nhựa có tổng chiều dài 660m x rộng 6m.

- *Đường vận chuyển ngoài kho:* Đã xây dựng đường vận chuyển khu vực ngoài kho từ cổng kho đến QL81 được trải đá dăm, láng nhựa có tổng chiều dài 1.260m x rộng 6m.

- Bố trí lao động quét dọn lá cây trên đường vận chuyển, mương rãnh thoát nước.

- Thường xuyên sửa chữa, dặm vá đường vận chuyển.

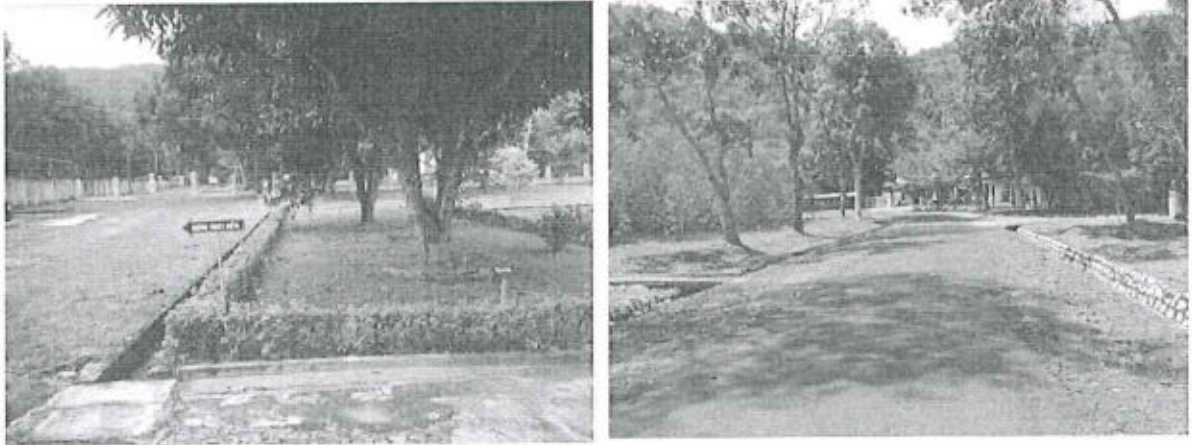
- Điều phối xe tải ra vào hợp lý trong quá trình xuất nhập, tránh gây ách tắc trên

đường vận chuyển trong và ngoài kho;

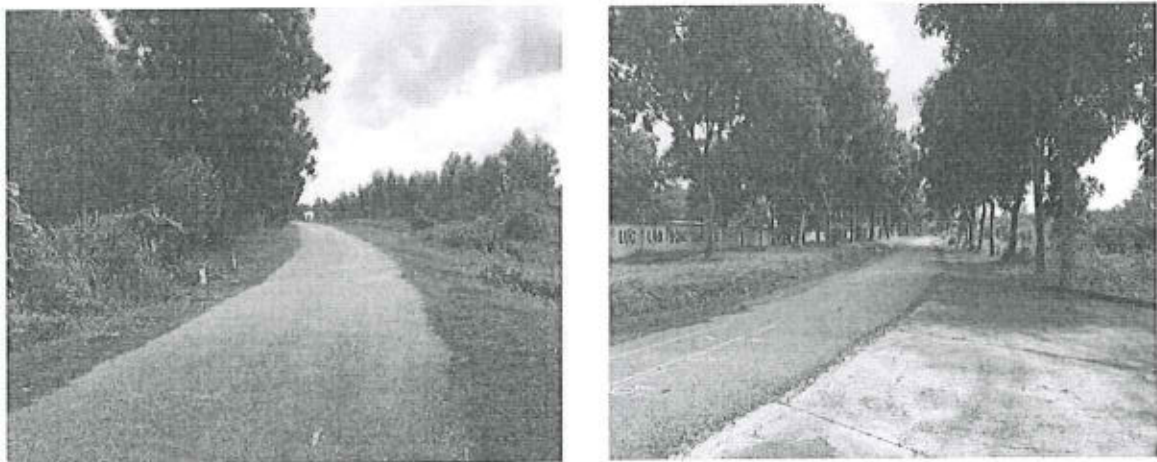
- Sử dụng xe chuyên dụng;
- Xe được kiểm định, bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ;
- Thực hiện công tác vận chuyển VLNCN theo đúng quy định hiện hành.

➤ **Đánh giá hiệu quả:**

Các biện pháp trên đơn vị đang vận hành, áp dụng mang lại hiệu quả cao.



Hình 3. 10 Cây xanh dọc đường vận chuyển trong khu vực kho



Hình 3. 11 Cây xanh dọc đường vận chuyển ngoài kho

## 2.2 Các biện pháp quản lý:

Ngoài các công trình xây dựng để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải thì đơn vị còn áp dụng các biện pháp quản lý như sau:

- Phương tiện vận chuyển được kiểm định theo định kỳ, vận chuyển đúng trọng tải, kiểm tra nghiêm ngặt về an toàn phòng chống cháy nổ.
- Phân bố luồng xe tải ra vào khu vực kho phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Khi bốc dỡ hàng hóa, công nhân sẽ được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân.

- Bố trí lao động quét dọn, vệ sinh đường vận chuyển, rãnh thoát nước (nhân viên bảo vệ trực ca).

- Thường xuyên bảo dưỡng đường vận chuyển nội bộ theo định kỳ hàng năm, sửa chữa, dặm vá khi có hỏng hóc đột xuất.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Chất thải rắn sản xuất**

- Bao bì thải: Được phân loại và thu gom về chòi tạm tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO để tái sử dụng, phần bao bì thải hư hỏng đổi trả lại nhà sản xuất.

- Bao bì lỗi từ nhà sản xuất được thu gom và trả lại nhà sản xuất.

#### **3.2. Chất thải sinh hoạt**

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là giấy văn phòng, túi nylon, thùng giấy, lá cây,... Tổng lượng phát thải 180 kg/tháng.

+ 04 thùng rác loại 10 lít tại các chòi gác và cổng bảo vệ;

+ 08 thùng rác loại 240 lít tại các khu vực phân xưởng sản xuất ANFO và các nhà kho;

Rác thải thuộc rác thực phẩm, túi nilon,.. phân loại và gom lại tại khu lưu trữ rác chờ đơn vị dịch vụ môi trường đến thu gom và xử lý hàng ngày.

Công ty đã làm Hợp đồng dịch vụ vệ sinh với Công ty Cổ phần dịch vụ Đô thị Tân Thành vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. *[Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục báo cáo]*

#### **Công ty Cổ phần dịch vụ Đô thị Tân Thành:**

Đại diện: (Ông) Bùi Kế Tường Huy Chức vụ: Giám đốc

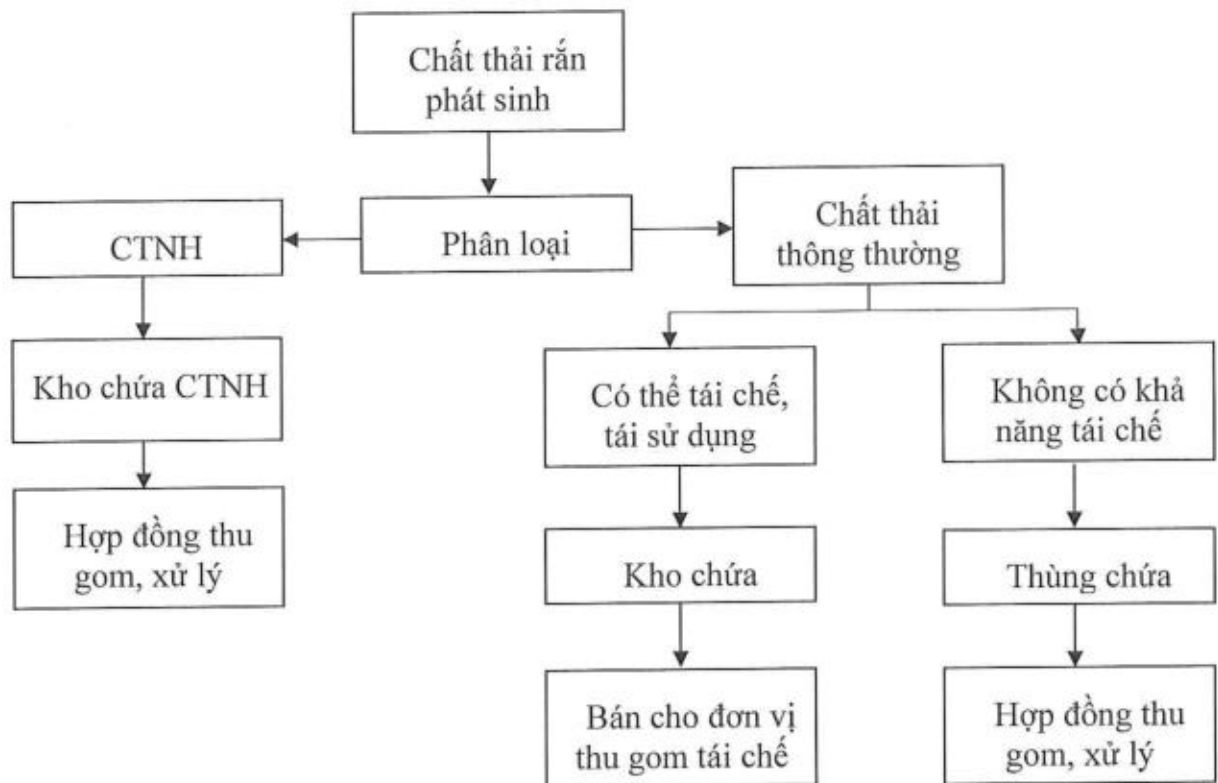
Địa chỉ: Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0274.3.923.407

Fax: 0274.3.921.729



Hình 3. 12 Thùng rác thải sinh hoạt trong kho



Hình 3. 13 Quy trình quản lý chất thải rắn tại đơn vị

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

##### 4.1. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành

- Lượng phát sinh chất thải nguy hại tại đơn vị phát sinh khoảng 70÷90 kg/tháng theo dự báo trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định

số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 gồm các loại: Giẻ lau dính dầu, bao bì dính dầu, dầu thải, giấy thấm dầu... Tuy nhiên trong thực tế lượng CTNH phát sinh rất ít vì đã sử dụng những công nghệ mới như thay bóng đèn huỳnh quang bằng bóng đèn Led, hoạt động sản xuất thuốc nổ ANFO sử dụng dây chuyền tự động nên phát sinh rất ít chất thải, giẻ lau dính dầu mỡ...

*Bảng 3. 4 Bảng tổng hợp khối lượng và thành phần CTNH dự báo phát sinh tại cơ sở*

Tên chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Trạng thái			Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	CTNH thu gom năm 2022
			Rắn	Lỏng	Bùn		
Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	x			Công ty cổ phần môi trường Sao Việt-GPXLCTNH số 3-4-5-6.011.VX	3
Giẻ lau máy	Kg	18 02 01	x				3
Bóng đèn huỳnh quang	Kg	16 01 06	x				1
Hóa chất thải	Lít	17 02 04		x			4
<b>Tổng số lượng</b>							<b>11</b>

*[Nguồn: Chứng từ chất thải nguy hại năm 2022]*

#### 4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

##### ❖ Cấu trúc xây dựng kho chứa CTNH:

- Diện tích 7,5 m<sup>2</sup> với kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao tương ứng là: 3,0m x 2,5m x 2,5m.

- Xây dựng gờ chống tràn tại cửa ra vào;

- Xây dựng rãnh bên trong kho CTNH với kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao tương ứng là: 8,0m x 0,1m x 0,1m.

- Bố trí hố thu bên trong để thu gom dầu nhớt vãi (chiều dài x chiều rộng x chiều sâu tương ứng là: 0,4m x 0,4m x 0,3m);

- Xung quanh kho CTNH được xây gạch cao 1,0m sau đó gắn tôn xung quanh, gắn biển cảnh báo.

- Bên trong bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 240 lít, có nắp đậy, có bánh xe di chuyển. Mỗi thùng đều được dán nhãn mã chất thải nguy hại riêng biệt.

Đơn vị đã xây dựng kho CTNH đảm bảo tính an toàn: không bị rò rỉ, không cháy

trần, dán nhãn bên trong thùng chứa, biển báo bên ngoài kho,...theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định về quản lý chất thải nguy hại.



Hình 3. 14 Kho chứa chất thải nguy hại

- **Xử lý chất thải nguy hại:** Đơn vị đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Sao Việt để vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại đơn vị. Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải số 53/2022/HĐXLCT-SV ngày 10/01/2022 giữa Công ty TNHH Công nghiệp HCM Nam Bộ - Micco và Công ty cổ phần môi trường Sao Việt. Thông tin đơn vị thu gom và xử lý chất thải nguy hại như sau:

**Công ty Cổ phần Sao Việt:**

Địa chỉ: Lô D3, khu Đại An, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Văn phòng đại diện tại Bình Dương: Ô1, Lô DC 17, KDC Việt – Sing, Kp.4, P.An Phú, Tx. Thuận An, Bình Dương.

Địa chỉ Nhà máy: Lô số 7, Khu xử lý tập trung xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 02543.948.678

Fax: 02543.948.675

Đại diện: Ông Phùng Văn Thái

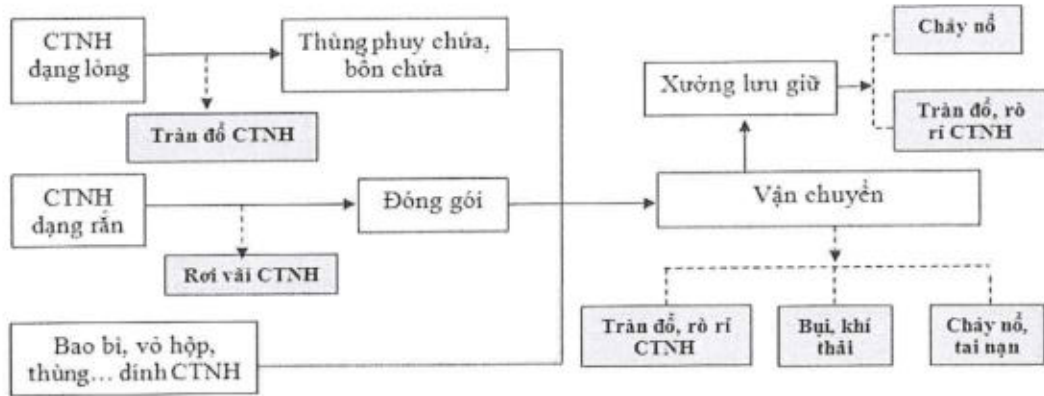
Chức vụ: Tổng Giám đốc

**❖ Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Xây dựng kho theo đúng thiết kế và lưu giữ tạm thời CTNH theo quy định;
- Tuân thủ quy định quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý;
- Thường xuyên theo dõi tình trạng nền kho, mương rãnh, mái che, hồ gom dầu tránh quá tải.



- Quy trình thu gom chất thải nguy hại về kho lưu trữ:
- + Chất thải nguy hại được thu gom từ các nguồn thải và phân loại theo từng loại chứa trong các thùng phuy đảm bảo tránh sự rò rỉ ra bên ngoài.
- + Khi đạt khối lượng nhất định, liên hệ với đơn vị có chức năng tới vận chuyển và xử lý theo quy định.



Hình 3. 15 Sơ đồ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở

### 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO tiếng ồn và rung phát sinh tại dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói. Để giảm thiểu, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung đơn vị đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí hoạt động theo từng ca sản xuất hợp lý;
- Xây dựng hệ thống nền móng của trạm trộn vững chắc, rộng rãi, thường xuyên kiểm tra chân móng, đế máy và thường xuyên bảo dưỡng máy móc;
- Thường xuyên tra dầu mỡ vào các khớp nối, bộ phận chuyển động của máy móc, thiết bị để giảm thiểu ma sát phát sinh ra tiếng ồn.
- Mở cửa thông gió xung quanh nhà xưởng trong quá trình sản xuất.
- Ngoài nhà xưởng cơ sở tiến hành trồng cây quanh các khu vực phát thải tiếng ồn lớn và khu vực cần bảo vệ như đường vận chuyển trong và ngoài khu vực kho.

#### ➤ Đánh giá hiệu quả:

- Dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói hoạt động ít gây tiếng ồn, rung và những biện pháp áp dụng như trên cơ bản đã giảm thiểu được tiếng ồn, rung phát tán trong quá trình hoạt động.

#### ❖ Quy chuẩn áp dụng đối với độ rung

- Độ rung tại nơi làm việc: QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

Bảng 3. 5 Giới hạn độ rung cho phép

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

❖ **Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn**

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Bảng 3. 6 Giới hạn tiếng ồn cho phép

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

## 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Do hoạt động tại kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu vừa lưu chứa vật liệu nổ công nghiệp đồng thời diễn ra hoạt động sản xuất thuốc nổ ANFO nên công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất đặc biệt được quan tâm đặc biệt. Vì nó tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ, đặc biệt là nguy cơ cháy nổ, các sự cố về hóa chất. Khi xảy ra các sự cố về cháy nổ, hóa chất sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường. Do đó, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ tham khảo các sự cố, phương án trong kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 3349/QĐ-BCT ngày 17/9/2018.

### 6.1. Biện pháp về phòng ngừa

#### 6.1.1. Các biện pháp về quản lý

##### a) Nội quy, quy chế làm việc

- Ban hành quy chế quản lý VLNCN nghiêm ngặt tới toàn thể CBCNV trong đơn vị.
- Kỷ luật nghiêm khắc các cá nhân vi phạm quy chế.
- Bố trí đội ngũ bảo vệ, tuần tra 24/24h.

- Kiểm tra hành lang bảo vệ, hàng rào, ánh sáng của hệ thống kho, phương tiện xe máy, hệ thống thông tin liên lạc, công tác vệ sinh công nghiệp, quản lý công cụ hỗ trợ, công tác sẵn sàng chiến đấu.

- Kiểm tra công tác tự quản về an ninh trật tự, bố trí mục tiêu canh gác hợp lý để khép kín khu vực và thời gian trong ngày đảm bảo an toàn cho kho chứa.

- Rà soát danh sách lực lượng bảo vệ tham gia thường trực tuần tra canh gác, đồng thời đảm bảo đủ lực lượng tăng cường tuần tra, kiểm tra khu vực.

- Kiểm tra việc thực hiện phương án bảo vệ trong toàn đơn vị.

- Kiểm tra việc thực hiện các nội quy, quy định an toàn an ninh trật tự, các đối tượng ra vào kho, khách hàng vào cơ quan và các biện pháp phòng ngừa, việc triển khai phương án bảo vệ của các đơn vị và lực lượng bảo vệ.

*b) Các điều kiện bảo quản về nhiệt độ, chống va đập, chống sét*

Nhằm quản lý hoạt động xuất nhập kho VLNCN của đơn vị tốt, đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị đã thực hiện đúng theo QCVN 01: 2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

*c) Cảnh báo:* Đơn vị đã trang bị các biển cảnh báo ở những nơi nguy hiểm, nơi có nguy cơ xảy ra sự cố,... nhằm thông báo, nhắc nhở các cán bộ, công nhân viên trong quá trình thực hiện công việc.

*Bảng 3. 7 Biển báo khu vực kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu*

TT	Nội dung biển	Vị trí	Màu nền, màu chữ	Kích thước (cm)	Số lượng
1	Sơn chữ <b>CÁM LỬA</b>	Trên tường các kho	Sơn đỏ	-	01 cảnh báo/kho
2	Biển <b>CÁM LỬA</b>	Khu vực bồn dầu	Chữ vàng, nền đỏ	15x30	02
3	Cảnh báo điện cao thế, rò rỉ	Trạm biến áp Cột cắt lọc sét	Chữ đen, nền trắng	30x45	02
4	Biển <b>NGUY HIỂM CÁM VÀO</b>	Trên tường vành đai kho	Nền đỏ, chữ vàng	30x45	20
5	Biển <b>NGUY HIỂM - CÁM LỬA</b>	Trên tường vành đai kho	Nền đỏ, chữ vàng	30x45	20
6	Biển báo những vật dụng cấm mang vào kho VLNCN	Cổng chính	Nền vàng, chữ đen	60x80	01

7	Biển <b>CẤM VÀO</b> trên Trụ thép, hình tròn	Ngoài vành đai kho	Chữ vàng, viền đỏ, nền trắng	Ø 60	03
8	Biển <b>HƯỚNG THOÁT HIỂM</b> hình chữ nhật.	Trong khu vực kho	Chữ vàng, nền đỏ và chữ trắng nền xanh.	20 x 60	10

*d) Giải pháp về chống cháy lan*

- Dọn sạch cây cỏ trong khoảng rộng không nhỏ hơn 5 m xung quanh nhà kho;
- Làm rãnh ngăn cháy xung quanh các nhà kho, thường xuyên trồng cây cối một dải đất rộng 5 m ở phía ngoài hàng rào kho. Bờ dốc và đáy rãnh ngăn lửa phải thường xuyên dọn sạch cây cỏ.

- Kho có đường ống dẫn nước xung quanh các nhà kho và các họng cấp nước chữa cháy bố trí tại lối vào các nhà kho và bể chứa nước chữa cháy. Có lối đi đến bể chứa nước thuận lợi. Lượng nước cấp bằng đường ống.

- Trong kho có treo bảng liệt kê các phương tiện dụng cụ chữa cháy, quy trình sử dụng và các biện pháp, phương án chữa cháy khi xảy ra cháy.

- Trong khu vực kho, cấm hút thuốc lá, đốt lửa, dùng ngọn lửa trần, sử dụng thiết bị phát sóng,... Người bảo vệ có trách nhiệm kiểm tra để không cho người vào kho mang theo diêm, bật lửa, súng đạn và các vật phát ra tia lửa do ma sát.

- Phòng an toàn và người phụ trách bảo vệ kho kiểm tra mỗi tháng một lần các phương tiện dập cháy bảo đảm đủ số lượng và luôn trong tình trạng tốt, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các biện pháp phòng cháy.

- Phòng KTCN kho kiểm tra kho một tuần một lần về tình trạng của kho, hệ thống bảo vệ, số lượng và chất lượng VLNCN bảo quản trong kho.

- Kho chứa thiết kế đúng theo yêu cầu của gian để chứa VLNCN phải có tường và trần làm bằng vật liệu chống cháy, không được bố trí các gian có người làm việc thường xuyên tiếp giáp (trên, dưới và hai bên) với gian có chứa VLNCN. Cửa gian có chứa VLNCN phải có khả năng chống cháy với giới hạn chịu lửa ít nhất 45 phút.

*e) Giải pháp bảo quản sản phẩm*

- Sắp xếp hàng hóa trong kho hợp lý, đúng quy định để không khí trong kho được thông thoáng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo quản VLNCN thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố.

Ngoài ra, đơn vị còn áp dụng các biện pháp khác như:

- Thường xuyên tổ chức hoạt động vệ sinh tập thể cho tất cả kho chứa.
- Thường xuyên phát quang cây cỏ xung quanh bờ tường rào khu vực kho 5 m, dọn dẹp lá cây tại các vị trí dễ xảy ra nguy cơ cháy nổ, tránh cháy lan.
- Theo dõi, cập nhật thông tin dự báo thời tiết, lên phương án gia cố, đóng cửa toàn bộ cửa, chằng chéo mái nhà kho khi xảy ra mưa bão, gió lốc.

### 6.1.2. Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ sự cố

Thực hiện theo Quyết định 246/QĐ-MICCO ngày 15/2/2022 của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ – Vinacomin quy định về việc ban hành Quy định kiểm tra, chấm điểm thực hiện công tác AT-VSLE như sau:

Bảng 3. 8 Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố

STT	Các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố	Kế hoạch kiểm tra, giám sát	Nội dung kiểm tra, giám sát	Trách nhiệm đơn vị kiểm tra, giám sát
1	Rò rỉ tại bồn dầu DO và đường ống dẫn dầu.	Kiểm tra thường xuyên (ca sản xuất).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra vết nứt, gỉ sét của đường ống dẫn dầu.</li> <li>- Lượng dầu trong bồn.</li> <li>- Kiểm tra dụng cụ, thiết bị PCCC khu vực bồn dầu DO.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.</li> <li>- Phòng An toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> </ul>
2	Cháy nổ tại bồn dầu DO, phân xưởng sản xuất ANFO.	Kiểm tra thường xuyên (ca sản xuất)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra vết nứt, gỉ sét của đường ống dẫn dầu.</li> <li>- Khoảng cách vành đai an toàn từ hàng rào đến khu vực trồng cây xanh.</li> <li>- Vật liệu cháy xung quanh các kho chứa.</li> <li>- Biện pháp ứng phó sự cố khi xảy ra cháy.</li> <li>- Kiểm tra dụng cụ, phương tiện PCCC khu vực nhà xưởng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.</li> <li>- Phòng An toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> </ul>

3	Mưa bão là tốc mái các nhà kho chứa Amoni Nitrate và phân xương sản xuất thuốc nổ ANFO.	Kiểm tra định kỳ (03 tháng/lần)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu mái, kèo nhà kho và tôn pro ximăng.</li> <li>- Vết nứt quanh tường nhà kho.</li> <li>- Dụng cụ, thiết bị để ứng phó khi xảy ra sự cố tốc mái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân xương sản xuất thuốc nổ ANFO.</li> <li>- Phòng An toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> <li>- Phân xưởng kho</li> </ul>
4	Cháy lá cây khu vực rừng phòng hộ và lan sang các kho chứa thuốc nổ.	Kiểm tra và phát quang thường xuyên (hàng tháng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và phát quang đường tuần tra canh gác.</li> <li>- Kiểm tra khoảng cách an toàn cháy lan.</li> <li>- Kiểm tra dụng cụ, thiết bị PCCC quanh kho.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng An toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> </ul>
5	Cháy lá cây khu vực rừng phòng hộ và lan sang kho số 7.	Kiểm tra và phát quang thường xuyên (hàng tháng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và phát quang đường tuần tra canh gác.</li> <li>- Kiểm tra khoảng cách an toàn cháy lan.</li> <li>- Kiểm tra dụng cụ, thiết bị PCCC khu vực kho.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng an toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> <li>- Phân xưởng kho</li> </ul>
6	Sạt lở đất đá từ chân núi Tóc Tiên	Kiểm tra đột xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vết nứt, trượt và độ nghiêng của tầng đá.</li> <li>- Xử lý hoặc gia cố ngay khi phát hiện hiện tượng sạt lở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng An toàn</li> <li>- Phòng KTCN</li> <li>- Phân xưởng kho</li> </ul>
7	Xe hỏng, chậm điện trong quá trình vận chuyển	Kiểm tra thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hệ thống điện, bình ắc quy.</li> <li>- Kiểm tra vận hành máy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng KTCN</li> </ul>

### ❖ Kiểm tra thường xuyên

Thủ kho và Quản đốc phối hợp với cán bộ môi trường và Phòng An toàn Công ty lên kế hoạch kiểm tra cụ thể và thường xuyên tình trạng các hóa chất hằng ngày để kịp thời xử lý khi hóa chất trong kho có hiện tượng như rò rỉ, chảy đổ, rách thùng, hư hại hay các nguy cơ mất an toàn khác.

#### Nội dung kiểm tra:

- Thường xuyên kiểm tra các kệ đỡ bao Amoni Nitrate, ván đỡ của tường kho để phát hiện nguy cơ vỡ đổ nếu có.

- Kiểm tra đường ống và các mối nối dẫn dầu từ bồn chứa lớn đến bồn chứa trung gian vào đến trạm trộn để nhanh chóng phát hiện các nguy cơ xảy ra sự cố sớm nhất.

- Hàng tháng cán bộ an toàn phải kiểm tra kho chứa Amoni Nitrate và khu vực chứa dầu DO.

- Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài kho, kiểm tra hệ thống thiết bị điện, dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc. Khi phát hiện các sự cố nguy hiểm (tràn đổ, cháy nổ...) phải báo ngay cho Quản lý xưởng sản xuất ANFO cùng với Quản đốc Phân xưởng kho Bà Rịa - Vũng Tàu và những người có trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

- Thời gian lưu trữ hồ sơ: 02 năm.

### ❖ Kiểm tra đột xuất

- Được tiến hành khi nghi ngờ có dấu hiệu bất thường.

- Hàng tháng Phòng An toàn toàn sẽ kết hợp với đội bảo vệ kiểm tra sự tuân thủ của bất kỳ cá nhân, bộ phận nào làm việc liên quan trong kho hoặc kiểm tra các phương tiện, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt và các phương tiện PCCC&CNCH để luôn luôn sẵn sàng trong mọi tình huống khi xảy ra sự cố.

- Thời gian lưu trữ hồ sơ: 02 năm.

### ❖ Kiểm tra định kỳ

- Thành lập đoàn kiểm tra, thành phần gồm đại diện các cơ quan kỹ thuật của Công ty: Phòng Kỹ thuật Công nghệ, Phòng An toàn, Phân xưởng kho Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chu kỳ kiểm tra: 03 tháng/1 lần.

- Nội dung kiểm tra: Ngoài kiểm tra các nội dung đã nêu ở trên, kiểm tra thêm các nội dung sau:



- Kiểm tra về hồ sơ, sổ sách công tác AT-VSLĐ; PCCC, BV-QS
- Kiểm tra hiện trường công tác PCTT – TKCN. Phòng cháy chữa cháy, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp trong sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.
- Kiểm tra việc thực hiện các nội quy, quy định về công tác an toàn đã được ban hành.
- Kiểm tra việc quản lý, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và việc kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại.
- Kiểm tra việc thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trong quản lý kho chứa VLNCN.
- Việc quản lý, sử dụng và tình trạng hoạt động của các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong dây chuyền sản xuất;
- Kiến thức về an toàn lao động và khả năng xử lý các tình huống có thể xảy ra của công nhân trực tiếp sản xuất.
- Quy định an toàn tại vị trí công nhân đang làm việc và quy định an toàn chung khi vào làm việc trên dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO;
- Khả năng thao tác và xử lý nhanh các tình huống, sự cố có thể xảy ra trong quá trình sản xuất;
- Khả năng xử lý nhanh và các bước thao tác trong việc sơ cứu, cấp cứu tại chỗ khi có người bị tai nạn hóa chất.
- Sổ sách, nhật ký ghi chép, theo dõi về sản xuất.
- Việc sắp xếp, bố trí lao động theo đúng yêu cầu về trình độ, ngành nghề đào tạo, ....
- Ngoài các nội dung kiểm tra trên, theo định kỳ Tổng Công ty; phòng cảnh sát Công an tỉnh và Sở Công thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ có những đợt kiểm tra an toàn với nội dung tương tự xem Công ty thực hiện đã tốt hay chưa để kịp thời chấn chỉnh để không có những tình huống xấu mất an toàn xảy ra. Bên cạnh đó, hàng năm trước mùa mưa bão, tổ chức kiểm tra hệ thống chống sét cho toàn bộ nhà xưởng, kho tàng. Kết quả đo trị số điện trở nối đất của hệ thống chống sét phải đảm bảo theo thiết kế; nếu không đạt phải sửa chữa khắc phục ngay.
- Các thiết bị thuộc diện kiểm tra nghiêm ngặt như bồn chứa dầu, đồng hồ nhiệt độ...
- Định kỳ kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét và tiếp đất.
- Thời gian lưu trữ hồ sơ: 02 năm.

## 6.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Bảng 3. 9 Dự báo các tình huống xảy ra sự cố và phương án ứng phó

STT	Khu vực xảy ra sự cố	Tình huống	Phạm vi tác động	Mức độ tác động		Phương án ứng phó
				Đến con người	Đến môi trường	
1	Rò rỉ, cháy nổ đường ống dẫn và bồn dầu DO					
-	Khu vực bồn dầu DO	Đường ống dẫn dầu và bồn chứa dầu DO bị rò rỉ	Phạm vi tác động 10m	Có thể gây mất cảm, kích thích da.	Gây tác hại nhỏ đến môi trường xung quanh.	Giả định tình huống số 1
		Đường ống dẫn dầu và bồn chứa dầu DO bị rò rỉ dẫn đến cháy nổ.	Phạm vi tác động 120m trong phạm vi phân xưởng ANFO.	Gây bỏng, ngạt do nhiệt.	Gây tác hại đến môi trường.	
2	Cháy nổ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO					
-	Phân xưởng ANFO	Cháy nổ khu vực dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói dẫn đến nổ phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.	Phạm vi tác động trong bán kính 01 km.	Gây ngạt thở, bỏng nhiệt, đe dọa tính mạng con người.	Gây tác hại lớn đến môi trường.	Giả định tình huống số 2
3	Tràn đổ, cháy nổ kho nguyên liệu đạm Amoni Nitrate (NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub> )					

-	Kho nguyên liệu	Cháy nổ khu vực bồn dầu DO và cháy rừng phòng hộ lan sang kho nguyên liệu.  Tràn đổ, rò rỉ đạm $NH_4NO_3$ trong quá trình vận chuyển và bảo làm tốc mái nhà kho	Phạm vi tác động trong bán kính 01 km.  Phạm vi tác động trong khu vực kho.	Gây ngạt thở, bỏng nhiệt, đe dọa tính mạng con người.  Có thể gây mất cảm, kích thích da.	Gây tác hại lớn đến môi trường.	Già định tình huống số 3
4	<b>Cháy lan từ rừng phòng hộ đến kho thuốc nổ, dây nổ</b>					
-	Kho thuốc nổ, dây nổ	Cháy lá cây khu vực rừng phòng hộ và lan sang kho chứa thuốc nổ, dây nổ.	Phạm vi tác động trong bán kính hơn 01 km.	Gây ngạt thở, bỏng nhiệt, đe dọa tính mạng con người.	Gây tác hại lớn đến môi trường.	Già định tình huống số 5
5	<b>Sạt lở đất đá từ trên vách núi xuống</b>					
-	Kho thuốc nổ số 2	Sạt lở đất đá từ trên vách núi xuống khu vực kho thuốc nổ số 2.	Phạm vi tác động trong khoảng 150m.	Gây tai nạn trong quá trình đi canh gác, tuần tra.	Gây tác hại nhỏ đến môi trường xung quanh.	Già định tình huống số 6

[Thực hiện theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cụm kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3349/QĐ-BCT ngày 17/9/2018].

## 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

### 7.1. Hồ sơ công tác phòng cháy và chữa cháy

- Chủ dự án đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở (Lưu hành nội bộ).
- Quyết định thành lập ban chỉ đạo phòng cháy và chữa cháy và có phân công nhiệm vụ cho ban chỉ huy PCCC, thành lập đội PCCC kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu và đội PCCC văn phòng công ty theo quy định.
- Chủ dự án đã ban hành nội quy PCCC áp dụng trong nội bộ.
- Đã lập kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ PCCC định kỳ theo quy định của Bộ Công an.
- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 6/12/2022 về việc kiểm tra an toàn PCCC định kỳ. *[Biên bản được đính kèm tại phụ lục của báo cáo]*.
- Các đợt diễn tập phương án chữa cháy được đơn vị cập nhật, lập biên bản đánh giá rút kinh nghiệm, nêu ra những hạn chế, ưu khuyết điểm của buổi diễn tập.
- Chủ dự án cập nhật, lưu giữ hồ sơ thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC, điều kiện an toàn đối với cơ sở kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chủ dự án có sổ theo dõi kiểm tra phương tiện chữa cháy, tổng hợp phương tiện, dụng cụ chữa cháy.
- Sổ theo dõi huấn luyện nghiệp vụ PCCC ghi đầy đủ nội dung.



Hình 3. 16 Công tác diễn tập PCCC tại đơn vị

## 7.2 Phương tiện PCCC tại chỗ

Các phương tiện PCCC tại chỗ được trang bị đầy đủ, chi tiết thể hiện trong phương án PCCC năm 2022 được đính kèm báo cáo.

Bảng 3. 10 Bảng danh mục các phương tiện, dụng cụ PCCC trong khu vực kho

STT	Tên phương tiện	ĐVT	Số lượng	Công suất	Vị trí
1	Máy bơm PCCC Hyundai D4BB I	Cái	1	156m <sup>3</sup> /h (80HP)	Tại trạm bơm chữa cháy nằm giữa kho số 7 và kho nguyên liệu
2	Máy bơm PCCC Hyundai D4BB II	Cái	1	156m <sup>3</sup> /h (80HP)	
3	Máy bơm TOHATSU V72AS	Cái	1	93m <sup>3</sup> /h	
4	Máy bơm điện Pentax I	Cái	1	78m <sup>3</sup> /h (30HP)	
5	Máy bơm điện Pentax II	Cái	1	78m <sup>3</sup> /h (30HP)	
6	Máy bơm bù Pentax	Cái	1	3HP	
7	Nhà để dụng cụ PCCC cụm kho 2, 3, 4 và Xưởng lắp ráp đạn khoan.				
7.1	Bình MFZT 35	Bình	02		
7.2	Bình MFZ 8	Bình	26		
7.3	Xô	Cái	15		
7.4	Xẻng	Cái	14		
7.5	Câu liềm	Cái	10		
7.6	Thang	Cái	02		
7.7	Dao	Cái	02		
7.8	Cưa	Cái	02		
7.9	Cuốc	Cái	02		
7.10	Búa tạ	Cái	01		
7.11	Xà beng	Cái	01		
7.12	Chăn chiên	Cái	02		
7.13	Bể cát (5 m <sup>3</sup> )	Bể	04		
7.14	Bể nước (10 m <sup>3</sup> )	Bể	04		
7.15	Vòi A	Cuộn	02		
7.16	Vòi B	Cuộn	08		
7.17	Lăng A	Cái	02		
7.18	Lăng B	Cái	08		
8	Nhà để dụng cụ PCCC cụm kho 6, kho nguyên liệu và PX.SX ANFO				
8.1	Bình MFZT 35	Bình	04		
8.2	Bình MFZ 8	Bình	20		
8.3	Bình MFZ 4	Bình	12		
8.4	Xô	Cái	12		
8.5	Xẻng	Cái	10		
8.6	Câu liềm	Cái	10		
8.7	Thang	Cái	01		
8.8	Dao	Cái	02		
8.9	Cưa	Cái	01		
8.10	Cuốc	Cái	01		
8.11	Búa tạ	Cái	01		
8.12	Xà beng	Cái	01		

STT	Tên phương tiện	ĐVT	Số lượng	Công suất	Vị trí
8.13	Chăn chiên	Cái	02		
8.14	Bể cát (5 m <sup>3</sup> )	Bể	03		
8.15	Bể nước (10 m <sup>3</sup> )	Bể	03		
8.16	Vòi B	Cuộn	16		
8.17	Lăng B	Cái	16		
9	Nhà để dụng cụ PCCC cụm kho 7, 8 và Phòng thí nghiệm.				
9.1	Bình MFZT 35	Bình	03		
9.2	Bình MFZ 8	Bình	21		
9.3	Xô	Cái	10		
9.4	Xẻng	Cái	10		
9.5	Câu liêm	Cái	10		
9.6	Thang	Cái	02		
9.7	Dao	Cái	02		
9.8	Cưa	Cái	01		
9.9	Cuốc	Cái	02		
9.10	Búa tạ	Cái	01		
9.11	Xà beng	Cái	01		
9.12	Chăn chiên	Cái	02		
9.13	Bể cát (5 m <sup>3</sup> )	Bể	03		
9.14	Bể nước (10 m <sup>3</sup> )	Bể	03		
9.15	Vòi B	Cuộn	06		
9.16	Lăng B	Cái	06		

[Nguồn: Phương án PCCC Công ty năm 2022]

Trang thiết bị UPKC, PCCC của kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung và thay thế định kỳ theo quy định hiện hành.

Hệ thống UP.SCHC, PCCC của kho VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu bao gồm:

- Tại các cửa nhà kho có 2 họng cứu hỏa (Riêng xưởng lắp ráp đạn khoan có 04 họng; phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO có 08 họng).

- Trong nhà xưởng sản xuất thuốc nổ còn có hệ thống chữa cháy béc phun nước chữa cháy bán tự động.

- Bất kỳ xảy ra cháy ở khu vực nào trong hàng rào hay ngoài hàng rào đều sử dụng hệ thống bơm nước này để chữa cháy được.

- Hiện tại khu vực kho VLNCN, có đặt 01 máy phát điện 55 KVA để phục vụ cho sản xuất thuốc nổ.

#### **8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):**

Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường của cơ sở, cụ thể như sau:

*Bảng 3. 11 Bảng tổng hợp một số nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt*

STT	Tên công trình	Công trình theo đề án BVMT chi tiết đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Văn bản cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền	Kế hoạch triển khai thực hiện
1	Phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO T1.</li> <li>- Công suất 3.000 tấn/năm/ca</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền thiết bị tĩnh nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn.</li> <li>- Công suất: 15 tấn/giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số: 2871/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 23/12/2022 về việc Phê duyệt Đề án nghiên cứu phát triển, thử nghiệm Vật liệu nổ công nghiệp.</li> <li>- Quyết định số 2285/QĐ-MICCO ngày 17/7/2023 của Tổng giám đốc công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin.</li> <li>- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế chi tiết công trình “Nâng cấp các dây chuyền thiết bị tĩnh sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói”.</li> <li>- Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất VLNCN số 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường Công nghiệp.</li> </ul>	Từ tháng 12/2022.

2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Bể tự hoại 03 ngăn	Bổ sung bể chứa nước thải tập trung sau bể tự hoại để thu gom, lưu trữ và thuê đơn vị có chức năng đến xử lý.	Đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.	Tháng 1/2023.
3	Kho chứa VLNCN số 7	Sức chứa 200.000m <sup>3</sup> đây nỏ/104 m <sup>2</sup>	Thay đổi công năng, chứa nguyên liệu NH <sub>4</sub> NO <sub>3</sub> sức chứa 1.368 tấn; diện tích 1.166m <sup>2</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số: 1046/SCT-QLCN của Sở Công thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 10/5/2022 về về việc chấp thuận chuyển đổi công năng nhà kho chứa dây nỏ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amôni Nitrate.</li> <li>- Văn bản số: 125/PC07-Đ2 của Phòng Cảnh sát PCCC &amp; CNCH ngày 25/2/2022 về việc đồng ý giải pháp nâng cấp, mở rộng kho chứa dây nỏ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amôni Nitrate.</li> </ul>	Quý I/2024.

Căn cứ vào tình hình thực tế, đơn vị nhận thấy việc thay đổi này không gây tác động xấu, tiêu cực đến môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.



9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định 08/2022/NĐ-CP): Không.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện dự án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có): Không.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp

- Nguồn số 1: Nước thải sản xuất tại xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO: Nước dùng vệ sinh dụng cụ sản xuất (ca, phễu,...) sau mỗi ca sản xuất tại bồn nước nằm bên ngoài nhà xưởng.

##### 1.2. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 2: Nhà vệ sinh trong khu vực công kho.

- Nguồn số 3: Nhà vệ sinh xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực các nhà vệ sinh có hệ thống bể tự hoại thu gom về bể chứa tập trung sau đó thuê đơn vị có chức năng hút mang đi xử lý, không thải ra môi trường bên ngoài.

##### 1.3. Dòng nước thải công nghiệp

- Đối với nước thải từ phân xưởng Anfo (Nguồn số 1): Nước thải sau xử lý của phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo được xả vào nguồn tiếp nhận là hồ dự trữ nước cửa hỏa tại chân núi Tóc Tiên, có tọa độ xả thải: X = 1178064; Y = 0445857 theo sơ đồ như sau:

Nước rửa dụng cụ: Bể thu gom (B<sub>1</sub>) → Điều chỉnh pH → Bể xử lý sinh học (B<sub>2</sub>) → Bể lắng (B<sub>3</sub>) → Hồ chứa nước PCCC.

##### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải từ xưởng sản xuất thuốc nổ AFNO là hồ dự trữ nước cửa hỏa nên nước sau xử lý đạt Quy chuẩn so sánh QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, K<sub>q</sub> = 1,0; hệ số K<sub>f</sub> = 1,0.

*Bảng 4.1. Bảng tổng hợp các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải (Nguồn số 1)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; k <sub>q</sub> = 1,0; K <sub>f</sub> = 1,0
01.	pH	-	5,5 ÷ 9
02.	TSS	mg/l	100
03.	COD	mg/l	150
04.	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
05.	T-N	mg/l	40

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; $k_q = 1,0$ ; $K_f = 1,0$
06.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
07.	Coliforms	MPN/100ml	5.000

### 1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

#### a) Vị trí xả thải

- Hồ dự trữ nước cửa hòa ngay chân núi Thị Vải có tọa độ: X = 1178064; Y = 0445857.

- Hồ dự trữ cứu hỏa trên đường vào kho, có tọa độ X = 1172191; Y = 0429208. [Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ].

#### b) Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng xả thải từ HTXLNT Anfo:  $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

#### c) Nguồn tiếp nhận nước thải

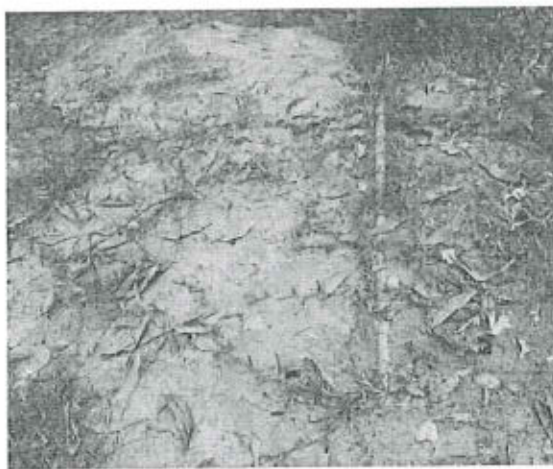
- Đối với nước thải từ HTXLNT Anfo: Hồ dự trữ nước cửa hòa ngay chân núi Thị Vải.

#### d) Phương thức xả nước thải

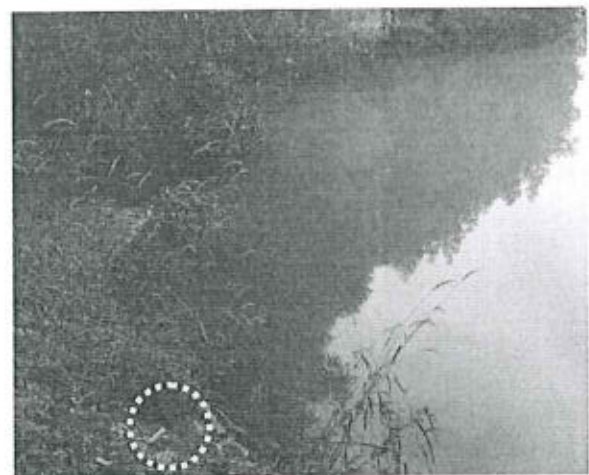
- Điểm xả thải tại Ấp 6, xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Chảy tràn.

đ) Chế độ xả nước thải: Không liên tục.



Hình 4. 1 Đường ống PVC dẫn nước thải xuống xưởng anfo



Hình 4. 2 Vị trí xả thải nước thải xưởng sản xuất anfo

Hóa chất sử dụng:

- PAC: Cân khoảng 5kg hòa vào 200 lít nước, dùng đũa khuấy đều.
- NaOH công nghiệp: Cân khoảng 2,5 kg trong 200 lít nước, dùng đũa khuấy đều.

- Polymer: Cân khoảng 2,5 kg trong 200 lít nước, dùng đũa khuấy đều.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

Trong công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO thì lượng dầu DO được bơm từ bồn dầu bên ngoài phân xưởng theo công nghệ khép kín. Vì thế việc hơi dầu DO chỉ phát tán trong quá trình trộn và đóng gói bao bì thuốc nổ.

Quá trình sản xuất tác động ở mức độ nhẹ đến thành phần không khí xung quanh khu vực lao động. Mặt khác, để giảm thiểu mùi dầu trong quá trình sản xuất đơn vị đã lắp đặt hệ thống quạt thông gió, quạt hút, mở cửa thông thoáng trong suốt quá trình hoạt động nên hạn chế được hơi từ mùi dầu DO.

## 3. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Ô tô tải vận chuyển trong khu vực kho (nguồn di động).
- Nguồn số 02: Máy móc, thiết bị phát sinh từ dây chuyền thiết bị tinh sản xuất thuốc nổ ANFO, quạt thông gió, quạt công nghiệp,... gây nên tiếng ồn, độ rung.

### 3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây tiếng ồn, độ rung tại các vị trí sau:

- Ô tô tải vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp: Trong khu vực cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Máy móc sản xuất thuốc nổ ANFO, quạt thông gió, quạt công nghiệp: Trong khu vực phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO.

### 3.3. Giới hạn của tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- **Tiếng ồn:**

Bảng 4. 1 Giới hạn tiếng ồn cho phép

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- **Độ rung:**

Bảng 4. 2 Giới hạn độ rung cho phép

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

## Chương V

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

Chương trình và nội dung quan trắc môi trường định kỳ thực hiện theo Quyết định số: 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu tại Ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

## 1.1. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ năm 2021

**Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo:**

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Ngày 31/03/2021; Đợt 2: Ngày 24/5/2021;

+ Đợt 3: Không thực hiện (do Dịch bệnh covid); Đợt 4: Ngày 01/12/2021.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

Bảng 5. 1 Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2021

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	<b>Khu vực 1: Bể 1</b>		
-	Nước thải trước hệ thống xử lý	2412NT01	31/3/2021
		6621-NT01	24/5/2021
		211202.NT.051	1/12/2021
2	<b>Khu vực 2: Bể 2</b>		
-	Nước thải sau hệ thống xử lý	2412NT02	31/3/2021
		6621-NT02	24/5/2021
		211202.NT.052	1/12/2021

- Các thông số quan trắc:

Bảng 5. 2 Danh mục thông số quan trắc nước thải định kỳ năm 2021

STT	Thành phần môi trường quan trắc	QCVN
1	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, Pb, Fe, Cr, T-N, T-P, Dầu mỡ khoáng, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, k <sub>q</sub> = 1,0; k <sub>f</sub> = 1,0.

- Kết quả quan trắc: Chi tiết tại Bảng 5.5.

- Nhận xét: Qua kết quả tổng hợp cho thấy, Nước thải trước và sau hệ thống xử

lý đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_f = 1,0$ ;  $K_q = 1,0$  – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

- Các chỉ tiêu pH, TSS, BOD, T-N, COD, T-P, Fe, Coliforms đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Các chỉ tiêu Dầu mỡ khoáng, Pb, Cr không phát hiện trong mẫu nước trong các đợt quan trắc năm 2021.

## 1.2. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ năm 2022

**Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo:**

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Ngày 29/04/2022; Đợt 2: Ngày 21/05/2022;

+ Đợt 3: 19/08/2022; Đợt 4: Ngày 10/11/2022.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

*Bảng 5. 3 Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2022*

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	<b>Khu vực 1: Bể 1</b>		
-	Nước thải trước hệ thống xử lý	0522- NT01	29/04/2022
		2922-NT01	21/05/2022
		7222-NT01	19/08/2022
		11422-NT01	10/11/2022
2	<b>Khu vực 2: Bể 2</b>		
-	Nước thải sau hệ thống xử lý	0522- NT02	29/04/2022
		2922-NT02	21/05/2022
		7222-NT02	19/08/2022
		11422-NT02	10/11/2022

- Các thông số quan trắc:

*Bảng 5. 4 Danh mục thông số quan trắc nước thải định kỳ năm 2022*

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, Pb, Fe, Cr, T-N, T-P, Dầu mỡ khoáng, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $k_q = 1,0$ ; $k_f = 1,0$ .

- **Kết quả quan trắc:** Chi tiết tại Bảng 5.5.

- **Nhận xét:** Qua kết quả tổng hợp cho thấy

- Các chỉ tiêu pH, T-P, Fe đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Chỉ tiêu TSS, COD, BOD, T-N, Dầu mỡ khoáng, Coliforms trong nước thải trước hệ thống xử lý bể 1 sản xuất ANFO cao hơn quy chuẩn cho phép nhưng sau khi được xử lý sau hệ thống xử lý bể 3 sản xuất ANFO đạt tiêu chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Các chỉ tiêu Pb, Cr không phát hiện trong mẫu nước trong các đợt quan trắc năm 2022.

Bảng 5. 5 Kết quả quan trắc môi trường nước thải sản xuất và Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo năm 2021

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	pH	Tổng đầu mỡ khoáng	Pb	Fe	Cr	TSS	COD	BOD	T-P	T-N	Coliform
1	Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)	2412NT01	5,74	KPH	KPH	0,54	KPH	85	32	24	1,48	9,31	1,1x10 <sup>3</sup>
		6621-NT01	6,16	KPH	KPH	0,56	KPH	89	26	15	0,89	9,58	9,0x10 <sup>2</sup>
		211202.NT.051	6,12	KPH	KPH	0,63	KPH	80	54	25	1,08	10,6	4,3x10 <sup>3</sup>
2	Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 3)	2412NT02	6,21	KPH	KPH	0,32	KPH	43	23	13	0,89	5,24	9x10 <sup>2</sup>
		6621-NT02	6,78	KPH	KPH	0,38	KPH	48	32	11	0,54	5,73	7x10 <sup>2</sup>
		211202.NT.052	6,82	KPH	KPH	0,38	KPH	52	38	16	0,60	8,36	2,4x10 <sup>3</sup>
		<b>QCVN 40:2011 BTNMT, cột B;K=1, k<sub>q</sub>=1</b>	<b>5,5-9</b>	<b>10</b>	<b>0,5</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	<b>150</b>	<b>50</b>	<b>6</b>	<b>40</b>	<b>5.000</b>



Bảng 5. 6 Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo năm 2022

	01.	02.	03.	04.	05.	06.	07.	08.	09.	10.	11.
Chỉ tiêu	pH	TSS	COD	BOD <sub>5</sub>	T-P	T-N	Fe	Crôm	Pb	Dầu mỡ khoáng	Coliforms
Đơn vị	-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	µg/L	µg/L	mg/l	MPN/100m L
Nước thải trước hệ thống xử lý (bể 1) sản xuất ANFO	0522-NT01	174	392	85	5,73	56,7	2,12	KPH	KPH	19	22 × 10 <sup>3</sup>
	2922-NT01	187	298	247	2,19	51,3	2,87	KPH	KPH	14	17 × 10 <sup>3</sup>
	7222-NT01	191	417	93	3,28	48,3	4,36	KPH	KPH	15	4,1 × 10 <sup>4</sup>
	11422-NT01	157	251	129	2,84	45,7	3,26	KPH	KPH	16	2,0 × 10 <sup>4</sup>
Nước thải sau hệ thống xử lý (bể 3) sản xuất ANFO	0522-NT02	58	69	21	1,08	3,2	0,97	KPH	KPH	5	4,0 × 10 <sup>3</sup>
	2922-NT02	53	41	39	0,88	7,5	0,54	KPH	KPH	4	2,2 × 10 <sup>3</sup>
	7222-NT02	53	73	38	1,43	6,7	0,83	KPH	KPH	6	3,3 × 10 <sup>3</sup>
	11422-NT02	82	67	32	1,63	6,8	1,55	KPH	KPH	7	3,9 × 10 <sup>3</sup>
<b>QCVN 40:2011/ BTNMTCột B; K<sub>q</sub> = 1,0; K<sub>r</sub> = 1,0</b>											
	<b>5,5 ÷ 9</b>	<b>100</b>	<b>150</b>	<b>50</b>	<b>6</b>	<b>40</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>500</b>	<b>10</b>	<b>5.000</b>

## 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

### 2.1. Chương trình quan trắc bụi, khí thải định kỳ năm 2021

Bảng 5. 7 Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường năm 2021

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	<b>Khu vực 1</b>		
-	Khu vực kho chứa thuốc nổ (Kho số 2)	6621-KK01	24/5/2021
		211202.KK.051	1/12/2021
2	<b>Khu vực 2</b>		
-	Khu vực kho chứa phụ kiện nổ (kho số 6)	6621-KK02	24/5/2021
		211202.KK.052	1/12/2021
3	<b>Khu vực 3</b>		
-	Khu vực bên trong phân xưởng sản xuất ANFO	6621-KK03	24/5/2021
		211202.KK.053	1/12/2021

#### Các thông số quan trắc:

Bảng 5. 8 Danh mục thông số quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió, độ ồn, độ rung, bụi tổng, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , CO, NH <sub>3</sub> .	- QCVN 24:2016/BYT; - QCVN 26:2016/BYT; - QCVN 02:2019/BYT; - QCVN 03:2019/BYT

#### Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 24:2016/BYT (08 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Vi khí hậu – Giá trị Vi khí hậu cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

**Kết quả quan trắc:** Chi tiết tại Bảng 5.11.

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc năm 2021 cho thấy:

- Tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Các chỉ tiêu không khí như CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Các chỉ tiêu vi khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép Vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Chỉ tiêu bụi nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT, Bụi hô hấp, Nhóm 4: Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác

- Chỉ tiêu NH<sub>3</sub> không phát hiện trong mẫu thử.

## 2.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải định kỳ năm 2022

Bảng 5. 9 Khối lượng quan trắc môi trường năm 2022

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc
1	<b>Khu vực 1</b>		
-	Kho chứa thuốc nổ (kho số 2)	2922-KK01	21/05/2022
		11422-KK01	10/11/2022
2	<b>Khu vực 2</b>		
-	Kho chứa thuốc nổ (kho số 6)	2922-KK02	21/05/2022
		11422-KK02	10/11/2022
3	<b>Khu vực 3</b>		
-	Phân xưởng sản xuất ANFO	2922-KK03	1/05/2022
		11422-KK03	10/11/2022

### Các thông số quan trắc:

Bảng 5. 10 Danh mục thông số quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió, độ ồn, độ rung, bụi tổng, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , CO, NH <sub>3</sub> .	- QCVN 24:2016/BYT; - QCVN 26:2016/BYT; - QCVN 02:2019/BYT; - QCVN 03:2019/BYT

### Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 24:2016/BYT (08 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Vi khí hậu – Giá trị Vi khí hậu cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

**Kết quả quan trắc:** Chi tiết tại Bảng 5.11.

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy:

- Tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Các chỉ tiêu không khí như CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Các chỉ tiêu vi khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép Vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Chỉ tiêu bụi nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT, Bụi hô hấp, Nhóm 4: Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác

- Chỉ tiêu NH<sub>3</sub>, Hơi Hydrocacbon (HC) không phát hiện trong mẫu thử.



Bảng 5. 12 Kết quả quan trắc không khí lao động định kỳ năm 2022

Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Độ ồn	Độ rung	Bụi tổng	NO <sub>2</sub>	SO <sub>2</sub>	CO	NH <sub>3</sub>	Mùi	HC
Kho chứa thuốc nổ (kho số 2)		2922- KK01	24,8	78,2	0,3	38,8	35,7	246	65	69	6.781	KPH	Không mùi	KPH
		11422- KK01	25,7	77,8	0,6	40,5	28,9	173	62	73	6.282	KPH	Không mùi	KPH
Kho chứa thuốc nổ (kho số 6)		2922- KK02	26,3	72,9	0,4	41,9	32,1	219	68	71	6.516	KPH	Không mùi	KPH
		11422- KK02	26,8	75,5	0,9	45,3	30,8	195	68	77	6.359	KPH	Không mùi	KPH
Phân xưởng sản xuất ANFO		2922- KK03	27,1	67,8	0,6	62,5	48,3	428	61	77	6.951	KPH	Không mùi	KPH
		11422- KK03	28,5	66,4	0,8	60,9	45,2	387	74	82	6.876	KPH	Không mùi	KPH
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành		QCVN 24:2016/BYT, thời gian tiếp xúc 8h	-	-	-	85	-	-	-	-	-	-	-	-
		QCVN 26:2016/BYT Trung bình	18-32	40-80	0,2- 1,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		QCVN 03:2019/BYT	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	20.000	-	-	-
		QCVN 02:2019/BYT, Bụi hô hấp, Nhóm 4: Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác	-	-	-	-	-	-	4.000	-	-	-	-	-

[Nguồn: Kết quả phân tích đính kèm tại phụ lục báo cáo]

## 3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo: Không thuộc đối tượng.

## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ các điểm a, c, d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại cơ sở không thuộc đối tượng công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

##### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Chương trình giám sát môi trường tại kho chứa được đề xuất như sau:

Bảng 6. 1 Chương trình giám sát môi trường tại kho chứa

Loại mẫu	Chỉ tiêu	Vị trí	QCVN so sánh
Không khí khu vực sản xuất: tần suất giám sát 6 tháng/lần			
Số lượng: 03 mẫu + Khu vực sản xuất thuốc nổ Anfo: 01 mẫu + Khu vực kho phụ kiện nổ (kho số 6): 01 mẫu. + Khu vực kho thuốc nổ (kho số 2): 01 mẫu.	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ rung, Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO, NH <sub>3</sub> , hơi dầu mỡ, HC.	Kho chứa thuốc nổ, phụ kiện nổ và bên trong phân xưởng sản xuất Anfo	TCVSCN 3733:2002/QĐ-BYT QCVN 26:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT
Giám sát nước thải sản xuất: tần suất 03 tháng/lần			
Số lượng: 02 mẫu + Trước HTXL (bể 1): 01 mẫu. + Sau HTXL (bể 3): 01 mẫu.	pH, COD, BOD, TSS, Cr, T-P, Pb, T-N, Fe, Dầu khoáng, Coliforms	Hệ thống sau HTXL sản xuất ANFO	QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B
Tần suất lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường: 01 lần/năm			

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:** Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo Quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:** Không.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:**

Chủ cơ sở sẽ chủ động tự giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động hàng năm, dự trù kinh phí khoảng: 20.000.000 đồng/năm.





**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

**7.1. Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường:**

Ngày 17/8/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phú Mỹ tiến hành kiểm tra Phân xưởng kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco tại Ấp 6, xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc “Thực tế tình hình sử dụng nước dưới đất theo văn bản số: 3956/STNMT-TNN ngày 22/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”.

*Kết quả kiểm tra, rà soát đoàn kiểm tra đã ghi nhận hiện trạng thực tế:*

Công ty hiện đang có 02 giếng khoan sử dụng nước dưới đất hiện không còn hoạt động, trong đó:

- 01 giếng khoan khu vực nhà tập thể của Công ty đã được san lấp từ năm 2017.
- 01 giếng khoan khu vực kho Bà Rịa-Vũng Tàu đã không còn sử dụng nhưng chưa được san lấp.

*Ý kiến của chủ cơ sở:* Đề nghị cơ quan chức năng hướng dẫn các thủ tục để đơn vị thực hiện san lấp giếng khoan đã không sử dụng theo đúng quy định.

Ngày 22/8/2022, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco phát hành văn bản số: 2271/NBMICCO-KTCN về việc “Xin ý kiến đóng giếng khai thác nước dưới đất”.

Ngày 24/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tiến hành kiểm tra về việc chấp hành quy định pháp luật về tài nguyên nước đối với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco với kết quả đạt được như sau:

- Tại thời điểm kiểm tra 02 giếng đã ngưng khai thác.
- Đã nộp thuế tài nguyên nước đến tháng 2/2023.
- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

*Ý kiến của đoàn kiểm tra yêu cầu công ty:*

- Thực hiện san lấp 02 giếng khoan, không sử dụng.
- Thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất số: 09/GP-UBND ngày 21/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**7.2. Kiểm tra phòng chống cháy nổ:**

Ngày 19/8/2022, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tiến

hành kiểm tra Cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco về việc chấp hành Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

**Kết quả kiểm tra thực tế:**

▪ **Hồ sơ quản lý, theo dõi công tác PCCC và CNCH:**

Hồ sơ quản lý công tác PCCC và CNCH của cơ sở cơ bản đã được lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công An và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an.

▪ **Kiểm tra điều kiện an toàn PCCC:**

*Đặc điểm xây dựng:* Kho VLNCN – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ gồm các khu vực sau: Khu văn phòng kho gồm 01 dãy nhà hành chính, 01 nhà ăn và 01 hội trường; Khu vực cụm kho có 08 kho gồm: 03 kho chứa thuốc nổ, 01 kho chứa phụ kiện nổ; 02 kho chứa đạn khoan; 02 kho chứa nguyên liệu sản xuất thuốc nổ; 01 xưởng lắp ráp đạn khoan dầu khí, 01 phòng thí nghiệm. Kết cấu xây dựng tại các kho là tường gạch, mái lợp tôn, trần cách nhiệt sử dụng ván ép được sơn chống cháy, cửa của kho có 02 lớp cửa, lớp cửa trong bằng gỗ, lớp cửa ngoài được làm bằng sắt.

*Giao thông, thoát nạn:*

- Bên trong cơ sở có đường nội bộ rộng hơn 5m, thuận tiện cho xe chữa cháy hoạt động khi xảy ra sự cố cháy, nổ.

- Vật tư, hàng hóa sắp xếp gọn gàng, không gây cản trở lối thoát nạn.

*Hệ thống điện, chống sét:*

- Hệ thống điện có lắp đặt cầu giao tổng, các khu vực có lắp đặt các thiết bị bảo vệ; nguồn điện chiếu sáng bảo vệ và phục vụ sản xuất riêng biệt, trong các kho không có hệ thống điện. Tại thời điểm kiểm tra, chưa phát hiện hiện tượng hư hỏng, quá tải.

- Hệ thống chống sét đánh thẳng của kho đã được đo điện trở nối đất ngày 15/04/2022, giá trị điện trở đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở đã tiến hành đo điện trở nối đất ngày 15/04/2022, giá trị điện trở đảm bảo theo quy định.

*Nguồn nước phục vụ chữa cháy:* Bên trong cơ sở có nguồn nước dự trữ lúc thấp nhất vào cuối mùa khô là hơn 100.000 m<sup>3</sup>.

*Trang bị phương tiện PCCC:*

- Cơ sở có trang bị 200 bình chữa cháy xách tay các loại, bố trí đều trong cơ sở, Cơ sở cung cấp bình chữa cháy xách tay: Công ty Đầu tư phương tiện PCCC Đại Dương; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng máy bơm chữa cháy, hệ thống báo

cháy tự động: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ An Lộc Sơn.

Trang bị phươn tiện PCCC:

- Cơ sở đã cải tạo, lắp đặt thêm 02 máy bơm chữa cháy, 01 máy bơm chữa cháy di động và hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Biên bản kiểm tra nghiệm thu đối với hạng mục cải tạo, lắp thêm do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh BR-VT cấp ngày 11/03/2021.

- Cơ sở có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

*Lực lượng PCCC chuyên ngành:* Cơ sở đã thành lập đội PCCC chuyên ngành gồm 26 thành viên. Các thành viên đã được tập huấn nghiệp vụ về PCCC và CNCH ngày 12/01/2021, thời hạn đến 12/01/2026.

*Công tác lập và thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:* Cơ sở đã lập phương án chữa cháy theo mẫu PC17, Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ Cơ sở đã lập phương án cứu nạn, cứu hộ theo mẫu 04 Nghị định 83/2017/NĐ- CP ban hành ngày 18/07/2017 của Chính phủ.

*Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc:* Cơ sở đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Điều 9 Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định 97/2021/NĐ-CP ban hành ngày 08/11/2021, Nghị định 23/2018/NĐ-CP ban hành ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số 86/22/HD-1063/18-KD1 do Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Long cấp ngày 14/01/2022, thời hạn bảo hiểm đến hết ngày 24/01/2023.

• **Kiến nghị:**

Ngoài những việc đã triển khai làm được trong hoạt động PCCC và CNCH tại cơ sở, đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện một số việc sau:

- Đề nghị Ban Giám đốc công ty tiếp tục thực hiện nghiêm các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Thường xuyên cập nhật hồ sơ quản lý công tác PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 4 Thông tư số: 149/2020/TT-BCA của Bộ Công an và Điều 9 Thông tư số: 08/2018/TT-BCA.

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện chữa cháy đã trang bị số (theo dõi) theo đúng quy định tại TCVN 3890:2009 (Phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình).

- Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhận thức về cứu nạn, cứu hộ đối với cán bộ, nhân viên trong cơ sở và thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn đối với nhà, công trình, địa điểm, phương tiện được



quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ.

- Định kỳ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho Đội PCCC cơ sở và cán bộ, nhân viên theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ.

- Phối hợp tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 31 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện; vệ sinh công nghiệp sạch sẽ; sắp xếp hàng hóa trong kho gọn gàng, đúng quy định tránh phát sinh môi trường nguy hiểm cháy nổ; nghiêm cấm sử dụng ngọn lửa trần, các thiết bị sinh nhiệt, sinh lửa, các thiết bị điện không đảm bảo an toàn phòng cháy, phòng nổ trong khu vực có nồng độ nguy hiểm cháy, nổ.

- Các công việc liên quan đến bảo quản, sử dụng VLNCN phải thực hiện theo Quy chuẩn 01:2019/BCT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ”.

## CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CƠ SỞ

### 1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở cam kết các số liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, chủ đầu tư xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

### 2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường

Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường (số lượng và tần suất giám sát) như đã nêu trong Chương VI của báo cáo:

- Đối với môi trường không khí sản xuất trong phạm vi đạt tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành về chất lượng không khí lao động.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh, công ty sẽ cho xử lý qua bể tự hoại ba ngăn và sau đó lưu chứa tại bể tập trung, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải và nước thải đem đi xử lý, đảm bảo không thải ra môi trường hoặc tự thấm.

- Đối với môi trường nước thải sản xuất tại phân xưởng Anfo, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B,  $K_q = K_f = 1,0$  trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Đối với chất thải nguy hại thu gom tập trung vào kho chứa chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Đối với chất thải sinh hoạt thu gom tập trung vào các thùng chứa rác và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Cam kết đền bù, khắc phục các sự cố môi trường nếu xảy ra sự cố ảnh hưởng tới người dân xung quanh khu vực.

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường:

**Đối với công tác giảm thiểu ồn, rung:** Trong quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO tiếng ồn và rung phát sinh tại dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói. Để giảm thiểu, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung đơn vị đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí hoạt động theo từng ca sản xuất hợp lý;

- Xây dựng hệ thống nền móng của trạm trộn vững chắc, rộng rãi, thường xuyên kiểm tra chân móng, đế máy và thường xuyên bảo dưỡng máy móc;

- Thường xuyên tra dầu mỡ vào các khớp nối, bộ phận chuyển động của máy móc, thiết bị để giảm thiểu ma sát phát sinh ra tiếng ồn.

- Mở cửa thông gió xung quanh nhà xưởng trong quá trình sản xuất.

- Ngoài nhà xưởng cơ sở tiến hành trồng cây quanh các khu vực phát thải tiếng

ồn lớn và khu vực cần bảo vệ như đường vận chuyển trong và ngoài khu vực kho.

**Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn:**

**Chất thải sinh hoạt:** Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là giấy văn phòng, túi nylon, thùng giấy, lá cây,...

- Bố trí thùng rác thu gom tại các chòi gác và cổng bảo vệ, phân xưởng sản xuất ANFO và các nhà kho;

- Rác thải thuộc rác thực phẩm, túi nylon,.. phân loại và gom lại tại khu lưu trữ rác chờ đơn vị dịch vụ môi trường đến thu gom và xử lý hàng ngày.

- Công ty đã làm Hợp đồng dịch vụ vệ sinh với Công ty Cổ phần dịch vụ Đô thị Tân Thành vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

**Chất thải nguy hại:** Đơn vị đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Sao Việt để vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại đơn vị

- Xây dựng kho theo đúng thiết kế và lưu giữ tạm thời CTNH theo quy định;

- Tuân thủ quy định quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý;

- Thường xuyên theo dõi tình trạng nền kho, mương rãnh, mái che, hố gom dầu tránh quá tải.

**PHỤ LỤC 1**  
**HỒ SƠ PHÁP LÝ**

1.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3502007678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 04 năm 2023
2.	Quyết định số 48/QĐ/UBT ngày 12/1/1984 của UBND tỉnh Đồng Nai về duyệt cấp địa điểm xây dựng kho VLN 500 tấn tại Tỉnh Đồng Nai.
3.	Quyết định số: 229/MT/XDCB ngày 13/6/1985 của Bộ Mỏ và Than về việc Phê duyệt thiết kế kỹ thuật kho thuốc nổ Đồng Nai.
4.	Quyết định số: 1359/QĐ.UBT ngày 16/10/1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cấp đất xây dựng công trình kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn và các công trình phục vụ tại xã Mỹ Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai thuộc Xí nghiệp Hóa chất mỏ – Bộ Mỏ và Than.
5.	Quyết định số 1091/MT-XNK14 ngày 20/4/1984 v/v đề nghị hợp đồng khảo sát lập LCKTKT kho VLN
6.	Quyết định cho thuê đất + HĐ thuê đất ngày 21/7/2008 + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
7.	Giấy phép kinh doanh VLNCN do Bộ Công thương cấp ngày 15/11/2017
8.	Quyết định số: 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
9.	Văn bản số: 7535/STNMT-BVMT ngày 27/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo hoàn thành về việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
10.	Quyết định số 3349/QĐ-BCT ngày 17/9/2018 của Bộ Công thương về việc Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho VLNCN Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ - Micco.
11.	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH năm 2021;
12.	Văn bản 453/NBMICCO-KTCN ngày 21/2/2022 của công ty HCM Nam Bộ
13.	Văn bản số 125/PC07-DD2 v/v góp ý giải pháp PCCC chú trọng nâng cấp, mở rộng kho chứa dây nổ thành kho chứa nguyên liệu AN 25/2/2022
14.	Văn bản 909/NBMICCO-KTCN của công ty Nam Bộ v/v xin chuyển đổi công năng kho

	số 7 ngày 8/4/2022
15.	Văn bản góp ý của Sở Công thương tỉnh BRVT 1046/SCT-QLCN ngày 10/5/2023
16.	Phòng cảnh sát chữa cháy chấp thuận giải pháp PCCC thay đổi kho số 7, văn bản 294/CV-PC07-Đ 2 ngày 13/4/2022.
17.	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH năm 2022
18.	Quyết định số 2871/QĐ-BCT ngày 23/12/2022 của Bộ Công thương về việc Phê duyệt đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp.
19.	Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 69/GP-ATMT ngày 30/12/2022
20.	Biên bản kiểm tra của Sở Tài nguyên và môi trường ngày 24/3/2023
21.	GCN đủ điều kiện về ANTT, Số 23-11/GCN-CĐ4 ngày 4/4/2023
22.	Văn bản số 1674/SKHĐT-ĐT ngày 19/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu v/v phúc đáp văn bản số 808/NBMICCO-KTCN ngày 17/4/2023
23.	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 148/TD-PCCC 4/8/2023
24.	Quyết định số 2144/QĐ-BCT ngày 15/8/2023 của Bộ Công thương về việc Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp thành phẩm vật liệu nổ công nghiệp của đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện.
25.	Quyết định số 2285/QĐ-MICCO ngày 17/7/2023 của Tổng công ty CN Hóa chất mỏ - Vinacomin + Quy trình sản xuất Anfo
26.	Giấy chứng nhận số 54/GCN-ATMT ngày 10/11/2023 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường – Bộ Công thương về việc chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
27.	Hợp đồng thu gom, xử lý Chất thải nguy hại với Công ty Môi trường Sao Việt và Chứng từ thu gom
28.	Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 3502007678**

*Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 12 năm 2011*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 10 tháng 04 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ NAM BỘ - MICCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MICCO - NAM BO MINING CHEMICAL INDUSTRY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MICCO NAM BO

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu phố Bến Đình, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Điện thoại: 0254.3895247

Fax: 0254.3876636

Email: [vanthu@micconambo.com.vn](mailto:vanthu@micconambo.com.vn)

Website: <http://micconambo.com.vn>

**3. Vốn điều lệ** 30.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ - VINACOMIN (TNHH 1 TV)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100101072

Ngày cấp: 23/12/2010 Nơi cấp: Phòng ĐKKD Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: *Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LÊ CÔNG ĐIỆN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027081003789

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 819/16 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 819/16 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Trường

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....2253.....Quyển số.....3.....SCT/BS

Ngày.....24.....tháng.....8.....năm 20.....23

KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Vĩnh Phúc

Sus A bat

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 48 QĐ/UBT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 1984

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
ĐỒNG NAI VỀ DUYỆT CẤP ĐỊA ĐIỂM XÂY  
DUNG KHO VẬT LIỆU NÓ (HCM) 500 TẤN  
TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Căn cứ nghị định 24/CP ngày 2/2/1976 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Chính quyền Nhà nước cấp Tỉnh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
- Căn cứ nghị định 47/CP ngày 15/3/1972 của Hội đồng Chính phủ về việc lựa chọn địa điểm công trình và quản lý đất xây dựng.
- Xét tờ trình cấp đất của Công ty xuất nhập khẩu than và cung ứng vật tư thuộc Bộ mỏ và than đã được các cơ quan Ủy ban nhân dân Huyện Châu Thành, Sở lao động, Sở công an, Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh và Sở xây dựng nhất trí.
- Xét đề nghị của Ban xây dựng cơ bản Tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1 : - Nay duyệt cấp địa điểm cho Công ty xuất nhập khẩu than và cung ứng vật tư thuộc Bộ mỏ và than để chuẩn bị cho việc xây dựng kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn tại Tỉnh Đồng Nai.

Vị trí địa điểm : nằm trong khu vực thung lũng giữa núi Tộc Tiên và núi Thi Vai (khu căn cứ địa Tỉnh Bà Rịa cũ) thuộc Xã Mỹ Xuân Huyện Châu Thành với diện tích khoảng 6 ha. (vị trí địa điểm được đánh dấu trong bản đồ trích lục kèm theo).

ĐIỀU 2 : - Kho vật liệu nổ (HCM) sẽ được cấp đất chính thức sau khi có luận chứng kinh tế kỹ thuật và tổng mặt bằng được duyệt.

ĐIỀU 3 : -- Các Ông Chánh văn phòng, UBND Tỉnh, chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Tỉnh, Trưởng ban xây dựng cơ bản Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, Giám đốc Sở lao động, Giám đốc Sở Công An, Giám đốc Sở xây dựng và Thủ trưởng Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

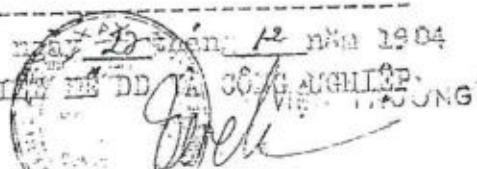
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Phó chủ tịch thường trực

Đã ký : PHAN VĂN HẢI

SAG Y BÀN QUẢN

Đã nêu, ngày 12 tháng 12 năm 1984  
TỈNH THƯỜNG ĐỒ VÀ CÔNG SÁCH LẬP



QUÂN KHU 7  
BỘ CHỈ HUY QS ĐỒNG NAI

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 34 /CV

Ngày 10 tháng 1 năm 1984

/-(lệnh gửi : BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

Công ty xuất nhập khẩu than và cung ứng vật tư thuộc Bộ mỏ và than có trực tiếp đến UBND Tỉnh Đồng Nai và BCHQS- Tỉnh, Liên hệ xin 1 địa điểm để xây dựng kho kho dự trữ vật liệu nổ, để phục vụ cho công trình thủy điện Trị an và dầu khí, trữ lượng 500 tấn (theo công văn số 1068 MT-XNK14 ngày 15/12/83) địa điểm triển khai nằm trên địa bàn huyện Châu Thành, vị trí nằm vào giữa núi Tộc Tiên và thị Vải thuộc xã Mỹ Xuân tọa độ X 71.700Y y 30.800.

Đoạn đã đôn địa phương cùng các cơ quan có liên quan khảo sát thực địa và đã được UBND Huyện Châu Thành xác nhận điểm đặt kho không có ảnh hưởng gì đến các công trình công nông nghiệp của địa phương và các cơ quan Trung ương hiện tại ở địa bàn huyện (theo công văn số 01 CN/VBH ngày 07/01/84 do đ/c Nguyễn Văn Bất ký và theo công văn số : 154/PC23/BC ngày 5/1/84 các Sở công an Đồng nai xác định.

Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh trao đổi nhất trí và đề nghị Tư lệnh Quân khu 7 chấp thuận cho Bộ mỏ và than xây dựng công trình ở vị trí nói trên do UBND Tỉnh Đồng Nai phê chuẩn.

Kính gửi : UBND Tỉnh

CHỈ HUY TRƯỞNG

(Đã ký và đóng dấu)

Theo công văn số 1068MT/XNK14 của Bộ mỏ và than xin xây dựng công trình ở địa điểm nói trên chúng tôi hoàn toàn nhất trí và đã báo cáo TLQK7. Đề nghị UBND Tỉnh phê duyệt để Bộ triển khai.

Đại tá : HUYỀN NGỌC ĐÀU

Ngày 13/1/1984

CHỈ HUY TRƯỞNG

(Đã ký và đóng dấu)

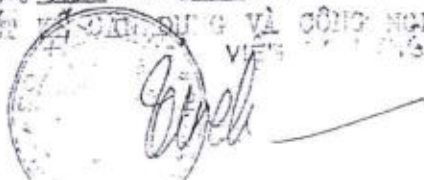
Đại tá : HUYỀN NGỌC ĐÀU

SAC Y BAN CHANH

Đã năng, ngày 20 tháng 12 năm 1984

Số : 744 /VTK

(/LÊN PHIẾU KIỂM TRA VÀ CÔNG NGHIỆP



Số : 299/MT/XDCB

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 1985

VĂN BẢN PHÊ DUYỆT LUẬN CHỨNG KINH TẾ

KỸ THUẬT KHO THỨC NỔ ĐÔNG NẠI

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ VÀ THAM

Căn cứ văn bản phê duyệt quy hoạch kho trong ben bãi vật liệu nổ và vật tư thiết bị số 400 MT/XDCB ngày 6/10/1985 của Bộ nội vụ và Tham.

Căn cứ quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 355/V16 ngày 24/1/1984 việc giải quyết tồn kho thuốc nổ.

Căn cứ vào quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 352/CT ngày 16/10/1984 về việc giải quyết cấp bách tồn kho vật liệu nổ.

Xét tờ trình xin duyệt, thẩm tra kho hóa chất nổ Đông Nai về kho tam số 246 MT/XXKIA ngày 29/3/1985 kèm theo hồ sơ luận chứng kinh tế kỹ thuật kho vật liệu nổ Đông Nai do viên thiết kế đơn dựng và công nghiệp Quảng Nam - Đà Nẵng lập.

Căn cứ văn bản duyệt định số 13 QĐ/UBT ngày 12/1/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đông Nai và quyết cấp địa điểm xây dựng kho vật liệu nổ 500 tấn tại tỉnh Đông Nai.

Căn cứ quyết định số 1850 QĐ/UBT ngày 8/11/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đông Nai về việc duyệt cấp tại khu đất lửa kho tam Đông Nai.

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận luận chứng kinh tế kỹ thuật kho Đông Nai của Cục phòng cháy chữa cháy Bộ nội vụ số 212/PCCC ngày 2/5/1985 và số 216/PCCC ngày 3/5/1985.

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận luận chứng kinh tế kỹ thuật kho Đông Nai của Bộ lao động số 402 LB/LH ngày 27/1/1985 về kho tam và văn bản số 399/LB-LH ngày 27/4/1985 và kho hóa chất nổ Đông Nai.

Căn cứ vào ý kiến của hội nghị thẩm tra luận chứng kinh tế kỹ thuật ngày 3/5/1985.

Đề nghị của ông vụ trưởng và xây dựng cơ bản.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1 :- Phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật kho hóa chất nổ Đông Nai với nội dung sau :

- 1 - Tên công trình : kho hóa chất nổ Đông Nai.
- 2 - Địa điểm xây dựng : tại thung lũng giữa núi tốc tiên và Thị vải (khu căn cứ địa tỉnh Bà Rịa cũ) thuộc xã Lý Xuân - huyện châu thành Tỉnh Đông Nai.
- 3 - Quy mô xây dựng :
  - Trữ lượng : 500 tấn thuốc amonit
  - 200.000 dây nổ.

1.000.000 cái kíp nê

Trong khu vực này được phép trước mắt bố trí thêm 2 nhà kho tạm chứa 200 tấn thuốc lá nhiệm vụ giải tỏa hàng cùng cấp cho các tỉnh miền nam trong thời gian kho hoa chất ở Đông nai chính thức chưa được xây dựng và sử dụng.

Về bố trí trong mặt bằng kho : Chấp nhận phương án II sau gạt của bộ tăng nhà kho và đường nội bộ trong khu kho. Bố trí cho nhà kho nan bố trí sơ lã (tránh đối diện).

Các van cửa sau của được xác định chuẩn xác trong thiết kế kỹ thuật  
Cảng bốc dỡ gỗ đầu cần có van bán cho phép sử dụng cảng và việc đầu tư cải tạo sau này.

Đường điện bên ngoài : nước mặt dùng nguồn diêm sai tương đầu tư ngoài diện tích tại địa phương.

Đường thông tin liên lạc : xác định việc đầu tư lắp đặt lập.

Các khu cư trú cần bố trí gần bên viên chức khu kho cách kho 60m.

Trồng ở tổ bán ngoài từ kho là quốc tế 15 lần cùng cấp phối.

Về kết cấu các nhà kho : cấp nhà cấp II thiết kế mái bằng bê tông cốt thép có độ dốc 5 o/o chú ý cần theo các lớp mái bằng đảm bảo độ bền vững không bị sụt đổ ảnh hưởng nhiệm vụ về thời tiết khu vực.

Trang nhà kho xây 1 lớp bằng gạch chỉ hoặc đá chơ.

Đền nhà kho không làm rộng - nên được đắp cao hơn cốt cao mặt bằng bên ngoài nhà kho 30 - 40 cm cầu tạo phía trên nên phải sang là lớp bê tông láng ngâm xi măng bê ở nhỏ, các bộ phận trên có chèn song sắt cố định, mỗi nhà kho làm 2 cửa đi để bảo vệ nhất phần thuận tiện cầu tạo cửa đi làm cửa sắt khung sắt - bê tông đảm bảo an toàn tuyệt đối.

Các nhà kho xây nhà 1 tầng cấp 4 đảm bảo tiêu chuẩn xây dựng của nhà nước.

Các phen điện chiếu sáng - cũng cấp nước cứu hỏa thoát nước mặt bằng theo quy phạm 85.

Thiết bị cứu hỏa : Trang bị xe cứu hỏa tại chỗ làm hao chống cháy phía ngoài khu vực kho mặt tiếp giáp với các đường cơ hoàng.

Về kho tạm trong khu vực kho Đông nai.

Bố trí 2 nhà kho tạm kết cấu khung thép mái tương bằng phibê xi măng có biện pháp chống sét cảm ứng tĩnh điện và ánh sáng hàng rào bảo vệ riêng, trạm bảo vệ chòi gác riêng, đường nội bộ nên đất tự nhiên, nên làm cao hơn mặt bằng 30 cm thoát nước và cứu hỏa riêng theo quy phạm 85 - cần thiết kết hợp các công trình phục vụ của kho chính ngay trước mặt.

ĐIỀU 2 Tổng vốn đầu tư tạm duyệt .

1 - Kho chính :	20.550.000đ
Xây lắp	15.902.000đ
Thiết bị	795.000đ
KTCB khác	3.635.000đ

2 - Nhà kho tạm : 125.500đ.

ĐIỀU 3 - Công trình này áp dụng pháp thiết kế 2 giai đoạn

- Thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán,

- Bản vẽ thi công và dự toán sơ hạng mục

Bộ giao chủ công ty XNK than và cung ứng vật tư làm chủ đầu tư kỹ hợp đồng thiết kế và thi công với các đơn vị trong và ngoài Bộ.

Bộ phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, Bộ ủy quyền cho ông Giám đốc Công ty XNK than và cung ứng vật tư, Bộ mở và thanh quyết toán về thi công và dự toán từng hạng mục công trình.

ĐIỀU 4 - Các đồng chủ và trưởng và phó chủ kế hoạch vật tư và tài vụ kế toán trưởng ban an toàn Bộ, giám đốc công ty XNK than và cung ứng vật tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

THỦ TƯỚNG BỘ MỎ VÀ THAN

TRẦN THƯỜNG

Số ký : NGUYỄN ĐẠO KHANH

XI NGHỆ HOA CHẤT MỎ

SAO Y KHAI CHINH

Ngày 20 tháng 6 năm 1990

Số 1 / HCM / QLSH

TRƯỞNG CHỈ NHẠNG

TRẦN CHI NHẠNG

XI NGHỆ HOA CHẤT MỎ

SAO Y KHAI CHINH

Ngày 20 tháng 6 năm 1990

Số 1 / HCM / QLSH



TRƯỞNG CHỈ NHẠNG

*Nguyễn Đạo Khanh*

Đồng nai, ngày 16 tháng 10 năm 1986

Số : 1359/QĐ.UHF

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI**  
Về việc duyệt cấp đất xây dựng công trình  
kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn và các công  
trình phục vụ tại xã Mỹ Xuân - Châu Thành  
Đồng nai thuộc xí nghiệp Hóa chất nổ - Bộ  
Mỏ và than

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành  
ngày 9/7/1985 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBND tỉnh, thành  
phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

- Căn cứ quyết định số 48/QĐ.UHF ngày 12/1/1984 của UBND tỉnh Đồng nai  
về việc tạm cấp địa điểm xây dựng kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn tại Tỉnh  
Đồng nai.

- Căn cứ quyết định số 299/PMT - XCB ngày 3/6/1985 của Bộ mỏ và than  
về việc phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật kho thuốc nổ Đồng nai và sơ  
đồ bố trí trong một bằng công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xét đề nghị của Ban quản lý ruộng đất Tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH**

**ĐIỀU 1 :** - Noy duyệt cấp cho xí nghiệp Hóa chất nổ, Bộ mỏ và than để xây  
dựng kho vật liệu nổ (HCM) 500 tấn và các công trình phục vụ tại xã  
Mỹ Xuân - huyện Châu Thành Tỉnh Đồng nai diện tích cụ thể như sau :

- Đất xây dựng kho (kể cả diện tích đảm bảo toàn an toàn tuyệt đối  
37,5 ha.

- Đất xây dựng văn phòng làm việc, nhà ở CBCNV và các công trình  
phục vụ 02 ha.

- Đường vận chuyển từ đường quốc lộ 51 vào kho dài 7 km rộng 6m  
(Phủ Mỹ - Mỹ Xuân) 4,2 ha (cố sơ để kèm theo).

**ĐIỀU 2 :** - Trên cơ sở quyết định này, xí nghiệp Hóa chất nổ chịu trách nhiệm  
cùng với chính quyền địa phương bản báo thống nhất việc bồi thường  
hoa màu tại sạt cho nhân dân (nếu có) theo chính sách hiện hành.  
sau khi có biên bản bồi thường, ban quản lý ruộng đất chịu trách  
nhiệm bàn giao cầm mốc cụ thể cho xí nghiệp Hóa chất nổ.



ĐIỀU 3 :- Các ông chánh văn phòng UBND Tỉnh, trưởng ban QLHD tỉnh, chủ nhiệm UBND cơ ban tỉnh, chủ tịch UBND huyện châu thành, chủ tịch UBND xã nông lâm và phú mỹ, giám đốc xí nghiệp Hòa chất mìn và trưởng ban quản lý công trình khai thác nhiệm thi hành quyết định này .

KI/CHỦ TỊCH  
Thủ chủ tịch thường trực  
Đã ký  
HUYỀN VĂN BÌNH

XI NGHIỆP HOA CHẤT MỖ  
Số : 101 /HCM/QLCT

SAO Y BAN CHÍNH  
Hà bắc, ngày 21 tháng 8 năm 1989

GIÁM ĐỐC  
Đã ký : BÙI ĐỨC THỊNH

Nơi nhận :

- Công ty
- Liên bộ
- Ban QLCT
- Lưu văn thư

XI NGHIỆP HOA CHẤT MỖ  
CHI NHÁNH K7 BONG NAI

Số : 80 /HCM/BN

SAO Y BAN CHÍNH  
11/8/90  
20 tháng 6 năm 1990



TRƯỞNG CHI NHÁNH

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

BỘ MỎ VÀ THAN  
CÔNG TY XNK THAN  
CUNG ỨNG VẬT TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1984

Ố : 1091/MT-XNK14  
/v đề nghị hợp đồng  
khảo sát lập LCKTKT  
kho vật liệu nổ

/(ính gửi : VIỆN THIẾT KẾ DÂN DỤNG VÀ  
CÔNG NGHIỆP TỈNH Q N - Đ N

Căn cứ công văn số 1023/MT-XNK12 ngày 29/7/1983 của Bộ mỏ và than gửi UBND Tỉnh Đồng Nai về việc đặt điểm kho vật liệu nổ (HCM) tại Đồng Nai và văn bản phê duyệt quy hoạch kho tàng tại quyết định số 400/MT-XDCB1 ngày 6/10/1983 của Bộ Trưởng Bộ mỏ và than.

Căn cứ quyết định số 48 QĐ-UBT ngày 12/1/1984 của UBND Tỉnh Đồng Nai cho phép khảo sát khu vực : Thung lũng giữa núi Tộc Tiên và Thị Vải (khu căn cứ địa Tỉnh Bà Rịa cũ) thuộc xã Mỹ Xuân huyện Châu Thành, để lập luận chứng kinh tế kỹ thuật xây dựng kho HCM

Căn cứ điều lệ quản lý XDCB ban hành theo nghị định 232/CP ngày 6/6/1981 của Hội đồng Chính phủ.

Được sự giới thiệu của :  
và sau khi đã có sự tiếp xúc, trao đổi ngày Công ty xuất nhập khẩu than và cung ứng vật tư Bộ Mỏ và than xin có công văn chính thức trên trọng đề nghị : Viện thiết kế Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cho hợp đồng khảo sát và lập luận chứng kinh tế kỹ thuật kho HCM Đồng Nai với quy mô và các yêu cầu khái quát như sau :

- 1/ Tên công trình : Kho HCM Đồng Nai
- 2/ Địa điểm xây dựng : Xã Mỹ Xuân Huyện Châu Thành
- 3/ Nhiệm vụ và tính chất của kho : Kho làm nhiệm vụ dự trữ để cung cấp HCM cho các ngành Trung ương và các địa phương thuộc các Tỉnh phía Nam.  
Tính chất kho : Loại cố định, có thời gian tồn tại trên 50 năm.
- 4/ Quy mô và trữ lượng kho : Kho được xây dựng theo điều kiện thời bình và có lưu ý bảo vệ khi thời chiến.  
- Trữ 170 ng kho : + Thuốc nổ Amonit 500 T  
+ Dây nổ : 200.000 m  
+ Kíp nổ : 1.000.000 cái

- Loại kho cần thiết ~~trên~~ kế theo kiểu : bán ngầm hoặc để nổi.

5/ Các công trình và quy mô kiến trúc :

a) Trong khu vực kho :

- 5 nhà kho chứa Amonit : nhà cấp III, mái bằng panen hộp
- 2 nhà kho chứa phương tiện nổ
- 1 Trạm bảo vệ và chứa dụng cụ cứu hoả : nhà cấp 4.
- Chòi gác
- Bể chứa nước cứu hoả
- Hàng rào bảo vệ kho : cột bê tông chằng thép gai
- Cổng vào kho.

b) Ngoài khu vực kho :

- Nhà làm việc, nhà ở tập thể và gia đình, nhà cấp 4 cho 32 cán bộ công nhân viên.

Trong đó : lãnh đạo kho : 3 người

Nhận viện nghiệp vụ : 9 người

Công nhân bảo quản, bốc xếp : 15 người

Đội bảo vệ chuyên nghiệp : 25 người

- Nhà kiểm tra chất lượng và xuất hàng.
- Bãi để xe cho khách hàng (khoảng 10 xe loại 5 T)
- Bãi thử nghiệm thuốc nổ.

6/ Cấp nước :

a) Nước sinh hoạt :

b) Nước vữa hóa :

7/ Cấp điện chiếu sáng bảo vệ kho và phục vụ sinh hoạt :

8/ Thông tin liên lạc : Nối với mạng thông tin hữu tuyến huyện Châu thành.

9/ Giao thông vận tải : Vật liệu nổ được chuyển từ tàu bẹn (ở phao số 0) sang sà lan loại 200-300.T đi vào sông Thị Vải đến bến bốc Gò Dầu (thuộc Huyện Long thành). Từ bến Gò Dầu, vật liệu nổ được vận chuyển bằng ô tô theo quốc lộ 15 để đưa về kho dự trữ.

10/ Chống sét và cứu hoả :

a) Chống sét gồm :

- Chống sét cảm ứng tĩnh điện
- Chống sét đánh thẳng.

b) Cứu hỏa :

- Bên ngoài nhà kho : dùng các bể chứa nước, bơm di động và các dụng cụ cứu hỏa khác. Dọn cỏ khô, đào hào chống cháy theo quy phạm.

- Bên trong tường nhà kho : dùng thùng dự trữ nước, cát, bình khí hóa chất và các dụng cụ thông thường khác.

11/ Tiến độ :

12/ Hướng sử dụng vật liệu xây dựng :

Vật liệu địa phương có.

Các thông số kỹ thuật trong LCKTKT bảo đảm tuân theo quy phạm 83 của Liên Bộ.

Đề nghị :

Rất mong được quý cơ quan quan tâm, giúp đỡ để công việc được xúc tiến nhanh, đảm bảo tiến độ và chất lượng yêu cầu. Trong quá trình lập LCKTKT có vấn đề gì trở ngại đề nghị quý cơ quan trực tiếp bàn bạc với Công ty chúng tôi để cùng kết hợp giải quyết.

CÔNG TY XNK THAN VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ

KT. Giám đốc Công Ty

Phó Giám Đốc

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN ĐÌNH LÂM

Số : 745 / VTK

SAO Y BẢN CHÍNH

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 12 năm 1984

(/ IỆN THIẾT KẾ DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

VIỆT NAM



LÊ THỊNH GIẾT





Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được xác định theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ 1/2000, số: T16-TT-08/BĐ-ĐC và số: T17-TT-08/BĐ-ĐC được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

## **Điều 2.**

1- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV có trách nhiệm:

Thực hiện đúng như Điều 1 của Quyết định này. Khi sử dụng đất phải tuân thủ Luật Đất đai, Pháp luật Nhà nước hiện hành, bảo đảm yêu cầu về môi trường theo quy định pháp luật.

Nộp tiền thuê đất hàng năm vào Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước huyện Tân Thành. Phải nộp đúng thời hạn, nộp đủ tiền thuê đất và chịu sự hướng dẫn của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền thuê đất.

Đơn giá thuê đất được thực hiện theo giá quy định của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (do Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định).

Số tiền thuê đất phải nộp hàng năm do Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định.

Sau khi nhận được Quyết định này phải làm việc trực tiếp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để lập thủ tục tính tiền thuê đất. Đồng thời phải liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để ký hợp đồng thuê đất và thực hiện các công việc tiếp theo sau Quyết định thuê đất.

Phải quản lý giữ gìn khu đất được thuê, không để bị lấn chiếm.

2- UBND huyện Tân Thành chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Thành chủ trì cùng UBND xã Tóc Tiên tiến hành xác định mốc giới ngoài thực địa khu đất thuê để Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ có cơ sở sử dụng và thuê đất.

3- Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định tiền thuê đất, trực tiếp quản lý, kiểm tra việc nộp tiền thuê đất vào Ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bà Rịa – Vũng Tàu, Chủ tịch UBND huyện Tân Thành, Chủ tịch UBND xã Tóc Tiên, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Thành, Giám đốc Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP-TH.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Thới



Số: 47/HĐTĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vũng Tàu, ngày 21 tháng 7 năm 2008

## **HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số: 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định cho thuê đất số: 2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc cho Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ - thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghiệp Hoá chất mỏ - TKV thuê 498.953m<sup>2</sup> đất (gồm 2 khu: khu Văn phòng làm việc 21.749,3m<sup>2</sup> và khu Kho vật liệu nổ công nghiệp 477.203,7m<sup>2</sup>) tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành để sử dụng vào mục đích làm Văn phòng làm việc và Kho vật liệu nổ công nghiệp.

Hôm nay, ngày 21 tháng 7 năm 2008 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Chúng tôi gồm:

**I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT LÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RIJA-VŨNG TÀU.**

Do ông: Đặng Như Hiền. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu làm đại diện.

Trụ sở: 368 Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**II. BÊN THUÊ ĐẤT LÀ: CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ NAM BỘ - THUỘC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - KTV.**

Họ tên: Nguyễn Văn Sáng.

Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: Tại Phước Thạnh, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 064.876210 – Fax: 064.876636.

Tài khoản số: 3611.00.0007 tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tân Thành.





### III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1- Diện tích đất là 498.953m<sup>2</sup> (Bốn trăm chín mươi tám ngàn chín trăm năm mươi ba mét vuông) - gồm 2 khu: khu Văn phòng làm việc 21.749,3m<sup>2</sup> và khu Kho vật liệu nổ công nghiệp 477.203,7m<sup>2</sup>. Vị trí tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành để sử dụng vào mục đích làm Văn phòng làm việc và Kho vật liệu nổ công nghiệp.

2- Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê nói trên được xác định theo tờ Trích đo Bản đồ địa chính khu đất, số: T16-TT-08/BĐ-ĐC và số: T17-TT-08/BĐ-ĐC, tỷ lệ 1/2000 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác nhận ngày 03 tháng 6 năm 2008.

3- Thời hạn thuê đất là: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2006 – ngày Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu (ghi theo quy định trong Quyết định cho thuê đất số: 2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1- Giá tiền thuê đất và tổng số tiền thuê đất hàng năm phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Giá tiền thuê đất do Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu quyết định; tổng số tiền thuê đất hàng năm do Cơ quan thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định).

2- Tiền thuê đất được tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2006 (ghi theo quy định trong Quyết định cho thuê đất số: 2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

3- Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.

4- Nộp tiền thuê đất vào tài khoản Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước huyện Tân Thành.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1- Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai).



2- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 111 của Luật Đất đai.

3- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 131 của Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ.

**Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 1- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- 2- Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
- 3- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;
- 4- Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Hợp đồng này được lập thành sáu bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kho bạc Nhà nước Bà Rịa-Vũng Tàu và Kho bạc Nhà nước huyện Tân Thành.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. / 10

**BÊN THUÊ ĐẤT**

GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Dũng*

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**

GIÁM ĐỐC



*Dương Văn Thiêm*

Số: 01 PLHĐ/TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 3 năm 2021

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**  
**Số: 47/HĐTĐ ký ngày 21 tháng 7 năm 2008**  
**(Về việc đổi tên tổ chức sử dụng đất)**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo Hợp đồng thuê đất số 47/HĐTĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đại diện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ký với Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên công nghiệp hóa chất mỏ - KTV;

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 849925 ngày 11 tháng 11 năm 2008 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (TUQ Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) cấp cho Công ty Công nghiệp hóa chất Mỏ Nam Bộ, đã được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh chính lý đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp hóa chất Mỏ Nam Bộ - MICCO ngày 26 tháng 9 năm 2019;

Hôm nay, ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chúng tôi gồm:

**I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT LÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

Do ông Nguyễn Văn Hải - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện.

Trụ sở: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**II. BÊN THUÊ ĐẤT LÀ CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ NAM BỘ - MICCO**

Do ông Lê Công Điện - Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố Bến Đình, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Mã số thuế: 3502007678



*(Handwritten signature)*

Tài khoản số: 7621000000378, tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển, Chi nhánh Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: (0254). 3895247

Fax: (0254). 3876636

**III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU ĐÂY:**

**Điều 1.** Nội dung Phụ lục Hợp đồng thuê đất như sau:

Đổi tên tổ chức thuê đất tại mục II của Hợp đồng thuê đất số 47/HĐTĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008 thành Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - MICCO.

Đổi tên xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.**

Phụ lục Hợp đồng thuê đất này được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một bản, gửi Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kho bạc Nhà nước Bà Rịa-Vũng Tàu và Kho bạc nhà nước thị xã Phú Mỹ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



**BÊN THUÊ ĐẤT**  
GIÁM ĐỐC



**LÊ CÔNG ĐIỆN**

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**  
GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Văn Hải**





GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AN 849924

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

**CHỨNG NHẬN**

I- Tên người sử dụng đất

**CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ NAM BỘ**

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4914000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 19/7/2007.*

*Địa chỉ trụ sở chính: ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.*

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 58

2. Tờ bản đồ số: 19

3. Địa chỉ thửa đất: xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Diện tích: 477.203,7m<sup>2</sup>.

Bằng chữ: (Bốn trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba phẩy bảy mét vuông).

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 477.203,7m<sup>2</sup>.

+ Sử dụng chung: 0m<sup>2</sup>.

6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.

7. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm đến ngày 07/4/2056.

8. Nguồn gốc sử dụng đất: "Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm" 

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CHỨNG NHẬN**

**I- Tên người sử dụng đất**

**CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MÔ NAM BỘ**

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4914000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 19/7/2007.*

*Địa chỉ trụ sở chính: ấp Phước Thiện, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.*

**II- Thửa đất được quyền sử dụng**

1. Thửa đất số: 58
2. Tờ bản đồ số: 19
3. Địa chỉ thửa đất: xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
4. Diện tích: 477.203,7m<sup>2</sup>.
- Bảng chữ: (Bốn trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba phẩy bảy mét vuông).
5. Hình thức sử dụng:
  - + Sử dụng riêng: 477.203,7m<sup>2</sup>.
  - + Sử dụng chung: 0m<sup>2</sup>.
6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.
7. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm đến ngày 07/4/2056.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: "Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm"

**III- Tài sản gắn liền với đất**

**IV- Chi chú**

V- Sơ đồ thửa đất



STT	Tên thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1	Thửa đất số 58	477.203,7	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	07/4/2006	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Thửa đất số 59	...	...	...	...
3	Thửa đất số 60	...	...	...	...
4	Thửa đất số 61	...	...	...	...
5	Thửa đất số 62	...	...	...	...
6	Thửa đất số 63	...	...	...	...
7	Thửa đất số 64	...	...	...	...
8	Thửa đất số 65	...	...	...	...
9	Thửa đất số 66	...	...	...	...
10	Thửa đất số 67	...	...	...	...
11	Thửa đất số 68	...	...	...	...
12	Thửa đất số 69	...	...	...	...
13	Thửa đất số 70	...	...	...	...
14	Thửa đất số 71	...	...	...	...
15	Thửa đất số 72	...	...	...	...
16	Thửa đất số 73	...	...	...	...
17	Thửa đất số 74	...	...	...	...
18	Thửa đất số 75	...	...	...	...
19	Thửa đất số 76	...	...	...	...
20	Thửa đất số 77	...	...	...	...
21	Thửa đất số 78	...	...	...	...
22	Thửa đất số 79	...	...	...	...
23	Thửa đất số 80	...	...	...	...
24	Thửa đất số 81	...	...	...	...
25	Thửa đất số 82	...	...	...	...
26	Thửa đất số 83	...	...	...	...
27	Thửa đất số 84	...	...	...	...
28	Thửa đất số 85	...	...	...	...
29	Thửa đất số 86	...	...	...	...
30	Thửa đất số 87	...	...	...	...
31	Thửa đất số 88	...	...	...	...
32	Thửa đất số 89	...	...	...	...
33	Thửa đất số 90	...	...	...	...
34	Thửa đất số 91	...	...	...	...
35	Thửa đất số 92	...	...	...	...
36	Thửa đất số 93	...	...	...	...
37	Thửa đất số 94	...	...	...	...
38	Thửa đất số 95	...	...	...	...
39	Thửa đất số 96	...	...	...	...
40	Thửa đất số 97	...	...	...	...
41	Thửa đất số 98	...	...	...	...
42	Thửa đất số 99	...	...	...	...
43	Thửa đất số 100	...	...	...	...

**CHỨNG THỰC SAO ĐĂNG KÝ BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 2007/CTĐK... năm 20...  
Ngày... tháng... năm 20...  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngày 11 tháng 11 năm 2008  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TU. CH. CHỦ TỊCH



Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ... 208517 ...

**VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Ngày, tháng, năm 20/11/2019	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền K.T. GIÁM ĐỐC PH. GIÁM ĐỐC
<p>                     Người sử dụng đất đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - MICCO. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp vụ số 3502007678 do Sở Kế hoạch Đầu tư Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 16/8/2018. Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Phước Thanh, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2888/QĐ-VINACOMIN ngày 26/12/2011 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo hồ sơ số 00188.DT072./                 </p> <p>                     Đổi tên xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.                 </p> <p> <i>Thống kê giao dịch</i>                      Giám đốc                      Trần Ngọc Cẩm Tuấn                 </p>		
21-09-2020		

**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :**

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

AN 84/0924



## VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
26/9/2019	<p>Người sử dụng đất đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - MICCO, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3502007678 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 16/8/2018, địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Phước Thạnh, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2888/QĐ-VINACOMIN ngày 26/12/2011 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo hồ sơ 00188.DT072./.</p>	<p style="text-align: center;">KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p style="text-align: center;"><i>Trần Ngọc Cẩm Tuấn</i></p> <p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC</b></p>
21-09-2020	<p>Đổi tên xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu./.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Trần Ngọc Cẩm Tuấn</i></p>

### NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

V- Sơ đồ thửa đất

BẢNG KÊ TOA ĐỘ NH 2004 (KQ 10740)

Cấp địa	TOA ĐỘ		Cấp độ
	X (m)	Y (m)	
1	117224.41	429627.27	100.04
2	117202.86	429632.45	100.41
3	117194.28	429628.41	99.88
4	117178.40	429619.52	99.18
5	117170.02	429621.22	99.32
6	117178.21	429452.96	28.99
7	117168.47	429454.06	28.99
8	117156.48	429376.42	181.31
9	117148.82	429366.47	180.02
10	117159.22	429375.22	182.02
11	1172212.86	429597.41	88.25
12	1172154.54	429596.48	87.57
13	1172172.24	429588.79	27.42
14	1172508.20	429584.07	16.47
15	117219.72	429588.26	24.21
16	1172242.26	429579.19	14.88
17	1172246.11	429574.28	14.88
18	1172172.26	429562.22	28.22
19	1172261.48	429562.54	8.29
20	1172261.78	429562.21	11.21
21	1172209.09	429561.99	28.21
22	1172524.88	429573.54	8.06
23	1172427.20	429564.22	2.22
24	1172428.97	429562.24	8.06
25	1172624.29	429561.06	8.06
26	1172428.97	429561.06	8.06
27	1172194.88	429560.48	88.86
28	1172426.21	429560.22	147.29
29	1172428.97	429560.22	42.28
30	1172428.97	429560.22	42.28
A	1172428.97	429560.22	8.21
B	1172428.97	429560.22	15.28
C	1172428.97	429560.22	12.12
D	1172428.97	429560.22	7.26
E	1172428.97	429560.22	106.22
F	1172428.97	429560.22	8.06
G	1172428.97	429560.22	94.24
H	1172428.97	429560.22	87.47
I	1172428.97	429560.22	45.88
J	1172428.97	429560.22	47.26
K	1172428.97	429560.22	28.96
L	1172428.97	429560.22	28.46
M	1172428.97	429560.22	16.21
N	1172428.97	429560.22	24.22
O	1172428.97	429560.22	24.22
P	1172428.97	429560.22	24.22
Q	1172428.97	429560.22	24.22
R	1172428.97	429560.22	24.22
S	1172428.97	429560.22	24.22
T	1172428.97	429560.22	24.22
U	1172428.97	429560.22	24.22
V	1172428.97	429560.22	24.22
W	1172428.97	429560.22	24.22
X	1172428.97	429560.22	24.22
Y	1172428.97	429560.22	24.22
Z	1172428.97	429560.22	24.22
aa	1172428.97	429560.22	24.22
ab	1172428.97	429560.22	24.22
ac	1172428.97	429560.22	24.22
ad	1172428.97	429560.22	24.22
ae	1172428.97	429560.22	24.22
af	1172428.97	429560.22	24.22
ag	1172428.97	429560.22	24.22
ah	1172428.97	429560.22	24.22
ai	1172428.97	429560.22	24.22
aj	1172428.97	429560.22	24.22
ak	1172428.97	429560.22	24.22
al	1172428.97	429560.22	24.22
am	1172428.97	429560.22	24.22
an	1172428.97	429560.22	24.22
ao	1172428.97	429560.22	24.22
ap	1172428.97	429560.22	24.22
aq	1172428.97	429560.22	24.22
ar	1172428.97	429560.22	24.22
as	1172428.97	429560.22	24.22
at	1172428.97	429560.22	24.22
au	1172428.97	429560.22	24.22
av	1172428.97	429560.22	24.22
aw	1172428.97	429560.22	24.22
ax	1172428.97	429560.22	24.22
ay	1172428.97	429560.22	24.22
az	1172428.97	429560.22	24.22



Ngày 11 tháng 11 năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

TUỶ CHỨC TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



*Dương Thu Hiền*

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: .....T08.317.....

- 1- Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- 2- Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.
- 3- Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

VÀO SỔ LƯU NGÀY 15/11/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**BAN SAO**



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP**

## **GIẤY PHÉP**

**KINH DOANH VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

Số: 63/2017/GP-ATMT

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN  
VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2017

Số: 63/GP-ATMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY PHÉP

Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

### CỤC TRƯỞNG

#### CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT;

Căn cứ Quyết định số 3689/QĐ-BCT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp của Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin; Theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn Khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin, tên giao dịch bằng tiếng anh Vinacomin - Mining Chemical Industry Holding Corporation Limited, tên viết tắt MICO.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100101072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở tại: Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02438 642 778;

Fax: 02438 642 777

Được kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.

#### Điều 2. Điều kiện kinh doanh

- Chỉ được phép kinh doanh các loại vật liệu nổ công nghiệp đã có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam;

- Các đơn vị trực thuộc (bao gồm 23 đơn vị tại Phụ lục số 01 kèm theo Giấy phép này) được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp theo ủy quyền của Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin;

- Điều kiện khác:

Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 02:2008/BCT và những quy định pháp luật liên quan; đảm bảo an toàn và trật tự an ninh xã hội.

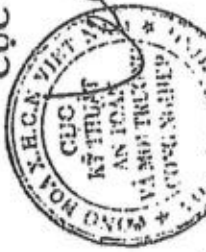
Điều 3. Giấy phép này thay thế Giấy phép số 01/GP-ATMT ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

- Lưu: VT, ATKV.

CỤC TRƯỞNG



CHUNG THỰC BAN SƠ ĐỒNG VIỆT NAM  
Số chứng thực 1434 / Nguyên số SCTBS

Ngày: 20-11-2017



PHO CHỦ TỊCH

Nguyễn Liên Hương

Phụ lục số 1: Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin được phép kinh doanh VLNCN  
(Kèm theo Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp số 63/GP-ATMT ngày 15 tháng 11 năm 2017)

TT	Tên đơn vị	Số đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ
1	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh	0100101072-001	Tổ 25, Khu 4, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
2	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Tây Bắc	0100101072-009	Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
3	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	0100101072-032	Số 9A, đường Phan Đình Phùng, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - MICCO	2700669262	Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
5	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Trung Trung Bộ	0100101072-004	137 Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
6	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Tây Nguyên	0100101072-015	444/4 Lê Duẩn, phường Tháng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
7	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Trung Bộ	0100101072-012	Thôn Phước Trung, xã Phước Đông, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
8	Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO	3502007678	Áp Phước Thạnh, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
9	Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội	0100101072-007	Lô CN 02-4 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
10	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Bắc Ninh	0100101072-006	Số 30 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

TT	Tên đơn vị	Số đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ
11	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Lai Châu	0100101072-024	Đường Thanh Niên, tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
12	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Sơn La	0100101072-038	Số 278, đường Trường Chinh, tổ 1, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
13	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tuyên	0100101072-033	Số nhà 500, đường Trường Chinh, tổ 27, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
14	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Bắc Kạn	0100101072-030	Số 483, đường Kom Tum, tổ 11C, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
15	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Lạng Sơn	0100101072-031	Khu đô thị N20, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
16	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Hà Nam	2700669262-001	Đường Lê Chân, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
17	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - MICCO tại Nghệ An	2700669262-002	Khối 10, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
18	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - MICCO tại Hà Tĩnh	2700669262-003	Số 01, đường Đồng Môn, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
19	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ngãi	0100101072-018	Thôn Gò Tre, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
20	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Đắk Lắk	0100101072-036	Tổ dân phố 7, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
21	Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Phú Yên	0100101072-020	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

TT	Tên đơn vị	Số đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ
22	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO tại Đồng Nai	3502007678-003	Lầu 1, Nhà A10, Chung cư liên kế Hóa An, xã Hóa An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
23	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ -MICCO tại Bình Dương	3502007678-002	Áp 3, xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 25/NĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2018



### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết  
Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu  
tại ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa gửi kèm theo văn bản số 2703/NBMICCO-KTCN ngày 15 tháng 11 năm 2017 và số 2937/NBMICCO-KTCN ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mô Nam Bộ - MICCO;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 152/TT-Tr-STNMT ngày 09 tháng 01 năm 2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu tại ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mô Nam Bộ - MICCO (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động

a) Vị trí của cơ sở: Ấp 6, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -



b) Quy mô/công suất hoạt động của cơ sở: Bao gồm các kho chứa 200 tấn thuốc nổ, 1.000.000 kíp các loại, 200.000 m dây nổ, 1.403 tấn  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  và xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO công suất 3.000 tấn/năm.

## 2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

b) Phải bảo đảm các chất thải được xử lý đạt các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

c) Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo thời hạn như sau

- Đầu tư, cải tạo kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại bảo đảm vệ sinh môi trường, đúng quy cách theo quy định đủ lưu chứa lượng chất thải nguy hại phát sinh, bảo đảm thu gom triệt để chất thải nguy hại lỏng khi xảy ra sự cố (bố trí bờ bao, hố thu gom); thời hạn hoàn thành trước ngày 28 tháng 02 năm 2018.

- Đầu tư cải tạo các công trình thu gom, quản lý/xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định; thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2018.

- Thực hiện các giải pháp khả thi nhằm quản lý/xử lý hơi dầu phát sinh tại phân xưởng sản xuất thuốc nổ ANFO; thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2018.

d) Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo về kết quả thực hiện đến UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Các điều kiện kèm theo

a) Trong quá trình hoạt động phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan, bảo đảm tiếng ồn và độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Thu gom và xử lý lượng nước thải, khí thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định; nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn khi tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu phải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước tưới tiêu theo quy định. Quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định.

b) Bố trí điểm xả nước thải, khí thải sau xử lý phải bảo đảm thuận lợi cho việc lấy mẫu giám sát. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt; thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với chất thải với tần suất 03 tháng/lần; định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát. Lập kế hoạch, phương án cần thiết

biện pháp bảo đảm an toàn theo đúng quy định hiện hành, đặc biệt là sự cố cháy nổ, an toàn hóa chất,...

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung đề án chi tiết đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

**Điều 3.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở và thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong đề án đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tân Thành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - MICCO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Chủ cơ sở;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tân Thành;
- UBND xã Tóc Tiên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7. (7)



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Quốc

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 153.5/STNMT-BVMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 12 năm 2018

V/v thực hiện Đề án BVMT chi tiết  
Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà  
Rịa – Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc  
Tiên, thị xã Phú Mỹ của Công ty  
TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất  
mỏ Nam Bộ - MICCO

Kính gửi: Công ty TNHH MTV CN Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO

Ngày 12/11/2018, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO đã có văn bản số 2449/NBMICCO về việc báo cáo hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 và hồ sơ kèm theo. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; nội dung yêu cầu của Đoàn kiểm tra thực tế ngày 24/10/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO đã thực hiện hoàn thành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ (Phụ lục kèm theo).

2. Trong quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO thực hiện:

- Hoạt động theo đúng quy mô, công suất đã cam kết trong Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2018.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành; thường xuyên vận hành, duy trì thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo văn bản này; thực hiện chế độ báo cáo và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật; tăng cường các giải pháp để giảm phát sinh mùi dầu tại khu phân xưởng sản xuất Anfo.



- Trong quá hoạt động, nếu xảy ra sự cố bất thường đối với các công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung theo văn bản này, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoạt động và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO tổ chức, thực hiện theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng Cảnh sát MT – CA tỉnh;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tóc Tiên;
- Lưu: VT, Chi cục BVMT.

*Ch*



**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Sơn Hải**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo vận bản số: 75.35/STNMT-BVMT ngày 27.1.2018 của  
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

### 1. Công trình thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với nước thải.

- Đã xây dựng hệ thống rãnh cục bộ xung quanh các nhà kho để thu gom nước mưa chảy tràn với tổng chiều dài 880 m x rộng 0,3 m x sâu 0,3 m.

- Hệ thống mương, rãnh thoát nước dọc tuyến đường vận chuyển để thu gom nước mưa chảy tràn với tổng chiều dài 770 m, rộng 0,7 m x sâu 0,5 m được xây dựng kè bằng đá. Nước mưa của khu cụm kho chứa được thu gom thoát nước chung của khu vực sau đó thoát vào hồ chứa. Hiện tại, Khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp có 04 hồ chứa nước để tái sử dụng nước dùng cho phòng cháy chữa cháy.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 03 ngăn, 01 bể có thể tích 4,9 m<sup>3</sup> (tại khu vực cổng kho); 01 bể thể tích 9,4 m<sup>3</sup> (tại Phân xưởng sản xuất Anfo) nước sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó cho tự thấm.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh dụng cụ (ca, phễu,..) tại xưởng sản xuất thuốc nổ Anfo. Quy trình xử lý nước thải: Nước thải qua song chắn → Hồ thu (điều chỉnh pH, giấy thấm dầu) → Bể xử lý sinh học (trung hòa) → Bể lắng → Nước thải sau xử lý được dẫn bằng đường nhựa PVC dẫn ra Hồ chứa phía sau trong khuôn viên Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp (nước tại hồ chứa này được tái sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy). Tổng thể tích của 03 bể chứa nước tại hệ thống xử lý chứa là 6,4 m<sup>3</sup>. Nước thải sau xử lý tại thời điểm kiểm tra theo kết quả phân tích tại Phiếu kết quả số B18.1055/TTQT ngày 05/11/2018 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cho thấy hầu hết các thông số đặc trưng trong nước thải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (K<sub>q</sub> = 1; K<sub>f</sub> = 1,2); Riêng thông số Colifors vượt so với quy chuẩn (kết quả 46.000 MPN/100ml, quy chuẩn cho phép 5.000 MPN/100ml). Do đó, đề nghị Công ty tăng cường biện pháp khử trùng nước thải sau xử lý để bảo đảm thông số Colifrom không vượt theo quy chuẩn.

### 2. Công trình xử lý đối với khí thải, mùi hôi

- Để giảm thiểu hơi dầu từ quá trình trộn sản phẩm Anfo, đóng gói bao bì thuốc nổ, quá trình lưu kho thành phẩm, Công ty đã thực hiện các biện pháp như: trang bị thêm 03 quạt đứng để thông gió, nâng tổng số quạt hiện có tại phân xưởng sản xuất Anfo 05 quạt; lắp đặt 03 quạt hút trên tường nhà của xưởng sản xuất Anfo; thiết kế 02 cửa ra vào rộng 1,2 m x cao 1,8 m và 03 cửa phụ rộng 1,8 m x

cao 2,2 được mở trong suốt quá trình sản xuất.

- Công ty đã đưa thiết bị tự động công nghệ khép kín vào hoạt động tại công đoạn trộn đến thành phẩm thuốc nổ Anfo để giảm thiểu mùi DO phát tán ra môi trường xung quanh khu vực.

- Đã trồng cây xanh trong các khu vực dọc trên đường vận chuyển và bên ngoài khu vực Cùm kho vật liệu nổ công nghiệp để giảm thiểu bụi và cải tạo vi khí hậu.

### **3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):**

- Công trình lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt): Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, bao nilong, hộp đựng thức ăn,...) phát sinh khoảng 158 kg/tháng, được thu gom vào thùng chứa rác loại 240 lít và loại 10 lít được lưu giữ tại kho chứa rác thải sinh hoạt, định kỳ chuyển giao cho Công ty cổ phần dịch vụ đô thị thị xã Phú Mỹ thu gom và vận chuyển đi xử lý theo hợp đồng số 18/2018/HĐDV ngày 01/01/2018.

- Công trình lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu là bao bì nhựa chứa nguyên liệu được thu gom tái sử dụng một phần và chuyển giao cho các cơ sở thu mua phế liệu để tái chế.

- Công trình lưu giữ và xử lý chất CTNH: Đã lập hồ sơ đăng ký sở chủ nguồn thải CTNH và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH: 77.000324.T ngày 17/9/2009. CTNH phát sinh chủ yếu khoảng 70 kg/tháng (chủ yếu giẻ lau, bao tay dính dầu, giấy thấm dầu, bùn thải,...) được thu gom, trong các thùng chứa riêng biệt có dán mã CTNH và lưu giữ trong kho chứa trước khi chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường Sao Việt để vận chuyển, xử lý (theo hợp đồng số 96/2017/HĐXLCT-SV ngày 25/3/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 30/6/2018). Khu vực lưu giữ CTNH đã có biển cảnh báo, đã xây nền, gờ, rãnh và hố thu chất thải lỏng khi xảy ra sự cố, có diện tích khoảng 7,5 m<sup>2</sup>.

### **4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

- Đã xây dựng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ đã được Phòng PCCC tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt đủ điều kiện về PCCC số 95/ĐK-PCCC ngày 26/4/2013.

- Đã xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3349/QĐ-BCT ngày 17/9/2018.

- Đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất Anfo.

- Đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động./



Số: **3349** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho vật liệu nổ Công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn một số điều của Luật và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

Trên cơ sở Biên bản họp ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho vật liệu nổ Công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco được thành lập theo Quyết định số 95/QĐ-BCT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Xét Văn bản số 1860/CV-NBMICCO ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc giải trình tiếp thu chỉnh sửa và đề nghị phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho vật liệu nổ Công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco (sau đây viết tắt là Kế hoạch) tại Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**Điều 2.** Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Lưu giữ và phổ biến nội dung bản Kế hoạch đã được phê duyệt tới toàn thể cán bộ, công nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị phối hợp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Hàng năm, tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Kế hoạch với sự chứng kiến của đại diện Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cụm kho vật liệu nổ Công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco và những yêu cầu bắt buộc quy định tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác an toàn hóa chất và ứng phó sự cố hóa chất đối với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco.

**Điều 4.** Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động làm thay đổi những nội dung đã phê duyệt tại Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

**Điều 5.** Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Cục Hóa chất thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của bản Kế hoạch đã được phê duyệt và các yêu cầu quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hóa chất, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ-Micco chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- UBND thị xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, HC.

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 30003... Quyển số... 01... SCT/BS

Ngày... 07... tháng... 9... năm 20... 22

KT. CHỦ TỊCH  
1'HỒ CHỦ TỊCH

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG

Đặng Hoàng An

Huyên Lê Thị Kha



**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hội 13 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Kho VLNCN - Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BR-VT.

Chúng tôi gồm:

**Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh BR-VT:**

- |                              |                                   |
|------------------------------|-----------------------------------|
| - Trung tá Nguyễn Hữu Trung; | Chức vụ: Phó Trưởng phòng;        |
| - Trung tá Bùi Sĩ Ngọc;      | Chức vụ: Đội trưởng Đội tham mưu; |
| - Đại úy Nguyễn Mạnh Tường;  | Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác PC;  |
| - Trung úy Mai Thanh Minh;   | Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác PC.  |

**Đã tiến hành kiểm tra đối với Kho VLNCN - Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ.**

**Đại diện cơ sở:**

- |                          |                                |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Ông Hà Xuân Cảnh;      | Chức vụ: Phó Giám đốc;         |
| - Ông Lê Mộng Cẩm Dương; | Chức vụ: Phó phòng an toàn;    |
| - Ông Nguyễn Văn Dinh;   | Chức vụ: Quản đốc kho VLNCN;   |
| - Ông Nguyễn Xuân Thành; | Chức vụ: Trưởng phòng an toàn; |
| - Ông Nguyễn Văn Hưng;   | Chức vụ: Đội trưởng PCCC.      |

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phần trình bày của cơ sở**

- Cơ sở đã chấp hành nghiêm túc và thực hiện đầy đủ theo các kiến nghị trong biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh BR-VT, thường xuyên duy trì các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy không để sự cố cháy nổ xảy ra.

- Cơ sở đã có báo cáo về công tác PCCC phục vụ đoàn kiểm tra.

**II. Kiểm tra thực tế**

**1. Hồ sơ quản lý, theo dõi công tác PCCC và CNCH**

- Hồ sơ quản lý công tác PCCC và CNCH của cơ sở cơ bản đã được lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công An và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an.



- Cơ sở đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Điều 9 Luật PCCC và Nghị định 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Hợp đồng bảo hiểm số 130/21/HĐ-1063/18-KD1, thời hạn bảo hiểm đến ngày 24/01/2022.

## **2. Kiểm tra điều kiện an toàn PCCC**

\* **Đặc điểm xây dựng:** Kho VLNCN – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mở Nam Bộ gồm các khu vực sau: khu văn phòng kho gồm 01 dãy nhà hành chính, 01 nhà ăn và 01 hội trường; khu vực cụm kho có 08 kho gồm : 03 kho chứa thuốc nổ, 01 kho chứa phụ kiện nổ; 02 kho chứa đạn khoan; 02 kho chứa nguyên liệu sản xuất thuốc nổ; 01 xưởng lắp ráp đạn khoan dầu khí, 01 phòng thí nghiệm. Kết cấu xây dựng tại các kho là tường gạch, mái lợp tôn, trần cách nhiệt sử dụng ván ép được sơn chống cháy, cửa của kho có 02 lớp cửa, lớp cửa trong bằng gỗ, lớp cửa ngoài được làm bằng sắt.

### **\* Giao thông, thoát nạn:**

- Bên trong cơ sở có đường nội bộ rộng hơn 5m, thuận tiện cho xe chữa cháy hoạt động khi xảy ra sự cố cháy, nổ.

- Vật tư, hàng hóa sắp xếp gọn gàng, không gây cản trở lối thoát nạn.

### **\* Hệ thống điện, chống sét:**

- Hệ thống điện có lắp đặt cầu giao tổng, các khu vực có lắp đặt các thiết bị bảo vệ; nguồn điện chiếu sáng bảo vệ và phục vụ sản xuất riêng biệt, trong các kho không có hệ thống điện. Tại thời điểm kiểm tra, chưa phát hiện hiện tượng hư hỏng, quá tải.

- Hệ thống chống sét của kho đã được đo điện trở nối đất trong năm 2021, giá trị điện trở đảm bảo theo quy định.

### **\* Nguồn nước phục vụ chữa cháy:**

- Bên trong cơ sở có nguồn nước dự trữ lúc thấp nhất vào cuối mùa khô là hơn 100.000 m<sup>3</sup>.

### **\* Trang bị phương tiện PCCC:**

- Cơ sở có trang bị 200 bình chữa cháy xách tay các loại, bố trí đều trong cơ sở. Tại thời điểm kiểm tra, các bình chữa cháy đã được bảo dưỡng định kỳ.

- Cơ sở có 01 hệ thống chữa cháy bằng nước là hệ thống duy trì áp lực gồm 01 máy bơm bù, 02 máy bơm chữa cháy động cơ điện, 02 máy bơm chữa cháy động cơ diesel, 01 bể nước với khối tích 175m<sup>3</sup>. Tại thời điểm kiểm tra hệ thống chữa cháy bằng nước hoạt động bình thường, áp lực đảm bảo.

- Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đã cải tạo, lắp đặt thêm 02 máy bơm chữa cháy, 01 máy bơm chữa cháy di động và hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Biên bản kiểm tra nghiệm thu đối với hạng mục

3502  
CỎ  
T. N  
ỘT TH  
ÔNG NI  
CHẤT M  
MI  
UMPT

cải tạo, lắp thêm do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh BR-VT cấp ngày 11/03/2021.

- Cơ sở có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

\* **Lực lượng PCCC cơ sở:** Cơ sở đã thành lập đội PCCC chuyên ngành gồm 23 thành viên. Các thành viên đã được tập huấn nghiệp vụ về PCCC và CNCH theo quy định.

### III. Kiến nghị

Ngoài những việc đã triển khai làm được trong hoạt động PCCC và CNCH tại cơ sở, đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện một số việc sau:

1. Đề nghị Ban Giám đốc công ty tiếp tục thực hiện nghiêm các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ. (*Thực hiện thường xuyên*).

2. Thường xuyên cập nhật hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công an và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an (*Cập nhật thường xuyên*).

3. Thường xuyên tự kiểm tra các phương tiện chữa cháy đã trang bị; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện chữa cháy (có sổ theo dõi) theo đúng quy định tại TCVN 3890:2009 (Phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng). (*Thực hiện thường xuyên*).

4. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức về cứu nạn, cứu hộ đối với cán bộ, nhân viên trong cơ sở và thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn đối với nhà, công trình, địa điểm, phương tiện, thiết bị được quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ (*Thực hiện thường xuyên và nghiêm túc*).

5. Định kỳ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho Đội PCCC cơ sở và cán bộ, nhân viên theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, ngày 18/7/2017 của Chính phủ. (*Thực hiện định kỳ*)

6. Phối hợp tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 31 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy (*Thực hiện trong năm 2021*).

7. Thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện; vệ sinh công nghiệp sạch sẽ; sắp xếp hàng hóa trong kho gọn gàng, đúng quy định tránh phát sinh môi trường nguy hiểm cháy nổ; nghiêm cấm sử dụng ngọn lửa trần, các thiết bị sinh nhiệt, sinh lửa, các thiết bị điện không đảm bảo an toàn phòng cháy, phòng nổ trong khu vực có nồng độ nguy hiểm cháy, nổ (*Thực hiện nghiêm túc*).



200  
ONG  
N. H  
PHAN  
NGH  
MÓN  
HIC  
T. B

8. Các công việc liên quan đến bảo quản, sử dụng VLNCN phải thực hiện theo Quy chuẩn 01:2019/BCT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ”. *(Thực hiện nghiêm túc)*

Biên bản được lập xong hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 04 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN  
KIỂM TRA**



KT. GIÁM ĐỐC  
P. GIÁM ĐỐC

*Hà Xuân Cảnh*



*Trung tá Nguyễn Hữu Trung*



TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ-VINACOMIN  
CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ  
NAM BỘ-MICCO

Số: 455 /NBMICCO-KTCN  
V/v xin chủ trương đầu tư nâng cấp  
mở rộng kho chứa dây nổ thành kho  
chứa nguyên liệu Amoni Nitrat

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Căn cứ Luật của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 27/2001/QH10 về phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về Vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây Dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công thương Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;



Căn cứ vào mục 5 phụ lục 10 - QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco (Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco) là đơn vị kinh tế Nhà nước được giao nhiệm vụ kinh doanh, cung ứng, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN); dịch vụ khoan, nổ mìn, giám sát ảnh hưởng nổ mìn; giám sát môi trường mỏ, đo vẽ trắc địa mỏ, dự trữ quốc gia vật liệu nổ công nghiệp...

Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco hiện đang quản lý, sử dụng cụm kho chứa vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu gồm: hệ thống nhà kho chứa VLNCN và tiền chất thuốc nổ có sức chứa 1.603 tấn; 200.000 m dây nổ; 1.000.000 kíp nổ các loại và 01 xưởng lắp ráp đạn khoan bắn via dầu khí, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, được các cơ quan quản lý Nhà nước thẩm định, cấp phép theo quy định.

Để chủ động trong việc dự trữ nguyên liệu Amoni Nitrat phục vụ cho việc sản xuất VLNCN cung cấp cho thị trường khu vực phía nam và dự trữ quốc gia về VLNCN. Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco kính đề nghị Sở công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đồng ý chủ trương cho Công ty được đầu tư nâng cấp, mở rộng kho chứa 200.000 m dây nổ thành kho chứa 1.368 tấn nguyên liệu Amoni Nitrat (có bản vẽ sơ bộ kèm theo).

Sau khi được Sở công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chấp thuận chủ trương. Công ty sẽ tiến hành hoàn thiện các thủ tục và trình các cơ quan chức năng phê duyệt theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Sở công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTCN.

GIÁM ĐỐC



LÊ CÔNG ĐIỆN

CÔNG AN TỈNH BR-VT  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 125 /PC07-Đ2

V/v góp ý giải pháp PCCC chủ trương  
nâng cấp, mở rộng kho chứa dây nổ  
thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được hồ sơ thiết kế và công văn số 453/NBMICCO-KTCN ngày 21/02/2022 của Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ, đề nghị xem xét giải pháp PCCC đối với chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng kho chứa dây nổ thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat, tại cụm kho chứa vật liệu nổ công nghiệp xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Qua xem xét hồ sơ thiết kế, đối chiếu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có ý kiến như sau:

1. Cơ bản đồng ý với giải pháp PCCC của hồ sơ thiết kế sơ bộ việc nâng cấp, mở rộng kho chứa 200.000 m dây nổ thành kho chứa 1.368 tấn nguyên liệu Amoni Nitrat, do Công ty Cổ phần kiến trúc Tâm An lập thiết kế.

2. Sau khi chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng kho chứa được phê duyệt, đề nghị chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để được thẩm duyệt PCCC theo nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Vậy Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH có ý kiến trả lời đề Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ được biết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc CAT (để b/c);
- Các đơn vị liên quan (để ph/h);
- Lưu: PC07-Đ2.



Thượng tá Nguyễn Ngọc Phi

TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ-VINACOMIN  
CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ  
NAM BỘ-MICCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309 /NBMICCO-KTCN  
V/v xin chuyển đổi công năng nhà kho  
chứa dây nổ (kho số 7) thành kho chứa  
nguyên liệu Amoni Nitrat

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 08 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Căn cứ Luật số 27/2001/QH10 về phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về Vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công thương Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ vào QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco (Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco) là đơn vị kinh tế Nhà nước được giao nhiệm vụ kinh doanh, cung ứng, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN); dịch vụ khoan, nổ mìn, giám sát ảnh hưởng nổ mìn; giám sát môi trường mỏ, đo vẽ trắc địa mỏ, dự trữ quốc gia vật liệu nổ công nghiệp...





Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco hiện đang quản lý, sử dụng cụm kho chứa vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa-Vũng Tàu gồm: hệ thống nhà kho chứa VLNCN và tiền chất thuốc nổ có sức chứa 1.603 tấn; 200.000 m dây nổ; 1.000.000 kíp nổ các loại và 01 xưởng lắp ráp đạn khoan bắn via dầu khí, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, được các cơ quan quản lý Nhà nước thẩm định, cấp phép theo quy định.

Để chủ động trong việc dự trữ nguyên liệu Amoni Nitrat phục vụ cho việc sản xuất VLNCN cung cấp cho thị trường khu vực phía nam và dự trữ quốc gia về VLNCN. Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Nam Bộ-Micco kính đề nghị Sở công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xem xét và chấp thuận cho chuyển đổi công năng nhà kho chứa 200.000 m dây nổ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat. (có hồ sơ kèm theo)

Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco cam kết thực hiện đúng theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy định định hiện hành;

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Sở công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTCN.

GIÁM ĐỐC



LÊ CÔNG ĐIỆN



UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Số: 1046/SCT-QLCN

V/v chuyển đổi công năng nhà kho  
chứa dây nổ (kho số 7) thành kho  
chứa nguyên liệu Amoni Nitrat

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 10 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO

Sở Công Thương nhận được Công văn số 909/NBMICCO-KTCN ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO về việc xin chuyển đổi công năng nhà kho chứa dây nổ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat.

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT); Biên bản thẩm định thực tế điều kiện kho chứa vào ngày 22/4/2022, Sở Công Thương có ý kiến như sau:

Nhà kho số 7 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO thuộc Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, được Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công Thương) phê duyệt nghiệm thu đưa vào sử dụng tại Quyết định số 32/NL/XDCB ngày 26/6/1990. Qua kiểm tra, nhà kho số 7 - kho vật liệu nổ công nghiệp đáp ứng đủ điều kiện để chuyển đổi công năng thành kho chứa tiền chất thuốc nổ (Amoni Nitrat) theo quy định tại QCVN 01:2019/BCT gồm: hệ thống thông gió, chống dột, sàn nhà, khoảng cách an toàn, yêu cầu về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, ... (Chi tiết theo Biên bản thẩm định ngày 22/4/2022). Đồng thời, Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã chấp thuận giải pháp PCCC thay đổi công năng nhà kho chứa dây nổ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat tại Công văn số 294/CV-PC07-Đ2 ngày 13/4/2022.

Do đó, Sở Công Thương chấp thuận đề nghị của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO về việc chuyển đổi công năng nhà kho chứa dây nổ (kho số 7) thành kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat. Trong thời gian chuyển đổi công năng nhà kho số 7, đề nghị Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO thực hiện nghiêm các quy định về sắp xếp, bảo quản Amoni Nitrat theo Phụ lục 10 của QCVN 01:2019/BCT.

Sở Công Thương đề nghị Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLCN.

**GIÁM ĐỐC**



Sở Công thương tỉnh Bà Rịa - Vũng  
**Nguyễn Văn Đông**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại Kho VLNCN – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BR-VT.

**Chúng tôi gồm:**

**Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh BR-VT:**

- Trung úy Mai Thanh Minh;

Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác PC.

Đã tiến hành kiểm tra đối với Kho VLNCN - Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ. (căn cứ kế hoạch số 1229/KH-PC07-Đ2 ngày 14/10/2022 về việc Tổng rà soát, kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh BR-VT)

**Đại diện cơ sở:**

- Ông Nguyễn Văn Thùy;

Chức vụ: Phó Giám đốc;

- Ông Nguyễn Xuân Thành;

Chức vụ: Trưởng phòng An toàn;

- Ông Lê Mộng Cẩm Dương;

Chức vụ: Phó phòng an toàn;

- Ông Nguyễn Văn Dinh;

Chức vụ: Quản đốc kho VLNCN;

- Ông Nguyễn Văn Hưng;

Chức vụ: Đội trưởng PCCC.

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phân trình bày của cơ sở**

- Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 1995; có Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 3502007678 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 29/12/2011, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 12/01/2021. Ngành nghề hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Cơ sở đã có văn bản số 1727/NBMICCO-AT ngày 29/06/2022 báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm 2022 về công tác PCCC và CNCH đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Cơ sở đã có văn bản số 3499/NBMICCO-AT ngày 05/12/2022 báo cáo về công tác PCCC và CNCH theo nội dung thông báo kiểm tra.

**II. Kiểm tra thực tế**

## **1. Hồ sơ quản lý, theo dõi công tác PCCC và CNCH**

- Hồ sơ quản lý công tác PCCC và CNCH của cơ sở cơ bản đã được theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công An và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an.

- Đã xây dựng Kế hoạch số 395/NBMICCO-AT ngày 02/02/2022 về việc thực hiện công tác PCCC và CNCH năm 2022.

- Giấy Chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 96/TD-PCCC ngày 25/08/2008 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với công trình Xưởng sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp Công ty CN Hóa chất mỏ - TKV (công trình hiện nay thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ).

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu đối với hạng mục cải tạo, lắp đặt thêm 02 máy bơm chữa cháy, 01 máy bơm chữa cháy di động và hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh BR-VT cấp ngày 11/03/2021.

- Cơ sở đã có quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo PCCC và CNCH số 36/QĐ/QĐ-NBMICCO ngày 04/01/2022 gồm 14 thành viên.

## **2. Kiểm tra điều kiện an toàn PCCC**

**2.1. Đặc điểm xây dựng:** Kho VLNCN – Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ gồm các khu vực sau: khu văn phòng kho gồm 01 dãy nhà hành chính, 01 nhà ăn và 01 hội trường; khu vực cụm kho có 08 kho gồm : 03 kho chứa thuốc nổ, 01 kho chứa phụ kiện nổ; 02 kho chứa đạn khoan; 02 kho chứa nguyên liệu sản xuất thuốc nổ; 01 xưởng lắp ráp đạn khoan dầu khí, 01 phòng thí nghiệm. Kết cấu xây dựng tại các kho là tường gạch, mái lợp tôn, trần cách nhiệt sử dụng ván ép được sơn chống cháy, cửa của kho có 02 lớp cửa, lớp cửa trong bằng gỗ, lớp cửa ngoài được làm bằng sắt. Tổng diện tích xây dựng khu vực kho 2900 m<sup>2</sup>, khu vực văn phòng cụm kho khoảng 700 m<sup>2</sup>.

### **2.2. Giao thông, thoát nạn:**

- Bên trong cơ sở có đường nội bộ rộng hơn 5m, thuận tiện cho xe chữa cháy hoạt động khi xảy ra sự cố cháy, nổ.

- Vật tư, hàng hóa sắp xếp gọn gàng, không gây cản trở lối thoát nạn.

### **2.3. Hệ thống điện, chống sét:**

- Hệ thống điện có lắp đặt cầu giao tổng, các khu vực có lắp đặt các thiết bị bảo vệ; nguồn điện chiếu sáng bảo vệ và phục vụ sản xuất riêng biệt, trong các kho không có hệ thống điện. Tại thời điểm kiểm tra, chưa phát hiện hiện tượng hư hỏng, quá tải.



*[Handwritten signature]*

- Cơ sở đã trang bị hệ thống chống sét tại các khu vực kho, đã được đo điện trở định kỳ, giá trị điện trở đảm bảo theo quy định, đơn vị đo: Trung tâm kiểm định công nghiệp II thuộc Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp.

- Cơ sở có trang bị 01 máy bơm điện dự phòng động cơ diesel

#### **2.4. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:**

- Bên trong cơ sở có nguồn nước dự trữ lúc thấp nhất vào cuối mùa khô là hơn 30.000 m<sup>3</sup>.

#### **2.5. Trang bị phương tiện PCCC và CNCH:**

- Cơ sở có trang bị 200 bình chữa cháy xách tay các loại, bố trí đều trong cơ sở. Trong năm 2022, cơ sở đã bảo dưỡng 68 bình chữa cháy xách tay các loại, cơ sở cung cấp bình chữa cháy xách tay: Công ty Đầu tư phương tiện PCCC Đại Dương; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng máy bơm chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ An Lộc Sơn. Các bình chữa cháy có chốt kẹp chì, kim đo áp suất chỉ vạch xanh.

- Cơ sở có 01 hệ thống chữa cháy bằng nước là hệ thống duy trì áp lực gồm 01 máy bơm bù, 02 máy bơm chữa cháy động cơ điện, 02 máy bơm chữa cháy động cơ diesel, 01 bể nước với khối tích 175m<sup>3</sup>. Tại thời điểm kiểm tra hệ thống chữa cháy bằng nước hoạt động bình thường, áp lực đảm bảo.

- Cơ sở có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

- Cơ sở có trang bị các biển chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố tại khu vực phòng bơm, lối thoát nạn.

#### **2.6. Lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành:**

- Cơ sở đã ban hành quyết định phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội viên đội PCCC chuyên ngành.

- Cơ sở đã thành lập đội PCCC chuyên ngành gồm 26 thành viên. Các thành viên đã được tập huấn nghiệp vụ về PCCC và CNCH ngày 12/01/2021, thời hạn đến 12/01/2026.

#### **2.7. Phương tiện PCCC&CNCH cho Đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an**

- Trang phục chữa cháy/ cứu nạn, cứu hộ (mũ, quần áo, găng tay, giày, ủng): 26 bộ.

- Mặt nạ lọc độc (đáp ứng QCVN 10:2012/BLĐTBXH): 10 cái

- Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4): 06 chiếc;

200  
ÔNG  
N.  
THÀ  
NG  
I MO  
MIC  
P.T.



9

- Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao): 02 chiếc;
- Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm): 06 chiếc;
- Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm): 01 chiếc;
- Kim cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg): 01 chiếc;
- Túi sơ cứu loại C (Theo Thông tư số 19/2016/TT- BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế): 01 túi;
- Cáng cứu thương (kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg): 01 chiếc;
- Bộ đàm cầm tay (đáp ứng tiêu chuẩn IP54): 06 chiếc.

### **2.8. Công tác lập và thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:**

- Cơ sở đã lập phương án chữa cháy theo mẫu PC17, Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ
- Cơ sở đã lập phương án cứu nạn, cứu hộ theo mẫu 04 Nghị định 83/2017/NĐ-CP ban hành ngày 18/07/2017 của Chính phủ.
- Cơ sở đã xây dựng kế hoạch thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt kế hoạch số 1234/KH-PC07-Đ3 ngày 17/10/2022, biên bản họp rút kinh nghiệm thực tập phương án ngày 15/11/2022.

### **2.9. Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc:**

- Cơ sở đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Điều 9 Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định 97/2021/NĐ-CP ban hành ngày 08/11/2021, Nghị định 23/2018/NĐ-CP ban hành ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số 86/22/HD-1063/18-KD1 do Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Long cấp ngày 14/01/2022, thời hạn bảo hiểm đến hết ngày 24/01/2023.

### **2.10. Việc bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC của người đứng đầu cơ sở**

- Quyết định số 1677 của Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Vinacomin ngày 11/07/2022 về việc thông báo điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022, tổng chi phí cho công tác PCCC là 459.000.000 (Bằng chữ: bốn trăm năm mươi chín triệu đồng).

### **III. Kiến nghị**

Ngoài những việc đã triển khai làm được trong hoạt động PCCC và CNCH tại cơ sở, đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện một số việc sau:

1. Đề nghị Ban Giám đốc công ty tiếp tục thực hiện nghiêm các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ. (*Thực hiện thường xuyên*).

17

2. Thường xuyên cập nhật hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công an và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an. *(Cập nhật thường xuyên).*

3. Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện chữa cháy, chiếu sáng sự cố đã trang bị (có sổ theo dõi) theo đúng quy định tại TCVN 3890:2009 (Phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng) *(Thực hiện định kỳ).*

4. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức về cứu nạn, cứu hộ đối với cán bộ, nhân viên trong cơ sở và thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn đối với nhà, công trình, địa điểm, phương tiện, thiết bị được quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ *(Thực hiện thường xuyên và nghiêm túc).*

5. Định kỳ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho Đội PCCC cơ sở và cán bộ, nhân viên theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, ngày 18/7/2017 của Chính phủ. *(Thực hiện định kỳ hàng năm)*

6. Định kỳ phối hợp tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 31 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy *(Thực hiện định kỳ theo quy định).*

7. Thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện; vệ sinh công nghiệp sạch sẽ; sắp xếp hàng hóa trong kho gọn gàng, đúng quy định tránh phát sinh môi trường nguy hiểm cháy nổ; nghiêm cấm sử dụng ngọn lửa trần, các thiết bị sinh nhiệt, sinh lửa, các thiết bị điện không đảm bảo an toàn phòng cháy, phòng nổ trong khu vực có nồng độ nguy hiểm cháy, nổ *(Thực hiện nghiêm túc).*

8. Các công việc liên quan đến bảo quản, sử dụng VLNCN phải thực hiện theo Quy chuẩn 01:2019/BCT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ". *(Thực hiện nghiêm túc)*

9. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy thường xuyên; định kỳ 06 tháng gửi báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy (nếu có) theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA *(Báo cáo kết quả định kỳ 6 tháng và khi có thay đổi về điều kiện an toàn PCCC)*

TIỀN  
HỒ  
SỐ  
24



9

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Thủy*

**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN  
KIỂM TRA**

**Trung úy Mai Thanh Minh**





**BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2871 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp**

TỔNG C. TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT LỎ - 7000000000
<b>CÔNG VĂN ĐIỂN</b>
SỐ:..... <i>Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số</i>
NGÀY:..... <i>14/2017/QH14;</i>
CHUYÊN:.....

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương và Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thuộc lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;*

*Xét đề nghị của các đơn vị về việc phê duyệt đề cương Đề án cấp Bộ thuộc lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt các Đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp sau:

1. Đề án: “Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tñnh sản xuất thuốc nổ ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động sản xuất tại các dây chuyền, nâng cao

hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn” do Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomina chủ trì thực hiện.

2. Đề án: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên (Tên thương mại: TNB-31) trên dây chuyền sản xuất thuốc nổ Amonit AD1 hiện có” do Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31 chủ trì thực hiện.

Chi tiết mục tiêu, nội dung và các sản phẩm chủ yếu tương ứng với từng đề án tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện đề án nêu tại Điều 1 do các đơn vị chủ trì tự đảm bảo. Thủ trưởng các đơn vị chủ trì có trách nhiệm phê duyệt dự toán và tổ chức thực hiện dự toán chi theo nội dung đề án được duyệt phù hợp Quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị và phù hợp quy định hiện hành của nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của đề án được phê duyệt tại Quyết định này. Trong quá trình nghiên cứu, sản xuất thử và thử nghiệm sản phẩm của đề án, các đơn vị phải tuyệt đối tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT); đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị.

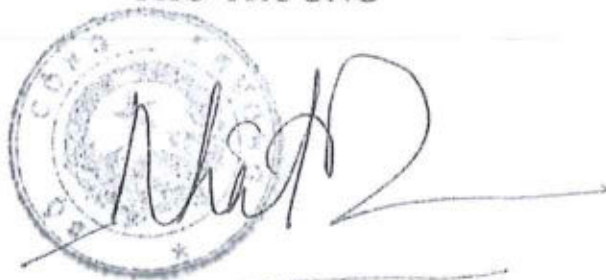
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Hóa chất và Thủ trưởng các đơn vị chủ trì đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**

## PHỤ LỤC 1

Mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Đề án “Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động sản xuất tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn”

(Kèm theo Quyết định số 2871/QĐ-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nội dung	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	<p>Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn</p>	<p><b>I. Mục tiêu:</b>            Làm chủ công nghệ, thiết kế chế tạo nâng cấp được 03 dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO bao gói của Tổng công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ - Vinacomin nhằm nâng cao năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động</p> <p><b>II. Nội dung chính:</b>            1. Xây dựng thuyết minh, dự toán đề án            2. Nghiên cứu tổng quan            3. Nghiên cứu thực nghiệm            3.1. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, lắp đặt hoàn chỉnh nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO:            - Nghiên cứu thiết kế nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO;            - Phối hợp nghiên cứu chế tạo, lắp đặt, giám sát chế tạo và lắp đặt nâng cấp 03 dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO;            - Nghiên cứu chạy thử (không tải, có tải), hiệu chỉnh các dây chuyền thiết bị sản xuất;            - Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền sản xuất đã nâng cấp;            - Nghiên cứu xây dựng tài liệu đào tạo, hướng dẫn cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ chuyển giao đơn vị sản xuất thực hiện vận hành sản xuất thuốc nổ ANFO trên các dây</p>	<p><b>I. Sản phẩm đang I:</b>            - 03 Dây chuyền thiết bị sản xuất thuốc nổ ANFO được nâng cấp với công suất 15,0 tấn/h;            - Thuốc nổ ANFO: 13 tấn (Trong đó: 03 tấn phục vụ thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật trong phòng thí nghiệm chỉ định và lưu kho kiểm tra định kỳ của 03 dây chuyền; 10 tấn phục vụ thử nổ công nghiệp tại khai trường để đánh giá chất lượng), đạt các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định tại QCVN 04:2012/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thuốc nổ ANFO và Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p> <p><b>2. Sản phẩm đang II:</b>            - Bộ tài liệu thiết kế nâng cấp dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO;            - Quy trình công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO trên các dây chuyền tinh được</p>	12/2022	7/2023

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nội dung	Sản phẩm chủ yếu	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
		<p>chuyên nâng cấp.</p> <p>3.2. Thử nghiệm sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm 60 tấn thuốc nổ ANFO trên dây 03 chuyên được nâng cấp, do đặc các thông số kỹ thuật của thuốc nổ tại phòng Thí nghiệm;</li> <li>- Nghiên cứu lập phương án thử nghiệm sử dụng thử thuốc nổ ANFO sản xuất được trên mô lô thiên, do tốc độ nổ trong lỗ khoan (sử dụng thuốc nổ ANFO sản xuất trên một dây chuyên được nâng cấp đại diện cho 03 dây chuyên giống nhau);</li> <li>4. Hoàn thiện hồ sơ, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề án.</li> </ul>	<p>nâng cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình công nghệ chế tạo các chi tiết điển hình của phân nâng cấp dây chuyên;</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, bảo dưỡng phân thiết bị bị nâng cấp, vận hành dây chuyên thiết bị;</li> <li>- Báo cáo kết quả thử nghiệm dây chuyên nâng cấp và thử nghiệm sản phẩm Thuốc nổ ANFO;</li> <li>- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề án.</li> </ul>		

**GIẤY PHÉP DỊCH VỤ NỔ Mìn**  
**CỤC TRƯỞNG**  
**CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3502007678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 12 tháng 01 năm 2021;

Trụ sở tại: Khu phố Bến Đình, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Điện thoại: 0254 3895247;

Fax: 0254 3876636

Quyển số: 01 SCT/BS

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn ngày 02 tháng 2 năm 2023

**Điều 2. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

1. Phạm vi hoạt động: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng nổ mìn dịch vụ để phục vụ khai thác khoáng sản và thi công công trình tại các tỉnh Tiền Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang, An Giang, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Long An, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Thuận và thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện khác:

- Đối với những vị trí, khu vực nổ mìn có khoảng cách tới công trình nhà cửa, ruộng vườn không đảm bảo khoảng cách an toàn quy định tại khoản 7 Điều 5 Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT, chỉ được tiến hành nổ mìn khi đã có quyết định bàn giao mặt bằng của chính quyền địa phương đảm bảo hành lang an toàn nổ mìn hoặc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT; không để xảy ra khiếu kiện do ảnh hưởng nổ mìn;

- Không được nổ mìn ốp trong phạm vi bán kính 300 mét kể từ vị trí nổ tới nhà, công trình;

- Khi nổ mìn lỗ khoan đường kính < 65mm, chiều cao cột bua phải đảm bảo lớn hơn 1/3 chiều sâu lỗ khoan.

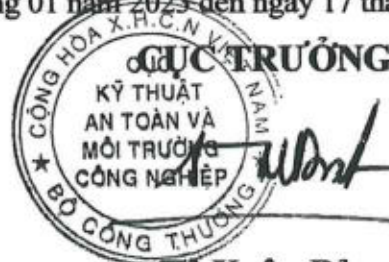
3. Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ số QCVN 01:2019/BCT và những quy định pháp luật liên quan; thông báo với Ủy ban nhân dân tỉnh nơi thực hiện nổ mìn dịch vụ trước khi thực hiện dịch vụ nổ mìn.

**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị từ ngày 18 tháng 01 năm 2023 đến ngày 17 tháng 01 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;

- Lưu: VT, ATKV.



Tô Xuân Bảo

(1) BỘ CÔNG AN  
CỤC CS QLHC VỀ TTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23-11/GCN - CD4

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2605 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 27 tháng 7 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện về an ninh, trật tự

(có giá trị sử dụng đến hết ngày 04/4/2025)

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ "Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện".

Theo văn bản: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp (lần II) Số: 3502007678  
cấp ngày 12 tháng 01 năm 2021 Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
và kết quả thẩm định hồ sơ của cơ sở kinh doanh: **Lê Vĩnh Phúc**

**Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - Micco**

Địa chỉ cơ sở kinh doanh:

Khu phố Bến Đình, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Họ và tên người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (ông/bà):

**Lê Công Điện**

Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1981

Chức danh trong cơ sở kinh doanh:

Giám đốc

Số CMND (hoặc Căn cước công dân, Hộ chiếu): 027081003789

cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021 Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

819/16 đường Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay:

Khu phố Mỹ Thạnh, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

CỤC CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH - BỘ CÔNG AN

CHỨNG NHẬN  
CÔNG TY TNHH MTV CN HCM NAM BỘ - MICCO TRỰC THUỘC  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN

Đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh: Vật liệu nổ công nghiệp (không bao gồm sản xuất); kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh dịch vụ nổ mìn.

Hà Nội ngày 04 tháng 4 năm 2023

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



**Đại tá Ngô Như Cường**

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp  
(2) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận  
(3) Tên văn bản tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP  
(4) Tên cơ sở kinh doanh  
(5) Lãnh đạo đơn vị cấp Giấy chứng nhận (ký tên, đóng dấu)

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 3 năm 2023, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Môi trường và Công nghiệp Hoa Hải mở nam hồ nước tại phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**I. ĐẠI DIỆN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

1. Ông Nguyễn Thành Tâm, Chuyên viên phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn;
2. Ông Lê Minh Tùng, Chuyên viên phòng Tài nguyên nước và Khí tượng Thủy văn;
3. Bà Nguyễn Quang Ngọc Phương, Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường;
4. Ông Phạm Minh Châu, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phú Mỹ.

**II. ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA:** Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoa Hải mở Nam Hồ Mico

1. Ông Nguyễn Văn Tùng, Tổng Giám đốc

2. Ông Nguyễn Văn Huệ Phó Giám đốc phân xưởng

**III. NỘI DUNG LÀM VIỆC**

Làm việc theo nội dung tại Giấy mời số 137/GM-STNMT ngày 21/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**IV. KẾT QUẢ LÀM VIỆC**

Công ty TNHH UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất tại Giấy phép số 09/GP-UBND ngày 21/08/2014, tại 02 giếng khoan, 48 m<sup>3</sup>/ngày đêm và phê duyệt Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 về phê duyệt tên cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty

tại thời điểm kiểm tra ghi nhận hiện trạng như sau:  
+ 02 giếng khoan tên Công ty đã rút ống, máy bơm và nắp đậy và ngày khai thác là từ 02 giếng khoan tên  
+ và chưa liên lạc về tài sản và tài nguyên nước

Đã nộp thuế tại ngân hàng nước ngoài ngày 2/2023. (Kam Thuo bên lai)

Đã nộp tiền cấp giấy khai thác tại ngân hàng. (Kam Thuo bên lai)

## V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Yêu cầu trả về Công ty

+ Thuế liên trong tập 02 giấy khai thác khu vực sử dụng đất  
tên theo quy chế,

+ Tài chính pháp khai thác nước đất đai số 09/CP-VN  
Đầu tư

Báo cáo về kế toán ngân hàng. Môn thuế tài ngày 05/4/2023.



**VI. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KIỂM TRA**

Thông nhất với các nội dung tại biên bản kiểm tra, Công ty cam kết thực hiện đúng theo quy định pháp luật tài nguyên nước và môi trường.

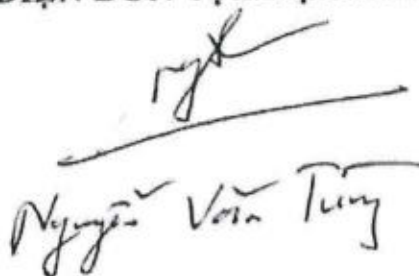
Buổi làm việc kết thúc vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe, thống nhất ký tên và lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi đơn vị tham gia giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN SỞ TÀI NGUYÊN  
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Tâm

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**



**CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ**



Nguyễn Quang Ngọc Phương



Phạm Minh Châu

ĐẾN

Số: .....  
Ngày: 17/12/23

Chuyển: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN TRÁM LẤP GIẾNG

- Căn cứ kết quả trám lấp giếng,  
Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2023, chúng tôi, gồm:

**I. Đại diện chủ giếng: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mở Nam Bộ - Micco.**

- Ông/Bà: Nguyễn Văn Luận ..... P. A. D. Công Ty
- Ông/Bà: Nguyễn Văn Tùng ..... T. K. C. D.
- Ông/Bà: Nguyễn Văn Bình ..... P. Q. D. - P. X. K. H.
- Ông/Bà: Nguyễn Văn Mạnh ..... Đ. T. - P. K. C. H.
- Ông/Bà: .....

**II. Với sự chứng kiến của đại diện phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã Phú Mỹ.**

- Ông/Bà: Phạm Minh Châu .....
- Ông/Bà: .....
- Ông/Bà: .....

Đã tiến hành lập biên bản trám lấp giếng tại hiện trường như sau:

**III. Thông tin chung về giếng:**

- Vị trí, địa chỉ công trình: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tổng số giếng đã khoan khai thác, sử dụng nước dưới đất: 02 giếng theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số số: 09/GP.UBND do UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/08/2014. (Số hiệu: TT09-TT và TT10-TT).

STT	Ký hiệu giếng	Chiều sâu	Ống chống	Ống lọc	Ống lắng
1	TT09-TT	50m	+0.5-4.0	4.0-24.0	24.0-50.0
2	TT10-TT	50m	+0.5-4.5	4.5-32.0	32.0-50.0

- Loại ống giếng: PVC đường kính 114mm.

- Xây bộ giếng bằng xi măng.

- Lý do phải trám lấp giếng: Không còn sử dụng giếng (do Công ty đã đầu tư đường ống cấp nước thủy cục) nên thực hiện công tác trám lấp theo hướng dẫn của Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định về xử lý, trám giếng không sử dụng.



- Thực hiện thi công: Theo Phương án trám lấp giếng khoan của Công ty TNHH MTV công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco ngày 04 tháng 03 năm 2023.

#### IV. Thi công trám lấp và kết quả trám lấp:

- Tổng số giếng thi công trám lấp: 02 giếng theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số số: 09/GP.UBND do UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/08/2014. (Số hiệu: TT09-TT và TT10-TT).

- Việc thi công trám lấp được bắt đầu từ ngày 17 tháng 07 đến ngày 17 tháng 07 năm 2023.

- Kết quả rút nhỏ cột ống giếng: Không rút ống;

- Vật liệu sử dụng: Vật liệu tại chỗ và vữa xi măng.

- Kết quả trám lấp: đã hoàn thành trám lấp 02 giếng khoan.

- Những vấn đề phát sinh trong quá trình thi công trám lấp giếng, kết quả giải quyết tại hiện trường và những nội dung khác (nếu có): Không.


#### V. Kết luận:


Nhận xét, đánh giá về kết quả trám lấp giếng: Đạt chất lượng. 

Đại diện

Phòng TNMT thị xã Phú Mỹ

  
Phạm Minh Chiến

Đại diện chủ giếng 

  
Nguyễn Văn Luyện



UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Số: 1674 /SKHĐT-ĐT  
V/v phúc đáp văn bản số 808/NBMICCO-  
KTCN ngày 17/4/2023 của Công ty CN Hoá  
chất mỏ Nam Bộ - Micco

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Công ty Công nghiệp Hoá nhất mỏ Nam Bộ - MICCO  
(Khu phố Bến Đình, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ)

Ngày 17/4/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 808/NBMICCO-KTCN của Công ty Công nghiệp Hoá nhất mỏ Nam Bộ - MICCO về việc hướng dẫn thủ tục đầu tư mở rộng và nâng sức chứa kho nguyên liệu Amoni Nitrat. Về việc này, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Theo báo cáo của Quý Công ty, Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp tại ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ có quy mô diện tích khoảng 50 ha đã hình thành và đưa vào hoạt động từ ngày 28/6/1990 cho đến nay. Nay, Quý Công ty đang có nhu cầu mở rộng diện tích và nâng sức chứa 01 kho chứa nguyên liệu Amoni Nitrat (một kho trong cụm kho VLNCN tại vị trí khu đất Công ty thuê theo hợp đồng thuê đất số 47/HĐTĐ ngày 21/7/2008 giữa UBND tỉnh và Công ty Công nghiệp hoá chất mỏ Nam Bộ - MICCO). Việc mở rộng và nâng sức chứa này không làm thay đổi mục tiêu của dự án, mục đích sử dụng đất.

**2. Quy định về việc áp dụng Luật Đầu tư và các luật có liên quan:**

- Theo quy định điểm a, khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư 2020 quy định về việc áp dụng Luật Đầu tư và các luật có liên quan:

*“3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây: a) Việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp”.*

\* Qua rà soát thông tin tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp, Công ty Công nghiệp Hoá nhất mỏ Nam Bộ - MICCO là doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư 2020 nêu trên, việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**3. Quy định chuyển tiếp đối với các dự án trong nước đã thực hiện trước ngày Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực thi hành:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư 2005 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006 đến ngày 01/7/2015): “2. Dự án đầu tư trong nước đã thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư; trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì đăng ký tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền”.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đầu tư 2014 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/01/2021): “2. Nhà đầu tư đã thực hiện dự án đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc thuộc diện phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này thì không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tại Luật này”.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư 2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021): “2. Nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật này đối với dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây: ... b) Dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà ở, đô thị, xây dựng và nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành”.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ: “1. Dự án đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 77 của Luật Đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư khi điều chỉnh dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Thay đổi hoặc bổ sung nội dung, mục tiêu mà nội dung, mục tiêu được thay đổi hoặc bổ sung thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 30, 31 và 32 của Luật Đầu tư;

b) Mở rộng quy mô dự án đầu tư dẫn đến dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 30, 31 và 32 của Luật Đầu tư;

c) Điều chỉnh dự án đầu tư trong đó có bổ sung một trong các nội dung: Đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; đề nghị Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai”.

\* Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp các dự án đầu tư trong nước đã thực hiện trước ngày Luật Đầu tư 2005 có hiệu lực thi hành thì không thuộc diện phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định Luật Đầu tư qua từng thời kỳ; và việc điều chỉnh các dự án này mà không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ nêu trên thì

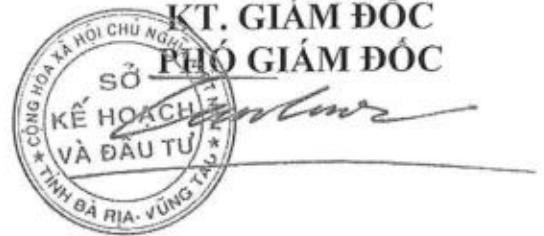
không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư khi điều chỉnh dự án đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến phúc đáp văn bản số văn bản số 808/NBMICCO-KTCN của Công ty Công nghiệp Hoá nhất mở Nam Bộ - MICCO như trên.

Trân trọng kính chào./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở TNMT (để p/h);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, ĐT.(ĐT)



**Nguyễn Tấn Cường**

CÔNG AN TỈNH BR-VT  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1780/NBMICCO ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất Nam Bộ -Micco.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Lê Công Điện; Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ  
CHỨNG NHẬN:**

**Công trình: Đầu tư nâng cấp, mở rộng kho chứa Amoni Nitrat**

Địa điểm xây dựng: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất Nam Bộ -Micco.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Nguyễn Đức Cường.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Đường giao thông, bãi đỗ cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC;
2. Bậc chịu lửa; Bố trí công năng của công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;
3. Lối, đường thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chống sét đánh thẳng;
5. Hệ thống chữa cháy bằng nước; hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; giải pháp thông gió thoát khói, cấp bù khí theo cơ chế tự nhiên;
6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu và dụng cụ phá dỡ thông thường;

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.

Số chứng thực:.....Quyển số: 01/SCT/BS

Ngày: 05-08-2023

BR-VT, ngày 04 tháng 8 năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư (th/h);
- Cục C07-BCA (b/c);
- Lưu: PC07.



**CÔNG CHỨNG VIÊN  
TRẦN QUỲNH**

Thượng tá Nguyễn Ngọc Phi

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ  
ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy  
số 148./TD-PCCC ngày 04/12/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)*

TT	Nội dung	Ghi chú
<b>I</b>	<b>QUY MÔ CÔNG TRÌNH</b>	
	Công trình Công trình đầu tư nâng cấp, mở rộng kho chứa Amoni Nitrat có quy mô: 1 tầng, diện tích xây dựng (21m x 55m) = 1165,5 m <sup>2</sup> . - Hạng sản xuất B; - Bậc chịu lửa Bậc II; - Tính chất sử dụng: Nhà kho chứa Amoni Nitrat.	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	
1	Thuyết minh của công trình có liên quan đến PCCC	01 quyển
2	Bản vẽ kiến trúc: KTTM-01; KT-01 đến KT-17.	
3	Bản vẽ PCCC: - Tổng thể: TM-01 đến TM-02; TT-01; - Chữa cháy: FF-01 đến FF-05; - Báo cháy: FA-01 đến FA-05; - Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn: EX-01; - Chống sét: LP-01 đến LP-02.	

**Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.



**BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2144 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp của Đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện

TỔNG C.TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN

**CÔNG VĂN FAX ĐEN**  
Số: 1657  
NGÀY: 16/08/2023  
CHUYỂN: VLNCN

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT);

Căn cứ Quyết định số 2871/QĐ-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp: "Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn";

Xét đề nghị của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin tại Tờ trình số 2357/TTr-MICCO ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc đề nghị cho phép sản xuất thử nghiệm và thử nổ công nghiệp thuốc nổ ANFO thuộc nội dung thực hiện Đề án: "Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ

*ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn”;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp của Đề án: “Nghiên cứu nâng cấp các dây chuyền tinh sản xuất thuốc nổ ANFO nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các dây chuyền, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn” do Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin chủ trì thực hiện.

Chi tiết Danh sách Hội đồng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thử nghiệm và giám sát thử nổ công nghiệp sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp nêu tại Điều 1 theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương).

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

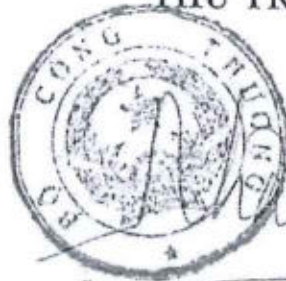
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Hóa chất; Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin và các thành viên của Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**



**PHỤ LỤC**  
**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KIỂM TRA CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC**  
**TÍNH KỸ THUẬT TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ GIÁM SÁT THỬ NỔ**  
**CÔNG NGHIỆP SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**  
**CỦA TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

(Kèm theo Quyết định số 2144/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2023  
 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng
1	Phạm Văn Hòa	PGS.TS	Khai thác mỏ	Trường đại học Mỏ - Địa chất	Chủ tịch
2	Phạm Văn Toại	TS	Thuốc phóng Thuốc nổ	Viện Thuốc phóng Thuốc nổ	Phó chủ tịch
3	Đỗ Đức Khoa	KS	Khai thác mỏ	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương	Ủy viên phản biện
4	Nguyễn Mạnh Cường	ThS	Hóa học	Cục Quản lý công nghệ, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng	Ủy viên phản biện
5	Đỗ Ngọc Tước	TS	Khai thác mỏ	Viện Khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Ủy viên
6	Đỗ Thanh Tuấn	ThS	Thuốc phóng Thuốc nổ	Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Ủy viên
7	Văn Huy Vương	ThS	Hóa học	Phòng Quản lý hóa chất, Cục Hóa chất, Bộ Công Thương	Ủy viên
8	Lê Đức Nguyên	TS	Khai thác mỏ	Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương	Ủy viên
9	Nguyễn Chí Công	TS	Cơ khí	Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương	Ủy viên Thư ký KH

Thư ký Hành chính: ThS Nguyễn Hồng Quang, Vụ KH&CN, Bộ Công Thương.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2023

Số: 54/GCN-ATMT

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP  
CỤC TRƯỞNG  
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin;

Theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận đầy đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (thuốc nổ ANFO) sau cải tạo, nâng cấp của Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100101072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 20 tháng 12 năm 2021;

Trụ sở tại: Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024 38642778;

Fax: 024 38642777

Đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 2. Điều kiện sản xuất**

- Địa điểm sản xuất: Chi nhánh sản xuất vật liệu nổ công nghiệp Vũng Tàu - Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - MICCO thuộc xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Dây chuyền sản xuất: Trên dây chuyền sản xuất thuốc nổ ANFO, Model T1 do hãng TRADESTAR (Mỹ) sản xuất sau cải tạo, nâng cấp;

- Loại vật liệu nổ công nghiệp: Thuốc nổ ANFO;

- Công suất dây chuyền: 15 tấn/giờ.

**Điều 3.** Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ số QCVN 01:2019/BCT và những quy định pháp luật liên quan.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp số số 05/GCN-ATMT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Vụ KHCN;
- Cục HC;
- Lưu: VT, ATKV.



Tô Xuân Bảo

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN



## QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TRÊN DÂY CÁC CHUYÊN THIẾT BỊ TỈNH  
SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TẠI CHI NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN VŨNG  
TÀU, CHI NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN NINH BÌNH, PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT  
THUỐC NỔ ĐÀ NẴNG - CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT  
MỎ VIỆT BẮC - MICCO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2285/QĐ-MICCO ngày 17/7/2023 của  
Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ - Vinacomin)*

HÀ NỘI, NĂM 2023

Số: 2285/QĐ- MICCO

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy trình công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO trên các dây chuyền thiết bị tĩnh sản xuất thuốc nổ ANFO tại Chi nhánh sản xuất VLNCN Vũng Tàu, Chi nhánh sản xuất VLNCN Ninh Bình, Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Đà Nẵng- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Việt Bắc -MICCO

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin ban hành kèm theo Quyết định số 660/QĐ - TKV ngày 18/5/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy chuẩn quốc gia số: QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ của Bộ Công Thương ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BCT, ngày 12/11/2019; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công nghệ VLNCN Tổng Công ty.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO trên các dây chuyền thiết bị tĩnh sản xuất thuốc nổ ANFO tại Chi nhánh sản xuất VLNCN Vũng Tàu, Chi nhánh sản xuất VLNCN Ninh Bình, Phân xưởng sản xuất thuốc nổ Đà Nẵng- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hoá chất mỏ Việt Bắc -MICCO”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ký ban hành, thay thế cho Quy trình công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO trên thiết bị trộn T1 tại Chi nhánh sản xuất VLNCN Vũng Tàu và Chi nhánh sản xuất VLNCN Ninh Bình ban hành kèm theo quyết định số 1942/QĐ-MICCO ngày 31/8/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

**Điều 3.** Kế toán trưởng, Trưởng các phòng Tổng Công ty và Giám đốc Công ty TNHH MTV công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc – MICCO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV, BKS, Tổng Giám đốc (e-copy đề b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, VLNCN (6 bản).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hải Cường

**QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO  
TRÊN DÂY CÁC CHUYÊN THIẾT BỊ TÍNH SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TẠI CHI  
NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN VŨNG TÀU, CHI NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN NINH  
BÌNH, PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT THUỐC NỔ ĐÀ NẰNG - CÔNG TY TNHH MTV  
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ VIỆT BẮC -MICCO  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2285/QĐ-MICCO ngày 17/7/2023)**

**PHẦN I:  
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TRÊN DÂY  
CHUYÊN THIẾT BỊ TÍNH**

**1. Giới thiệu chung.**

Thuốc nổ ANFO được sản xuất và sử dụng trong công nghiệp theo Quyết định số 81/QĐ-CNCL ngày 14/01/1998 và Quyết định số 1107/QĐ-CNCL ngày 14/6/1998 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Thuốc nổ ANFO là hỗn hợp của những hạt Amoni nitrat ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ) dạng hạt xốp (AN hạt xốp) với dầu Diesel (DO) theo tỷ lệ 94/6 (% khối lượng), đây là hỗn hợp có cân bằng về oxy nên khi nổ ít tạo ra khí độc. Với cấu trúc hạt tròn, xốp thuốc nổ ANFO có khả năng chảy tự do tốt theo trọng lực, dễ lấp đầy hố nổ thuận tiện khi nạp mìn với cả các lỗ khoan nghiêng và các lỗ khoan có đường kính nhỏ, phù hợp với điều kiện công nghệ nổ mìn khai thác mỏ hiện nay.

**2. Các đặc điểm của thuốc nổ ANFO**

**2.1. Ưu điểm**

- Thuốc nổ ANFO là hỗn hợp AN và DO, đó là hai chất riêng biệt, dễ có trên thị trường.
- Pha trộn dễ dàng, có thể tiến hành trộn tại mỏ (trên công trường khai thác) bằng thiết bị sản xuất di động.
- Khi nổ tạo ra hiệu quả nổ cao và ít sinh ra khí độc.

**2.2. Nhược điểm**

- Thuốc nổ ANFO kém chịu nước nên không sử dụng được ở những lỗ khoan có nước.
- Độ nhạy kém, phải kích nổ bằng mìn nổ năng lượng cao.
- Chỉ sử dụng được cho mỏ khai thác lộ thiên, không sử dụng được trong hầm lò có khí và bụi nổ.

- Khi bảo quản trong thời gian dài thì có sự tách dầu DO ra khỏi hỗn hợp, nên trước khi sử dụng phải trộn lại.

**3. Đặc tính kỹ thuật**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn
1	Khả năng sinh công bằng bom chì	$\text{cm}^3$	320 ÷ 330
2	Độ nén trụ chì	mm	$\geq 15$
3	Tốc độ nổ	m/s	3.500 ÷ 4.500
4	Khối lượng riêng rời	$\text{g/cm}^3$	0,8 ÷ 0,9

**QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO  
TRÊN DÂY CÁC CHUYỀN THIẾT BỊ TÍNH SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TẠI CHI  
NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN VŨNG TÀU, CHI NHÁNH SẢN XUẤT VLNCN NINH  
BÌNH, XƯỞNG SẢN XUẤT THUỐC NỔ ĐÀ NẴNG - CÔNG TY TNHH MTV CÔNG  
NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ VIỆT BẮC -MICCO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2285 /QĐ-MICCO ngày 17 /7/2023)*

**PHẦN I:  
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO TRÊN DÂY  
CHUYỀN THIẾT BỊ TÍNH**

**1. Giới thiệu chung.**

Thuốc nổ ANFO được sản xuất và sử dụng trong công nghiệp theo Quyết định số 81/QĐ-CNCL ngày 14/01/1998 và Quyết định số 1107/QĐ-CNCL ngày 14/6/1998 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Thuốc nổ ANFO là hỗn hợp của những hạt Amoni nitrat ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ) dạng hạt xộp (AN hạt xộp) với dầu Diesel (DO) theo tỷ lệ 94/6 (% khối lượng), đây là hỗn hợp có cân bằng về oxy nên khi nổ ít tạo ra khí độc. Với cấu trúc hạt tròn, xộp thuốc nổ ANFO có khả năng chảy tự do tốt theo trọng lực, dễ lấp đầy hố nổ thuận tiện khi nạp mìn với cả các lỗ khoan nghiêng và các lỗ khoan có đường kính nhỏ, phù hợp với điều kiện công nghệ nổ mìn khai thác mỏ hiện nay.

**2. Các đặc điểm của thuốc nổ ANFO**

**2.1. Ưu điểm**

- Thuốc nổ ANFO là hỗn hợp AN và DO, đó là hai chất riêng biệt, dễ có trên thị trường.
- Pha trộn dễ dàng, có thể tiến hành trộn tại mỏ (trên công trường khai thác) bằng thiết bị sản xuất di động.
- Khi nổ tạo ra hiệu quả nổ cao và ít sinh ra khí độc.

**2.2. Nhược điểm**

- Thuốc nổ ANFO kém chịu nước nên không sử dụng được ở những lỗ khoan có nước.
- Độ nhạy kém, phải kích nổ bằng môi nổ năng lượng cao.
- Chỉ sử dụng được cho mỏ khai thác lộ thiên, không sử dụng được trong hầm lò có khí và bụi nổ.
- Khi bảo quản trong thời gian dài thì có sự tách dầu DO ra khỏi hỗn hợp, nên trước khi sử dụng phải trộn lại.

**3. Đặc tính kỹ thuật**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn
1	Khả năng sinh công bằng bom chì	$\text{cm}^3$	320 ÷ 330
2	Độ nén trụ chì	mm	$\geq 15$
3	Tốc độ nổ	m/s	3.500 ÷ 4.500
4	Khối lượng riêng rời	$\text{g}/\text{cm}^3$	0,8 ÷ 0,9

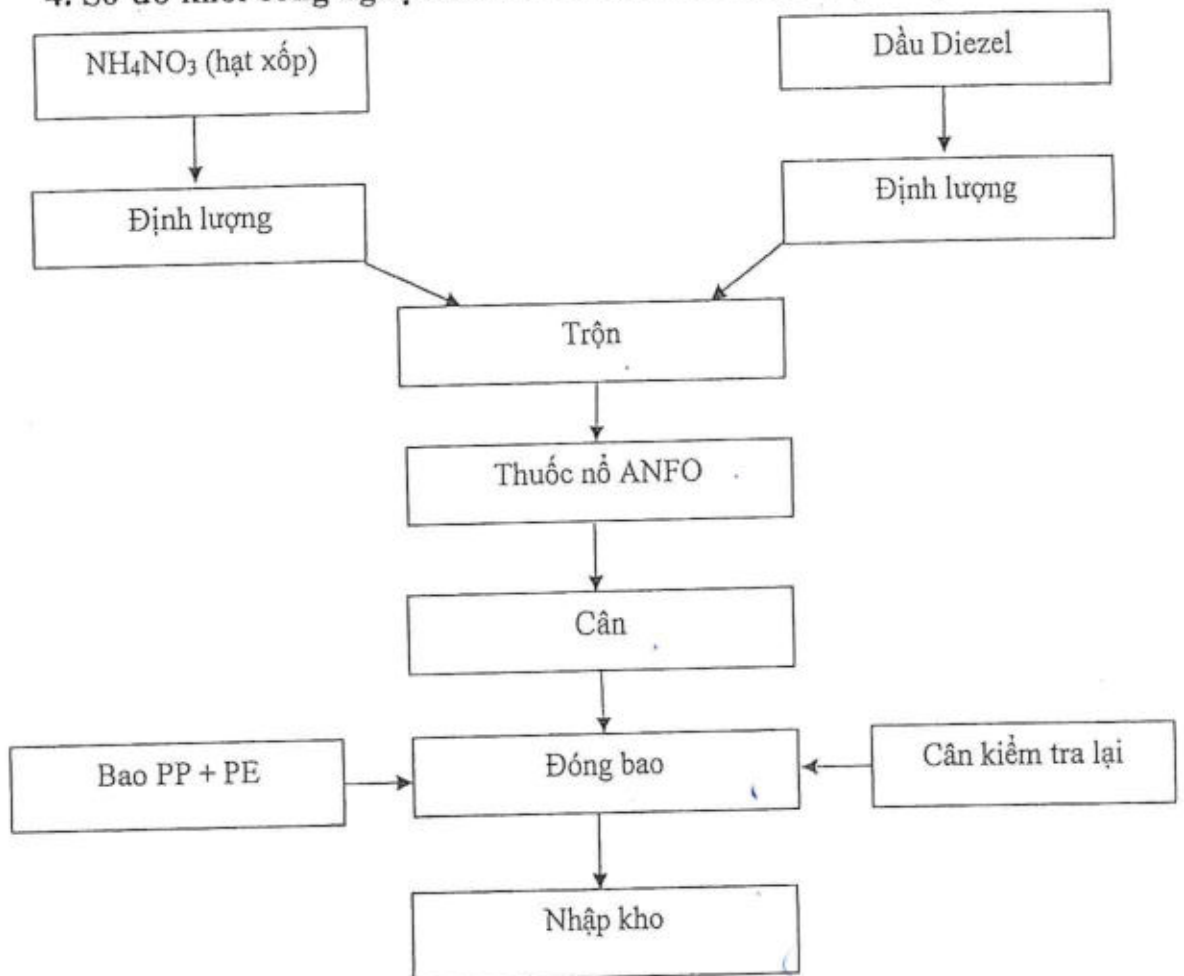


STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn
5	Phương tiện kích nổ		Mỗi nổ
6	Khả năng chịu nước		Không chịu nước
7	Thời hạn bảo đảm	ngày	90

Thuốc nổ ANFO được sản xuất dưới 3 dạng:

- Loại sản xuất trên xe tại khai trường và được nạp trực tiếp xuống lỗ khoan.
- Loại đóng bao 25kg.
- Loại túi định dạng có đường kính  $60 \div 200$  mm theo yêu cầu của khách hàng.

#### 4. Sơ đồ khối công nghệ sản xuất thuốc nổ ANFO dây chuyền thiết bị tĩnh



#### 5. Quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO:

Quá trình sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền thiết bị tĩnh được chia thành các công đoạn chính như sau:

- Công đoạn chuẩn bị nguyên liệu: Vận chuyển Amoni nitrat hạt xốp (AN hạt xốp) và cấp dầu nhiên liệu (DO), vật tư bao gói đến xưởng.
- Công đoạn phối trộn: Trộn AN hạt xốp và dầu DO theo tỷ lệ xác định trên thiết bị.

- Công đoạn bao gói sản phẩm: Sử dụng cân tự động/ bán tự động và băng tải để đóng gói sản phẩm theo khối lượng xác định.
- Sắp xếp lên ca bản và vận chuyển nhập kho.

## PHẦN II: QUY TRÌNH VẬN HÀNH SẢN XUẤT THUỐC NỖ ANFO TRÊN DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ TĨNH

### I. Kiểm tra máy, thiết bị sản xuất

Trước khi vận hành phải tiến hành kiểm tra máy và thiết bị sản xuất. Việc kiểm tra phải được ghi vào nhật ký vận hành, bao gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra toàn bộ hệ thống điện của nhà xưởng, các tủ điện, điện chiếu sáng.
  2. Kiểm tra các ống dẫn dầu, các khớp nối của đường dầu.
  3. Kiểm đếm tất cả các nguyên liệu, vật liệu đủ để phục vụ cho ca/ ngày sản xuất.
  4. Trước khi vào sản xuất, phải bơm mỡ vào các ổ bi, gối trục, kiểm tra các đầu bulông, ốc vít nếu có hiện tượng rò rỉ phải đánh sạch, nếu lỏng phải xiết chặt lại.
  5. Kiểm tra không tải của từng động cơ trước khi sản xuất: Động cơ máy bơm dầu, động cơ máy trộn (vít tải). Nếu thấy tiếng kêu bất thường thì phải kiểm tra tìm nguyên nhân để sửa chữa đảm bảo hoạt động an toàn mới đưa vào sản xuất.
- Sau khi sửa chữa, chạy thử không tải nếu hệ thống thiết bị hoạt động bình thường thì mới tiến hành sản xuất.
6. Kiểm tra các thùng chứa nguyên liệu, chứa thuốc nổ đảm bảo yêu cầu trước khi nạp liệu.
  7. Kiểm tra các thiết bị, dụng cụ PCCC được trang bị đảm bảo đầy đủ và hoạt động tốt.

#### Chú ý:

- Trước khi vào ca/ ngày sản xuất yêu cầu phải kiểm tra mở cửa xả ở đáy của máy trộn (vít tải) để tháo cạn nước đọng ở đáy thiết bị (nếu có).
- Sau một thời gian hoạt động, nếu thấy năng suất máy trộn giảm xuống phải tổ chức kiểm tra vít tải, gỡ hết vật lạ quấn bên trong (nếu có).

### II. Chuẩn bị sản xuất

#### 1. Chuẩn bị nguyên liệu

##### 1.1. Amoni Nitrat hạt xốp (AN hạt xốp)

- AN hạt xốp phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật trước khi đưa vào sản xuất.
- AN hạt xốp được vận chuyển từ kho bảo quản ra xưởng sản xuất. Số lượng AN hạt xốp dùng cho ca /ngày sản xuất nào thì lấy đủ cho ca/ ngày đó.

a) Nếu AN được bảo quản trong các bao có khối lượng  $\leq 50\text{kg}$ :



- Các bao AN được xếp trên các ca bản được vận chuyển từ kho chứa tới xưởng sản xuất, sau đó được xe nâng đưa tới sàn để nạp liệu. Khối lượng trên sàn thao tác không được vượt quá 1000kg.

- Tháo đầu các bao AN và trút hết lượng AN ở các bao vào phễu chứa nguyên liệu. Lượng AN trong phễu không quá 90% thể tích phễu chứa trong suốt quá trình sản xuất.

**b) Nếu AN được bảo quản trong các bao Jumbo 800 ÷ 1000kg:**

- Các bao AN được vận chuyển từ kho tới xưởng sản xuất, sau đó được xe nâng đặt lên các ca bản chuyên dụng (ca bản này đã được gia công cắt thủng một ô hình vuông 50 x 50cm ở chính giữa ca bản để tiện cho việc tháo dây buộc dưới đáy bao và thuận tiện cho việc nạp AN vào phễu chứa nguyên liệu).

- Sử dụng xe nâng đặt các ca bản chuyên dụng chứa AN lên trên phễu chứa nguyên liệu có lắp đặt thêm giá đỡ cao hơn miệng phễu 30cm. Sau đó tháo dây buộc dưới đáy bao và trút hết lượng AN trong bao vào phễu chứa nguyên liệu. Lượng AN trong phễu không quá 90% thể tích phễu chứa trong suốt quá trình sản xuất.

**Chú ý:**

- + *Nghiêm cấm dùng xe nâng đẩy ca bản trên miệng phễu của thiết bị.*
- + *Trong quá trình tháo miệng/ đáy bao không được để lọt vật lạ vào phễu chứa AN.*
- Thu gom vỏ bao, xếp gọn, bó chặt và chuyển vỏ bao ra bên ngoài khu vực sản xuất.
- Nếu AN bị vón cục phải tiến hành làm tơi và sàng phân loại trước khi nạp vào phễu chứa nguyên liệu. Sàng phân loại có kích thước mắt sàng 10x10mm.

**1.2. Dầu Diesel (DO)**

- Nguyên liệu dầu Diesel (DO) nhập vào kho phân xưởng phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật quy định và được bảo quản theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Dùng máy cấp dầu chuyên dụng để bơm cấp dầu vào phục vụ sản xuất.

- Vệ sinh sạch sẽ máy bơm dầu, hệ thống dẫn, thùng chứa dầu.

**2. Căn chỉnh xác định lưu lượng các dòng nguyên liệu và trộn các thành phần**

**2.1. Những điều kiện cần xác định lại dòng nguyên liệu**

- Khi lắp đặt mới và sau khi sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Khi có sự thay đổi về tính chất nguyên liệu đầu vào.

- Trước mỗi ca/ ngày sản xuất.

**2.2. Trình tự quá trình căn chỉnh**

Quá trình căn chỉnh dòng nguyên liệu AN và DO nhằm mục đích thiết lập tỷ lệ thành phần phối liệu ổn định trong quá trình thiết bị làm việc liên tục. Trên dây chuyền sản xuất tĩnh, dòng AN luôn được lắp đầy ống trộn và được lấy làm cơ sở để căn chỉnh dòng dầu DO. Việc căn chỉnh dòng nguyên liệu AN và DO được thực hiện đồng thời, các dòng nguyên liệu được tách riêng để tính tỷ lệ thành phần.

Trước khi căn chỉnh cần phải:

- Nạp liệu đủ nguyên liệu gồm dầu DO và AN tại các vị trí.
- Các dụng cụ phục vụ cho căn chỉnh như: Thùng chứa, cân đồng hồ, xô, chậu, bao bì phải sẵn sàng và đầy đủ.

### 2.3. Xác định lưu lượng dòng Amoni nitrat (AN)

- Xả AN vào phễu chứa của thiết bị (khoảng 50% phễu chứa của thiết bị).
- Bấm nút khởi động cho máy trộn chạy đến khi AN xuất hiện rơi đều xuống phễu chứa sản phẩm thì tắt máy trộn. Lúc này ống trộn đã được lấp đầy AN. Tháo hết số AN trên phễu chứa sản phẩm vào bao và chuyển trở lại phễu chứa nguyên liệu.
- Bấm nút cho máy chạy trong thời gian một phút để xác định lưu lượng nguyên liệu AN chạy qua ống trộn. Tháo số AN này vào bao và đem cân để xác định khối lượng của AN được đẩy ra trong một phút, sau đó chuyển lại phễu nạp liệu.
- Các động tác tiếp tục căn chỉnh như vậy từ 3 ÷ 5 lần để xác định lưu lượng AN trung bình qua thiết bị trong 01 phút.
- Nếu lượng AN qua máy đều thì dừng lại, trường hợp sai số lớn phải xem xét và tìm nguyên nhân khắc phục.

#### Chú ý:

- Trong khi xác định lưu lượng dòng AN phải bố xung lượng AN đều trong phễu nạp.
  - Lấy số liệu lưu lượng dòng AN để tính lưu lượng dầu cần đưa vào ống trộn.
- Ví dụ: Lưu lượng AN = 110 kg/phút thì lượng dầu cần căn chỉnh là:

$$\frac{110 \times 6\%}{94\%} = 7,02 \left( \frac{\text{kg}}{\text{phút}} \right)$$

### 2.4. Xác định lưu lượng dòng dầu Diesel (DO)

- Trước khi căn chỉnh lưu lượng dầu, dùng cờ lê tháo đường dẫn dầu ra khỏi ống trộn, dùng xô nhựa để chứa lượng dầu cần căn chỉnh.
- Khi đã chuẩn xong, đóng điện cho máy chạy, đặt van dầu ở vị trí điều chỉnh. Thời gian cho máy chạy là 01 phút, sau đó đồng thời cân lại cả lượng AN và lượng dầu DO. Lượng dầu quy định là 6% so với tổng lượng AN và dầu cân được. Nếu chưa đạt 6% dầu thì tiếp tục cho máy chạy để điều chỉnh đến khi đạt 6% dầu (mỗi lần cho máy chạy là 01 phút).
- Khi đã chỉnh được lưu lượng dầu 6% thì làm tiếp từ 3 ÷ 5 lần cho ổn định và ghi lại mức dầu được chỉ thị trên đồng hồ.
- Khi chỉnh được lưu lượng dầu đã ổn định thì cho lắp ống dầu vào thân ống trộn để chuẩn bị phối liệu.

### 3. Sản xuất thuốc nổ ANFO

- Kiểm tra lại lượng AN trên phễu và dầu trong thùng chứa, nếu mức chứa đảm bảo thì cho tiến hành sản xuất.

- Khi phối liệu trộn AN và dầu DO phải quan sát dòng dầu trên đồng hồ đo nếu sai lệch phải điều chỉnh bằng cách nhẹ nhàng thay đổi van dầu để lượng dầu vào đúng tỷ lệ đã chọn, với động tác này cũng phải định lượng lại từ 4 ÷ 5 lần mỗi lần 01 phút, cân lại sản phẩm trong các lần căn chỉnh để kiểm tra việc phối hiệu khi sản xuất có ổn định không.

Ví dụ: Lượng AN qua máy trộn là: 110 kg/phút.

Lượng dầu qua máy bơm là: 7 kg/phút (8,34 lít/phút).

Thì lượng sản phẩm ANFO là:  $110 + 7 = 117$  kg/phút.

Nếu ổn định thì bắt đầu cho sản xuất, còn nếu chưa ổn định thì phải kiểm tra xem xét lại và cho căn chỉnh tiếp để đạt được yêu cầu.

- Trước khi kết thúc việc sản xuất phải kiểm tra lượng AN vào ống trộn trên lỗ quan sát ở thân ống trộn để ngắt van dầu vào ống trộn đúng lúc, tiếp tục cho máy chạy để đẩy hết lượng sản phẩm còn lưu trong thiết bị ra.

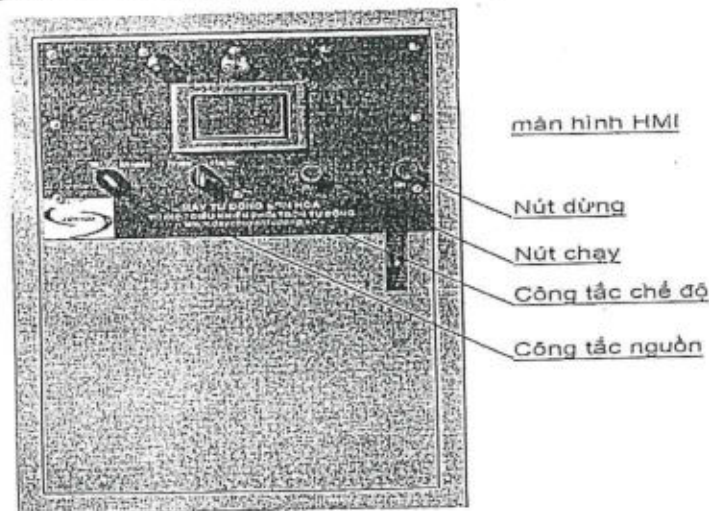
- Kết thúc việc sản xuất phải tiến hành thu gom toàn bộ số nguyên liệu thừa, sản phẩm bị rơi vãi và vệ sinh toàn bộ máy móc thiết bị, dụng cụ và nhà xưởng.

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện đưa về vị trí an toàn, phải tắt toàn bộ điện chiếu sáng trong nhà xưởng chỉ để điện bảo vệ về ban đêm ở bên ngoài nhà xưởng.

- Các loại vật tư, nguyên liệu, sản phẩm được nhập kho khi hết ca/ ngày và ghi sổ theo dõi đầy đủ theo quy định.

### 4. Vận hành tủ điều khiển vít tải, bơm dầu.

Bố trí tủ vận hành vít tải, bơm dầu (Hình 1.1)

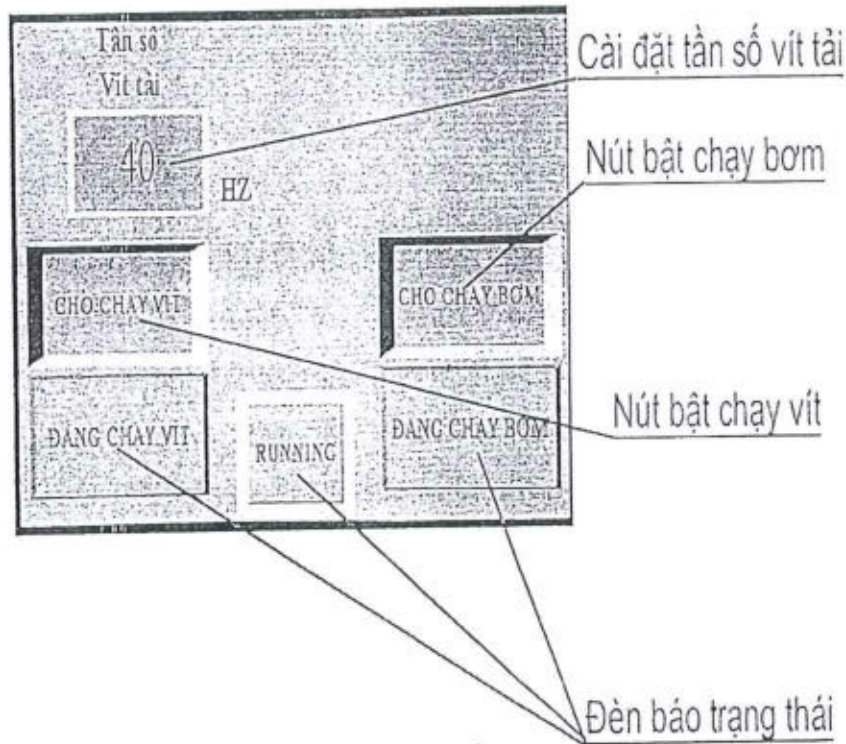


Hình 1.1 - Tủ điều khiển động cơ vít tải và bơm dầu

#### 4.1. Vận hành tự động:

Cài đặt biến tần động cơ vít tải và bơm dầu:

- Bước 1: Trên mặt tủ, chuyển công tắc chế độ sang “Tự động”. Lúc này, màn hình HMI sẽ hiển thị như Hình 1.2.
- Bước 2: Ấn nút Cho chạy vít và nút Cho chạy bơm trên màn hình HMI.
- Bước 3: Cài đặt tần số cho động cơ vít tải bằng cách ấn vào ô “Tần số vít tải”
- Bước 4: Ấn nút Chạy trên mặt tủ để hệ thống bắt đầu hoạt động.
- Bước 5: Ấn nút Dừng trên mặt tủ để dừng các động cơ.



Hình 1.2 - Màn hình HMI ở chế độ Tự động

Tại chế độ tự động. Động cơ bơm dầu sẽ chạy với tốc độ tỷ lệ với tốc độ động cơ vít tải. Và được quy đổi bởi công thức sau:

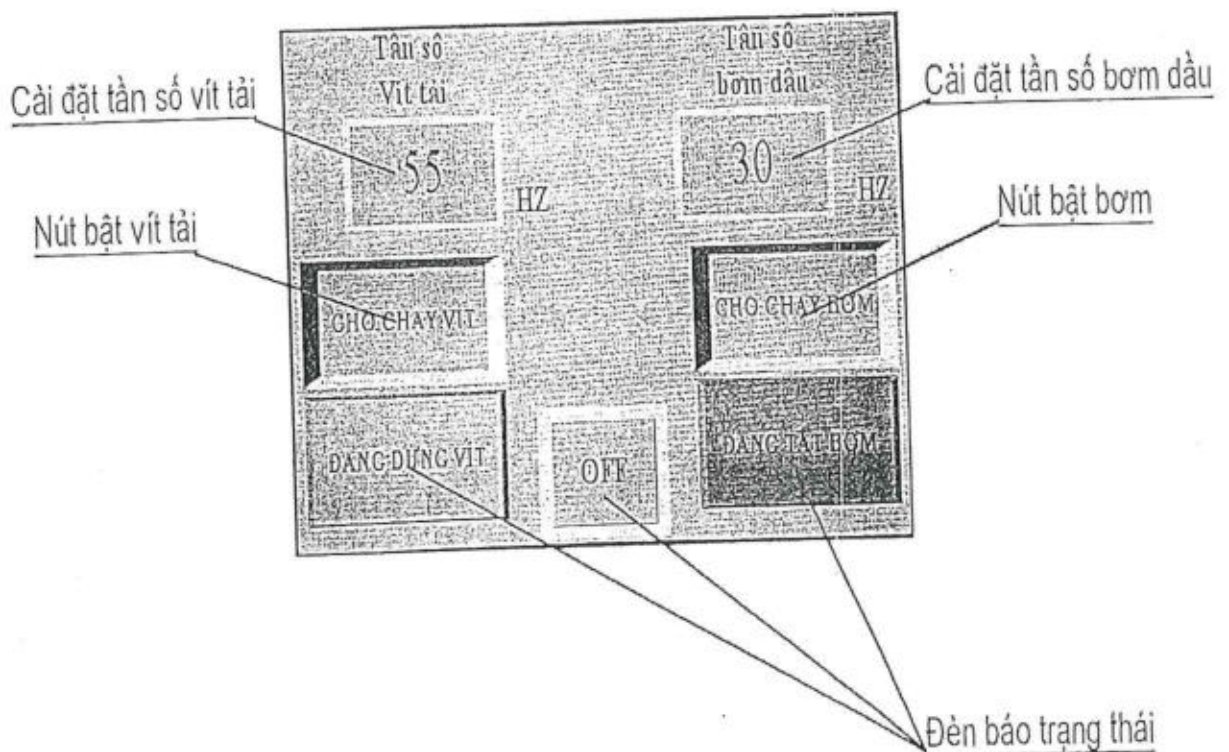
$$F_{ĐC \text{ bơm chạy}} = \frac{I_{10ĐC \text{ bơm}}}{I_{10ĐC \text{ vít tải}}} \cdot F_{ĐC \text{ vít tải chạy}} \text{ (Hz)}$$

Trong đó:

- $F_{ĐC \text{ bơm chạy}}$ : Là tần số hoạt động của động cơ bơm trong chế độ Tự động. Được hiển thị trên biến tần điều khiển động cơ bơm khi ấn Chạy ở Bước 4.
- $F_{ĐC \text{ vít tải chạy}}$ : Là tần số hoạt động của động cơ vít tải trong chế độ Tự động. Tần số này được cài đặt trên màn hình HMI (Hình 1.2).
- $I_{10ĐC \text{ bơm}}$ : Là tần số được cài đặt trong biến tần điều khiển động cơ bơm dầu.
- $I_{10ĐC \text{ vít tải}}$ : Là tần số được cài đặt trong biến tần điều khiển động cơ vít tải.

#### 4.2. Vận hành chế độ bằng tay:

- Bước 1: Trên mặt tủ, chuyển công tắc chế độ sang “**Bằng tay**”. Lúc này, màn hình HMI sẽ hiển thị như Hình 1.3
- Bước 2: Ấn nút **Cho chạy vít** và nút **Cho chạy bơm** trên màn hình HMI.
- Bước 3: Cài đặt tần số hoạt động.
- Bước 4: Ấn nút “**Chạy**” trên mặt tủ để bắt đầu chạy động cơ.
- Bước 5: Ấn nút “**Dừng**” trên mặt tủ để dừng động cơ.



Hình 1.3 - Màn hình HMI ở chế độ “**Bằng tay**”

- Trước khi kết thúc việc sản xuất phải kiểm tra lượng AN vào ống trộn trên lỗ quan sát ở thân ống trộn để ngắt van dầu vào ống trộn đúng lúc, tiếp tục cho máy chạy để đẩy hết lượng sản phẩm còn lưu trong thiết bị ra.
- Kết thúc việc sản xuất phải tiến hành thu gom toàn bộ số nguyên liệu thừa, sản phẩm bị rơi vãi và vệ sinh toàn bộ máy móc thiết bị, dụng cụ và nhà xưởng.
- Ngắt toàn bộ hệ thống điện đưa về vị trí an toàn, phải tắt toàn bộ điện chiếu sáng trong nhà xưởng chỉ để điện bảo vệ về ban đêm ở bên ngoài nhà xưởng.
- Các loại vật tư, nguyên liệu, sản phẩm được nhập kho khi hết ca/ngày và ghi sổ theo dõi đầy đủ theo quy định.

### III. Quy trình sử dụng cân bán tự động

1. Trước khi thực hiện cân sản phẩm bằng loại cân này cần phải kiểm tra lại các vít chỉnh, các thanh gạt xem có bị gãy hoặc kẹt không.

2. Đặt quả cân và căn chỉnh ở vị trí 25 kg/bao hoặc 40kg/bao (hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng), cân làm từ 10 ÷ 15 lần khi thấy ổn định thì bắt đầu cân.

3. Thực hiện các động tác cân (2 người).

- Bao chứa sản phẩm được chuẩn bị sẵn và cài vào hai phanh hãm giữ bao chắc chắn.

- Đứng đúng vị trí dùng tay trái kéo nhẹ thanh tháo sản phẩm xuống phía dưới sau đó buông thanh tháo sản phẩm ra ngay.

- Khi sản phẩm rơi qua cân vào bao đã đủ, cân sẽ tự ngắt, khi đó hai tay của một công nhân bám vào đầu trên của bao thuốc nổ, cánh tay phải hơi nâng lên để nâng thanh hãm cho hai phanh hãm mở ra. Hai công nhân hạ bao thuốc đến vị trí buộc đầu bao.

4. Khi sử dụng cân này phải thường xuyên cân kiểm tra lại bằng loại cân đã được kiểm định (Cân đồng hồ) để nếu có sai số thì phải chỉnh lại kịp thời rồi mới thực hiện cân.

### IV. Quy trình vận hành cân tự động (máy 2 thùng cân).

Tủ vận hành 2 thùng cân gồm:

- Một màn hình HMI: Thực hiện chức năng điều khiển và giám sát.

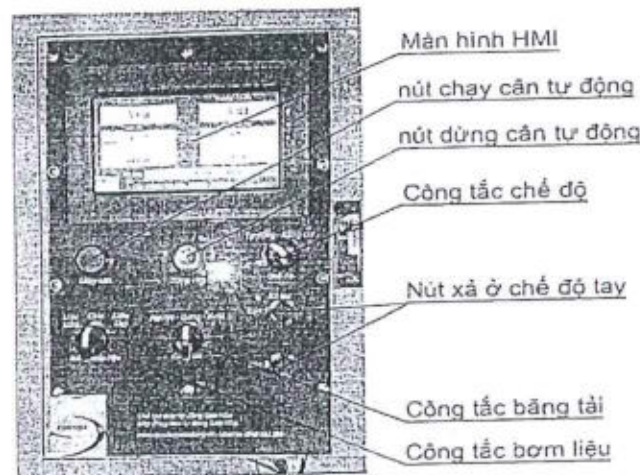
- Công tắc chế độ: Chuyển giữa 2 chế độ vận hành “Tự động” và “Bằng tay”.

- Nút xả cân ở chế độ tay: Ấn giữ để xả thùng cân, chỉ thực hiện được khi vận hành bằng tay.

- Công tắc băng tải: Điều khiển hoạt động của băng tải.

- Công tắc chia liệu.

Giao diện vận hành 2 thùng cân như Hình 2.1



Hình 2.1 - Mặt ngoài tủ vận hành máy đóng bao 2 thùng cân



## 1. Khởi động hệ thống:

Ở tủ điều khiển máy đóng bao 2 thùng cân, ta lần lượt thực hiện các bước sau:

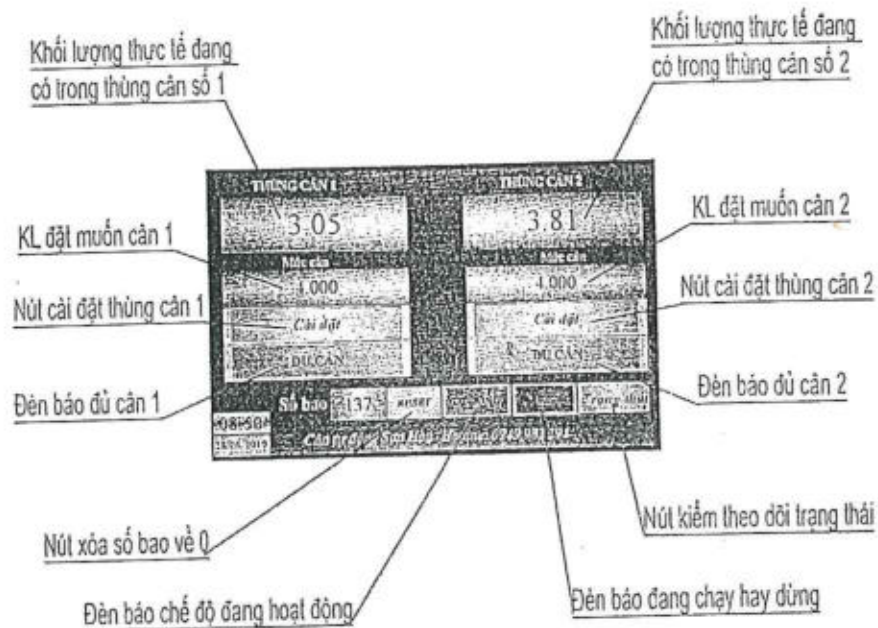
- Bật Attomat 3 pha, attomat 2 pha bên trong tủ điều khiển.
- Bật nút STOP (nút tròn màu đỏ), bật Công tắc nguồn ngoài mặt tủ điều khiển.

Khi đã làm xong các thao tác trên, đèn báo pha bên ngoài mặt tủ điều khiển sáng. Ta bắt đầu chuyển sang bước cài đặt các thông số cho chế độ “Vận hành Tự động” bằng cách thực hiện theo Mục 2 dưới đây.

## 2. Cài đặt các thông số:

Cửa sổ chính của màn hình HMI (Hình 2.2) gồm:

- Khối lượng thực tế đang có trong các thùng cân.
- Khối lượng cài đặt mong muốn.
- Đèn báo đủ cân: Khi cân đủ khối lượng, đèn này sẽ sáng xanh.
- Ô hiển thị số bao đã đóng được (để xóa về 0 ấn RESET).
- Đèn báo chế độ đang hoạt động (tự động – bằng tay).
- Đèn báo trạng thái (đang chạy – đang dừng).



Hình 2.2 - Cửa sổ chính của màn hình HMI

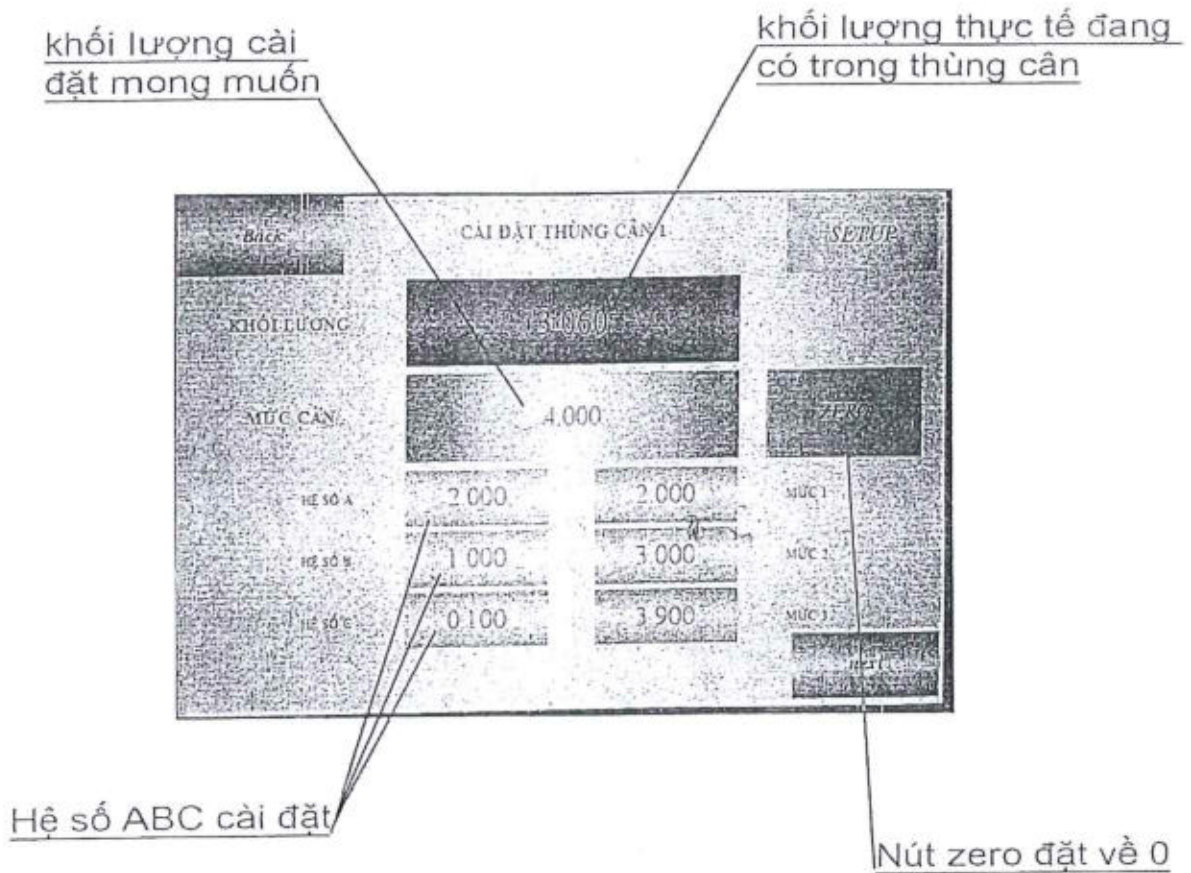
Trên màn hình HMI ở tủ vận hành, ta lần lượt thực hiện các bước sau:

**Bước 1:** Cài đặt khối lượng mong muốn, ta có thể thực hiện 1 trong 2 cách sau:

Cách 1: Tại cửa sổ Hình 2.2 ta ấn vào ô “Mức cân”.

Cách 2: Tại cửa sổ Hình 2.2 ta ấn vào “Cài đặt”, một cửa sổ mới hiện lên như Hình 2.3, ta ấn vào ô “Mức cân”

\* Chú ý: Thực hiện với cả 2 thùng cân



Hình 2.3 - Cửa số cài đặt thông số ABC thùng cân 1

**Bước 2:** Cài đặt hệ số A, B, C của các thùng cân:

Tại cửa số Hình 2.2, ấn nút "Cài đặt", cửa số Hình 2.3 mở ra cho phép ta đặt các hệ số A, B, C của thùng cân 1 (Đối với thùng cân 2, ta thực hiện thao tác tương tự).

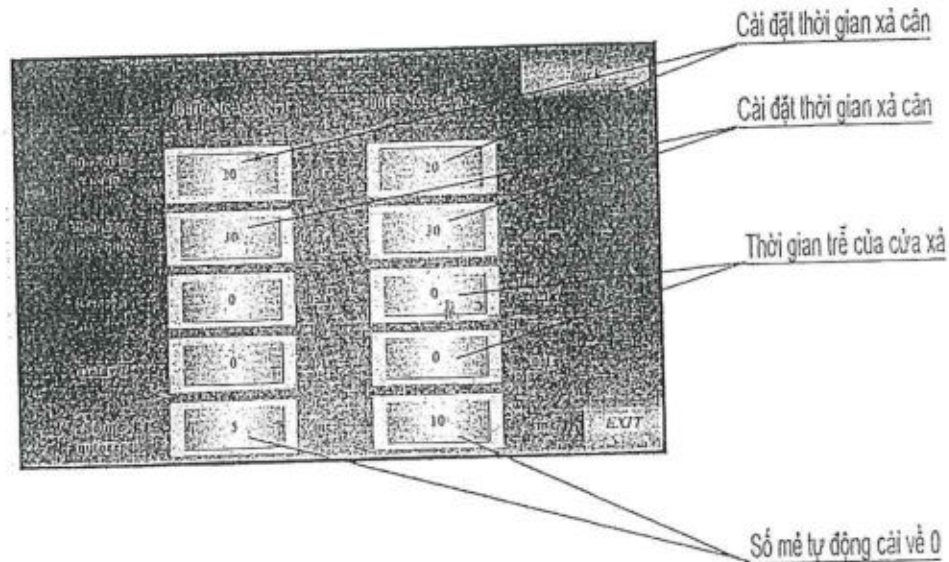
Ý nghĩa của bộ thông số này như sau:

- Mức 1 = Mức cân – A (Cân nhanh)
- Mức 2 = Mức cân – B (Cân chậm)
- Mức 3 = Mức cân – C (Cân tinh)

\* Bộ hệ số A, B, C này được nhà lắp đặt cung cấp trong phần phụ lục tham khảo

**Bước 3:** Cài đặt các hệ số thời gian:

Tại cửa số Hình 2.3, ấn nút "Next", cửa số mới hiện lên như Hình 2.4.



Hình 2.4 - Cửa số cài đặt thông số thời gian

### 3. Cách vận hành tự động:

Sau khi thực hiện các bước trên, ta có thể vận hành máy trong chế độ tự động. Thực hiện các thao tác sau:

- Bước 1: Gạt công tắc chế độ sang “Tự động”.
- Bước 2: Ấn nút chạy cân trên mặt tủ vận hành.
- Bước 3: Khi cân đã đủ, đưa bao vào, gạt đuôi chuột để kẹp bao. Nguyên liệu sẽ được xả xuống bao, tự động nhà bao rơi xuống băng tải.
- Bước 4: Ấn dừng cân để kết thúc quá trình.

### 4. Cách vận hành bằng tay:

Tại chế độ vận hành bằng tay, máy cân cho phép xả nguyên liệu trong thùng cân. Thường được sử dụng khi muốn vệ sinh máy.

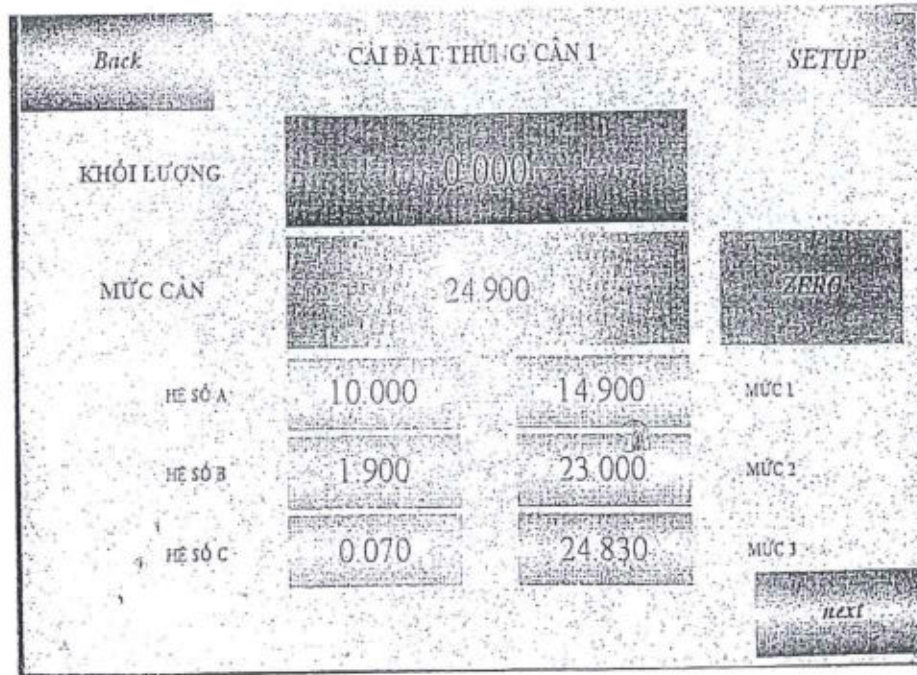
- Bước 1: Gạt công tắc chế độ sang “Bằng Tay”
- Bước 2: Cho bao vào, ấn đuôi chuột để kẹp bao.
- Bước 3: Ấn nút xả thùng cân trên mặt tủ vận hành.
- Bước 4: Ấn nút “Dừng cân” hoặc “Ấn giữ đuôi chuột trong 3 giây” để nhà bao.

\* Băng tải ra bao sử dụng động cơ phòng nổ chuyên dụng với hộp số ngoài, đảm bảo chống cháy nổ trong môi trường dễ cháy, nổ. Động cơ có sử dụng biến tần để tăng, giảm tốc độ băng tải ra bao, đảm bảo độ bền cho động cơ.

### 5. Phụ lục tham khảo.

Sau khi tiến hành lắp đặt, các kỹ thuật viên của bên lắp đặt kết hợp cùng kỹ thuật viên của đơn vị sử dụng tiến hành chạy thực tế. Từ đó đưa ra bộ thông số A, B, C (khuyến nghị) cài đặt hệ số như sau:

\* Đối với máy cân 2 thùng cân: *Đa*



Hình 2.5 - Bộ thông số A, B, C thực tế thùng cân 1 của máy 2 thùng cân

## 6. Hiệu chỉnh cân đóng bao.

Đối với cân đóng bao, sau một thời gian sử dụng liên tục, các cơ cấu cơ khí cần kiểm tra lại độ chính xác của các thành phần cân so với tải chuẩn của nhà máy. Nếu số cân của thành phần cân nào đó trong dây chuyền xảy ra hiện tượng lệch cân, sai lệch so với cân của nhà máy thì cần phải hiệu chuẩn lại. Các bước hiệu chuẩn được thực hiện lần lượt dưới đây:

**Chuẩn bị:** Tải chuẩn đã được cân là dạng nguyên liệu được đóng bao

- Bước 1: Nhấn đồng thời phím  $\rightarrow 0 \leftarrow$  và phím (Fn) để hiển thị F1 (vô tình nhấn qua F1 thì nhấn tiếp phím Fn đến khi hiển thị F1).
- Bước 2: Nhấn phím (SP) hiển thị CAL, sau đó nhấn tiếp phím SP đến khi hiển thị NOLOAD. Lúc này phải đảm bảo thùng cân không có liệu, không rung lắc.
- Bước 3: Nhấn tiếp SP để đầu cân nhận dạng điểm không tải. Sau đó sẽ hiển thị ADLOAD.
- Bước 4: Đặt tải chuẩn đã chuẩn bị vào bên trong thùng cân để định lượng.
- Bước 5: Nhấn phím SP để đầu cân nhận dạng tải và hiển thị phần số cân. Sử dụng phím Fn và  $\rightarrow 0 \leftarrow$  để cài đặt số cân đúng với lượng tải trong thùng cân. Qua bước này là đã hoàn thiện phần hiệu chỉnh và thoát ra bằng cách nhấn phím T hoặc  $\rightarrow 0 \leftarrow$ .

## V. Quy trình vận hành băng tải:

### 1. Quy định chung.

1.1. Băng tải sử dụng vào khâu vận chuyển đóng bao là công cụ hỗ trợ thay thế một phần công việc phải sử dụng nhân công trong sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền tĩnh tại Phân xưởng sản xuất thuốc nổ.

1.2. Tất cả mọi người khi làm việc ngoài chứng chỉ đào tạo theo yêu cầu của từng công việc thì phải được huấn luyện về an toàn tiếp xúc với VLNCN đạt yêu cầu, được cơ quan quản lý VLNCN tổ chức sát hạch, cấp giấy chứng nhận.

1.3. Mọi người làm việc khi sử dụng băng tải hỗ trợ thì phải tuân thủ theo quy trình sản xuất thuốc nổ ANFO, quy trình vận hành băng tải và các nội quy, quy định an toàn với các công việc có liên quan.

1.4. Phải kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị trước và sau mỗi ca/ngày sản xuất, kiểm tra tiếp mát đảm bảo đã nối với hệ thống tiếp địa an toàn.

1.5. Trong ca/ngày sản xuất phải phân rõ trách nhiệm người vận hành thiết bị dây chuyên tĩnh và vận hành băng tải.

1.6. Trong quá trình vận hành không được sử dụng điện áp quá cao hoặc quá thấp để cấp điện cho tủ điều khiển. Không được để xe nâng hay các vật nặng khác va đập vào băng tải. Không để băng tải tiếp xúc gần nguồn nhiệt độ cao.

1.7. Khi tham gia sản xuất phải tuân thủ các quy định về an toàn, chất lượng theo quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy định khác mà Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin và Công ty đã ban hành.

## 2. Quy trình vận hành băng tải.

### 2.1. Giới thiệu hệ thống băng tải.

Hệ thống băng tải bao gồm:

- Băng tải cao su, động cơ 1.5 KW có hộp số giảm tốc và điều khiển bằng biến tần LS (Hàn Quốc).

- Máy may bao cầm tay.

- Tủ điều khiển trung tâm được điều khiển bằng PLC. Tủ điều khiển bao gồm đèn báo pha, công tắc nguồn, công tắc chọn chế độ hoạt động bằng tay và tự động.

### 2.2. Công tác quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

Để băng tải làm việc đảm bảo năng suất, hiệu quả, an toàn, yêu cầu khi vận hành phải tuân thủ đúng các quy định sau:

- Có sổ ghi chép tình trạng làm việc của máy, thiết bị người giao, người nhận phải ký đầy đủ vào sổ nhật trình hoạt động.

- Trước mỗi ca/ngày sản xuất phải kiểm tra các vấn đề sau:

- + Phần điện: Phải đảm bảo nguyên vẹn, cấp điện động cơ, hệ thống tiếp đất hoạt động tốt.

- + Phần cơ: Kiểm tra các bulông, êcu, rulô, các vòng bi, con lăn .... đảm bảo hoạt động tốt.



- Khi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thiết bị phải ngắt điện, tháo tiếp đất và đưa toàn bộ hệ thống đến khu vực sửa chữa. Không làm ảnh hưởng đến sản xuất trong nhà xưởng, các công tác PCCC và các điều kiện an toàn chung khác.

- Bơm mỡ định kỳ vòng bi 2 tuần/lần. Tra dầu ở 2 bên con lăn để đảm bảo tuổi thọ con lăn.

- Cuối mỗi ca/ngày sản xuất phải tiến hành vệ sinh băng tải sau khi dừng máy, dùng khí nén vệ sinh sạch các quả lô dẫn hướng.

### 2.3. Công tác chuẩn bị.

- Đưa hệ thống băng tải vào đúng vị trí dưới phễu hứng sản phẩm, kê kích chắc chắn và giữ cố định các phần bánh xe để băng tải không bị xô dịch lệch khỏi vị trí thao tác cân, buộc, khâu bao.

- Nối tiếp mát của hệ thống băng tải với hệ thống tiếp địa của dây chuyền thiết bị sản xuất tĩnh trong nhà xưởng. Đảm bảo hệ thống phải an toàn tuyệt đối.

- Cấp nguồn điện xoay chiều 3 pha 380V cho tủ điều khiển trung tâm để điều khiển động cơ phòng nổ công suất 1.5 KW.

- Cấp điện xoay chiều 2 pha 220V cho máy may bao cầm tay

### 2.4. Khởi động máy.

- Lần lượt bật aptomat tổng và aptomat nhánh bên trong tủ điều khiển trung tâm

- Bên ngoài tủ điều khiển trung tâm quan sát thấy 3 đèn báo pha sáng là được.

- Bật công tắc nguồn bên ngoài tủ điều khiển trung tâm.

### 2.5. Vận hành máy.

- Bước 1: Bật công tắc băng tải sang bên phải để băng tải chạy sang bên phải. Nếu muốn băng tải chạy ngược lại thì bật sang bên trái. Bật công tắc về vị trí giữa để dừng băng tải.

- Bước 2: Điều chỉnh tốc độ băng tải. Khi muốn thay đổi tốc độ băng tải tăng giảm tùy theo nhu cầu, ta thao tác trên biến tần như sau. Đầu tiên ta bấm phím Enter, màn hình biến tần sẽ hiện ra tần số tại thời điểm hiện tại. Ví dụ: Tần số hiện tại đang là 30.00Hz. Dùng phím mũi tên < , > để chọn chữ số cần thay đổi. Dùng phím mũi tên lên và xuống để tăng giảm chữ số đó. Giả sử ta bấm mũi tên sang trái để thay đổi số "3", bấm phím mũi tên lên để tăng từ "3" lên thành "4". Sau khi chọn được tần số cần đặt, ta bấm phím Enter một lần, giá trị mới sẽ nhấp nháy. Bấm Enter thêm một lần nữa để xác nhận là được.

- Bước 3: Khắc phục hiện tượng lệch băng tải. Trong quá trình sử dụng, không tránh khỏi bụi bám vào 2 quả lô dẫn hướng ở 2 đầu băng tải dẫn đến băng tải chạy lệch sang một phía. Đầu tiên xác định xem băng tải chạy lệch sang phía nào, lúc này ta dùng cà lê hoặc mỏ lết siết chặt bu lông bên phía đó để băng tải quay về trạng thái ổn định. Lưu ý khi siết bu lông cần siết từng ít một để điều chỉnh. Không nên siết nhiều quá.

- Bước 4: Tiến hành chạy không tải trong khoảng 5 phút để theo dõi tính ổn định và căn chỉnh biên tần băng tải cho phù hợp với tốc độ buộc dây và khâu bao.

- Bước 5: Vận hành chạy không tải băng tải đến khi ổn định thì tiến hành sản xuất, sử dụng máy khâu bao như bình thường theo quy trình.

- Bước 6: Trong trường hợp phải dừng đột ngột băng tải do sự cố thì thợ vận hành phải thông báo cho những người trong dây chuyền được biết. Cắt điện tại khởi động từ, treo biển cấm đóng điện, kiểm tra sau đó báo cho người quản lý được biết để tìm biện pháp khắc phục kịp thời.

### 3. Quy trình sản xuất khi sử dụng băng tải kết hợp.

#### 3.1. Công tác chuẩn bị:

- Tiến hành các công việc theo quy trình sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền tĩnh như trên.

- Tiến hành chạy máy đến khi sản phẩm thuốc nổ ANFO rơi vào phễu hứng đến khi gần đầy thì tiến hành các bước tiếp theo.

- Kiểm tra độ chính xác của cân bán tự động bằng cân đồng hồ đã được kiểm định, nếu không chính xác thì phải căn chỉnh lại.

#### 3.2. Vận hành băng tải theo quy trình sẵn sàng làm việc.


3.3. Đưa bao PP, PE đã chuẩn bị kẹp vào miệng phễu xả, tiến hành xả cân để thuốc nổ ANFO rơi xuống bao đựng, khi đủ trọng lượng thì thao tác cho bao rơi xuống băng tải (*việc kẹp vỏ bao phải thuận chiều may của máy khâu bao treo bên trên*). Sau đó lặp lại đưa bao PP, PE khác vào thực hiện như trên đến khi hết thuốc nổ trong phễu chứa hoặc có tín hiệu dừng của người vận hành băng tải, vận hành thiết bị tĩnh.

3.4. Buộc bao PE, người thao tác đứng ở hai bên dọc theo chiều tiến của băng tải, bố trí người sao cho hợp lý để thao tác và bảo đảm tiến độ, năng suất, hiệu quả.

3.5. Khi bao thuốc nổ chạy đến vị trí treo máy khâu bao thì chấp hai mép của miệng bao lại rồi dẫn hướng vào miệng máy khâu, rồi bấm nút công tắc cho máy khâu chạy, khi khâu xong thì nhả nút công tắc và cắt chỉ.

3.6. Nếu trong quá trình khâu bị sự cố, đứt chỉ, hết chỉ, kẹt bao... thì dừng băng tải, ra hiệu cho bên vận hành thiết bị tĩnh xử lý. Tiến hành xử lý sự cố khi xong thì tiếp tục vận hành, sản xuất bình thường. Nếu sự cố không khắc phục được buộc phải dừng sản xuất thì phải báo trực ca, lãnh đạo đơn vị biết để tìm biện pháp khắc phục.

3.7. Cuối băng tải phải có người trực khi bao thuốc nổ đã khâu chạy ra thì đỡ, xếp chuyển lên ca bản. Nghiêm cấm để bao thuốc nổ rơi xuống đất tự do, tránh va đập, quăng quật, ma sát.

3.8. Khi kết thúc ca/ngày thì tiến hành vệ sinh công nghiệp, cắt điện thiết bị nhà xưởng, ghi chép sổ sách, làm thủ tục nhập kho và bàn giao đầy đủ. 

#### 4. Quy trình vận hành máy đóng gói thuốc nổ ANFO D90 và D80 tự động.

##### 4.1. Mô tả thiết bị.

Máy đóng gói thuốc nổ ANFO D90 và D80 hoạt động tự động, thiết bị có thể di chuyển lắp đặt tại nhiều vị trí khác nhau.

Thiết bị được vận hành qua hệ thống cài đặt tự động theo định lượng khối lượng có sẵn (2kg hoặc 3kg). Thuốc nổ ANFO sau khi được sản xuất trên thiết bị tĩnh, thay vì được chuyển vào phễu cân tự động sẽ được chuyển vào phễu chứa của máy đóng gói tự động bằng hệ thống máng rót riêng biệt.

Khi được cài đặt định lượng thiết bị sẽ tự động nạp thuốc nổ ANFO vào các ống có dung tích chứa 2kg hoặc 3kg. Thiết bị tự rung để dồn, nén đảm bảo tỷ lệ độ đồng của sản phẩm.

##### 4.2. Vận hành thiết bị.

Bước 1: Kiểm tra tổng thể toàn bộ hệ thống thiết bị trước khi đưa vào vận hành sản xuất.

Bước 2: Đưa thiết bị vào vị trí sản xuất cung cấp nguồn điện và hơi khí nén vào thiết bị. Chạy không tải khi máy hoạt động ổn định thì dùng máy cài đặt định lượng và lắp ống định lượng (2kg hoặc 3kg). Tiến hành chạy thử thiết bị khi có tải đảm bảo đạt yêu cầu thì đưa vào vận hành sản xuất.

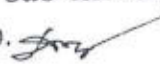
Bước 3: Thuốc nổ ANFO được sản xuất từ thiết bị tĩnh được đưa vào phễu chứa của máy đóng gói tự động. Công đoạn hoạt động tự động khi lượng thuốc nổ ANFO trong phễu chứa của máy đóng gói tự động còn 10% (Khi lượng thuốc nổ trong phễu chứa của máy đóng gói tự động dưới 10% thì hệ thống máng dẫn sẽ tự động nạp thuốc nổ từ thiết bị trộn vào phễu của thiết bị).

Bước 4: Khởi động chạy hệ thống đóng gói. Các gói thuốc nổ ANFO D90 và D80 thành phẩm được buộc đầu và đóng bao D90-24kg/bao (08 gói/bao) hoặc D80-24kg/bao (12 gói/bao).

Bước 5: Kết thúc ca/ngày làm việc. tháo dây hơi khí nén và ngắt nguồn điện ra khỏi thiết bị. Di chuyển thiết bị ra khỏi vị trí sản xuất để thực hiện công tác vệ sinh và bảo dưỡng phục vụ cho ca/ngày làm việc tiếp theo. Vệ sinh sạch sẽ công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất và nền nhà xưởng khu vực sản xuất.

#### VI. Quy trình vận hành máy nén khí Piston.

##### 1. Chuẩn bị.

- Kiểm tra cấp nguồn điện cho máy nén khí.
- Kiểm tra toàn bộ máy móc thiết bị như: Áp kế, van an toàn, các loại van trên hệ thống đường ống dẫn hơi và kiểm tra van xả nước ngưng trong bình chứa khí nén.
- Kiểm tra hộp bao che dây curoa, dây tiếp đất động cơ, mức dầu bôi trơn máy nén ở mức cho phép. 



## 2. Vận hành.

- Đóng cầu dao điện, ấn nút khởi động máy chạy, chú ý các biểu hiện bất thường trong quá trình chạy máy.

- Mở van cung cấp khí nén.

- Trong quá trình hoạt động thường xuyên kiểm tra động cơ, hoạt động của máy nén.

- Khi hoạt động có hiện tượng gì bất thường, người vận hành phải dừng máy và báo cho cán bộ phụ trách.

- Trong một ca/ngày tối thiểu kiểm tra cường chế sự hoạt động của van an toàn 01 lần. Chú ý sự hoạt động của role áp suất theo đúng trị số chỉ định.

- Không vận hành máy quá thông số quy định của Cơ quan đăng kiểm.

## 3. Kết thúc vận hành.

- Ngắt cầu dao điện.

- Kết thúc ca/ngày sản xuất công nhân vận hành phải kiểm tra vệ sinh sạch sẽ máy móc thiết bị và xả đáy bình chứa khí nén tránh nước ngưng tụ lâu trong bình gây oxy hóa bình chứa khí nén.

- Ghi chép các thông số vận hành và các diễn biến kỹ thuật vào sổ nhật ký vận hành.

## 4. Quy trình sử lý sự cố.

### 4.1. Máy nén không hoạt động.

- Kiểm tra điểm tiếp xúc của các cầu dao, công tắc điện. Kiểm tra hệ thống cầu chì.

- Kiểm tra các đường dây điện và điểm tiếp xúc các mối nối.

- Kiểm tra các cơ cấu bảo vệ như: Role, công tắc tơ ...

### 4.2. Máy nén chạy mãi không ngừng.

- Kiểm tra áp suất trong bình.

- Kiểm tra van an toàn xem có hơi xì ra ngoài không.

- Kiểm tra hệ thống tự động điều khiển máy nén.

- Kiểm tra máy nén.

### 4.3. Khi bình chứa khí bị rò rỉ, xì nước hoặc hơi ở các mối hàn, mối nối.

- Tắt máy nén.

- Mở van xả để hạ áp suất trong bình xuống.

- Kiểm tra xem xét để tìm nguyên nhân xì, rò rỉ và cách khắc phục (nếu được). Không được sửa chữa, thay thế các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình đang làm việc hoặc còn áp suất.

- Báo cáo cho cấp trên biết để quyết định cho hoạt động tiếp hoặc ngưng máy sửa chữa, thay thế.

### 5. Chế độ bảo dưỡng định kỳ bình chứa khí nén.

- Định kỳ trong ca, xả nước ngưng trong bình qua van xả đáy, khi xả nước để bình ở áp suất dưới 4 at.

- Thường xuyên vệ sinh các cánh giải nhiệt ở đầu máy nén và thân bình sau mỗi ca làm việc.

- Mỗi tuần làm vệ sinh bộ lọc bụi ít nhất một lần.

- Hàng tháng kiểm tra độ nhớt của dầu bôi trơn máy nén. Nếu dầu mất độ nhớt, phải thay dầu mới và xúc rửa bộ lọc dầu.

- Kiểm tra role áp suất, làm vệ sinh bên trong và ở các tiếp điểm.

- Định kỳ 06 tháng vệ sinh thông rửa bên trong bình chứa 01 lần.

### VII. Quy trình bao gói sản phẩm.

1. Đóng bao thuốc nổ ANFO loại 25kg và loại 40kg (hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng)

- Các bao chứa thuốc nổ phải khô ráo trước khi mang đóng thuốc nổ.

- Chỉ sử dụng những bao có đủ và đúng nhãn hiệu theo quy định để chứa thuốc nổ.

- Dùng tay để lồng túi PE vào trong bao dứa (bao PP), mỗi bao chứa thuốc nổ sử dụng từ 01 ÷ 02 túi PE tùy theo yêu cầu bảo quản, vận chuyển. Gấp phần thừa của túi PE ra ngoài bao PP. Khi lồng túi PE vào bao PP phải loại bỏ những túi bị thủng, rách để tránh thất thoát dầu DO trong quá trình bảo quản.

- Dùng con dấu in ca/ngày, tháng, năm sản xuất vào mặt in chữ của bao PP, cỡ phù hợp với cỡ chữ in sẵn trên vỏ bao.

- Chuyển các bao đã lồng đủ túi PE và đã in đủ ca/ngày, tháng, năm sản xuất ra vị trí đóng sản phẩm.

- Cài bao vào 2 phanh hãm của cân bán tự động sao cho chắc chắn và thực hiện thao tác đóng bao. Khi sản phẩm rơi qua cân vào bao đã đủ trọng lượng, cân tự ngắt. Hai công nhân hạ bao thuốc và đưa đến vị trí cân kiểm tra.

- Sử dụng loại cân đã được kiểm định để kiểm tra trọng lượng bao thuốc nổ. Mỗi bao chỉ đóng 25kg, 40kg thuốc nổ hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng, khi đóng đủ khối lượng thuốc phải đặt phiếu hướng dẫn sử dụng vào trong túi PE của bao thuốc.

- Dùng dây rứa (hoặc dây rút) buộc kín miệng túi PE từ túi trong đến túi ngoài, trước khi buộc phải chú ý đuôi bốt không khí ra ngoài và gấp đầu túi lại để tránh hút ẩm. Vị trí buộc dây cách miệng túi PE từ 5 ÷ 7cm. Chuyển những bao thuốc này ra vị trí khâu bao.

- Đặt bao thuốc ngay ngắn ở vị trí thẳng đứng, dùng máy khâu bao để may miệng bao PP lại. Đường may (cách miệng bao PP từ 5 ÷ 7cm) phải thẳng, đều và kín hết miệng bao. Cắm kéo lê quãng quạt bao thuốc nổ trong quá trình bao gói.

- Đóng dấu KCS lên các bao đạt yêu cầu.

- Vận chuyển những bao thuốc đã được đóng xong xếp lên ô tô và nhập vào kho hoặc có thể xuất thẳng đến nơi sử dụng.

- Hết ca/ngày làm việc phải đem nhập kho toàn bộ số thuốc sản xuất được, cấm không được để thuốc nổ lưu tại phân xưởng sản xuất.

- Ghi vào sổ theo dõi lượng thuốc sản xuất được trong ca/ngày và vệ sinh sạch sẽ máy móc, thiết bị, khu vực sản xuất.

- Trong quá trình bao gói sản phẩm phải tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của nhân viên kỹ thuật. Những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn quy định phải được bao gói lại cho đảm bảo trước khi nhập kho.

## 2. Đóng bao thuốc nổ thành túi định dạng.

- Các bao chứa thuốc nổ phải khô ráo trước khi mang đóng thuốc nổ.

- Chỉ sử dụng những bao có đủ và đúng nhãn hiệu theo quy định để chứa thuốc nổ.

- Dùng tay để lồng túi PE vào trong bao dứa (bao PP), mỗi bao chứa thuốc nổ sử dụng từ một đến hai túi PE tùy theo yêu cầu bảo quản, vận chuyển. Gấp phần thừa của túi PE ra ngoài bao PP. Khi lồng túi PE vào bao PP phải loại bỏ những túi bị thủng, rách để tránh thất thoát dầu DO trong quá trình bảo quản.

- Dùng con dấu in ca/ngày tháng năm sản xuất vào mặt in chữ của bao PP được sử dụng để chứa các túi thuốc nổ ANFO nhỏ, cỡ phù hợp với cỡ chữ in sẵn trên vỏ bao.

- Đối với các bao bì định dạng thời không ghi nhãn thì sử dụng con dấu in Tên công ty và Đơn vị sản xuất lên trên bao bì chứa cỡ chữ phù hợp với kích thước của bao bì.

- Chuyển các bao đã lồng đủ túi PE và đã ghi đủ ca, ngày, tháng, năm sản xuất ra vị trí đóng sản phẩm.

- Tháo sản phẩm từ phễu chứa (qua cân bán tự động) vào thùng chứa được đặt trên xe đẩy. Khi sản phẩm đầy thùng chứa (khoảng 90% thể tích thùng) thì ngừng xả và đẩy xe chứa sản phẩm ra vị trí đóng túi.

- Dùng ca (gáo) bằng inox hoặc nhựa xúc sản phẩm vào thùng định lượng cho mỗi loại túi chứa sản phẩm đặt sẵn trên cân. Mỗi cân chỉ đặt một thùng định lượng bằng inox hoặc bằng nhựa PVC.

- Sử dụng loại cân đã được kiểm định theo quy định để cân thuốc nổ. Mỗi túi chỉ đóng đủ lượng thuốc nổ tùy theo quy cách đã ghi ngoài vỏ túi thuốc.

- Dùng hai tay đưa miệng túi thuốc vào đáy phễu đóng thuốc và đổ lượng thuốc nổ đã cân đủ trong thùng định lượng vào phễu đóng thuốc. Chuyển túi thuốc sang bộ phận bao gói.

- Dồn chặt túi thuốc, sau đó dùng dây buộc kín miệng túi PE và PP từ túi trong đến túi ngoài, trước khi buộc phải chú ý đuổi hết không khí ra ngoài và gấp đầu túi lại để tránh hút ẩm. Vị trí buộc dây phải sát với thuốc nổ trong túi.

- Đóng dấu KCS lên các bao/túi thuốc đạt yêu cầu

- Vận chuyển những bao/túi thuốc đã được đóng xong đi nhập vào kho hoặc có thể xuất thẳng đến nơi sử dụng.

- Hết ca/ngày làm việc phải đem nhập kho toàn bộ số thuốc sản xuất được, cấm không được để thuốc nỏ lưu tại phân xưởng sản xuất.

- Ghi vào sổ theo dõi lượng thuốc sản xuất được trong ca/ngày và vệ sinh sạch sẽ máy móc, thiết bị, khu vực sản xuất.

- Trong quá trình bao gói sản phẩm phải tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của nhân viên kỹ thuật. Những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn quy định phải được bao gói lại cho đảm bảo trước khi nhập kho.

**PHẦN III**  
**QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT**  
**THUỐC NỔ ANFO**

**I. Tiêu chuẩn nguyên liệu sử dụng trong sản xuất thuốc nổ ANFO.**

Nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO trước khi đưa vào sản xuất phải được kiểm tra chất lượng và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại bảng dưới đây:

**1. Amoni nitrat hạt xốp ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$  hạt xốp).**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn	Ghi chú
1	Cảm quan	-	Dạng hạt màu trắng không thấy tạp chất	
2	Độ tinh khiết	%	$\geq 99,5$	
3	Độ ẩm	%	$\leq 0,3$	
4	Khối lượng riêng rời	$\text{g/cm}^3$	$0,73 \div 0,83$	
5	Cỡ hạt $0,5 \div 3,0$ mm, lọt sàng	%	$\geq 95$	
6	Khả năng hấp thụ dầu	%	$\geq 8$	
7	Cặn không tan trong nước	%	$\leq 0,15$	
8	Độ pH (dung dịch 10 %)	-	$4,5 \div 5,5$	
9	Độ bền cơ học	$\text{g/mm}^2$	$96 \div 153$	

**2. Dầu Diesel (DO).**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn	Ghi chú
1	Cảm quan	-	Dạng lỏng màu vàng sáng không thấy tạp chất	
2	Tỷ trọng ở $15^\circ\text{C}$	$\text{g/cm}^3$	$0,82 \div 0,86$	
3	Hàm lượng lưu huỳnh	%	$\leq 0,05$	
4	Cặn cacbon của 10% cặn chung cất	%	$\leq 0,3$	
5	Độ nhớt động học ở $40^\circ\text{C}$	Cst	$2,0 \div 4,5$	
6	Độ tro	%	$\leq 0,02$	
7	Điểm chớp cháy cốc kín	$^\circ\text{C}$	$\geq 55$	

**II. Chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử.**

**1. Chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử của ANFO.**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiêu chuẩn	P/Phương thử
1	Khả năng sinh công bằng bom chì	$\text{cm}^3$	$320 \div 330$	TCVN 6423:1998
2	Sức nén trụ chì	mm	$\geq 15$	TCVN 6421:1998
3	Tốc độ nổ	m/s	$3.500 \div 4.500$	TCVN 6422:1998
4	Khối lượng riêng rời	$\text{g/cm}^3$	$0,8 \div 0,9$	QCVN 04:2012/BCT
5	Thời hạn bảo đảm	Ngày	90	QCVN 04:2012/BCT

*Do*

## 2. Quy định về kiểm tra, thử nghiệm.

- Thuốc nổ ANFO được kiểm tra thử nghiệm theo quy định tại quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Khối lượng kiểm tra chất lượng theo lô sản phẩm thực hiện theo quy trình kiểm soát quá trình công nghệ trong sản xuất thuốc nổ ANFO trên dây chuyền thiết bị tĩnh sản xuất thuốc nổ ANFO.

- Khi có nghi ngờ về chất lượng sản phẩm sản xuất ra, sẽ kiểm tra thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật có nghi ngờ, theo yêu cầu cụ thể bằng văn bản của người sản xuất hoặc của người sử dụng.

- Ngoài ra phải thường xuyên kiểm tra độ chính xác của các dụng cụ đo lường, để đảm bảo khối lượng các nguyên liệu đưa vào phối trộn thuốc nổ đúng theo tỷ lệ quy định.

**PHẦN IV:**  
**CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO**  
**TRÊN DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ TỈNH**

**I. QUY ĐỊNH AN TOÀN CHUNG TRONG SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO:**

1. Những người trực tiếp tham gia sản xuất thuốc nổ ANFO phải có những hiểu biết cơ bản về thuốc nổ, hiểu biết và vận hành thành thạo thiết bị sản xuất; phải được huấn luyện về quy trình sản xuất, quy trình kiểm soát quá trình công nghệ, quy phạm an toàn và phải qua sát hạch đạt yêu cầu mới được tham gia sản xuất.

2. Khi làm việc mọi người phải mang đủ quần áo BHLĐ đã được trang bị.

3. Trong quá trình sản xuất, vận chuyển thuốc nổ phải thực hiện đầy đủ các quy định an toàn theo quy chuẩn QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

Sản phẩm sau khi nhập kho phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy chuẩn QCVN 04 : 2012/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ ANFO.

4. Tất cả các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều phải được kiểm tra đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật.

5. Sau khi kết thúc đợt sản xuất các nguyên liệu còn dư trên thiết bị đều phải xả ra hết cân kiểm tra lại cho nhập kho, cấm không được để lưu nguyên liệu, thuốc nổ trên thiết bị. Thuốc nổ của ca/ngày sản xuất nào phải được chuyển đi nhập kho ngay ca/ngày đó.

6. Cấm không được tự ý xử lý thuốc phế phẩm hoặc rơi vãi không sử dụng được nữa. Những loại thuốc này phải được tập trung lại và có phương án hủy trên cơ sở được Giám đốc Công ty duyệt.

7. Tất cả CBCNV cố tình vi phạm những quy định trên thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị thi hành kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

**II. QUY ĐỊNH AN TOÀN VẬN HÀNH MÁY KHÂU BAO TRONG**  
**SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO:**

1. Chỉ những người đã được đào tạo và được giao nhiệm vụ mới được vận hành máy khâu bao. Trong khi làm việc phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

2. Trước khi vận hành máy phải kiểm tra dầu bôi trơn các cơ cấu truyền động ở trạng thái bình thường, các cần gạt, nút, vít điều chỉnh và các bộ phận khác phải ở vị trí đúng. Không có vật lạ trên máy hoặc ở gần các cơ cấu dẫn động có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động của máy.

3. Kiểm tra vỏ bọc dây dẫn điện (lớp bảo vệ cách điện phải nguyên vẹn không bị trầy xước), kiểm tra cách điện máy (dùng đồng hồ hoặc bút thử điện để kiểm tra).



4. Không đặt tay dưới kim khi bấm công điện hoặc khi máy đang hoạt động.
5. Không đưa tay, để tóc hoặc đặt bất cứ vật gì gần cơ cấu cuốn chỉ hoặc động cơ khi máy đang hoạt động.
6. Phải ngắt nguồn điện vào máy trước khi sửa chữa hoặc tiến hành thay chỉ. Không đưa tay vào nắp cơ cấu thu chỉ khi máy đang hoạt động, chú ý động tác khi đưa đầu bao tránh để kim đâm vào tay.
8. Khi phát hiện máy có hiện tượng lạ hoặc làm việc không bình thường cần dừng máy để kiểm tra, nếu cần thì điều chỉnh sửa chữa hoặc báo cho người phụ trách biết.
9. Kết thúc sản xuất phải ngắt máy khỏi nguồn điện, lau chùi vệ sinh máy sạch sẽ và che đậy máy chống bụi bẩn sau một ca làm việc.
10. Tất cả CBCNV cố tình vi phạm những quy định trên thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị thi hành kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

### III. QUY ĐỊNH AN TOÀN VẬN HÀNH BĂNG TẢI TRONG SẢN XUẤT THUỐC NỖ ANFO:

1. Chỉ những người đã được học tập nghiệp vụ về kỹ thuật vận hành băng tải, được huấn luyện an toàn, sát hạch đạt yêu cầu và được phân công nhiệm vụ mới được phép vận hành băng tải.
2. Tất cả mọi người khi làm việc ngoài chứng chỉ đào tạo theo yêu cầu của từng công việc thì phải được huấn luyện về an toàn tiếp xúc với VLNCN đạt yêu cầu. Công nhân vận hành băng tải phải sử dụng đầy đủ các trang bị BHLĐ phù hợp và có sức khoẻ tốt.
3. Yêu cầu vị trí đặt băng tải bằng phẳng và nền có độ cứng nhất định. Kiểm tra tiếp mát đảm bảo đã nối với hệ thống tiếp địa an toàn.
4. Trước khi làm việc phải tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống máy (hệ thống điện, đèn báo, bulông, rulô, con lăn ...). Nếu đảm bảo an toàn thì cho phép đóng điện để kiểm tra vận hành băng tải ở trạng thái động. Vận hành chạy không tải băng tải đến khi ổn định thì tiến hành sản xuất.
5. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên túc trực để theo dõi tình hình hoạt động của máy. Khi phát hiện thấy máy hoạt động không bình thường hoặc có những sự cố bất thường phải tắt máy ngay (cắt điện), giữ nguyên hiện trường và báo cáo cấp trên xin ý kiến chỉ đạo xử lý.
6. Khi kết thúc công việc phải cắt nguồn điện vào máy và thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh công nghiệp.
7. Tất cả CBCNV cố tình vi phạm những quy định trên thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị thi hành kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.





#### IV. QUY ĐỊNH AN TOÀN VẬN HÀNH MÁY NÉN KHÍ TRONG SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO:

##### A. ĐỐI VỚI MÁY NÉN KHÍ PISTON.

Để sử dụng máy nén khí an toàn, khi vận hành sử dụng phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Máy nén khí phải đặt xa nguồn nhiệt ít nhất 5 mét. Không đặt máy trong vùng có khí có khả năng tự bốc cháy hay hỗn hợp khí có nguy cơ cháy nổ cao.
2. Khu vực đặt máy phải sạch sẽ, khô ráo, không có dầu mỡ hay hóa chất dễ cháy.
3. Chỉ những người có trách nhiệm và đã qua lớp vận hành an toàn máy nén khí mới được phép sử dụng.
4. Không được phép vận hành máy nén khí khi chưa lắp các hệ thống bảo vệ cơ cấu truyền động. Khi chưa kiểm định van an toàn, áp kế, rơle chống quá áp hay các cơ cấu an toàn tự động khác.
5. Việc đấu nối cho động cơ vào mạng điện phải được thực hiện qua cầu dao đóng ngắt điện có nắp bảo vệ.
6. Động cơ điện phải được nối đất, nối không.
7. Không vận hành máy khi chưa lắp bầu phân ly dầu hoặc bầu lọc khí (nếu có)
8. Không để áp suất và công suất máy dao động đột ngột.
9. Không được tự ý di dời và sử dụng máy nén khí vào mục đích khác mà chưa được sự đồng ý của người quản lý.
10. Khi có hư hỏng các bộ phận chịu áp lực phải báo cho bộ phận có trách nhiệm sửa chữa, không tự ý sửa chữa.
11. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy nén khí.

Kiểm định bình chịu áp lực, kiểm định van an toàn, áp kế đúng quy định. Tuân thủ nghiêm ngặt về áp suất sử dụng.

##### B. BÌNH CHỨA KHÍ NÉN.

1. Không cho phép sửa chữa bình và các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình làm việc.
2. Cấm chèn hãm, đưa thêm vật nặng hoặc dùng bất cứ biện pháp gì để tăng thêm tải trọng của van an toàn trong khi bình đang hoạt động.
3. Không cho phép sử dụng bình và phải lập tức dừng ngay hoạt động của bình trong các trường hợp sau đây:
  - Khi áp suất bình tăng quá áp suất cho phép mặc dù các yêu cầu quy định trong quy trình vận hành đều đảm bảo.
  - Khi các cơ cấu an toàn không hoạt động ổn định.

*Đo*

- Khi phát hiện thấy trong các bộ phận cơ bản của bình có vết nứt, có chỗ phồng, thành bình bị gỉ ăn mòn đáng kể, xì hơi hoặc chảy nước ở các mối hàn, rò rỉ các mối nối bằng bulong hoặc đinh tán, các miếng đệm bị xơ cứng, lão hóa ....

- Khi xảy ra cháy trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.

- Khi áp kế hư hỏng.

- Khi các nắp, các cửa không hoàn hảo, các chi tiết bắt chặt nắp bình bị hư hỏng hoặc không đủ số lượng.

- Khi các dụng cụ kiểm tra đo lường, các cụm cơ cấu an toàn hư hỏng hoặc thiếu so với quy định.

4. Tất cả CBCNV cố tình vi phạm những quy định trên thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị thi hành kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động./.



**PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 768 - VIMCERT 084**

Địa chỉ: QL 51, P.Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, T.Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3 893 757 Fax: (0254) 3876 636

Email: [lab@micconambo.com.vn](mailto:lab@micconambo.com.vn) Website: [micconambo.com.vn](http://micconambo.com.vn)**VILAS 768****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH****Mã số: 0522**Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**Địa điểm lấy mẫu: **Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu**Địa chỉ: **Áp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**Ngày lấy mẫu: **29/04/2022**Thời gian thử nghiệm: **29/4 ÷ 09/05/2022**Loại mẫu: **Nước thải**Số lượng: **02 mẫu**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>r</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			0522 -NT01	0522 -NT02		
1	pH <sup>(*)</sup>	-	5,95	6,89	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/L	174	58	100	TCVN 6625:2000
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(+)</sup>	mg/L	392	69	150	SMEWW 5220.C:2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/L	85	21	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Phospho (T-P) <sup>(*)</sup>	mg/L	5,73	1,08	6	SMEWW 4500 - P,B,E:2017
6	Tổng Nitơ (T-N) <sup>(*)</sup>	mg/L	56,7	3,2	40	TCVN 6638:2000
7	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup>	mg/L	2,12	0,97	5	SMEWW 3111.B:2017
8	Dầu mỡ khoáng <sup>(+)</sup>	mg/L	19	5	10	SMEWW 5520.B,F:2017
9	Crôm (III) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=3)	KPH (MDL=3)	-	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017
10	Chì (Pb) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=1,7)	KPH (MDL=1,7)	500	SMEWW 3113.B:2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100mL	22 × 10 <sup>3</sup>	4,0 × 10 <sup>3</sup>	5.000	SMEWW 9221.B:2017

**Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 05 năm 2022**

Người lập

**Hoàng Văn Hải**

QA/QC

**Ngô Thị Thanh Minh**

Giám đốc



- Ký hiệu  
0522 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)  
0522 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
- Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (\*) Phương pháp thử nghiệm được công nhận Vilas
- (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận Vimcerts 084
- KPH: Không phát hiện
- MDL: giới hạn phát hiện
- (P): thông số gửi nhà thầu phụ.

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 768 - VIMCERT 084**

Địa chỉ: QL 51, P.Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, T.Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3 893 757 Fax: (0254) 3876 636

Email: lab@micconambo.com.vn Website: micconambo.com.vn



VILAS 768

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Mã số: 2922

Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**Địa điểm lấy mẫu: **Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu**

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 21/05/2022

Thời gian thử nghiệm: 22/05 ÷ 28/05/2022

Loại mẫu: Không khí, Nước thải

Số lượng: 03 Không khí; 02 nước thải.

**1. Không khí**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			QCVN 24:2016/ BYT thời gian tiếp xúc 8 giờ	QCVN 26:2016/ BYT mức lao động trung bình	QCVN 03:2019 /BYT Bảng 1	QCVN 02:2019/ BYT Bụi hô hấp: Nhóm 4	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			2922 - KK01	2922 - KK02	2922 - KK03					
1	Nhiệt độ <sup>(+)</sup>	°C	24,8	26,3	27,1	-	18 ÷ 32	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
2	Độ ẩm <sup>(+)</sup>	%	78,2	72,9	67,8	-	40 ÷ 80	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
3	Tốc độ gió <sup>(+)</sup>	m/s	0,3	0,4	0,6	-	0,2 ÷ 1,5	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
4	Độ ồn <sup>(+)</sup>	dBA	38,8	41,9	62,5	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2010
5	Độ rung <sup>(+)</sup>	dB	35,7	32,1	48,3	-	-	--	-	TCVN 6963:2001
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(*)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	246	219	428	-	-	-	4.000	TCVN 5067:1995
7	NO <sub>2</sub> <sup>(*)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	65	68	61	-	-	5.000	-	TCVN 6137:2009
8	SO <sub>2</sub> <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	69	71	77	-	-	5.000	-	TCVN 5971:1995
9	CO <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	6.781	6.516	6.951	-	-	20.000	-	HD/CO/NBMICCO-01
10	NH <sub>3</sub> <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOQ=33)	KPH (LOQ=33)	KPH (LOQ=33)	-	-	-	-	TCVN 5293:1995
11	Mùi	-	Không mùi	Không mùi	Không mùi	-	-	-	-	Cảm quan
12	Hydrocacbon (HC) <sup>(*)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (MDL=33)	KPH (MDL=33)	KPH (MDL=33)	-	-	-	-	NIOSH Method 1500

**2. Nước thải**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>r</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			2922 -NT01	2922 -NT02		
1	pH <sup>(*)</sup>	-	6,18	7,11	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/L	187	53	100	TCVN 6625:2000

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>r</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			2922 -NT01	2922 -NT02		
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup>	mg/L	298	41	150	SMEWW 5220.C:2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/L	247	39	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Phospho (T-P) <sup>(*)</sup>	mg/L	2,19	0,88	6	SMEWW 4500 - P,B,E:2017
6	Tổng Nitơ (T-N) <sup>(*)</sup>	mg/L	51,3	7,5	40	TCVN 6638:2000
7	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup>	mg/L	2,87	0,54	5	SMEWW 3111.B:2017
8	Dầu mỡ khoáng <sup>(+)</sup>	mg/L	14	4	10	SMEWW 5520.B,F:2017
9	Crôm (III) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=3)	KPH (MDL=3)	-	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017
10	Chì (Pb) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=1,7)	KPH (MDL=1,7)	500	SMEWW 3113.B:2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100mL	17 x 10 <sup>3</sup>	2,2 x 10 <sup>3</sup>	5.000	SMEWW 9221.B:2017

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 05 năm 2022

Người lập



Hoàng Văn Hải

QA/QC



Ngô Thị Thanh Minh

Giám đốc



Nguyễn Văn Thủy

MICCO

1. Ký hiệu

- 2922 - KK01: Kho chứa thuốc nổ (kho số 2)
- 2922 - KK02: Kho chứa thuốc nổ (kho số 6)
- 2922 - KK03: Phân xưởng sản xuất Anfo
- 2922 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể 1) sản xuất Anfo
- 2922 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể 3) sản xuất Anfo

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

- 3. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768
- 4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- 5. (\*) Phương pháp thử nghiệm được công nhận Vilas
- 6. (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận Vimcerts 084
- 7. KPH: Không phát hiện
- 8. LOQ: Giới hạn định lượng; MDL: giới hạn phát hiện
- 9. (P): thông số gửi nhà thầu phụ.

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 768 - VIMCERTS 084**

Địa chỉ: QL 51, P.Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, T.Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3 893 757 Fax: (0254) 3876 636

Email: [lab@micconambo.com.vn](mailto:lab@micconambo.com.vn) Website: [micconambo.com.vn](http://micconambo.com.vn)**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH****Mã số: 7222**Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**Địa điểm lấy mẫu: **Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu**

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 19/08/2022

Thời gian thử nghiệm: 20/8 ÷ 05/09/2022

Loại mẫu: Nước thải

Số lượng: 02 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>r</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			7222 -NT01	7222 -NT02		
1	pH <sup>(*)</sup>	-	6,31	7,19	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/L	191	53	100	TCVN 6625:2000
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup>	mg/L	417	73	150	SMEWW 5220.C:2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/L	93	38	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Phospho (T- P) <sup>(*)</sup>	mg/L	3,28	1,43	6	SMEWW 4500 - P,B,E:2017
6	Tổng Nitơ (T - N) <sup>(*)</sup>	mg/L	48,3	6,7	40	TCVN 6638:2000
7	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup>	mg/L	4,36	0,83	5	SMEWW 3111.B:2017
8	Dầu mỡ khoáng <sup>(+)</sup>	mg/L	15	6	10	SMEWW 5520.B,F:2017
9	Crôm (III) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL = 3)	KPH (MDL = 3)	-	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017
10	Chì (Pb) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL = 1,7)	KPH (MDL = 1,7)	500	SMEWW 3113.B:2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100mL	4,1 × 10 <sup>4</sup>	3,3 × 10 <sup>3</sup>	5.000	SMEWW 9221.B:2017

**Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 09 năm 2022**

Người lập

QA/QC

Giám đốc

**Hoàng Văn Hải****Ngô Thị Thanh Minh****Nguyễn Văn Châu**

- Ký hiệu  
7222 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)  
7222 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
- Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (\*) Phương pháp thử nghiệm được công nhận Vilas
- (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận Vimcerts 084
- KPH: Không phát hiện
- MDL: giới hạn phát hiện
- (P): thông số gửi nhà thầu phụ.

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 768 - VIMCERTS 084**

Địa chỉ: QL 51, P.Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, T.Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3 893 757 Fax: (0254) 3876 636

Email: [lab@micconambo.com.vn](mailto:lab@micconambo.com.vn) Website: [micconambo.com.vn](http://micconambo.com.vn)**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH****Mã số: 11422**Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**Địa điểm lấy mẫu: **Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu**

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2022

Thời gian thử nghiệm: 11/11 ÷ 23/11/2022

Loại mẫu: Không khí, Nước thải

Số lượng: 03 Không khí; 02 nước thải

**1. Không khí**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			QCVN 24:2016/ BYT thời gian tiếp xúc 8 giờ	QCVN 26:2016/ BYT mức lao động trung bình	QCVN 03:2019 /BYT Bảng 1	QCVN 02:2019/ BYT Bụi hô hấp: Nhóm 4	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			11422 - KK01	11422 - KK02	11422 - KK03					
1	Nhiệt độ <sup>(+)</sup>	°C	25,7	26,8	28,5	-	18 ÷ 32	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
2	Độ ẩm <sup>(+)</sup>	%	77,8	75,5	66,4	-	40 ÷ 80	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
3	Tốc độ gió <sup>(+)</sup>	m/s	0,6	0,9	0,8	-	0,2 ÷ 1,5	-	-	QCVN 46:2012/BTNMT
4	Độ ồn <sup>(+)</sup>	dBA	40,5	45,3	60,9	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2010
5	Độ rung <sup>(+)</sup>	dB	28,9	30,8	45,2	-	-	-	-	TCVN 6963:2001
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(+)(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	173	195	387	-	-	-	4.000	TCVN 5067:1995
7	NO <sub>2</sub> <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	62	68	74	-	-	5.000	-	TCVN 6137:2009
8	SO <sub>2</sub> <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	73	77	82	-	-	5.000	-	TCVN 5971:1995
9	CO <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	6.282	6.359	6.876	-	-	20.000	-	HD/CO/NBMICCO-01
10	NH <sub>3</sub> <sup>(+)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOQ=33)	KPH (LOQ=33)	KPH (LOQ=33)	-	-	-	-	TCVN 5293:1995
11	Mùi	-	Không mùi	Không mùi	Không mùi	-	-	-	-	Cảm quan
12	Hydrocarbon (HC) <sup>(P)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (MDL=33)	KPH (MDL=33)	KPH (MDL=33)	-	-	-	-	NIOSH Method 1500

**2. Nước thải**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>t</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			11422 - NT01	11422 - NT02		
1	pH <sup>(+)(+)</sup>	-	6,53	7,39	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(+)(+)</sup>	mg/L	157	82	100	TCVN 6625:2000

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT cột B; K <sub>q</sub> = 1, K <sub>r</sub> = 1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
			11422 - NT01	11422 - NT02		
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup> (+)	mg/L	251	67	150	SMEWW 5220.C:2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup> (+)	mg/L	129	32	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Phospho (T - P) <sup>(*)</sup> (+)	mg/L	2,84	1,63	6	SMEWW 4500 - P,B,E:2017
6	Tổng Nitơ (T - N) <sup>(*)</sup> (+)	mg/L	45,7	6,8	40	TCVN 6638:2000
7	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup> (+)	mg/L	3,26	1,55	5	SMEWW 3111.B:2017
8	Dầu mỡ khoáng <sup>(+)</sup>	mg/L	16	7	10	SMEWW 5520.B,F:2017
9	Crôm (III) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=3)	KPH (MDL=3)	-	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017
10	Chì (Pb) <sup>(P)</sup>	µg/L	KPH (MDL=1,7)	KPH (MDL=1,7)	500	SMEWW 3113.B:2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup> (+)	MPN/100mL	2,0 x 10 <sup>4</sup>	3,9 x 10 <sup>3</sup>	5.000	SMEWW 9221.B:2017

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Người lập



Hoàng Văn Hải

QA/QC



Ngô Thị Thanh Minh

P. Giám đốc



Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

- 11422 - KK01: Kho chứa thuốc nổ (kho số 2)
- 11422 - KK02: Kho chứa thuốc nổ (kho số 6)
- 11422 - KK03: Phân xưởng sản xuất Anfo
- 11422 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể 1) sản xuất Anfo
- 11422 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể 3) sản xuất Anfo

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

- 3. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768
- 4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- 5. (\*) Phương pháp thử nghiệm được công nhận Vilas
- 6. (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận Vimcerts 084
- 7. KPH: Không phát hiện
- 8. LOQ: Giới hạn định lượng; MDL: giới hạn phát hiện.
- 9. (P): thông số gửi nhà thầu phụ.





## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 2421

Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**

Địa điểm lấy mẫu: Cúm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 31/3/2021

Thời gian thử nghiệm: 31/3 ÷ 09/4/2021

Loại mẫu: Không khí, nước

Số lượng: 02 mẫu nước

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử
			2421 - NT01	2421 - NT02	
1	pH <sup>(*)</sup>		5,74	6,21	TCVN 6492 : 2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/l	85	43	TCVN 6625 : 2000
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup>	mg/l	32	23	SMEWW 5220.C : 2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/l	24	13	TCVN 6001 - 1 : 2008
5	Tổng Phospho (T - P) <sup>(*)</sup>	mg/l	1,48	0,89	SMEWW 4500 - P,B,E : 2017
6	Tổng Nitơ (T - N) <sup>(*)</sup>	mg/l	9,31	5,24	TCVN 6638 : 2000
7	Tổng Crom (Cr) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 3113.B : 2017
8	Chì (Pb) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 3113.B : 2017
9	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup>	mg/l	0,54	0,32	SMEWW 3111.B : 2017
10	Dầu mỡ khoáng <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	SMEWW 5520.B&F : 2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100ml	1,1 × 10 <sup>3</sup>	9,0 × 10 <sup>2</sup>	TCVN 6187 - 2 : 1996

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập

Từ Công Chung

Chăm sóc



- Ký hiệu  
2421 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)  
2421 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
- Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

- Các kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
- (\*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận
- (+) Các chỉ tiêu đạt chuẩn theo Quy chuẩn QCVN 084
- (2) Các chỉ tiêu theo Quy chuẩn QCVN 084
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện/ Phạm vi đo

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Mã số: 2421

Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**

Địa điểm lấy mẫu: Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 31/3/2021

Thời gian thử nghiệm: 31/3 ÷ 09/4/2021

Loại mẫu: Không khí, nước

Số lượng: 02 mẫu nước

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử
			2421 - NT01	2421 - NT02	
1	pH <sup>(*)</sup>	-	5,74	6,21	TCVN 6492 : 2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/l	85	43	TCVN 6625 : 2000
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup>	mg/l	32	23	SMEWW 5220.C : 2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/l	24	13	TCVN 6001 - 1 : 2008
5	Tổng Phospho (T - P) <sup>(*)</sup>	mg/l	1,48	0,89	SMEWW 4500 - P,B,E : 2017
6	Tổng Nitơ (T - N) <sup>(*)</sup>	mg/l	9,31	5,24	TCVN 6638 : 2000
7	Tổng Crôm (Cr) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 3113.B : 2017
8	Chì (Pb) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001))	SMEWW 3113.B : 2017
9	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup>	mg/l	0,54	0,32	SMEWW 3111.B : 2017
10	Dầu mỡ khoáng <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL= 0,3)	KPH (MDL= 0,3)	SMEWW 5520.B&F : 2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100ml	1,1 × 10 <sup>3</sup>	9,0 × 10 <sup>2</sup>	TCVN 6187 - 2 : 1996

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập

Từ Công Chung

1. Ký hiệu

2421 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)

2421 - NT02: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

3. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

Giám đốc

4. Các kết quả phân tích vượt so giá trị trên mẫu thử

5. (\*) Phương pháp thử nghiệm được VIMCERT 084 công nhận

6. (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận VIMCERTS 084

7. (2) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ VIMCERT 066

8. KPH: Không phát hiện

9. MDL: Ngưỡng phát hiện/ Phạm vi đo

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Mã số: 6621

Đơn vị yêu cầu: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ**

Địa điểm lấy mẫu: Cụm kho chứa VLNCN Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày lấy mẫu: 24/5/2021

Thời gian thử nghiệm: 24 ÷ 28/5/2021

Loại mẫu: Không khí, nước

Số lượng: 03 mẫu khí, 02 mẫu nước

**1. Không khí**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử
			6621 - KK01	6621 - KK02	6621 - KK03	
1	Nhiệt độ(*)	°C	32,7	33,1	32,5	QCVN 46 : 2012/BTNMT
2	Độ ẩm(*)	%	53,2	56,9	61,3	QCVN 46 : 2012/BTNMT
3	Tốc độ gió(*)	m/s	0,7	1,1	1,9	QCVN 46 : 2012/BTNMT
4	Độ ồn(*)	dBA	56,3	57,3	73,2	TCVN 7878 - 2 : 2010
5	Độ rung(*)	dB	43,7	42,6	44,8	TCVN 6963 : 2001
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	µg/m <sup>3</sup>	190,32	170,33	320,64	TCVN 5067 : 1995
7	NO <sub>2</sub> (*)	µg/m <sup>3</sup>	68,73	71,38	60,76	TCVN 6137 : 2009
8	SO <sub>2</sub> (*)	µg/m <sup>3</sup>	62,48	61,99	74,29	TCVN 5971 : 1995
9	CO(*)	µg/m <sup>3</sup>	6.370	6.130	6.230	HD/CO/NBMICCO-01
10	NH <sub>3</sub> (*)	µg/m <sup>3</sup>	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	TCVN 5293 : 1995

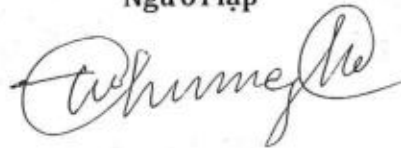
**2. Nước thải**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử
			6621 NT01	6621 NT02	
1	pH(*)	-	6,16	6,78	TCVN 6492 : 2011

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử
			6621 NT01	6621 NT02	
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(*)</sup>	mg/l	89	48	TCVN 6625 : 2000
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) <sup>(*)</sup>	mg/l	26	32	SMEWW 5220.C : 2017
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(*)</sup>	mg/l	15	11	TCVN 6001 - 1 : 2008
5	Tổng Phospho (T - P) <sup>(*)</sup>	mg/l	0,89	0,54	SMEWW 4500 - P,B,E : 2017
6	Tổng Nitơ (T - N) <sup>(*)</sup>	mg/l	9,58	5,73	TCVN 6638 : 2000
7	Crôm(Cr) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 3113.B : 2017
8	Chì(Pb) <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	SMEWW 3113.B : 2017
9	Sắt(Fe) <sup>(*)</sup>	mg/l	0,56	0,38	SMEWW 3111.B : 2017
10	Dầu mỡ khoáng <sup>(2)</sup>	mg/l	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	SMEWW 5520.B&F : 2017
11	Coliforms <sup>(*)</sup>	MPN/100ml	9,0 × 10 <sup>2</sup>	7,0 × 10 <sup>2</sup>	TCVN 6187 - 2 : 1996

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 5 năm 2019

Người lập



Từ Công Chung

Giám đốc



Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

- 6621 - KK01: Khu vực kho chứa thuốc nổ (kho số 2)
- 6621 - KK02: Khu vực kho chứa phụ kiện nổ (kho số 6)
- 6621 - KK03: Khu vực bên trong phân xưởng sản xuất Anfo
- 6621 - NT01: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)
- 6621 - NT02: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 3)

- 2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
- 3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

- 4. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768
- 5. (\*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận
- 6. (+) Các chỉ tiêu đạt chứng nhận Vimcerts 084
- 7. (1) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ Vimcert 066
- 8. KPH: Không phát hiện
- 9. MDL: Ngưỡng phát hiện/ Phạm vi đo



TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cơ Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN - MICCO NAM BỘ
- Địa điểm lấy mẫu : CỤM KHO CHỨA VLNCN BÀ RỊA - VŨNG TÀU
- Địa chỉ lấy mẫu : Ấp 6, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Ngày lấy mẫu : 01/12/2021
- Ngày trả kết quả : 14/12/2021
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	211202.KK.051	Khu vực kho chứa thuốc nổ (kho số 2)	Không khí lao động
2	211202.KK.052	Khu vực kho chứa phụ kiện nổ (kho số 6)	Không khí lao động
3	211202.KK.053	Khu vực bên trong phân xưởng sản xuất Anfo	Không khí lao động
4	211202.NT.051	Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)	Nước thải
5	211202.NT.052	Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 - 6/6

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TÂN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211202.KK.051)



STT	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799 : 2012	58,2
2	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 : 2009	33,1
3	Độ ẩm	%	TCVN 5508 : 2009	54,2
4	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 : 2009	1,1
5	Mức gia tốc rung <sup>(b)</sup>	dB	TCVN 6963 : 2001	44,2
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,21
7	Nito dioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,070
8	Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,087
9	Carbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO - 29	5,46
10	Amoniac (NH <sub>3</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293 : 1995	KPH (MDL = 0,013)

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 211202.KK.051: Khu vực kho chứa thuốc nổ (kho số 2)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 211202.KK.052)



STT	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 9799 : 2012	57,5
2	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 : 2009	33,2
3	Độ ẩm	%	TCVN 5508 : 2009	55,1
4	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 : 2009	1,2
5	Mức gia tốc rung <sup>(b)</sup>	dB	TCVN 6963 : 2001	45,6
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,23
7	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,061
8	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,077
9	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO - 29	5,71
10	Amoniac (NH <sub>3</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293 : 1995	KPH (MDL = 0,013)

**Chú thích:** (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 211202.KK.052: Khu vực kho chứa phụ kiện nổ (kho số 6)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 211202.KK.053)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799 : 2012	58,9
2	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 : 2009	33,5
3	Độ ẩm	%	TCVN 5508 : 2009	52,1
4	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 : 2009	1
5	Mức gia tốc rung <sup>(b)</sup>	dB	TCVN 6963 : 2001	46,3
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,25
7	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,074
8	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,12
9	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO - 29	5,18
10	Amoniac (NH <sub>3</sub> ) <sup>(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293 : 1995	KPH (MDL = 0,013)

**Chú thích:** (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 211202.KK.053: Khu vực bên trong phân xưởng sản xuất Anfo

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 211202.NT.051)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,12
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	80
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	54
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25
5	Tổng Photpho <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	1,08
6	Tổng Nito <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	10,6
7	Tổng Crom (Cr) <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0010)
8	Chì (Pb) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0010)
9	Sắt (Fe) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,63
10	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	KPH (MDL = 0,3)
11	Coliform <sup>(a,b)</sup>	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 <sup>3</sup>

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 211202.NT.051: Nước thải trước hệ thống xử lý (bể số 1)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02924/2021/PKQ-THH (21.6543)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211202.NT.052)



STT	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	
1	pH <sup>(b)</sup>	TCVN 6492:2011	6,82	
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	52
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	38
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16
5	Tổng Photpho <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,60
6	Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	8,36
7	Tổng Crom (Cr) <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0010)
8	Chì (Pb) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0010)
9	Sắt (Fe) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,38
10	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	KPH (MDL = 0,3)
11	Coliform <sup>(a,b)</sup>	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2,4 x 10 <sup>3</sup>

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 211202.NT.052: Nước thải sau hệ thống xử lý (bể số 3)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

**PHỤ LỤC 3****BẢN VẼ CÁC CÔNG TRÌNH BVMT TẠI CƠ SỞ**

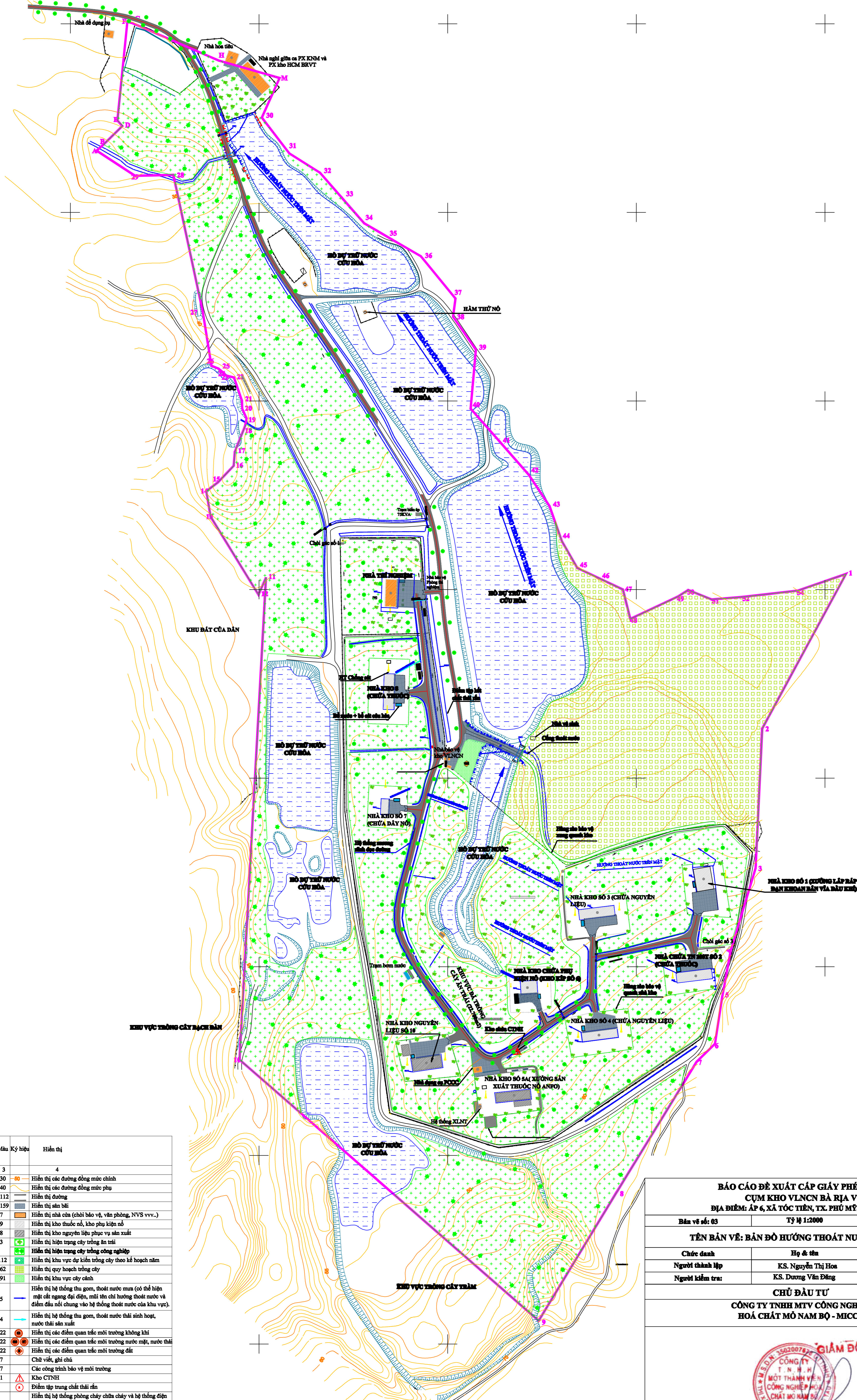
1. Bản đồ tổng mặt bằng kho chứa VLNCN Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Bản đồ quan trắc môi trường kho chứa
3. Bản vẽ hoàn công bể tự hoại số 1
4. Bản đồ hướng thoát nước tổng thể
5. Bản vẽ hoàn công bể tự hoại số 2
6. Bản vẽ hoàn công hệ thống mương rãnh trong kho chứa VLNCN BRVT
7. Bản vẽ hoàn công kho chứa Chất thải nguy hại tại cơ sở
8. Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải phân xưởng anfo
9. Bản vẽ thiết kế bể tập trung lưu trữ nước thải sinh hoạt
10. Bản vẽ sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị trong nhà xưởng
11. Bản vẽ sơ đồ 3D bố trí thiết bị trong nhà xưởng
12. Bản vẽ lưu trình công nghệ sản xuất thuốc nổ anfo bao gói





# BẢN ĐỒ HƯỚNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ

## ĐỊA ĐIỂM: ÁP 6, XÃ TỐC TIÊN, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU



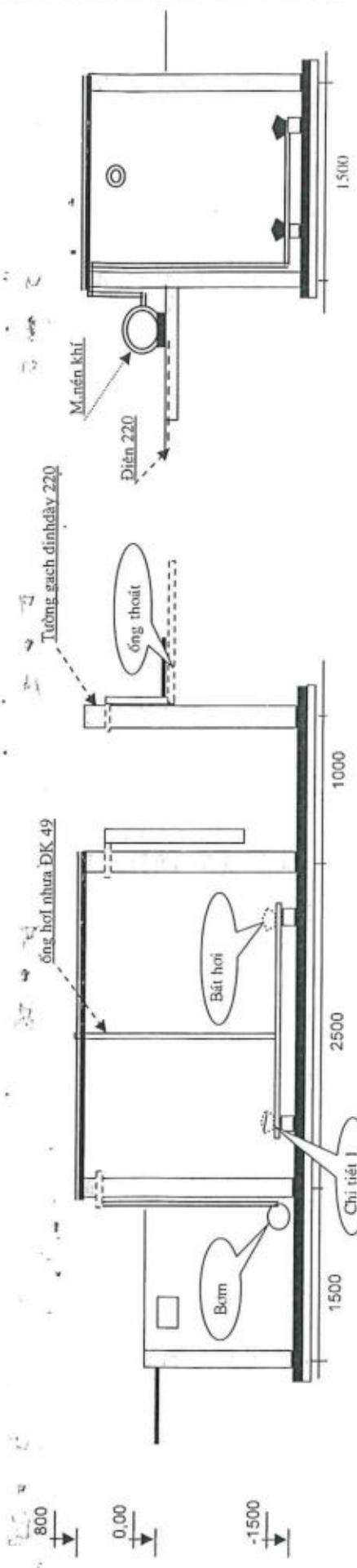
STT	Tên Layer	Màu	Ký hiệu	Hiện thị
1	DMchinh	30	—	Hiện thị các đường đồng mức chính
2	DMphu	40	—	Hiện thị các đường đồng mức phụ
3	Duong	112	—	Hiện thị đường
4	Sanbai	159	—	Hiện thị sân bãi
5	Nha	7	—	Hiện thị nhà cửa (chòi bảo vệ, văn phòng, NVS vvv...)
6	Khothuocno	9	—	Hiện thị kho thuốc nổ, kho phụ kiện nổ
7	Khonguyenliu	8	—	Hiện thị kho nguyên liệu phục vụ sản xuất
8	Caytrong_HT	3	—	Hiện thị hiện trạng cây trồng ăn trái
9	Caytrong_KH	112	—	Hiện thị hiện trạng cây trồng công nghiệp
10	Caytrong_QH	62	—	Hiện thị khu vực dự kiến trồng cây theo kế hoạch năm
11	Caycanh	91	—	Hiện thị quy hoạch trồng cây
12	Thoatnuocmat	5	—	Hiện thị khu vực cây cảnh
13	Thoatnuocthai	4	—	Hiện thị hệ thống thu gom, thoát nước mưa (có thể hiện mặt cắt ngang đại diện, mũi tên chỉ hướng thoát nước và điểm đầu nối chung vào hệ thống thoát nước của khu vực)
14	QTKK	22	—	Hiện thị hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất
15	QTN	22	—	Hiện thị các điểm quan trắc môi trường không khí
16	QTD	22	—	Hiện thị các điểm quan trắc môi trường nước mặt, nước thải
17	Text	7	—	Hiện thị các điểm quan trắc môi trường đất
18	BVMT	7	—	Chỉ viết, ghi chú
18.1		7	—	Các công trình bảo vệ môi trường
18.2		1	—	Kho CTNH
19	PCCC_Dien		—	Điểm tập trung chất thải rắn
20	Chidan_khung		—	Hiện thị hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống điện
21	Khac		—	Hiện thị chỉ dẫn và khung bản đồ
22	Hethongke_cong		—	Hiện thị các nội dung còn lại như: tường xây, rào gai...vv
23	Homuoc		—	Hiện thị các hồ chứa nước
24	Muonguoc		—	Hiện thị các mương thoát nước
25	Ranhuoc		—	Hiện thị các rãnh thoát nước

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỤM KHO VLNCN BÀ RỊA VŨNG TÀU**  
 ĐỊA ĐIỂM: ÁP 6, XÃ TỐC TIÊN, TX. PHÚ MỸ, T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

Bản vẽ số: 03	Tỷ lệ 1:2000	Tháng 08 năm 2023
<b>TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ HƯỚNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ</b>		
Chức danh	Họ & tên	Chữ ký
Người thành lập	KS. Nguyễn Thị Hoa	
Người kiểm tra:	KS. Dương Văn Đăng	

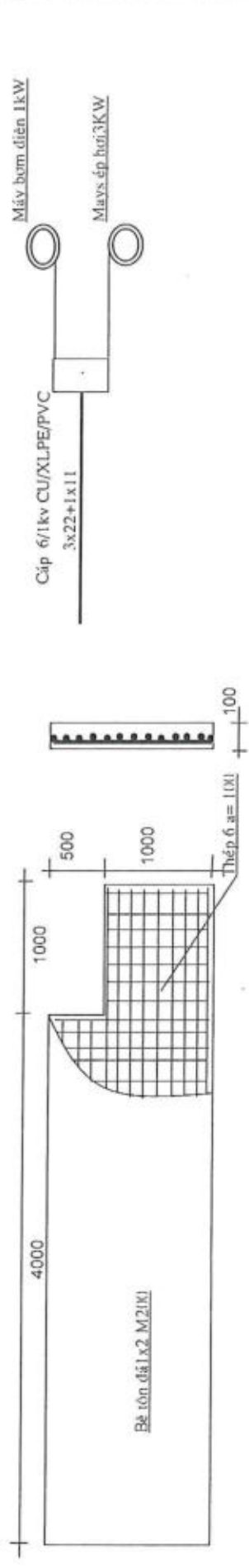
**CHỦ ĐẦU TƯ**  
**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP**  
**HOÁ CHẤT MÓ NAM BỘ - MICCO**

**GIÁM ĐỐC**  
  
**LÊ CÔNG ĐIỆN**

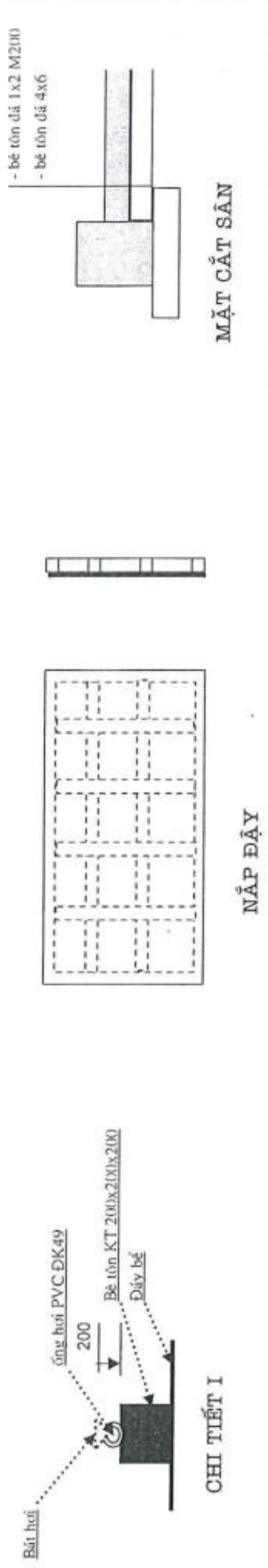


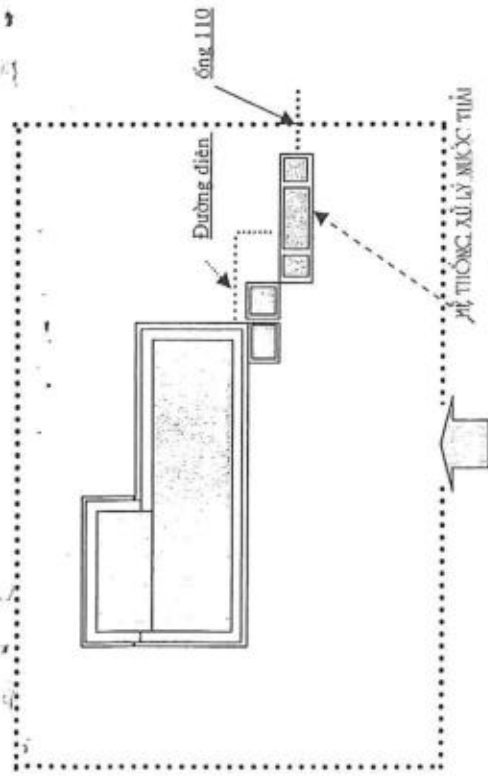
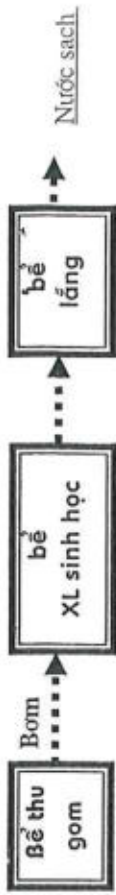
**MẶT CẮT A - A**

**CẮT B-B**



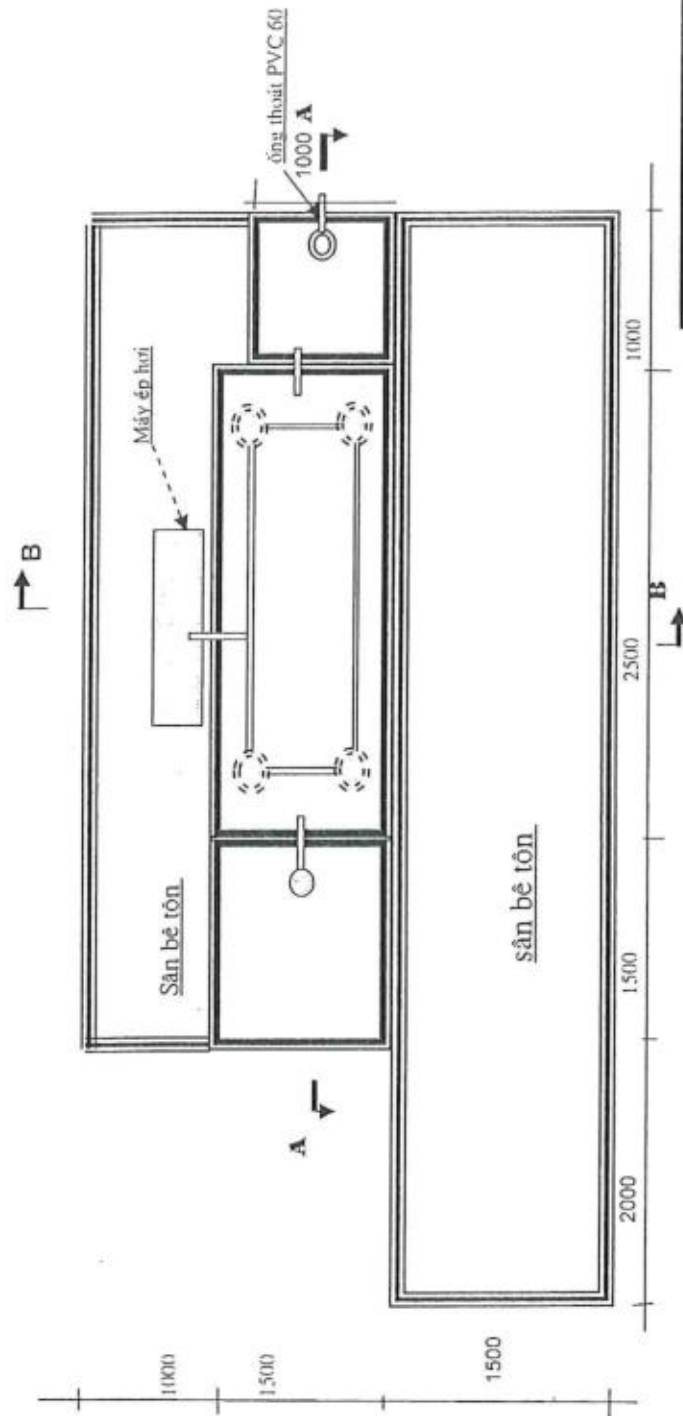
**CHI TIẾT BÊ TÔN ĐÁY BỂ**





MẶT BẰNG XƯỞNG

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

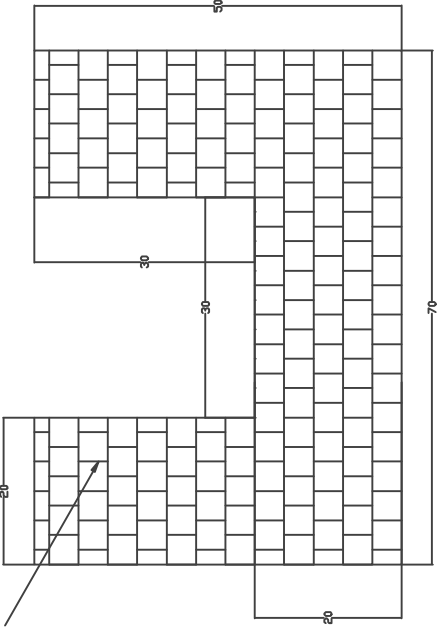


Hệ thống xử lý nước thải



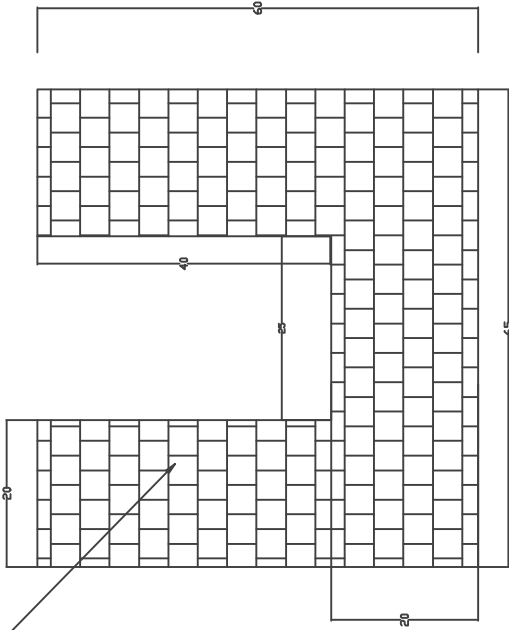
MẶT CÁT NGANG MƯƠNG THOÁT NƯỚC KHO SỐ 2, SỐ 6, SỐ 8

-GẠCH ĐỎ XÂY DÀY 20CM



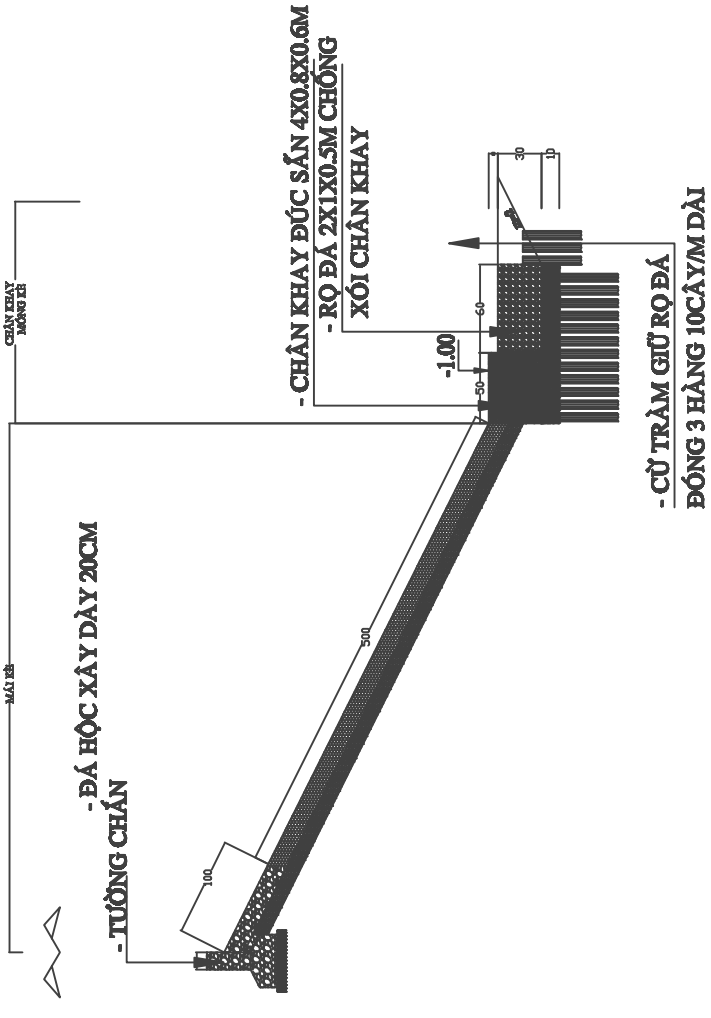
MẶT CÁT NGANG MƯƠNG THOÁT NƯỚC KHO SỐ 1

-GẠCH ĐỎ XÂY DÀY 20CM



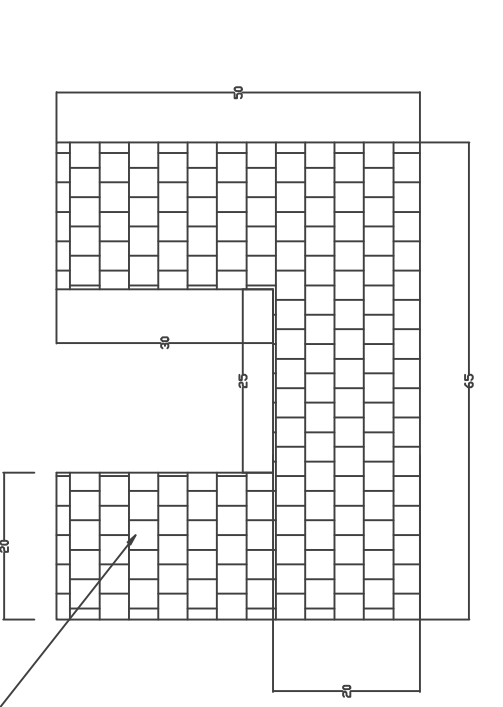
MẶT CÁT NGANG ĐẠI DIỆN KÈ CHỐNG SẠT LỎ

- ĐÁ HỘC XÂY DÀY 20CM  
- TƯỜNG CHẤM

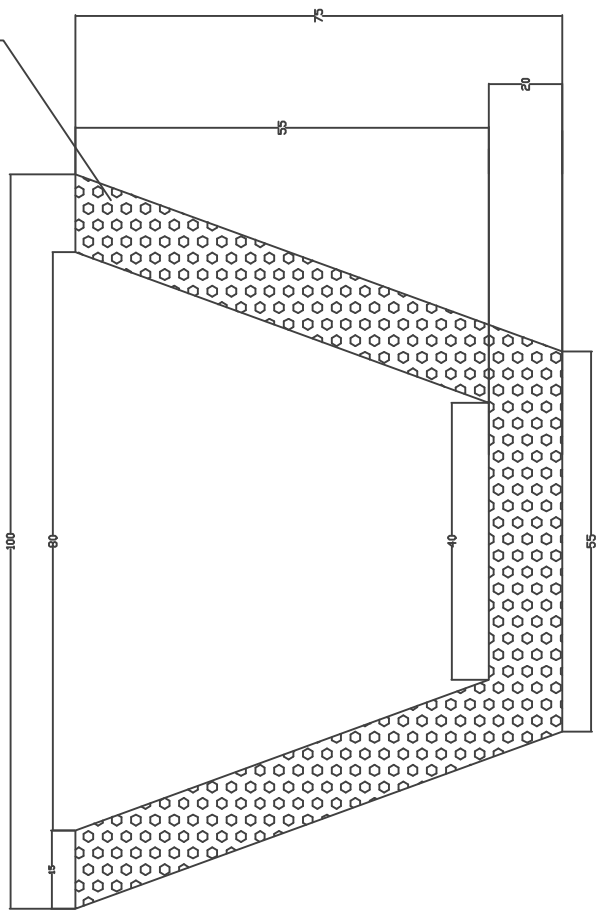


MẶT CÁT NGANG MƯƠNG THOÁT NƯỚC PHÒNG THÍ NGHIỆM

-GẠCH ĐỎ XÂY DÀY 20CM

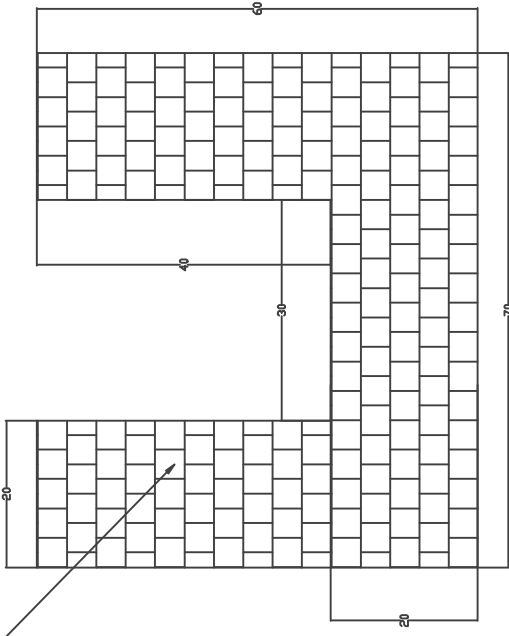


MẶT CÁT NGANG ĐẠI DIỆN RÁNH THOÁT NƯỚC NỘI BỘ KHO VLNCN DRVY  
- ĐÁ HỘC XÂY DÀY 15CM



MẶT CÁT NGANG MƯƠNG THOÁT NƯỚC KHO SỐ 10

-GẠCH ĐỎ XÂY DÀY 20CM



**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ NAM BỘ  
MICCO**

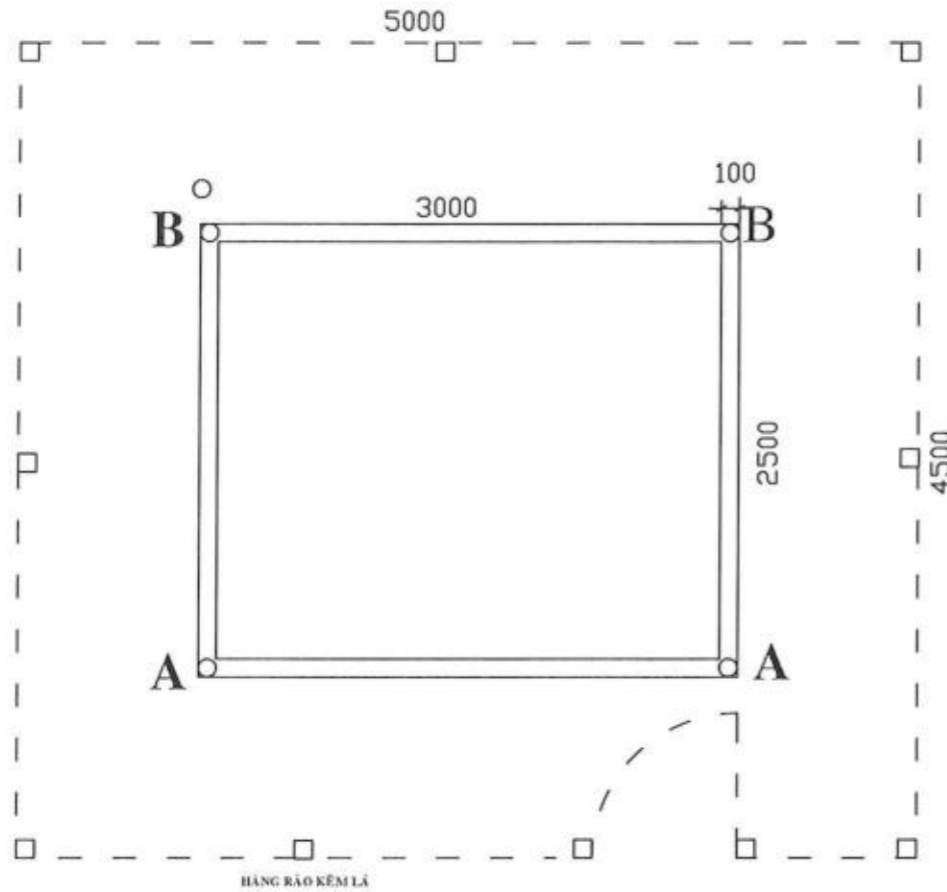
**TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG MƯƠNG RÁNH  
TRONG KHU VỰC KHO VLNCN BR-VT**

**ĐỊA CHỈ: ẤP 6, XÃ TỐC TIÊN, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BR-VT**

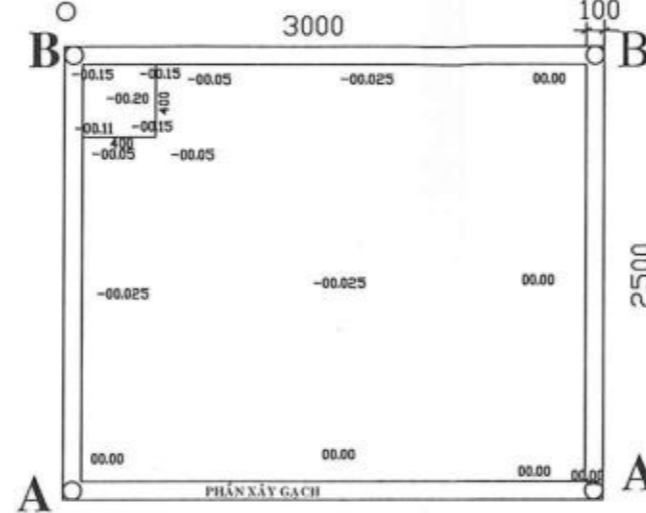
Người lập	Đặng Thị Huyền	Năm HT
Người kiểm tra	Nguyễn Viết Tùng	2018



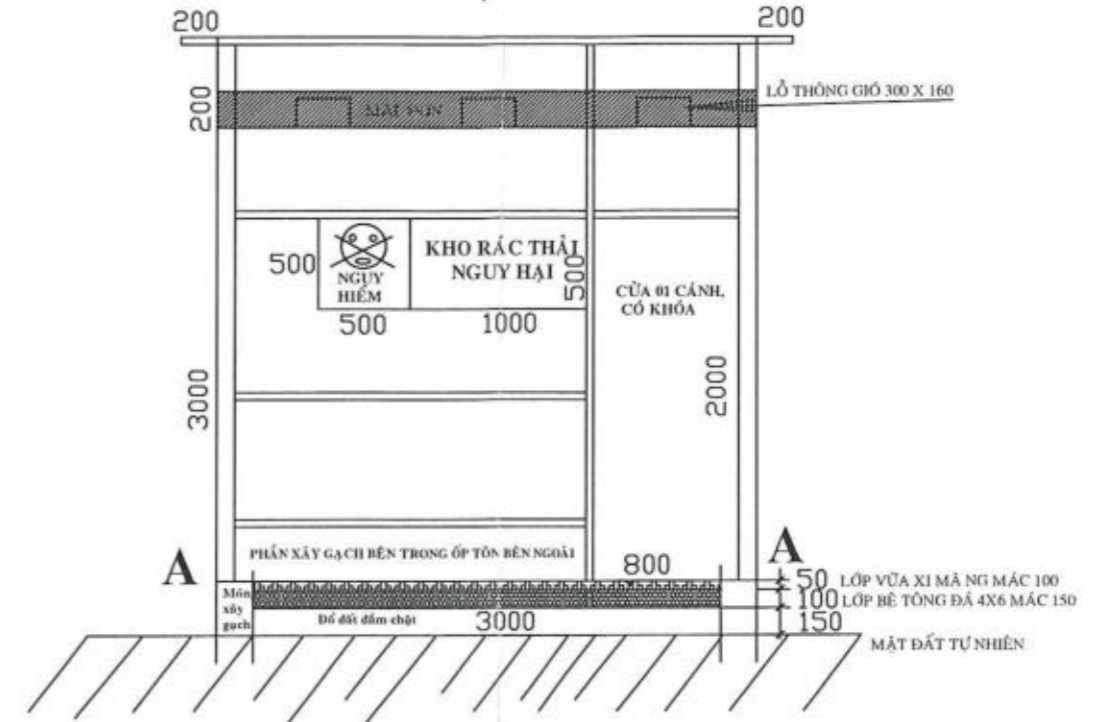
BẢN VẼ MẶT BẰNG



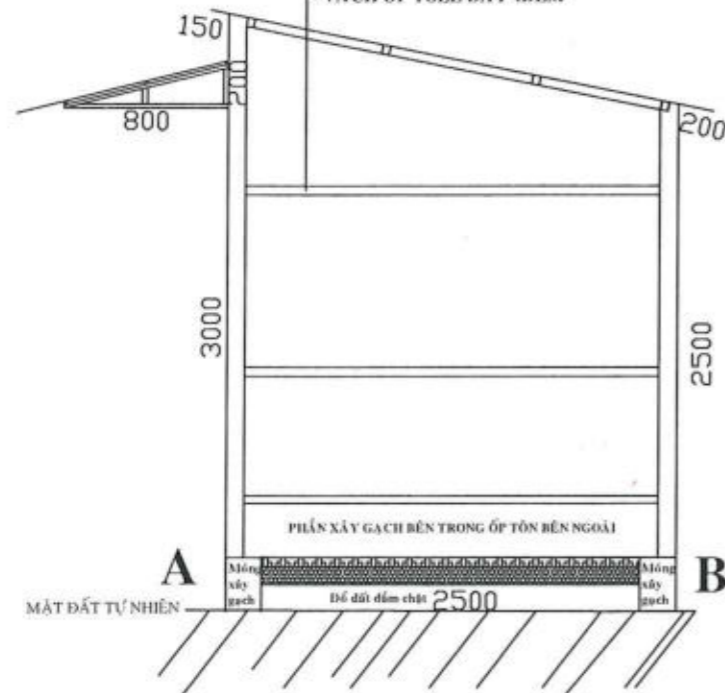
BẢN VẼ CAO ĐỘ NỀN



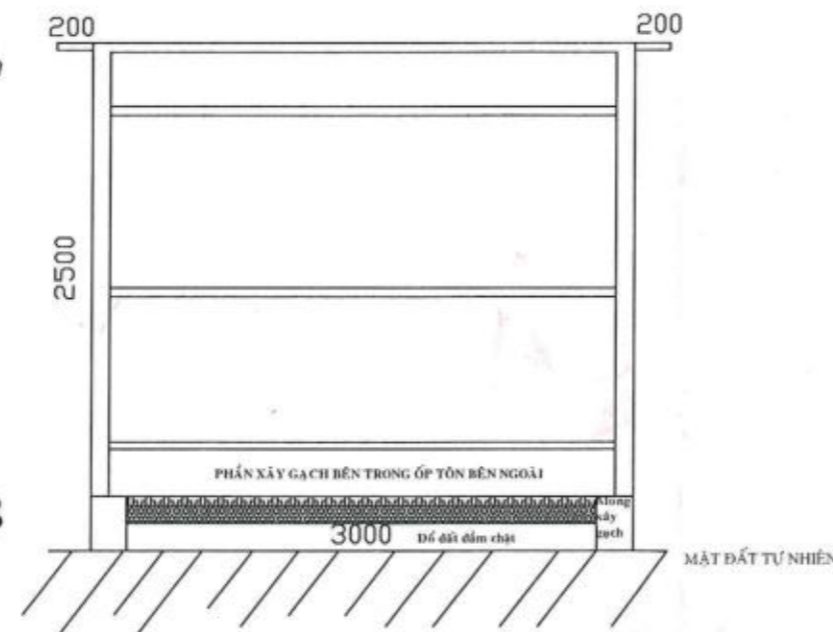
BẢN VẼ MẶT ĐỨNG A-A



- MÁI LỚP TOLE DẪY 4DEM
- XÀ GỖ THÉP HỘP 30\*60\*2
- KÈO THÉP HỘP 30\*60\*2
- XÀ GỖ VÁCH 30\*60\*2
- VÁCH ỐP TOLE DẪY 4DEM



BẢN VẼ MẶT ĐỨNG A-B



BẢN VẼ MẶT ĐỨNG B-B

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ NAM BỘ  
MICCO

TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG KHO CHỨA CHẤT THẢI  
NGUY HẠI TRONG KHU VỰC KHO VLNCN BR-VT

ĐỊA CHỈ: ẤP 6, XÃ TỐC TIÊN, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BR-VT

Người lập	Đặng Thị Huyền		Năm HT
Người kiểm tra	Nguyễn Viết Tùng		2018

GIÁM ĐỐC

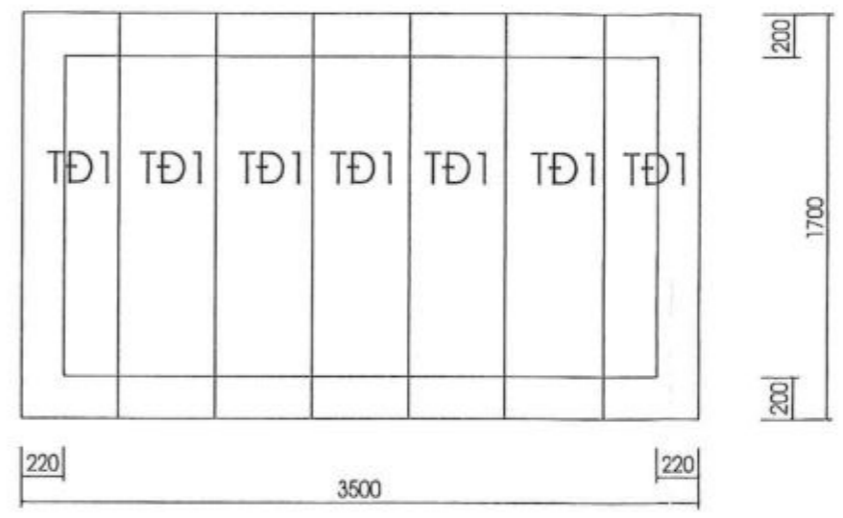


LÊ CÔNG ĐIỆN

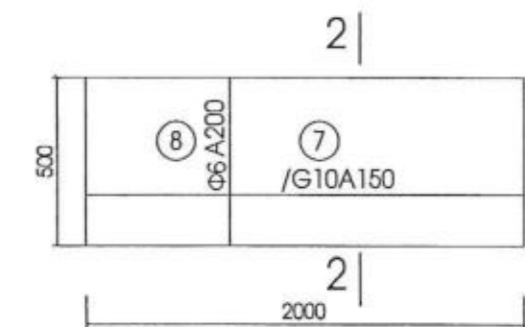
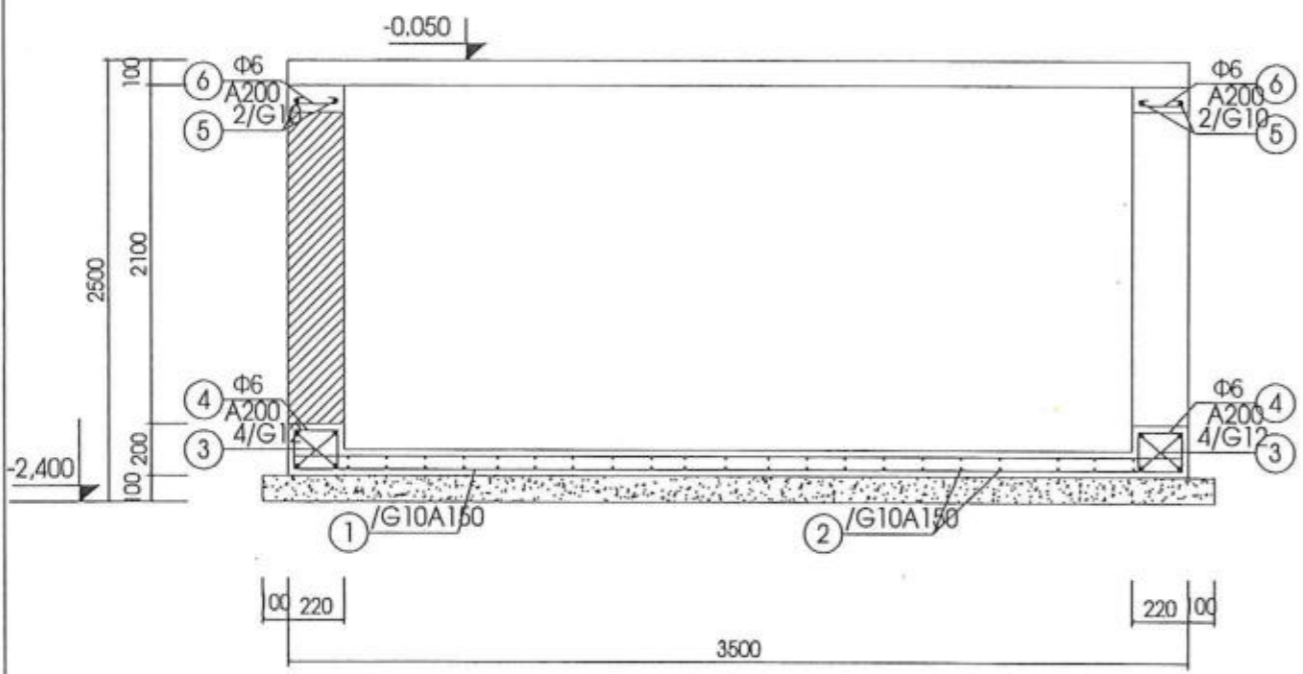




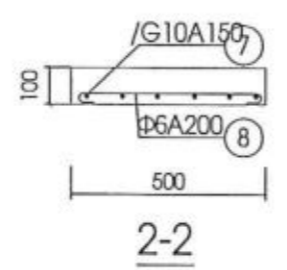
MẶT BẰNG BỂ CHỨA



MẶT BẰNG TẤM ĐAN BỂ CHỨA

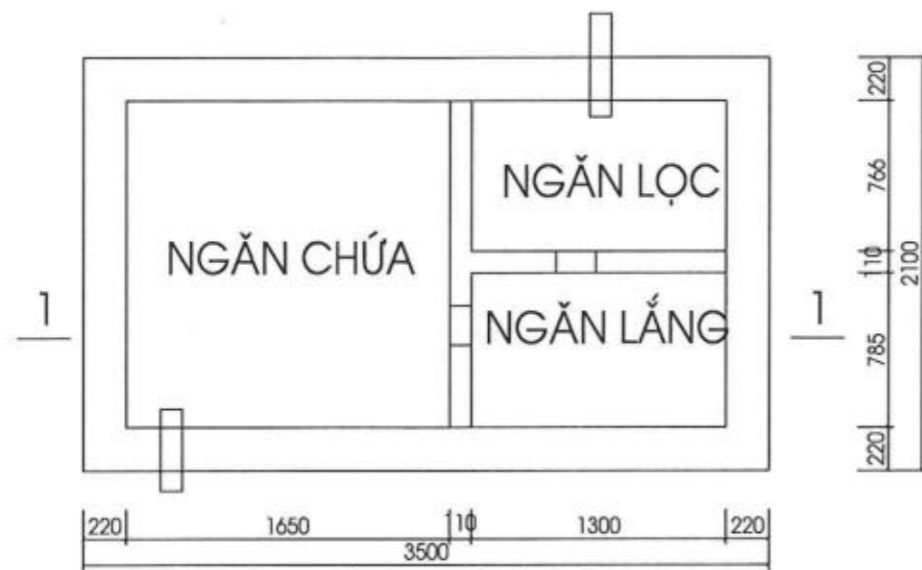


MẶT BẰNG THÉP TẤM ĐAN (SL:7)

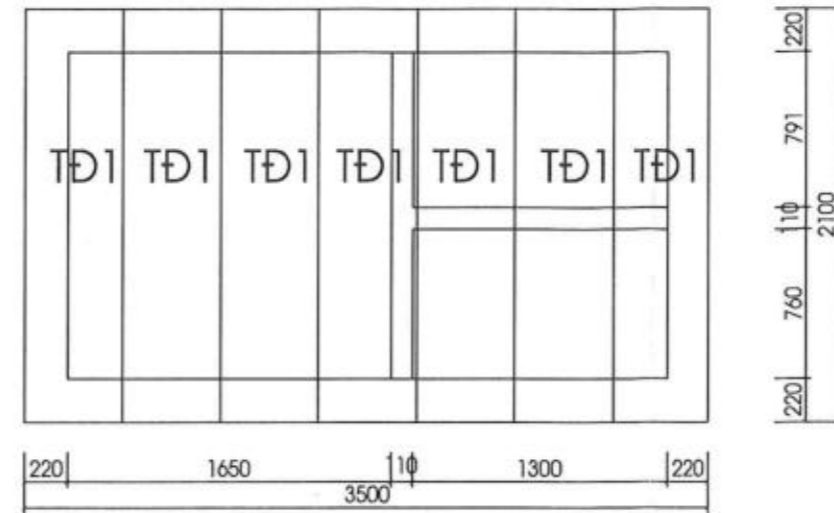


2-2

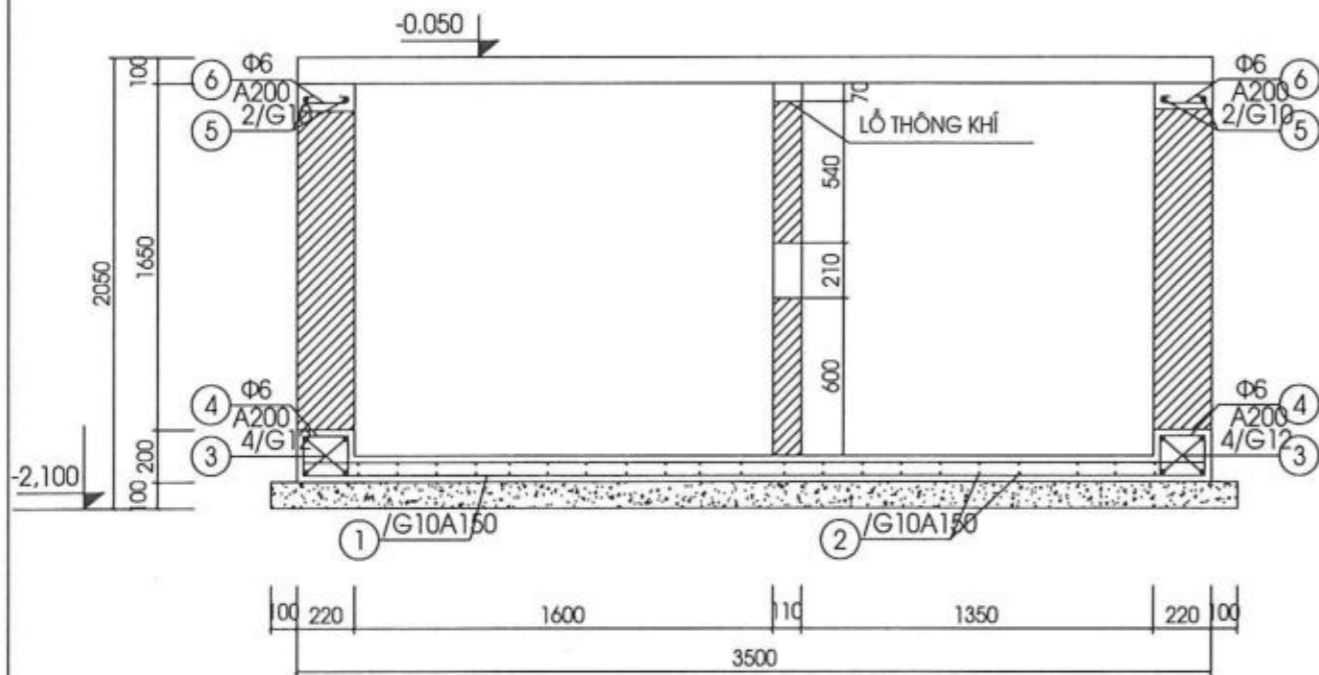
CÔNG TRÌNH: <b>BẢN VẼ THIẾT KẾ</b> BỂ CHỨA NƯỚC THẢI SAU BỂ TỰ HOẠI BA NGĂN	NGƯỜI LẬP DƯƠNG VĂN ĐĂNG	CHỦ CƠ SỞ 	<b>BẢN VẼ THIẾT KẾ</b>
	KIỂM TRA PHẠM HỮU PHONG		



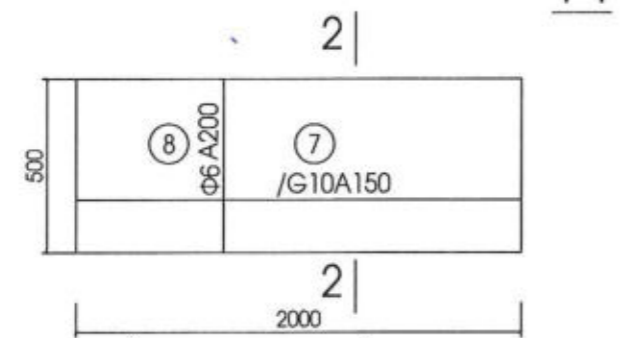
MẶT BẰNG BỂ PHỐT



MẶT BẰNG TẤM ĐAN BỂ PHỐT



1-1



2-2

MẶT BẰNG THÉP TẤM ĐAN (SL:7)

THỐNG KÊ THÉP

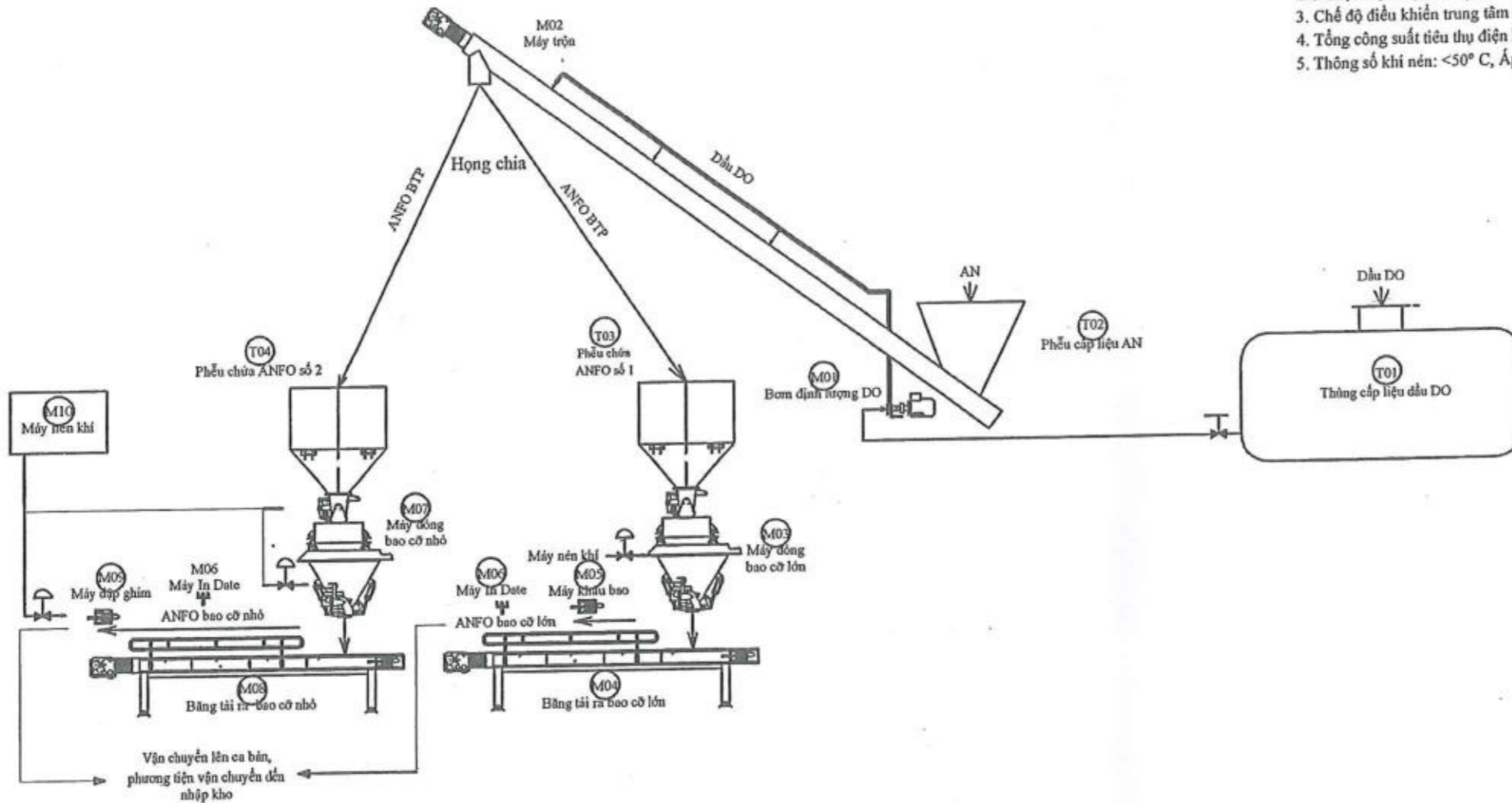
TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	Φ MM	CHIỀU DÀI 1 THANH MM	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI M	TỔNG K.LƯỢNG KG
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
BỂ PHỐT 1	1	3500	10	3500	14	28	98.0	60.4
	2	2100	10	2100	21	42	88.2	54.4
	3	11200	12	11200	4	4	44.8	39.8
	4	180 x 180 x 50	6	820	52	52	42.6	9.5
	5	11200	10	11200	2	2	22.4	13.8
	6	50 x 180 x 50	6	280	52	52	14.6	3.2
	7	2100	10	2100	5	35	73.5	45.3
	8	50 x 500 x 50	6	600	13	91	54.6	12.1
BỂ NƯỚC 1	1	3600	10	3600	12	36	129.6	79.9
	2	2600	10	2600	18	54	140.4	86.6
	3	12400	12	12400	4	4	49.6	44.0
	4	180 x 180 x 50	6	820	40	40	32.8	7.3
	5	12400	10	12400	2	2	24.8	15.3
	6	50 x 180 x 50	6	280	40	40	11.2	2.5

DỰ ÁN:  <h2 style="text-align: center;">BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN</h2>	Người thành lập	KT. ĐẶNG THỊ HUYỀN	<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b> 	<b>GIÁM ĐỐC</b> 	<b>BẢN VẼ HÀN CÔNG BỂ TỰ HOẠI</b>
	Người thành lập	KS. NGUYỄN THỊ HOA			
	Người thành lập	KT. DƯƠNG VĂN ĐĂNG			
	KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VIỆT TÙNG			
			KHỔ GIẤY A3	NGÀY	FILE : D \TA\ -- ./
					KCM:07

# LƯU TRÌNH CÔNG NGHỆ DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ TÍNH SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO BAO GÓI

## CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG:

- Công suất thiết kế 15.000kg/giờ
- Công nghệ sản xuất sản phẩm ANFO trên dây chuyền trộn hỗn hợp AN, DO được thực hiện theo phương pháp liên tục.
- Chế độ điều khiển trung tâm theo lập trình hoặc điều khiển trực tiếp.
- Tổng công suất tiêu thụ điện lớn nhất: 30 kW
- Thông số khí nén: <math>< 50^{\circ}C</math>, Áp lực: 5,0 - 7,0bar.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 2201... Quyển số: 01... SGT/BS

Ngày: 13-06-2023

CHỦ TỊCH UBND XÃ HỒNG THÁI TÂY

Hoàng Dũng Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2023  
K. T. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN  
Đ. Nguyễn Văn Linh - TP. Hà Nội  
ĐT: 04-38642778

QUY TRÌNH THIẾT KẾ:  
TỔ THIẾT KẾ THEO QUYẾT ĐỊNH  
SỐ 3564/QĐ-MICCO, NGÀY 28/12/2022  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN  
ĐC: Ngõ 1 - phố Phan Đình Giót - p. Phương Liệt  
q. Thanh Xuân - TP. HÀ NỘI  
WEBSITE: HTTP://MICCO.COM.VN  
ĐT: (+84)24 3864 2778

CÔNG TRÌNH:  
DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ TÍNH SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO BAO GÓI

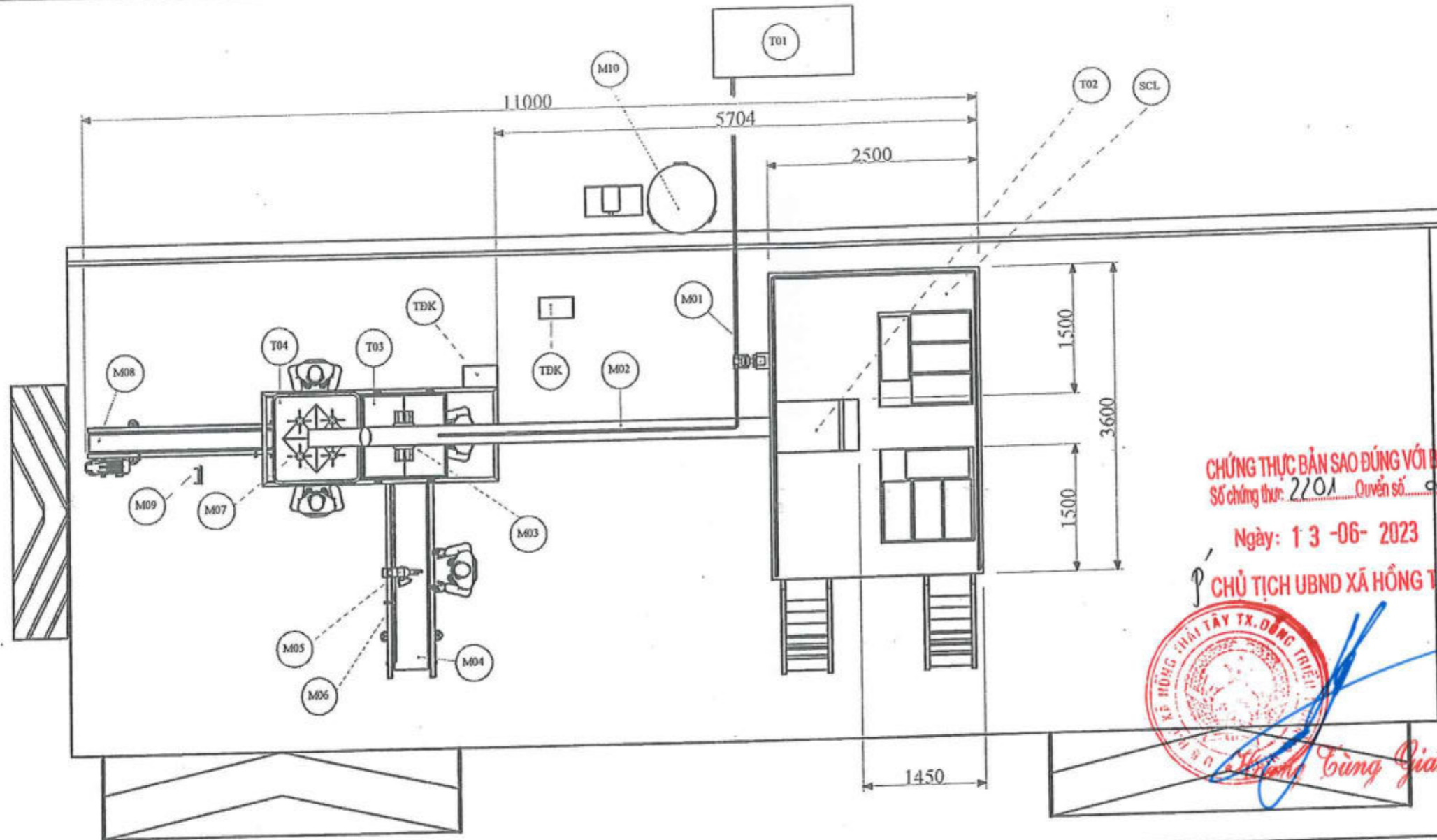
HẠNG MỤC:  
THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ:  
LƯU TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC NỔ ANFO BAO GÓI

STT	Ký hiệu	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật động cơ, đặc tính cơ bản
01	M01	Bơm định lượng dầu DO	1,5kW động cơ phòng nổ, có biến tần, loại bơm bánh răng
02	M02	Máy trộn	3,7 kW/3 phase/380V động cơ liên hợp số, loại phòng nổ, có biến tần
03	M03	Máy đóng bao cỡ lớn	Kiểu: Xi lanh + khí nén; Công suất đóng bao 25-40 kg/bao; 15Tấn/giờ;
04	M04	Băng tải ra bao cỡ lớn	1,5 kW/3 phase/380V động cơ liên hợp số, loại phòng nổ, có biến tần
05	M05	Máy khâu bao	1,5 kW/1 phase/220V
06	M06	Máy in date	Kiểu: IN PHUN; Công suất tính theo sản phẩm: 15 tấn/giờ
07	M07	Máy đóng bao cỡ nhỏ	Kiểu: Xi lanh + khí nén; Công suất đóng bao 1-20 kg/bao; 4Tấn/giờ;
08	M08	Băng tải ra bao cỡ nhỏ	1,5 kW/3 phase/380V động cơ liên hợp số, loại phòng nổ, có biến tần
09	M09	Máy kẹp đầu bao	Kiểu: Khí nén
10	M10	Máy nén khí	5,5kW/3 phase/380V. Pmax: 10,0Bar; P làm việc: 5-7bar,
11	T01	Thùng cấp liệu dầu DO	Dung tích 3,0m <sup>3</sup>
12	T02	Phễu cấp liệu AN	Dung tích 1,2m <sup>3</sup>
13	T03	Phễu chứa ANFO số 1	Dung tích 1,0m <sup>3</sup>
14	T04	Phễu chứa ANFO số 2	Dung tích 0,5m <sup>3</sup>

BỘ PHẦN	HỌ VÀ TÊN	KÝ XÁC NHẢY
THIẾT KẾ	H. T. T.	[Signature]
THỰC HIỆN VẼ	N. A. A.	[Signature]
KỸ THUẬT	P. D. T.	[Signature]
T. TR DUYỆT	H. D. T.	[Signature]
TỶ LỆ		
HOÀN THÀNH	12.1.2023	BẢN VẼ SỐ: 01





HIỆU CHỈNH			
LẦN	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM

PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ ĐỀ ÁN

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023  
 KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MÒ - VINACOMIN**  
 CHỦ ĐỀ ÁN:  
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MÒ - VINACOMIN**  
 Địa chỉ: Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội  
 SĐT: 04-38642778

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Số chứng thư: 2201 Quyển số: 01-SCTPS  
 Ngày: 13-06-2023  
**CHỦ TỊCH UBND XÃ HỒNG THÁI TÂY**

**KẾ HỒNG THÁI TÂY TX. ĐÔNG TRIỆU**  
*Nguyễn Hùng Cường*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:  
 TỔ THIẾT KẾ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3564/QĐ-MICCO, NGÀY 28/12/2022  
  
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MÒ - VINACOMIN**  
 ĐC: Ngõ 1- phố Phan Đình Giót - p. Phương Liệt q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội  
 WEBSITE: [HTTPS://MICCO.COM.VN](https://micco.com.vn)  
 ĐT: (84)24 3864 2778

BẢNG KÊ CHI TIẾT			
STT	SL	TÊN CHI TIẾT	GHI CHÚ
1	1	Bơm định lượng dầu DO	M01
2	1	Máy trộn	M02
3	1	Máy đóng bao cỡ lớn	M03
4	1	Băng tải ra bao cỡ lớn	M04
5	1	Máy khâu bao	M05
6	1	Máy in date	M07
7	1	Máy đóng bao cỡ nhỏ	M08
8	1	Băng tải ra bao cỡ nhỏ	M09
9	1	Máy kẹp đầu bao	M10
10	1	Nhà chứa máy nén khí	T01
11	1	Thùng cấp liệu dầu DO	T02
12	1	Phễu cấp liệu AN	T03
13	1	Phễu chứa ANFO số 1	T04
14	1	Phễu chứa ANFO số 2	TDK
15	1	Tủ điện	TKN
16	1	Tủ khí nén	SCL
17	1	Sàn thao tác cấp liệu AN	

CÔNG TRÌNH:  
 DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ TÍNH SẢN XUẤT THUỐC HỒ ANFO BAO GÓI  
  
 HẠNG MỤC:  
**THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ**

TÊN BẢN VẼ:  
 SƠ ĐỒ MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG NHÀ XƯỞNG

TÊN BỘ PHẬN	HỌ VÀ TÊN	KÝ XN
THIẾT KẾ	H.HT	<i>[Signature]</i>
THỂ HIỆN-VẼ	N.A.Đ	<i>[Signature]</i>
KỸ THUẬT	P.D.H	<i>[Signature]</i>
T.TRƯỞNG DUYỆT	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

HOÀN THÀNH: 12/6/2023      BẢN VẼ SỐ: 03